

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - UBND PHƯỜNG ĐIỆN BÀN

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
THAM VẤN GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY
GIÁ TRỊ DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM,
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐÀ NẴNG - 2026

MỤC LỤC

1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC1
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng
2. THỬ PHÁC HỌA VỀ QUY MÔ, KIẾN TRÚC, CHỨC NĂNG CỦA DINH TRẦN THANH CHIÊM QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LỊCH SỬ7
TS. Lưu Anh Rô
3. MÔ HÌNH DINH - PHỦ - HÀNH CUNG THỜI CHÚA NGUYỄN: GỢI MỞ VIỆC NHẬN DIỆN KIẾN TRÚC DINH TRẦN THANH CHIÊM.....19
TS. Trần Đình Hằng
4. DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ GÓC NHÌN TỪ KHÍA CẠNH KHẢO CỔ HỌC - LỊCH SỬ VÀ ĐỀ XUẤT KHẢ NĂNG TIẾP TỤC KHAI QUẬT, NGHIÊN CỨU BỔ SUNG31
ThS. Nguyễn Chí Trung
5. MÔ HÌNH QUẢN LÝ TÍCH HỢP TRONG BẢO TỒN DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM.....39
PGS. TS. Đặng Văn Bài
6. ĐÔI ĐIỀU VỀ XÂY DỰNG CÔNG VIÊN VĂN HÓA - LỊCH SỬ DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ CHỮ QUỐC NGŨ47
NSND. Huỳnh Hùng
7. TÁI HIỆN HÌNH ẢNH DI SẢN DINH TRẦN THANH CHIÊM DỰA TRÊN Ý TƯỞNG QUY HOẠCH CÔNG VIÊN VĂN HÓA LỊCH SỬ51
ThS. KTS. Đặng Khánh Ngọc; TS. Nguyễn Văn Tuyên
8. BƯỚC ĐẦU PHỤC DỰNG KIẾN TRÚC DINH TRẦN THANH CHIÊM.....61
Họa sĩ Nguyễn Thượng Hỷ
9. ĐNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHÔNG GIAN DI SẢN KÉP CÔNG VIÊN VĂN HÓA THANH CHIÊM GẮN VỚI TÔN VINH CHỮ QUỐC NGŨ.67
KTS. Dương Văn Việt
10. CÔNG VIÊN VĂN HOÁ - LỊCH SỬ DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ CHỮ QUỐC NGŨ: CÔNG VIÊN KÝ ỨC - NƠI VINH DANH CON NGƯỜI XỨ QUẢNG85
ThS.KTS Ngô Hải Tân
11. DINH TRẦN THANH CHIÊM: TỪ “KINH ĐÔ THỨ HAI” ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TRONG LÒNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG95
Đại tá. TS. Phạm Gặp; ThS. Sử Duy Bin

12. CÔNG TÁC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM - THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG..... 101
UBND phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng
13. ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ..... 105
ThS. Bùi Văn Tiếng
14. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG PHÒNG DỰNG KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN DINH TRẦN THANH CHIÊM: TỪ GIẢ THUYẾT KHẢO CỔ ĐẾN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ ẢO..... 109
TS.KTS. Đinh Nam Đức
15. ĐỊNH HƯỚNG LIÊN KẾT TUYẾN ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC THÙ GẮN VỚI DINH TRẦN THANH CHIÊM..... 123
TS. Ngô Thị Hương

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC
“Tham vấn giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích
Dinh trấn Thanh Chiêm, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng”

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo,

Kính thưa quý vị đại biểu, các nhà khoa học, chuyên gia và toàn thể Hội thảo!

Dinh trấn Thanh Chiêm từng giữ vai trò trung tâm hành chính – quân sự của xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn; nơi đây còn gắn với quá trình mở mang bờ cõi, giao lưu văn hóa và sự hình thành, phát triển chữ Quốc ngữ.

Tuy nhiên, trải qua biến thiên của lịch sử và tác động của thời gian, Dinh trấn Thanh Chiêm hiện nay không còn bảo lưu được hệ thống kiến trúc nguyên gốc, hiện trạng chủ yếu là phế tích và các dấu tích khảo cổ. Thực trạng này đặt ra những thách thức lớn trong công tác bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị, đòi hỏi cách tiếp cận thận trọng, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Do đó, vấn đề quan trọng hiện nay là xác định hướng tiếp cận phù hợp về quy hoạch không gian, mô hình kiến trúc và phương thức can thiệp di sản trong bối cảnh đô thị và phát triển đương đại bảo đảm vừa tôn trọng các giá trị lịch sử – văn hóa, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nhu cầu của cộng đồng.

Kính thưa quý vị đại biểu,

Trong những năm qua, giá trị của Dinh trấn Thanh Chiêm đã được giới nghiên cứu và các cơ quan quản lý quan tâm làm rõ thông qua nhiều hội thảo khoa học quan trọng tiêu biểu như:

- Tháng 9 năm 2002, Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Quảng Nam tổ chức Hội thảo “*Vai trò lịch sử Dinh trấn Quảng Nam*”;

- Tháng 8 năm 2016, UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức Hội thảo khoa học “*Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*”.

Đặc biệt, tại hội thảo năm 2016, Dinh trấn Thanh Chiêm được khẳng định là biểu tượng văn hóa của quá trình mở mang bờ cõi quốc gia – dân tộc, mang những dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các vấn đề về lịch sử của Dinh trấn được đề cập trên nhiều

khía cạnh: (1) Đàng Trong - Quảng Nam - Thanh Chiêm: Những vấn đề lịch sử; (2) Dinh trấn Thanh Chiêm và sự ra đời chữ Quốc ngữ; (3) Quá trình hoàn thiện, sử dụng và truyền bá chữ Quốc ngữ; (4) Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa dinh trấn Thanh Chiêm và di sản chữ Quốc ngữ; (5) Một số vấn đề về hải thương và các sử tích ở xứ Quảng thời Champa và thời chúa Nguyễn.

Sau khi Dinh trấn Thanh Chiêm được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh (năm 2008) và di tích quốc gia (năm 2017), tỉnh Quảng Nam và thị xã Điện Bàn trước đây đã có nhiều nỗ lực trong nghiên cứu, đề xuất các phương án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích. Tuy nhiên, đến nay một số vấn đề trọng yếu vẫn còn đặt ra, nhất là về mục tiêu bảo tồn, định hướng quy hoạch, phương án kiến trúc và mô hình phát huy giá trị, cần tiếp tục được làm rõ trên cơ sở khoa học và thực tiễn quản lý.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, Hội thảo khoa học ***“Tham vấn giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích Dinh trấn Thanh Chiêm”*** được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng phối hợp với UBND phường Điện Bàn tổ chức với các mục tiêu trọng tâm:

- Làm rõ cơ sở khoa học cho việc nhận diện quy mô, cấu trúc và kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm trong lịch sử;
- Thảo luận các phương án quy hoạch, bảo tồn, phục dựng kiến trúc và tổ chức không gian di tích trong điều kiện hiện trạng đã bị biến đổi;
- Gợi mở các mô hình bảo tồn và phát huy giá trị phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn di sản, phát triển đô thị và nhu cầu của cộng đồng.

Kính thưa Hội thảo,

Trên tinh thần đó, Hội thảo tập trung thảo luận theo 03 nhóm chủ đề chính.

1. Nhóm chủ đề 1: Phác thảo quy mô, kiến trúc, chức năng của Dinh trấn Thanh Chiêm trong lịch sử – Cơ sở khoa học cho việc tôn tạo

Tham luận *“Thử phác họa về quy mô, kiến trúc, chức năng của Dinh trấn Thanh Chiêm qua các tài liệu lịch sử”* của TS. Lưu Anh Rô tập trung khai thác các nguồn sử liệu nhằm bước đầu phác họa quy mô không gian và cấu trúc chức năng của Dinh trấn, qua đó đặt nền tảng khoa học cho công tác nghiên cứu, bảo tồn. Tác giả đề xuất hướng tiếp cận kết hợp giữa phục dựng kiến trúc, thờ tự và không gian trưng bày, nhằm hình thành một “không gian lịch sử sống”.

Tiếp cận từ góc nhìn rộng hơn về thiết chế quyền lực thời chúa Nguyễn, tham luận *“Mô hình dinh – phủ – hành cung thời chúa Nguyễn: gợi mở việc nhận diện kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm”* của TS. Trần Đình Hằng sử dụng phương pháp đối chiếu liên ngành giữa sử liệu, ghi chép của phương Tây và kết quả khảo cổ học, từ đó nhận diện “mã gene” chung của kiến trúc hành chính thời chúa Nguyễn, làm cơ sở suy luận về kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm. Tác giả đề xuất phỏng dựng sơ đồ mặt bằng và xây dựng sa bàn 3D dựa trên các mô hình dinh phủ tiêu biểu như Kim Long, Phú Xuân.

Dưới góc độ khảo cổ học, tham luận *“Dinh trấn Thanh Chiêm và góc nhìn từ khía cạnh khảo cổ học – đề xuất khả năng tiếp tục khai quật, nghiên cứu bổ sung”* của Th.S. Nguyễn Chí Trung, nguyên Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thế giới Hội An, cho rằng nên bảo tồn theo quan điểm “Bảo tàng sinh thái - nhân văn”. Tác giả đề xuất không nhất thiết phải khai quật quy mô lớn mà nên tập trung số hóa, sử dụng công nghệ thực tế ảo để tái tạo cảnh quan lịch sử.

2. Nhóm chủ đề 2: Công tác bảo tồn và phương án bảo tồn, phát huy Dinh trấn Thanh Chiêm

Tham luận *“Mô hình quản lý tích hợp trong bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm”* của PGS.TS Đặng Văn Bài đề xuất chuyển đổi tư duy bảo tồn từ “vật thể chết” sang “cơ thể sống”, trong đó di sản cần có giá trị sử dụng trong đời sống đương đại. Tác giả đưa ra mô hình “Công viên sinh thái - lịch sử Thanh Chiêm”, được thiết kế trên cơ sở tích hợp giữa 3 trụ cột: bảo tồn di sản, cảnh quan sinh thái và công nghiệp văn hóa, đồng thời đề xuất mô hình hợp tác công – tư và huy động nguồn lực xã hội.

Từ kinh nghiệm thực tiễn của một người làm công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, NSND. Huỳnh Văn Hùng - Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong tham luận *“Đôi điều về xây dựng công viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm và Chũr Quốc Ngữ”*. Tham luận đề xuất thay vì phục dựng nguyên trạng nên chuyển hướng thành công viên văn hóa - lịch sử kết hợp công viên công cộng, đồng thời kết nối Thanh Chiêm trở thành một mắt xích quan trọng trong “con đường di sản” miền Trung, giữa Hội An và Mỹ Sơn.

Tham luận *“Tái hiện hình ảnh di sản Dinh trấn Thanh Chiêm dựa trên ý tưởng quy hoạch công viên văn hóa lịch sử”* của ThS. KTS. Đặng Khánh Ngọc

và TS. Nguyễn Văn Tuyên đã phân tích hiện trạng Dinh trấn Thanh Chiêm trong bối cảnh hầu hết dấu tích vật thể không còn và đề xuất cách tiếp cận “di sản mở”, coi toàn bộ không gian lịch sử và các giá trị phi vật thể là đối tượng bảo tồn và phát huy. Trọng tâm là việc tái hiện hình ảnh di sản thông qua quy hoạch Công viên văn hóa lịch sử Thanh Chiêm, kết hợp bảo tồn dấu tích gốc, phỏng dựng chọn lọc và diễn giải bằng công nghệ hiện đại.

Tham luận “*Phục dựng kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm*” của họa sĩ Nguyễn Thượng Hỷ đề xuất phục dựng bước đầu một công trình kiến trúc tiêu biểu, được xem như đại bản doanh của Dinh trấn, theo phong cách nhà gỗ truyền thống xứ Quảng, kế thừa kỹ thuật dựng nhà của phường mộc Kim Bồng thế kỷ XIX, hướng tới chức năng trưng bày và bảo tàng ký ức.

Ở góc độ quy hoạch, tham luận “*Định hướng quy hoạch tổng thể không gian di sản kép công viên văn hóa Thanh Chiêm gắn với tôn vinh chữ Quốc ngữ*” của KTS. Dương Văn Việt, Công ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến Trúc – Xây dựng Sông Hoài, đề xuất tiếp cận Thanh Chiêm như một hệ sinh thái di sản tổng thể, gắn kết giữa bảo tồn, đô thị và văn hóa, trong đó nhấn mạnh giá trị đặc biệt của Thanh Chiêm đối với sự hình thành chữ Quốc ngữ.

Tham luận “*Công viên Ký ức – Nơi vinh danh con người xứ Quảng*” của ThS.KTS Ngô Hải Tân đề xuất hình thành Công viên Ký ức như một không gian văn hóa – lịch sử – giáo dục cộng đồng, được tổ chức như một hành trình nhận thức từ Lịch sử → Ngôn ngữ → Chữ viết → Tư duy → Văn hóa → Con người, với các không gian chủ đạo như “Con đường Ký ức”, “Hò Thiêng”, và không gian trưng bày kỹ thuật số.

Đồng quan điểm, Tham luận “*Dinh trấn Thanh Chiêm: Từ ‘Kinh đô thứ hai’ đến biểu tượng văn hóa trong lòng đô thị TP. Đà Nẵng*” của Đại tá. TS. Phạm Gặp và ThS. Sử Duy Bin tập trung phân tích những thách thức đặt ra đối với công tác bảo tồn di tích trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp theo mô hình “Hệ sinh thái di sản bền vững”, ưu tiên bảo tồn thích ứng, hạn chế phục dựng giả định, kết hợp tổ chức không gian công cộng, số hóa di sản và liên kết tuyến di sản khu vực.

Bên cạnh đó, tham luận “*Công tác quy hoạch, quản lý và phát huy giá trị di tích Dinh trấn Thanh Chiêm - thực tiễn và định hướng của địa phương*” của đại diện UBND phường Điện Bàn tập trung phản ánh thực tiễn và định hướng của địa phương trong công tác quy hoạch, quản lý và phát huy giá trị Dinh trấn

Thanh Chiêm. Địa phương xác định không phục dựng cảm tính mà hướng tới xây dựng một Công viên lịch sử - văn hóa, nơi tôn vinh chữ Quốc ngữ và kết nối Dinh trấn với hệ thống các làng nghề truyền thống như đúc đồng Phước Kiều, chiếu chẻ Triêm Tây, gỗ mỹ nghệ Đông Khương, gốm nung Lê Đức Hạ... để tạo thành chuỗi trải nghiệm văn hóa sống động.

3. Nhóm chủ đề 3: Định hướng kết nối, phát huy giá trị du lịch và giáo dục cộng đồng

Tham luận *“Định hướng bảo tồn và phát huy di tích Dinh trấn Thanh Chiêm trong quy hoạch phát triển đô thị”* của Th.S. Bùi Văn Tiêng đã khẳng định Dinh trấn Thanh Chiêm là di tích quốc gia đa giá trị, đặc biệt là vai trò trung tâm quyền lực gắn với các đời Trần thủ tài năng. Tác giả đề xuất di tích cần được quản lý chuyên nghiệp và gắn kết với công tác quản lý Di sản Văn hóa Thế giới Đô thị cổ Hội An.

Bổ sung cho nhóm chủ đề này, tham luận *“Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong phỏng dựng không gian kiến trúc và cảnh quan Dinh trấn Thanh Chiêm: từ giả thuyết khảo cổ đến trải nghiệm thực tế ảo”* của TS. Đinh Nam Đức bước đầu đề xuất một mô hình giả định trực quan về cấu trúc Hành cung và Hệ thống phòng thủ, đóng vai trò là khung sườn tham chiếu cho các nghiên cứu chuyên sâu. Qua đó, khẳng định tính khả thi của việc ứng dụng công nghệ số để “tái sinh” di sản, hướng tới xây dựng sản phẩm du lịch thực tế ảo tại địa phương.

Trong khi đó, tham luận *“Định hướng liên kết tuyến điểm và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với Dinh trấn Thanh Chiêm”* của TS. Ngô Thị Hương tập trung gợi mở định hướng liên kết tuyến điểm theo “mạch kể di sản” và phát triển sản phẩm theo hướng trải nghiệm, tương tác, giáo dục di sản, cộng đồng. Nghiên cứu còn gợi ý các gói tuyến theo thời lượng và một số sản phẩm du lịch đặc thù như tour kể chuyện theo kịch bản, điểm diễn giải/QR, hoạt động học tập, workshop thủ công, trải nghiệm ẩm thực, nông nghiệp và quà tặng ký ức.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Có thể thấy, các tham luận tham gia Hội thảo đã tiếp cận Dinh trấn Thanh Chiêm từ nhiều góc độ khác nhau: lịch sử, khảo cổ, kiến trúc, bảo tồn, quy hoạch, công nghệ và du lịch. Những tiếp cận đa chiều này không chỉ có giá trị khoa học mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần định hướng cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong thời gian tới. Trong đó, vấn đề định hướng mục

tiêu, quy hoạch kiến trúc cho một dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản của Dinh trấn Thanh Chiêm vẫn là điều cốt yếu nhất của Hội thảo hôm nay như tên gọi của nó. Ban Tổ chức mong muốn Hội thảo hôm nay sẽ là diễn đàn khoa học cởi mở, nơi các đại biểu cùng trao đổi, bổ sung và làm sâu sắc thêm các vấn đề đã được đặt ra, qua đó có định hướng cụ thể nhất về quy mô ranh giới dự án trên thực địa, các hợp phần chủ yếu của kiến trúc công trình, các yếu tố kiến trúc, công nghệ cũng như phương thức quản lý khai thác, ngõ hầu tiến tới xây dựng một báo cáo chủ trương đầu tư thật khả thi, làm cơ sở cho các bước triển khai dự án bảo tồn và phát huy di tích Dinh trấn Thanh Chiêm một cách bền vững.

Thay mặt Ban Tổ chức, xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và toàn thể quý vị đại biểu đã tham gia Hội thảo. Kính chúc quý vị sức khỏe và chúc Hội thảo thành công tốt đẹp./.

THỬ PHÁC HỌA VỀ QUY MÔ, KIẾN TRÚC, CHỨC NĂNG CỦA DINH TRẦN THANH CHIÊM QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LỊCH SỬ

TS. Lưu Anh Rô

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng

Trong tiến trình tổ chức và vận hành bộ máy cai trị của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đầu thế kỷ XVII, Dinh trấn Thanh Chiêm giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Không chỉ là trung tâm hành chính của một vùng đất trù phú bậc nhất xứ Quảng, Thanh Chiêm còn là đầu mối kinh tế, giao thương và phòng thủ chiến lược, gắn chặt với cảng thị Hội An và hệ thống phòng thủ ven biển miền Trung, đóng vai trò như một “bản lề” trong diễn trình Nam tiến của dân tộc. Trong cấu trúc không gian quyền lực của Đàng Trong, Thanh Chiêm vì thế không phải là một trị sở địa phương thông thường, mà là một dinh trấn lớn, có vai trò điều tiết và chi phối toàn bộ khu vực Quảng Nam, phía Nam Thuận Hóa.

Cho đến nay, dù được nhắc đến trong chính sử, địa chí và các ghi chép đương thời song diện mạo cụ thể của dinh trấn này lại chưa nghiên cứu một cách có hệ thống như: Quy mô không gian của dinh trấn (dài, rộng, phạm vi bao chiếm), cấu trúc kiến trúc nội tại (dinh trấn thủ, kho tàng, doanh trại...), cũng như chức năng vận hành thực tế của từng bộ phận trong tổng thể dinh trấn. Trên thực tế, các nhà nghiên cứu khi đề cập đến Dinh trấn Thanh Chiêm thường phải dựa vào những tư liệu gián tiếp như sử liệu triều Nguyễn, ghi chép của giáo sĩ phương Tây, các công trình địa lý lịch sử, cũng như phương pháp so sánh với mô hình các dinh trấn cùng thời trong hệ thống hành chính của chúa Nguyễn. Điều này dẫn đến sự khác biệt nhất định trong cách nhìn nhận và đánh giá, đặc biệt là khi bàn về qui mô và kiến trúc của Dinh trấn Thanh Chiêm. Sự hạn chế của các tư liệu trực tiếp như bản đồ, bình đồ kiến trúc hay ghi chép chi tiết về kết cấu xây dựng khiến việc nhận diện diện mạo vật chất của Dinh trấn Thanh Chiêm gặp nhiều khó khăn, buộc các nhà nghiên cứu phải dựa chủ yếu vào các cứ liệu gián tiếp và phương pháp so sánh.

Xuất phát từ thực trạng tư liệu trên, bài viết này không đặt mục tiêu tái dựng toàn diện kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm, mà chỉ dừng lại ở mức “thử phác họa”. Trên cơ sở tổng hợp và đối chiếu một số tư liệu lịch sử và nghiên cứu hiện có, bài viết tập trung làm rõ ba phương diện cơ bản: quy mô, kiến trúc và chức năng của Dinh trấn Thanh Chiêm, qua đó góp phần bước đầu xây dựng một khung nhận diện khoa học, làm nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu và cho công tác nhận diện, bảo tồn, phục dựng di tích lịch sử này trong tương lai.

1. Vị trí, quy mô và không gian của Dinh trấn Thanh Chiêm qua sử liệu

Dinh trấn Thanh Chiêm xét trong chính thể không gian quyền lực Đảng Trong đầu thế kỷ XVII, trước hết cần được đặt đúng vào vị trí hành chính, không gian lịch sử của nó, thay vì đồng nhất với “Dinh Quảng Nam” theo nghĩa hành chính hồi thế kỷ XIX. Ở giai đoạn “quốc sơ”, Dinh Quảng Nam là một đơn vị quân sự, quản lĩnh toàn bộ xứ Quảng Nam, bao trùm các phủ Điện Bàn, Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn. Trước khi Dinh Quảng Nam được xác lập (trước 1602), xứ này đã tồn tại các doanh quân tiền thân như Dinh Trấn Nam ở phủ Tư Nghĩa và Dinh Trấn Biên ở phủ Hoài Nhơn. Các sắc phong năm 1593, 1822, 1843 cho các võ tướng như Mai Đình Đống và Trần Ngọc Phân cho thấy một cấu trúc quân sự phân tán nhưng đã định hình, tạo tiền đề trực tiếp cho việc thiết lập một trung tâm chỉ huy thống nhất là Dinh Quảng Nam về sau. Trong cấu trúc đó, Dinh Chiêm - Thanh Chiêm giữ vai trò lý sở trọng yếu, theo tinh thần “Chúa ở Phú Xuân, Thế tử ở Quảng Nam”.

Khi bàn về lý sở Thanh Chiêm, Lê Quý Đôn chép rằng dinh này ở Cần Húc và “*Xã Cần Húc nay là xã Văn Đông*” (một làng nhỏ nằm phía Đông Bắc làng Thanh Chiêm - nơi có thành Thanh Chiêm (1807 - 1833). Theo TS. Huỳnh Công Bá (2002), Cần Húc chính là Cồn Úc (群郁), là một xứ đất nằm sát sông Thu Bồn, thuộc địa bàn xã Văn Đông về sau¹. Đến năm 1812, xã Văn Đông thuộc tổng An Nhơn Trung, huyện Diên Khánh, phủ Điện Bàn, dinh Quảng Nam. Địa bạ làng này cho biết: “Đông giáp xã Phú Chiêm, lập cọc gỗ làm giới; Tây giáp phường Xuân Mỹ, lấy đường lớn làm giới; Nam giáp xã Phú Chiêm (3 giáp Đông, Trung, Nam), lấy đường làm giới; Bắc giáp xã Phú Chiêm và phường Xuân Mỹ”². Xác định xứ Quảng là “là vị trí giữ vai trò then chốt, yết hầu của vùng Thuận - Quảng”, sau khi vượt núi đến khảo sát địa thế, chúa Nguyễn Hoàng quyết định dựng dinh trấn tại xã Cần Húc, cho xây dựng kho tàng, tích trữ lương thực và cử hoàng tử thứ sáu (Nguyễn Thúc Nguyễn) vào trấn giữ³. Từ đó, Dinh trấn Quảng Nam không chỉ mang ý nghĩa quân sự - phòng thủ, bảo vệ toàn vùng Thuận Quảng, mà còn giữ vai trò chiến lược về kinh tế, là đầu mối tổ chức sản xuất, lưu thông và ngoại thương. Chính từ vị trí trọng yếu này, chính quyền chúa Nguyễn từng bước củng cố quyền lực, phát triển kinh tế và mở rộng lãnh thổ về phía nam, đặt nền móng cho tiến trình Nam tiến trong các thế kỷ sau.

¹ Huỳnh Công Bá (2002), “Khảo cứu về danh xưng Cần Húc”, *Thông báo Hán Nôm học 2002*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.35-45.

² Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: “Dinh Quảng Nam I”*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr.160.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tập 1, tr. 35.

Bản đồ Giáp Ngọ niên bình Nam đồ (1774) cho phép phác họa tương đối ranh giới không gian của Dinh Chiêm: phía nam là sông Chợ Củi, phía tây là sông Bình Long, phía đông là đầm Thanh Hà và kho Hội An, phía bắc là ruộng sâu và các dòng sông lấp. Từ đó có thể xác định một cách thuyết phục rằng Dinh Chiêm nằm ở bờ bắc sông Chợ Củi (nay là sông Thu Bồn), khác biệt rõ với các doanh quân và công sở lớn bố trí ở bờ nam. Điều này được củng cố bởi bản đồ trong khảo cứu của G. Dumoutier (1896) (*Étude sur un portulan Annamite du XVe siècle*⁴ của G. Dumoutier)⁴, tờ số XVIII cho thấy hai bờ con sông lớn chảy về Đại Chiêm môn, tại thượng lưu tuyến đường Thiên lý cắt qua, phía bờ bắc có nhiều Đồn binh (屯兵 - Đồn lính) cùng ký hiệu thành lũy kéo dài, đó có lẽ là trung tâm thủ phủ của Quảng Nam; bờ nam có Tượng tàu (象槽 chuồng voi) và Túc kho (粟庫 kho thóc)... Theo bản đồ *Carte des Deltas de l'Annam - Flle No 40 - Faifoo* năm 1909, tỷ lệ 1/25.000 cho biết cồn đất ngày nay nằm giữa cầu Cầu Lâu và sông Chợ Củi, thuộc làng Phú Triêm và mang tên *Trung Doanh*. Các địa danh vừa nêu giúp hình dung về các doanh quân hay cơ quan lớn được đặt bờ nam sông Chợ Củi ở giai đoạn này, khác với Dinh Chiêm nằm ở bờ bắc.

Chính sử triều Nguyễn cho biết rõ tiến trình dịch chuyển ly sở: “Quốc triều ban đầu dựng Trấn dinh ở xã Thanh Chiêm... sau nhân biến loạn phải bỏ... năm Gia Long thứ hai (1803) dời qua cựu ly ở xã Thanh Chiêm, đắp thành đất”⁵, trước khi chuyển hẳn sang La Qua năm 1833. Một chi tiết quan trọng khác cho thấy hành dinh ban đầu ở Cần Húc phải dời đi do sạt lở bờ sông, khiến Thanh Chiêm trở thành ly sở chính thức trước năm 1617. Không gian này vì thế không chỉ là một điểm đóng quân, mà là trục nối liền miền núi - đồng bằng - cảng thị - biển Đông, nằm trên đường thiên lý Bắc - Nam (mốc khoảng km 952), phía nam và đông có sông Chợ Củi bao bọc, phía tây bắc tiếp giáp các nhánh sông nội địa. Như nhận xét sắc sảo của Phạm Đình Khiêm, đây là một vị trí “không quá thế thủ, không chênh vênh ven biển”, mà là một lựa chọn chiến lược tối ưu, đủ để kiểm soát quân sự, điều phối kinh tế và bảo đảm sự bền vững lâu dài của Dinh trấn Thanh Chiêm trong lịch sử Đàng Trong.

Dinh trấn Thanh Chiêm rộng hơn Tỉnh thành Quảng Nam sau này và có sự sai biệt về vị trí, Quốc sử quán triều Nguyễn cho rằng: “Tỉnh thành Quảng Nam ở xã La Qua huyện Diên Phước: chu vi 489 trượng, cao 1 trượng 1 thước, có 4 cửa; hào rộng 4 trượng 5 thước, sâu hơn 7 thước. Quốc triều ban đầu dựng Trấn dinh ở xã Thanh Chiêm huyện Diên Phước, sau nhân biến loạn phải bỏ. Đến khi

⁴ G. Dumoutier (1896), “Étude sur un portulan Annamite du XVe siècle”, *Bulletin de géographie historique et descriptive*, Année 1896, No1, Paris, Imprimerie Nationale, tr.141-175.

⁵ Đại Nam nhất thống chí, Tu trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn Hóa - Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Quyển 5, tr.16.

trung hưng (triều Nguyễn), thu phục Quảng Nam, tạm đặt ở phố Hội An, năm Gia Long thứ hai (1803) dời qua cự ly ở xã Thanh Chiêm, đắp thành đất. Năm Minh Mạng 14 (1833) dời qua chỗ này (La Qua), sang năm 16 (1835) mới xây gạch”⁶. Sau khi đặt hành dinh ở Càn Húc không bao lâu, do nằm gần bờ sông, vào mùa mưa bão đất bị sụt lở nên Hoàng tử Nguyễn Phúc Nguyên phải dời ly sở lùì vào xã Thanh Chiêm cạnh Càn Húc.

Dinh trấn Thanh Chiêm nối liền miền núi và biển Đông theo hướng tây - đông, nằm trên trục giao thông quan trọng nhất là đường thiên lý Bắc - Nam, rất thuận lợi về giao thông, vận tải đường thủy cũng như đường bộ. Phía nam và phía đông của Dinh trấn Thanh Chiêm, có sông Chợ Củi bao bọc, nối liền với cảng thị Hội An, thông ra Biển Đông. Phía tây bắc tiếp giáp với một nhánh của sông Điện Bình (nay chỉ còn lại các đoạn bầu sen gọi là Bầu Ấu). Về đường bộ, Thanh Chiêm cũng nối với Hội An bằng hương lộ liên xã từ ngã ba chợ Tổng đến Hội An dài khoảng 9 km và thông với đường thiên lý Bắc - Nam đi qua Vĩnh Điện (Điện Bàn) chạy tới trạm Nam Giản (Miếu Bông) ở phía bắc để đi ra Hải Vân và với trạm Nam Phước (nay là thị trấn Nam Phước) ở phía nam để đi vào Quảng Ngãi.

Về vị trí Dinh Chiêm, liên hệ với các dinh, phủ trung tâm của chúa Nguyễn từ Trà Liên, Ái Tử, Trà Bát (Quảng Trị), Kim Long (Phú Xuân) đến dinh trấn Thanh Chiêm (Quảng Nam) cho thấy những tương đồng rất rõ rệt về lựa chọn vị trí, cấu trúc không gian và chức năng vận hành, phản ánh tư duy chiến lược nhất quán của chính quyền Đàng Trong trong thế kỷ XVII - XVIII. Trước hết, về vị trí địa lý, tất cả các dinh này đều được đặt ở khu vực “cận giang, cận lộ, cận hải” (Ái Tử và Trà Bát đều “ở gần sông lớn, thông với cửa biển, đường thủy bộ đều tiện” (Lê Quý Đôn); phủ Kim Long “ở ven sông Hương, đất rộng, bằng phẳng, trước thông thủy lộ, sau tựa núi” (*Đại Nam nhất thống chí*); Thanh Chiêm nằm bên sông Thu Bồn, không xa cửa Đại Chiêm, đủ gần để kiểm soát giao thương nhưng tránh nguy cơ bị tập kích trực tiếp từ biển, một thế “tiến khả dĩ, thoái khả thủ” tương đồng với các dinh ở Quảng Trị và Phú Xuân cùng thời.

Thượng thư Lê Quang Định, người được vua Gia Long cử biên soạn bộ Hoàng Việt Nhất Thống Dư Địa chí dâng lên vua năm 1806 đã ghi chép về Dinh Quảng Nam: “Phía đông là biển lớn, phía tây là dãy núi cao, phía nam giáp với Quảng Ngãi ở Trì Bình, phía bắc giáp với Quảng Đức ở Vân Quan, là vùng núi non hiểm trở, cồn đảo bao quanh, đồng bằng rộng thoáng, xe thuyền quần tụ. Ly sở đóng trên đất xã Thanh Chiêm huyện Diên Khánh thuộc phủ Điện Bàn. Từ

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, (Tu trai Nguyễn Tạo dịch), Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Quyển 5, tr.16.

đây đến kinh đô theo hướng Bắc là 59.057 tầm 2 thước thành ra hơn 273 dặm”⁷. với vị trí đó, “Dinh trấn Thanh Chiêm không quá thể thủ bằng cách tựa lưng vào núi non như quan niệm Chiêm Thành, cũng không chênh vênh ngoài bãi biển để hứng lấy những cuộc tấn công của bọn giặc hồ quốc tế, thành cổ Quảng Nam quả thực đã chiếm cứ một vị trí lý tưởng, mà chiến lược gia ngày nay, khi đặt mình vào bối cảnh lịch sử xứ Nam hồi ấy, chắc còn phải lấy làm cảm phục”⁸.

Trước hết, bản đồ do Alexandre de Rhodes cho in tại La Mã năm 1653, được vẽ trong giai đoạn ông hoạt động tại Việt Nam 1625 - 1645, đã ghi rõ DINH CIAM, tức Dinh trấn Thanh Chiêm, chứng tỏ trị sở này đã phải có ít nhất trước năm 1645, có thể chỉ sau thời điểm 1602 vài năm. Đối chiếu chính sử, cả đời Chúa Sãi (1613 - 1635) lẫn Chúa Thượng (1635 - 1648) đều không thấy ghi việc xây thành mới ở Quảng Nam, do đó “Dinh Trấn Thanh Chiêm phải có từ đời Tiên Vương Nguyễn Hoàng (1600 - 1613)”⁹, phù hợp với chủ trương tổ chức dinh trấn sớm để kiểm soát vùng đất chiến lược phía nam.

Không gian của Dinh trấn Thanh Chiêm được nhận diện không phải bằng chu vi thành lũy cụ thể, mà thông qua hệ thống dinh thự của Trấn thủ, công quán, kho tàng, doanh trại, bến thuyền, khu dân cư quan binh và các trục giao thông thủy - bộ, nó có thể là một vùng cư dân kiểu “bán đô thị”. Các mô tả sớm của thương nhân Hà Lan năm 1602 về Tachem (Kẻ Chiêm) cho thấy đây là “một thành phố”, nơi mà “Ngày một tháng này, giữa thanh thiên bạch nhật, hai nơi bên trong Tachem bị cháy rất lớn, thiêu rụi hơn 200 căn nhà”¹⁰, con số đủ để suy đoán một không gian đô thị - hành chính rộng lớn, vượt xa quy mô một trị sở một tỉnh đường thông thường. Cần lưu ý rằng, cảng thị Chợ Củi lúc bấy giờ có thể neo đậu nhiều tàu trọng tải lớn, William Dampier khi đi qua Đàng Trong năm 1688 đã mô tả thủ phủ Quinam: “Trên đất liền, có một dòng sông lớn có thể đi lại vào biển. Thành phố Quinam nằm bên bờ của con sông này, và được cho là thủ đô của vương quốc Đàng Trong. Về khoảng cách từ biển, kích thước, sức mạnh, giàu có và các yếu tố khác, tôi vẫn chưa biết”¹¹. Một tác giả khác chép rõ hơn: “Thành phố Cachan, nằm ở đất liền cách biển 2 dặm lớn, nơi một con sông chảy qua, mà có thể chở được những con tàu có trọng tải 400 tấn; rất gần đó có

⁷ Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2002, tr. 218.

⁸ Phạm Đình Khiêm, “Hai thành cổ Quảng Nam, Phú Yên”, Việt Nam khảo cổ tập san, số 1, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn - 1959, tr.92.

⁹ Phạm Đình Khiêm (1959), “Hai thành cổ Quảng Nam, Phú Yên”, Việt Nam khảo cổ tập san, số 1, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tr.81.

¹⁰ JHR. H.A. Van Foreest và A. De Booy (1981), *De Vierde Schipvaart der Nederlanders naar Oost-Indie onder Jacob Wikens en Jacob van Neck (1599–1604), Deel II*, 's-Gravenhage, Martinus Nijhoff, tr.63.

¹¹ Captain William Dampier (1699), *Voyages and Descriptions, Vol. II*, London Printed for James Knaptos, at the Crown in St Pauls Church-yard, tr.7.

một chiến thuyền mà người Hoa chiếm được sau khi ám sát Perez Gomez das Marinas - thống đốc Philippines”¹².

Quy mô ấy còn được củng cố bởi hệ thống kiến trúc - chức năng bên trong: Dinh trấn là nơi quan Trấn thủ sống và làm việc, có Thành Vệ, Mô sùng đặt thần công hướng ra biển và sông, Tàu tượng nuôi voi chiến, Kho Muối và kho lương - tiền, Tịch điền ở phía Đông, Nhà lao, Vọng khuyết, Văn miếu ở phía Tây, Gò Xử cách dinh “chùng nửa dặm, chùng 200 bước, tức là khoảng 1 km”, cùng Chợ Cùi ở phía Tây Nam. Mạng lưới công trình này tạo nên một không gian liên hoàn, phân khu rõ rệt, cho thấy Dinh trấn Thanh Chiêm là một trung tâm hành chính - quân sự cấp vùng, chứ không phải một thành lũy đơn lẻ.

2. Kiến trúc và vai trò của Dinh trấn Thanh Chiêm qua một số sử liệu

2.1. Về những kiến trúc liên quan

Về kiến trúc và hạ tầng nội tại, các dinh, phủ của chúa Nguyễn đều có cấu trúc chức năng tương đồng: dinh ở của trấn thủ hoặc chúa (phủ chúa), hệ thống kho lương, doanh trại binh lính, kho vũ khí và công quán để tiếp đãi sứ thần, thương nhân, giáo sĩ, mô thức này hoàn toàn phù hợp với bố trí các kiến trúc bên trong của Thanh Chiêm.

Khu trung tâm của Dinh trấn Thanh Chiêm hiện lên trong sử liệu như hạt nhân quyền lực quân sự, hành chính, chính trị của toàn xứ Quảng Nam dưới thời chúa Nguyễn. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, trung tâm của Dinh trấn là nơi đặt trấn thủ, cai bạ và ký lục, trực tiếp điều hành ba phủ lớn Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhân. Khu trung tâm chính là dinh trấn thủ, dinh thế tử, bởi Quảng Nam được xác định là địa bàn để các hoàng tử nhà Nguyễn “trấn trị để tập chính sự”, đó là lý do Alexandre de Rhodes khi mô tả Cacciam (Kẻ Chiêm) là “tỉnh thứ hai, nơi Hoàng tử làm Trấn thủ”, tức một trung tâm quyền lực cấp vùng, chỉ đứng sau phủ Chúa tại Phú Xuân. Ghi chép của các giáo sĩ phương Tây cho thấy dinh này nằm trong khu tường cọc gỗ, tre dày, có chướng ngại chống kỵ binh, với nhiều dãy nhà khác nhau với các phân khu dành cho binh lính và thường dân. Nhà quan Trấn thủ “Giống như nhiều ngôi nhà khác mà tôi thấy, nằm trong một khu tường bao được hình thành bằng cách đóng những chiếc cọc chắc chắn xuống đất, xen lẫn với những bụi tre mọc. Xung quanh và gần hơn là những cây tre nhọn ngắn được cắm xiên xuống đất, như thế được thiết kế để ngăn chặn kỵ binh, có một số ngựa gỗ [chevaux de frize] nằm rải rác. Ngôi nhà rộng rãi, một phần bằng gạch, một phần bằng tranh và tre. Ông ta được phục vụ tận tụy như chủ nhân Iguaac của mình. Một số cận vệ ăn mặc đẹp và lăm lăm kiếm trong

¹² Gabriel Quiroga de San Antonio (1604), *A Brief and Truthful Relation of Events in the Kingdom of Cambodia*, 1998, White Lotus.

tay, chuôi và bao kiếm được trang trí bằng những tấm vàng dát mỏng”¹³. Nơi làm việc của Trấn thủ Quảng Nam “Thống đốc tỉnh (tức Trấn thủ Quảng Nam) không cư trú tại Huế (Huế), ông ta đặt nơi ở của mình cách đó một dặm và ngược dòng sông, tại một khu dân cư được gọi là Kietta (Kẻ Thét). Ông ta rời xa thủ phủ của tỉnh để không cản trở việc buôn bán. Có hai nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Huế - Háne, và một nhà thờ khác ở Co - noue (Cồn Úc), đối diện Kietta, trên bờ trái của dòng sông. Khu dân cư này khá đáng kể, nó chứa đầy những thợ nhuộm”¹⁴. “Người ta dùng binh lính để sửa chữa lại các con đường lớn và xây dựng lại các ngôi nhà của chúa và các tướng sĩ của họ; ngoài ra còn có một phần ba canh gác suốt đêm tại các hành lang của thủ phủ; họ được chia ra từng toán gác từ khu này sang khu khác, và mỗi toán lính gác có một cái chuông tiếng khác nhau và theo hiệu lệnh ban ra mỗi canh từ trong cùng của thủ phủ, từng canh đều rầm rập, các chuông bắt đầu từ cái nhỏ nhất và cuối cùng là cái lớn nhất, đánh số tiếng chuông theo các khắc đã trôi qua...”¹⁵. Hai bên bờ sông của khu vực dinh trấn “những ghe thuyền công tư” thường xuyên đi lại, mà Trà Nhiêu “nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc”¹⁶ và phố Khách (trước khi người Hoa tràn sang phố Nhật ở bờ Bắc sông Cái), “Chính đây là nơi các thế tử “thực tập” cho việc làm chúa về sau”¹⁷.

Cần lưu ý rằng, cùng thời điểm thì các kiến trúc và các sinh hoạt của thủ phủ Kim Long tại Huế cũng rất đơn giản “điện đài không đồ sộ, vì họ chỉ xây cất bằng gỗ, tuy nhiên cũng rất tiện lợi và rất đẹp, vì có cột chạm trở tinh vi”¹⁸. Bên ngoài thì có vòng thành lũy bao bọc, “bên trong được phân chia làm nhiều khu với nhiều phủ đệ dinh thự của các thân vương, quan lại”¹⁹. Tổng hợp các nguồn sử liệu cho thấy bên trong Dinh trấn Thanh Chiêm còn có: **Thành Vệ**, **Mô súng** (khu đất cao ở phía Đông của Dinh trấn, có đặt các khẩu súng thần công hướng ra biển và sông Chợ Cui để bảo vệ Dinh trấn), **Tàu tượng** là các chuông nuôi voi chiến, **Kho Muối** (tích trữ muối, lương thực, tiền đồng để dự trữ) **Tịch điền** nằm ở phía đông Dinh trấn (nơi hàng năm quan Trấn thủ đến làm

¹³ Mr. Chapman (1778), “Narrative of a voyage to Cochinchina in 1778”, *The Asiatic journal and monthly register for British India and its dependencies: containing, Vol. IV- From July to December 1817*, Printed for Black, Kingsbury, Parbury, & Allen, 1817, tr.16.

¹⁴ De la Baume (1739), “VI. Lettre. Ketha 7, Juin 1739”, *Lettres edifiantes et curieuses sur la visite apostolique de*

M. de la Baume, évêque d'Halicarnasse, a la Cochinchine en l'année 1740, Avenise - Chez les Frères BARZOTTI à la Place S. Marc, tr.59.

¹⁵ Bút ký của Bénigne Vachet về Đàng Trong, lưu giữ tại Kho lưu trữ trường Dòng của Hội Thừa sai Paris, cuốn 729, sđd, tr.24-25.

¹⁶ Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, (Vương Bột dịch), Viện Đại học Huế, tr.154.

¹⁷ Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, (Vương Bột dịch), Viện Đại học Huế, tr.54.

¹⁸ Alexandre de Rhodes (1994), *Hành trình truyền giáo*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên chuyên ngữ, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr.48.

¹⁹ Bút ký của Bénigne Vachet về Đàng Trong, lưu giữ tại Kho lưu trữ trường Dòng của Hội Thừa sai Paris, cuốn 729, sđd, tr.23-24.

lễ cày ruộng), **Nhà lao** (nơi giam giữ tù nhân), **Vọng khuyết** nằm ở phía đông của Dinh trấn (lầu vọng có trống, chiêng để các quan ở Quảng Nam dinh châu vọng về kinh đô Huế trong những ngày giỗ kỵ vua chúa nhà Nguyễn hoặc những ngày khánh tiết), **Văn miếu** (thờ đức Khổng Tử nằm ở phía Tây của Dinh trấn), **Gò Xứ** (là pháp trường xử các phạm nhân bị tử hình)²⁰, **Chợ Củi** nằm ở phía tây nam Dinh trấn...

Khu vực dân sự có cả nhà thờ Công giáo: “Thống đốc tỉnh ở cách đó 1 dặm, một nơi gọi là Kéta (Kẻ Thê) cũng nằm dọc theo cùng con sông. Nơi đó còn có một nhà thờ của các thừa sai Pháp”²¹. Trên thực tế, giai đoạn này tồn tại 2 nhà thờ nằm ở hai bên sông tại Kẻ Thê và Cồn Úc (Cần Húc). Có vẻ sự quan trọng của họ đạo Kẻ Thá, nơi Giám mục De la Baume thường trú trên địa bàn Quảng Nam khi vào Đàng Trong để điều tra các sự vụ truyền giáo: “Những người theo đạo Thiên Chúa ở Con-uc, đầy kính trọng và tôn kính ông, đã không quên viết cho ông tất cả những gì ông Visiteur đã làm ở Cham, ở Fayfo và ở Kethà”²². Từ đây, các thừa sai tiếp tục di chuyển về Faifo (Hội An) để giúp đỡ các Cơ đốc nhân Nhật Bản²³.

2.2. Về vai trò của Dinh trấn Thanh Chiêm

- *Nơi đào tạo các Thế tử*: Tại vùng Thuận Quảng Nam và nhất là Dinh trấn Quảng Nam, “Nguyễn Hoàng vỗ trị mấy chục năm, chính lệnh khoan hòa, thường ban ân huệ, dùng phép công bằng, chấn chỉnh, khuyên răn tướng sĩ bản bộ. Cấm chỉ, trừ bỏ bọn hung ác, dân hai trấn đều cảm mến nhân đức, thay đổi phong tục. Chợ búa không nói thách, dân chúng không làm giặc, công ngoài không phải đóng. Thuyền buôn nước ngoài thường tới trao đổi phải giá, quân lệnh nghiêm cần, người người gắng sức. Do vậy mà họ Mạc không dám dòm ngó, trong cõi được an cư lạc nghiệp”²⁴, đây chính là cơ sở thực tiễn, là nơi “thực chiến” để Nguyễn Hoàng tiếp tục đào tạo các Thế tử nối nghiệp sau này. Vai trò của Trấn thủ Quảng Nam rất lớn, trong cuốn Đông Tây Dương khảo, biên soạn tại Trung Hoa vào thế kỷ XVII có chép rằng: “Viên trấn thủ Quảng Nam đứng đầu hết các tiêu địa hạt trong vùng, quyền thế còn mạnh hơn cả Đàng

²⁰ Theo Alexandre de Rhodes, Gò Xứ cách Dinh trấn chừng nửa dặm, chừng 200 bước, tức là khoảng 1km (Linh mục Anrê Phú Yên đã bị hành hình ngày 26 tháng 7 năm 1644),

²¹ Pierre Poivre (1744), “Mémoire sur la Cochinchine”, *Revue de l'Extreme-Orient, Deuxième année - 1883, Tome deuxième*, Librairie de la Société Asiatique, 1884, tr.334, 335.

²² De la Baume (1739), “VI. Lettre. Ketha 7, Juin 1739”, *Lettres edifiantes et curieuses sur la visite apostolique de*

M. de la Baume, évêque d'Halicarnasse, a la Cochinchine en l'année 1740, Avenise - Chez les Frères BARZOTTI à la Place S. Marc, tr.59.

²³ Christofle Borri (1631), *Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au royaume de la Cochinchine*, De l'Imprimerie de Pierre de Rache, à la Bible d'Or, tr.117.

²⁴ Thạch Phương, Nguyễn Đình An (Chủ biên) (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 31.

Ngoài. Tân Châu (Quy Nhơn) và Đê Gi (hải cảng Đê Gi, tỉnh Phú Yên) đều phải triều cống cho Quảng Nam. Tàu thuyền đến Tân Châu (Xin-chou) và Đê Gi (Ti-yi) để buôn bán đều phải mất nhiều ngày đến Quảng Nam nộp thuế tại đây. Trấn thủ Quảng Nam cũng ban thẻ gỗ cho các thương gia. Trước tấm thẻ gỗ này, người ta luôn phải cúi chào rồi mới được đi, không ai dám gây ra một tiếng động. Danh tiếng của Quảng Nam quả thực gây ấn tượng mạnh”²⁵.

Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là một trung tâm quân sự, hành chính trọng yếu vùng Thuận Quảng về quân sự, kinh tế, văn hóa mà còn là nơi đào tạo các Thế tử để họ trở thành chúa Nguyễn sau này, trường hợp sớm nhất là Nguyễn Phúc Nguyên “Hoàng tử thứ Sáu”²⁶ được giao quản lĩnh toàn bộ dinh trấn, cho thấy Thanh Chiêm đã được sử dụng như nơi rèn luyện năng lực cầm quyền, từ tổ chức quân sự, quản lý kinh tế và đối ngoại. Từ kinh nghiệm này, Nguyễn Phúc Nguyên sau đó trở thành chúa Sãi, người củng cố nền tảng chính trị của Đàng Trong một cách vững mạnh sau này. Tiếp đó, Nguyễn Phúc Kỳ (con trưởng của chúa Sãi) được giao trấn thủ Quảng Nam, đóng dinh tại Thanh Chiêm ông có cái nhìn thân thiện với Thiên Chúa Giáo, mở đường giao thương, học tập khoa học kỹ thuật phương Tây²⁷; Đến thế hệ kế tiếp, Nguyễn Phúc Lan (con của Nguyễn Phúc Kỳ) ông cũng là người trưởng thành từ môi trường chính trị tại Thanh Chiêm²⁸.

- *Về kinh tế*: Dinh trấn Quảng Nam nằm giữa vùng đất “phì nhiêu nhất thiên hạ”, giữ vai trò trọng yếu về kinh tế của chúa Nguyễn buổi ban đầu trấn trị vùng Thuận Quảng, điều được Lê Quý Đôn chép rõ khi bàn về các kho tàng chứa thóc gạo, tiền của chúa: Thuận Hóa có 7 kho, Quảng Nam có 12 kho: “Thuận Hóa không có nhiều của cải, đều lấy ở Quảng Nam, vì xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ. Người Thăng Hoa, Điện Bàn biết dệt vải lụa, vóc, đoạn, lĩnh, là; hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông; ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp; trầm hương, tốc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bông, sáp, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu, cá muối, gỗ lạt đều sản xuất ở đây”²⁹. Nguồn hàng tại đây phản ánh sự phát triển về ngoại thương và nội thương thời chúa Nguyễn: “Từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không mua kịp được. Phàm hóa vật sản xuất ở các phủ

²⁵ *Đông Tây Dương khảo*, Trung Hoa thực lục, Bắc Kinh, 1981, tr.20.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.35.

²⁷ Alexandre de Rhodes, *Hành Trình và Truyền Giáo*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên chuyển ngữ, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1994. tr.58-59.

²⁸ Alexandre de Rhodes (1994), *Hành Trình và Truyền Giáo*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên chuyển ngữ, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1994. tr.58-59.

²⁹ Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Bản dịch của Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghi, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tr.92.

Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy đường bộ, đi thuyền đi ngựa, đều hội tập ở phố Hội An, vì thế người Khách phương Bắc đều đến tụ tập ở đây để mua về nước. Trước đây hàng hóa nhiều lắm, dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được”³⁰. Theo ghi chép của Cristoforo Borri: “Chúa Nguyễn từng cấp cho họ ba bốn dặm đất tốt ở xứ Đà Nẵng để họ xây cất một thành phố với mọi sự tiện lợi như cách người Nhật và người Hoa đã thay mặt chúa Nguyễn ở Quảng Nam Dinh” và “ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc”³¹.

Chính sách đó được tiếp tục dưới thời Hoàng tử Kỳ trấn thủ Quảng Nam, ông chủ trương đẩy mạnh quan hệ ngoại thương với các nước, xem đây là vấn đề sống còn của xứ Đàng Trong. Để thực thi chính sách thông thoáng của chúa Sãi, Hoàng tử Kỳ đã ra sức xây dựng thương cảng Hội An trở thành thương cảng chính không chỉ của Đàng Trong mà của toàn khu vực Đông Nam Á. Hàng năm, từ tháng giêng đến tháng sáu, các thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Quốc từ Macao, Manila, Malacca hoặc từ Nhật Bản... Vì vậy, “Tân Mùi, năm thứ 18 (1631), mùa Hạ, tháng 6, Hoàng tử cả là Hữu phủ Chương phủ sự Kỳ mất. Kỳ ở Quảng Nam, ân uy đều nổi tiếng. Khi mất dân sĩ đều thương tiếc”³².

- *Về quân sự*: Ngay từ buổi đầu chúa Nguyễn vào trấn nhậm Thuận - Quảng, Quảng Nam đã được xác định là địa bàn quân sự đặc biệt trọng yếu, vừa là “yết hầu” bảo vệ toàn vùng phía Nam, vừa là bàn đạp kiểm soát vùng duyên hải và giao thương biển. Sau khi được giao quyền quản lý một dải đất rộng lớn liên tiếp, Nguyễn Hoàng trước hết chú trọng việc ổn định Quảng Nam, coi đây là nền tảng để xây dựng thế lực lâu dài. Ông đã cử thuộc tướng Mai Đình Đống - một tướng tài dưới trướng Nguyễn Kim vào Quảng Nam “đẹp loạn thổ hào, nhân đây ở lại làm lưu thủ để thu phục, vỗ yên dân”³³, qua đó bước đầu đặt cơ sở quân sự - hành chính cho vùng đất này. Tiếp đó, Thế tử Nguyễn Phúc Nguyên - Trấn thủ Quảng Nam, đã kéo thủy binh ra Quảng Trị để tiêu diệt hải tặc người Nhật: Sử nhà Nguyễn chép rằng, “Thế tử Nguyễn Phúc Nguyên dẫn một hạm đội 10 chiếc xuất phát từ Cửa Việt, tiêu diệt hai chiếc tàu hải tặc Shirahama Kenki (Bạch Tàn Hiễn Quý), người Nhật Bản, được Chúa Tiên (tức Nguyễn Hoàng) vui mừng khen rằng: “*Con ta thực là anh kiệt*” và thưởng cho rất hậu”³⁴.

Sang đầu thế kỷ XVII, khi Dinh trấn Thanh Chiêm được xác lập, Quảng Nam không chỉ là hậu phương quân sự mà còn trở thành trung tâm điều quân và

³² Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, tr.47.

³³ Thạch Phương, Nguyễn Đình An (chủ biên) (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.30-31.

³⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.545.

đào tạo thế tử. Đỉnh điểm là trong cuộc chiến Trịnh - Nguyễn bùng nổ năm Đinh Mão 1627, khi Trịnh Tráng mượn danh vua Lê đem quân thủy bộ xâm lấn miền Nam, Nguyễn Phúc Kỳ - Thế tử trấn thủ Quảng Nam đã đem quân từ Thanh Chiêm ra phối hợp với Chính dinh, chặn đứng các mũi tiến công của quân Trịnh. Trong trận đánh ác liệt này, tượng binh quân Nguyễn đánh chặn ngang, làm quân Trịnh tan vỡ, “Trong cuộc chiến này Nguyễn Phúc Kỳ tỏ ra là tướng tài, lập được nhiều công trạng, được chúa Sãi yêu quý đặt làm Hoàng tử để sau này nối nghiệp chúa”³⁵.

Giữa thế kỷ XVII, vai trò quân sự của Quảng Nam và Dinh trấn Thanh Chiêm tiếp tục được khẳng định trong bối cảnh mới, khi nguy cơ xâm nhập từ các thế lực phương Tây ngày càng gia tăng. Năm 1642, thủy quân Đàng Trong xuất phát từ Thanh Chiêm đã đánh tan hạm đội Hà Lan gồm 5 chiến thuyền do Liesvelt chỉ huy, chấm dứt mối đe dọa đối với vùng biển Cù Lao Chàm và thương cảng Hội An. Năm 1644, khi một hạm đội Hà Lan khác do Pieter Baek cầm đầu tiếp tục quấy nhiễu, thế tử Dũng Lễ hầu Nguyễn Phúc Tần trực tiếp chỉ huy 60 chiến thuyền truy kích và xua đuổi³³, một lần nữa chứng minh Thanh Chiêm là căn cứ hải - lục quân then chốt của xứ Đàng Trong.

- *Về văn hóa*: Trấn Quảng Nam và Dinh trấn Thanh Chiêm là nơi đan dày những di tích lịch sử, văn hóa Chiêm - Việt buổi đầu giao thoa: Nơi đây có những tháp cổ Chăm như Bằng An, Mỹ Sơn, Chiêm Đàn, Khương Mỹ; những ngôi chùa lâu đời như Long Hưng, Bửu Châu, An Long, An Phước; những đình làng, văn bia, nhà thờ Thiên Chúa giáo ở gần Dinh trấn. Những tác phẩm bằng tiếng Hán, Việt, Bồ - La của Thích Đại Sán, Chu Thuán Thủy, Vương Dương Minh, Nguyễn Phước Chu, Alexandre De Rhodes đều ghi chép về vùng đất này. Đáng chú ý nhất, là nơi ghi dấu sự ra đời của chữ quốc ngữ tại Việt Nam: Dinh trấn Quảng Nam còn có thể nói là cơ sở tạm trú đầu tiên của các nhà truyền giáo phương Tây. Giáo sĩ Francisco De Pina (người Bồ Đào Nha) cho rằng: “Đối với tôi *việc nghiên cứu tiếng nói, Kẻ Chiêm (tức Thanh Chiêm) vẫn là nơi tốt nhất với tư cách là trung tâm của triều đình, ở đây người ta nói rất hay*”³⁶. Sau một thời gian đến lưu trú tại Dinh trấn Quảng Nam, Hội An và Đà Nẵng, ông đã nghiên cứu tiếng nói của người Việt để đến năm 1617, phát minh ra chữ Quốc ngữ, trở thành người khai sáng chữ Quốc ngữ và để lại tác phẩm chữ Việt nhan đề “*Nhập môn tiếng Đàng Ngoài*” (sách này biên soạn từ năm 1620 đến 1623); ra đời trước cả cuốn “*Từ điển Việt - Bồ - Latin*” của giáo sĩ Alexandre De Rhodes.

³⁵ L.M Nguyễn Hồng, *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, Sài Gòn 1959, Q1, tr.147.

³⁶ Roland Jacques, *L'oeuvre de quelques pionniers portugais dans le domaine de la linguistique Vietnamienne jusquen 1650*, (Paris, 1995). Dẫn theo Nguyễn Phước Tương, “*Bài đã dẫn*”, 97-98.

3. Tạm kết và kiến nghị

Từ việc đối chiếu hệ thống sử liệu Việt Nam, Trung Hoa và phương Tây, có thể khẳng định rằng Dinh trấn Thanh Chiêm là một trung tâm quyền lực có quy mô lớn, cấu trúc hoàn chỉnh và chức năng đa dạng bậc nhất của xứ Đàng Trong trong thế kỷ XVII. Không gian Dinh trấn không chỉ bao gồm khu dinh trấn trung tâm, nơi trấn thủ làm việc và các thế tử nhà Nguyễn “trấn trị để tập chính sự”, mà còn được tổ chức thành một chỉnh thể liên hoàn gồm hệ thống: Trụ sở Dinh trấn, nhà Trấn thủ, kho tàng quy mô lớn, khu quân sự với đầy đủ thủy binh, bộ binh, tượng binh, kho vũ khí và súng thần công, cùng không gian tiếp xúc đối ngoại như công quán, nơi tiếp nhận thương nhân và giáo sĩ phương Tây. Việc Dinh trấn Quảng Nam nằm sát trục sông Thu Bồn - Hội An, án ngữ con đường Thiên Lý, kết nối miền biển và miền núi, giữa một đồng bằng trù phú cho thấy Thanh Chiêm vừa là hậu cứ quân sự, vừa là đầu mối tài chính, thương mại, đối ngoại của chính quyền chúa Nguyễn. Trên bình diện chiến lược, Dinh trấn này giữ vai trò then chốt trong việc bảo vệ vùng Thuận Quảng, trấn áp thổ hào, dẹp loạn, chống cướp biển và đối phó hiệu quả với các thế lực phương Tây xâm nhập từ biển bằng “ngoại giao pháo hạm”. Tại đây, các thế tử như Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Kỳ, Nguyễn Phúc Lan đã trực tiếp đảm nhiệm vai trò Trấn thủ Quảng Nam dinh, tham gia điều hành chính sự, chỉ huy quân đội, xử lý đối ngoại và tích lũy kinh nghiệm cai trị trước khi trở thành những nhân vật nòng cốt trong bộ máy quyền lực Đàng Trong.

Trên cơ sở đó, việc phục dựng không gian Dinh trấn Thanh Chiêm theo tác giả nên chú ý đến “tính thiêng” của khu di tích này, thành phố có lẽ nên có khu thờ tự “tiền đường, hậu tẩm” tại đây, với việc tạc tượng gỗ mít, thép vàng để phối thờ các thế tử từng trấn thủ Quảng Nam dinh, trong khi đã có tượng Chúa Nguyễn Hoàng đã dựng trước đây. Việc thờ tự này nên tôn trí Nguyễn Phúc Nguyên ở vị trí trung tâm, cùng Nguyễn Phúc Kỳ và Nguyễn Phúc Lan ở hai bên tả - hữu, không nhằm thần thánh hóa nhân vật lịch sử, mà nhằm tái hiện đúng cấu trúc quyền lực và truyền thống kế thừa của Dinh trấn Thanh Chiêm, là nơi chiêm bái của du khách và tỏ lòng tôn kính tiền nhân; cũng có lẽ nên phối thờ Mạc Cảnh Huông và Mạc Thị Giai (vợ chúa Nguyễn Phúc Nguyên) tại di tích này. Thực tiễn thờ các vua Mạc tại Hải Phòng hiện nay cho thấy, thờ tự gắn với nhân vật lịch sử không làm suy giảm tính khoa học của di tích, trái lại còn giúp ký ức lịch sử được cộng đồng tiếp nhận, bảo vệ và duy trì bền vững. Do đó, kết hợp phục dựng kiến trúc, thờ tự, nhà trưng bày chính là hướng tiếp cận cần thiết để Dinh trấn Thanh Chiêm trở thành một “không gian lịch sử sống”, phản ánh trung thực vai trò và tầm vóc của xứ Quảng trong tiến trình hình thành và phát triển của Đàng Trong./.

MÔ HÌNH DINH - PHỦ - HÀNH CUNG THỜI CHÚA NGUYỄN: GỢI MỞ VIỆC NHẬN DIỆN KIẾN TRÚC DINH TRẦN THANH CHIÊM

TS. Trần Đình Hằng

Phân Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch miền Trung

1. Đặt vấn đề

Hành trình mở cõi của các chúa Nguyễn bắt đầu từ bước ngoặt lịch sử năm Mậu Ngọ (1558), khi Đoàn Quận công Nguyễn Hoàng rời Thăng Long vào trấn thủ Thuận Hóa. Từ “tử địa” ban đầu tại bãi cát Ái Tử - nơi chỉ có những trại binh sơ khởi, các chúa Nguyễn đã thực hiện một chiến lược thâm sâu nhằm chuyển hóa vùng đất mới thành một vương quốc độc lập, xác lập bản sắc văn hóa và bản lĩnh cộng đồng quốc gia mới trên lãnh thổ Đàng Trong. Trong hệ thống quản trị hành chính đương thời, sự hình thành các Dinh - Phủ - Hành cung không chỉ đáp ứng nhu cầu trấn thủ mà còn là biểu tượng của tư tưởng “Thái hòa”, sự thích ứng tuyệt vời giữa di sản đất Bắc với điều kiện tự nhiên và truyền thống bản địa phương Nam với khát vọng từng bước xây dựng vùng đất mới Đàng Trong, dần dần đối trọng với Đàng Ngoài. Ở đó, hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Nằm trong dòng chảy tiến của các trung tâm quyền lực, Dinh trấn Thanh Chiêm giữ một vị trí đặc biệt. Nếu như Ái Tử (1558) đại diện cho giai đoạn “trại binh”, Kim Long (1635) rực rỡ với những phòng khánh tiết lộng lẫy, và Phú Xuân thời Võ Vương (1744) đạt đến đỉnh cao đô thành với đại điện Kim Hoa theo lối “trùng thiềm” đồ sộ; thì Thanh Chiêm chính là sự giao thoa điển hình, được coi là “thủ phủ thứ hai” bởi nơi đây không chỉ là nơi luyện rèn các thế tử mà còn là một trọng trấn, trung tâm điều hành quân sự và thương mại sầm uất, gắn liền với huyết mạch giao thương Hội An dọc thủy lộ Thu Bồn.

Tuy nhiên, diện mạo kiến trúc của Thanh Chiêm hiện nay vẫn là một ẩn số lớn do sự tàn phá nghiệt ngã của thời gian với bao biến động nặng nề của thiên tai, địch họa, đặc biệt là sau biến cố quân Trịnh xâm chiếm năm 1775 khiến nhiều công trình gỗ bị phá hủy. Để nhận diện được kiến trúc dinh trấn này, cần một cách tiếp cận hệ thống: đối chiếu từ mô hình “nhà rường” đạt trình độ cao tại Huế đến cấu trúc quy hoạch “ô bàn cờ” của các đô thành đương thời. Việc sử dụng các nguồn sử liệu thành văn kết hợp với ký sự phương Tây - những người từng choáng ngợp trước vẻ đẹp tinh vi của các dinh phủ Đàng Trong - là chìa khóa để phục dựng lại sơ đồ mặt bằng Thanh Chiêm.

Bài viết này hướng tới việc hệ thống hóa các đặc điểm kiến trúc, từ sự đơn sơ của “trại cỏ tranh” thời Minh vương đến sự lộng lẫy của các điện đài thời Võ Vương, nhằm tìm ra những quy luật chung trong kiến thiết dinh phủ chúa Nguyễn. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học để có thể xây dựng mô hình sa bàn Dinh trấn Thanh Chiêm, tái hiện một không gian kiến trúc vừa mang tính thực dụng của quân sự, vừa mang vẻ đẹp vương giả của một trung tâm hành chính quan trọng nhất vùng Quảng Nam xưa, góp phần lấp đầy những khoảng trống tư liệu về một giai đoạn lịch sử đầy biến động và hiển hách.

2. Phân tích dữ liệu, xây dựng luận cứ cho việc đề xuất mô hình hóa các mô hình dinh phủ thời Đàng Trong

2.1. Dữ liệu căn cứ

Qua khảo sát các nguồn tài liệu, chúng tôi nhận thấy công trình khảo cứu về dinh phủ các chúa Đàng Trong trước thời Gia Long của L.Cadière trên tạp chí của Hội Khảo cổ Đông Dương năm 1914 - 1916¹ và luận án tiến sĩ sử học năm 2008 của Phan Thanh Hải cùng chủ đề² đã khảo cứu, tổng hợp nhiều nguồn tài liệu sử học, hồi ký của người đương thời và khảo sát thực địa, cung cấp nhiều dữ liệu quan trọng trong việc phác thảo nên diện mạo các vùng dinh phủ xứ Đàng Trong. Việc kết hợp giữa hai công trình khảo cứu này có thể giúp tạo nên một bộ khung phương pháp luận vững chắc trong việc mô hình hóa thành sa bàn cho chính các dinh phủ chúa Nguyễn ở vùng Thuận Hóa, thiết thực tham chiếu cho việc tái hiện Dinh trấn Thanh Chiêm ở xứ Quảng Nam. Tầm quan trọng và giá trị của hai công trình này đối với bài viết này được nhìn nhận qua nhiều khía cạnh. Trước hết là sự bổ trợ giữa sử liệu học và khảo cổ học thực địa khi L. Cadière có cái nhìn của người tiên phong, với giá trị lớn nhất là phương pháp đối chiếu. Ông đọc kỹ *Đại Nam thực lục*, *Phủ biên tạp lục* và trực tiếp đi tìm dấu tích tại Ái Tử, Trà Bát hay Kim Long, khi những nơi này vẫn còn nhiều di tích hơn so với hiện nay để cung cấp những mô tả về hình dáng bên ngoài, cảm giác không gian và sự bố trí các thành phần kiến trúc từ góc nhìn của các giáo sĩ (nhân chứng đương thời). Phan Thanh Hải có cái nhìn hệ thống và dữ liệu hóa, đọc lại lịch sử qua lăng kính khoa học hiện đại khi hệ thống hóa các thủ phủ từ những công trình riêng lẻ cho đến phác thảo nên một tiến trình phát triển. Tất cả cho thấy được quy luật khi quyền lực của các chúa Nguyễn tăng lên thì quy mô kiến trúc chuyển từ “Trại” (quân sự) sang “Phủ” (hành chính) rồi đến “Đô thành” (biểu tượng vương quyền).

¹ Cadière L. (1914-1916), "Les Résidences des rois de Cochinchine (Annam) avant Gia-Long", *Bulletin de la Commission archéologique de l'Indochine*, Paris, Imprimerie Nationale, Ernest Leroux, pp. 103 - 185.

² Phan Thanh Hải (2008), *Các thủ phủ thời chúa Nguyễn (1558-1775) trên đất Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, H.: Viện Sử học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Theo diễn trình lịch sử và có hướng chủ đạo đi dần về phía Nam, L. Cadière bắt đầu khảo sát giai đoạn Dinh Trại ở Ái Tử và Trà Bát (1558 - 1600) - thời kỳ sơ khởi, mang đậm tính chất quân sự thực dụng (Trại) ở ven sông Thạch Hãn (Quảng Trị). Diện mạo kiến trúc chủ yếu là nhà tranh, vách liếp hoặc gỗ thô sơ để dễ dàng di chuyển và phòng thủ, với cấu trúc gồm một tòa dinh chính (nơi ở của chúa) bao quanh bởi các trại lính, kho tàng và chuồng voi/ngựa. Tất cả nổi lên đặc điểm mang tính dã chiến khi ông nhấn mạnh vào sự đơn giản của các công trình này, chưa có sự bề thế của cung điện.

Qua giai đoạn định hình ở Dinh Cát (1600 - 1626), sau khi Nguyễn Hoàng từ Bắc trở về thì quy mô bắt đầu được mở rộng, ở vị trí cách Ái Tử không xa nhưng địa thế cao ráo hơn, với diện mạo bắt đầu xuất hiện các tòa nhà bằng gỗ kiên cố hơn. Đây là thời kỳ Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên làm Thế tử trấn thủ Quảng Nam (Thanh Chiêm), nên cấu trúc Dinh Cát và Thanh Chiêm thời kỳ này có nhiều nét tương đồng về tính chất “vừa là phủ chúa, vừa là đồn binh”.

Phan Thanh Hải cung cấp thêm một số chi tiết với nhóm dinh phủ tại Quảng Trị (1558 - 1626) ở giai đoạn hình thành các thực thể chính trị - quân sự đầu tiên trên đất Thuận Hóa. Từ một “trại binh” (camp) quy mô nhỏ, kiến trúc mang tính chất tạm thời, dã chiến trên bãi cát ven sông Hiếu, gồm các dãy nhà bằng gỗ lợp tranh, xung quanh có hàng rào tre gỗ và các bãi tập quân sự sơ khai..., dần dần dinh Trà Bát (1570 - 1600) được mở rộng hơn Ái Tử, bắt đầu có sự phân định giữa khu vực làm việc của Chúa và khu vực hậu cần. Dinh Cát (1600 - 1626) được chuyển lên vùng gò đồi phía Tây Nam (vùng xã Triệu Giang) với diện mạo đã có sự ổn định về mặt bằng, kiến trúc được chăm chút hơn, sử dụng nhiều gỗ quý và ngói để thay thế cho tranh tre.

Sang giai đoạn Phước Yên (1626 - 1636), Sãi vương dời dinh vào vùng Huế, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, nằm ven sông Bồ (Quảng Điền). L. Cadière cho đây là một bước tiến về quy hoạch, Dinh phủ được bao quanh bởi các lũy đất đồng tâm hoặc hình vuông, bên trong bắt đầu có sự phân khu rõ rệt giữa nơi làm việc (công đường) và nơi ở (hậu cung). Phan Thanh Hải cho rằng đây là “bàn đạp” để chúa Nguyễn chính thức định đô tại vùng Huế, với mô hình một pháo đài ven sông. Có hệ thống lũy bao quanh, bên trong là các dãy nhà rường gỗ được bố trí theo trục nhất định, kết hợp giữa chức năng hành chính và phòng thủ quân sự nghiêm ngặt.

Bước vào giai đoạn “Phủ đệ” rực rỡ ở Kim Long (1636 - 1687) ven sông Hương với thành tựu kiến trúc gỗ Đàng Trong đạt đến sự tinh xảo khiến người phương Tây kinh ngạc và cảnh quan sông nước hữu tình. Diện mạo mang đậm dạng cấu trúc vườn cảnh khi dinh phủ không còn là trại lính khô khan mà hòa

quyện với mô hình nhà vườn độc đáo. Công trình có những tòa phương trượng lớn (như tòa 32 cột to bằng vòng tay người ôm), các chi tiết chạm trổ rồng phượng, sơn son thiếp vàng bắt đầu xuất hiện. Phan Thanh Hải nhấn mạnh đây là thời kỳ huy hoàng nhất của kiến trúc phủ chúa thời Đàng Trong, được mô tả là một “đô thị vườn”, với diện mạo không còn vẻ khô cứng của đồn binh, phủ chúa nằm xen kẽ giữa các khu vườn dọc sông Hương. Cấu trúc chính nổi lên các điện đài với các tòa nhà rường gỗ có quy mô lớn, chạm trổ điêu luyện; không gian mở sử dụng hệ thống kênh rạch làm hào bảo vệ và đường giao thông chính. Trang trí sử dụng nhiều đồ sứ, sơn son thiếp vàng trong các phòng khánh tiết.

Điềm lạ là dinh phủ có giai đoạn trở ngược ra Bắc với các giai đoạn Bác Vọng (1687 - 1712 và 1738 - 1739), ở vùng ruộng đồng ven sông Bồ, mà đến nay, chúng tôi vẫn chưa có đủ cứ liệu để giải thích được một cách thuyết phục. Có thể ở đây, diện mạo tiếp nối phong cách Kim Long nhưng mang tính chất một hành cung nghỉ ngơi và phòng thủ từ xa với cấu trúc không gian dàn trải theo mặt nước dọc lưu vực sông Bồ.

Sang giai đoạn Đô thành Phú Xuân (1687 - 1775) là đỉnh cao của mô hình Dinh - Phủ trước khi chuyển thành Kinh thành triều Nguyễn. Diện mạo được điển chế hóa khi xuất hiện các công trình lợp ngói lưu ly, điện Kim Hoa, gác Quang Hoa theo lối “trùng thiềm điệp ốc”. Quy hoạch nổi bật với các khu quân xá, phủ đệ của quan lại được sắp xếp theo hình ô bàn cờ bao quanh cung điện ở trung tâm. Phan Thanh Hải nhấn mạnh sự nâng cấp từ “Phủ” lên “Đô thành” với các đặc điểm điển chế hóa, cung điện quy mô như đại điện Kim Hoa có 3 dãy, mỗi dãy 9 gian, trang trí bằng đồng và thiếp cùng hệ thống phụ trợ như các đài Sứ rồng xuyên, đình Thụy Vân, và khu vực phủ đệ của quan lại nằm san sát tạo thành một đô thị sầm uất.

Đặc biệt chúng tôi cũng tiếp cận được một tài liệu rất quan trọng của quan ngự y Koffler Jean, giúp phác thảo diện mạo của Đô thành Phú Xuân thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765), nổi bật lên một kinh đô rực rỡ, xa hoa, mang đậm dấu ấn của một vương triều độc lập và có sự kết hợp hài hòa với thiên nhiên.³

Về quy hoạch và kiến trúc tổng thể, Kinh thành được xây dựng tại Chính dinh Phú Xuân, đất cao, bốn bề đều thấp, dựa ngang sông đất và trồng xuống bến sông. Đô thành được bố trí theo hình vuông với ba lớp tường thành bao quanh. Có bảy cửa thành chính, trong đó cửa hướng ra bờ sông là mặt tiền đẹp nhất, phía trên có tháp canh. Các lớp thành đều có binh lính đứng dàn hàng canh

³ Koffler Jean (1911), “*Description historique de la Cochinchine [1766].*” Traduit du latin par V. Barbier. *Revue Indochinoise*, t. 15-17.

gác nghiêm ngặt. Ở đây nổi bật tính chất Thành phố vườn khi Huế được chia thành mười hai phường, nằm trên hai bờ sông và hệ thống chi lưu của nó. Mọi ngôi nhà đều có vườn bao bọc và nằm kín trong lũy tre. Các nhà quân xá và phủ đệ của công hầu được kiến trúc dạng ô bàn cờ.

Hệ thống cung điện và phủ đệ nổi bật các công trình tiêu biểu như Võ Vương cho xây dựng nhiều điện, phủ, gác, đài, đình, am, hiên rất quy củ: điện Kim Hoa (3 dãy, mỗi dãy 9 gian theo lối trùng thiềm), điện Quang Hoa, gác Dao Trì, gác Triều Dương và đài Sướng Xuân. Nội thất và trang trí cung điện chủ yếu làm bằng gỗ quý, chạm trổ tinh xảo, mài nhẵn và sơn son thếp vàng. Mái nhà lợp ngói, trên đỉnh và góc mái trang trí hình rồng bằng đất sét trắng đeo viền vàng phát ra âm thanh khi gió thổi. Vườn thượng uyển có non bộ, hồ vuông, hào cong, cầu vòng và thủy tạ. Trong vườn trồng nhiều kỳ hoa dị thảo, đặt những thống lớn bằng sứ Tàu trồng hoa cảnh.

Về khía cạnh quân sự, có thể thấy hệ thống súng thần công xung quanh cung điện được bố trí tới 150 khẩu, đặc biệt có tới 1.200 khẩu đại bác được bố trí trong hành lang quanh cung điện. Nơi đây còn có nhiều doanh trại thủy quân dọc hai bên Chính dinh, được bày hàng như bàn cờ. Các xưởng đóng thuyền và kho thóc nằm ở hạ lưu và thượng lưu sông Hương. Ven sông thường xuyên diễn ra các cuộc thao diễn thủy quân với hàng chục chiến thuyền lộng lẫy sơn son thếp vàng.

Một khảo cứu quan trọng của Phạm Đình Khiêm trong việc đi tìm địa điểm và di tích hai thành cổ Quảng Nam và Phú Yên đầu thế kỷ XVII công bố năm 1960⁴ trên cơ sở khai thác nhiều nguồn tài liệu cổ xưa trong ngoài nước, nhất là với chuyên khảo sát năm 1958 đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng. Đặc biệt về thành cổ Quảng Nam (Dinh trấn Thanh Chiêm), tác giả đã giải quyết được bài toán về địa điểm cụ thể của thủ phủ Quảng Nam thời các chúa Nguyễn. Sau khi đối chiếu các sử liệu như *Đại Nam thực lục*, tài liệu của Alexandre de Rhodes và khảo sát thực địa, tác giả khẳng định Dinh trấn Quảng Nam đầu thế kỷ XVII nằm tại thôn Thanh Chiêm (xã Vĩnh Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Di tích còn lại tại Thanh Chiêm, tác giả đã tìm thấy dấu tích mặt thành Bắc dài khoảng 800m, cao 2m, cùng các địa danh dân gian lưu truyền như đất “Hành cung”, “Nhà lao”, “Kho muối”, “Tàu tượng” (nơi nuôi voi), và “Phường đúc”. Qua đó có thể chứng minh lịch sử, tác giả bác bỏ giả thuyết cho rằng thành nằm ở Duy Xuyên (mặc dù sử cũ ghi làng Cồn Húc, huyện Duy Xuyên) bằng cách đưa ra bằng chứng từ giáo sĩ Alexandre de Rhodes và nhân chứng Antonius

⁴ Phạm Đình Khiêm (1960), “Đi tìm địa điểm và di tích hai thành cổ Quảng Nam và Phú Yên đầu thế kỷ XVII”, *Việt Nam Khảo cổ tập san*, Số 1, tr. 71-96.

Mendez Goan về khoảng cách từ Hội An đến “Cacciam” (Kẻ Chiêm) là khoảng 9km. Qua đây, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của nơi này trong thế kỷ XVII, đặc biệt về chính trị khi dinh Quảng Nam được coi là “Kinh đô thứ hai”, nơi các Thế tử nhà Nguyễn (như Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Kỳ) được đưa về trấn thủ để tập sự trị quốc. Về quân sự, đây là bàn đạp cho các đạo quân Nam tiến bình định đất phương Nam, đồng thời là căn cứ thủy quân hùng mạnh. Về ngoại giao và văn hóa, nơi đây là cửa ngõ đón nhận văn minh phương Tây, nơi diễn ra các cuộc tiếp xúc với thương gia và giáo sĩ quốc tế, đồng thời là nơi hình thành những dấu ấn đầu tiên của chữ Quốc ngữ.

Ngoài địa điểm thì tên gọi lịch sử được chú trọng. Trong sử liệu và bản đồ cổ của các giáo sĩ phương Tây, nơi này được gọi là Cacciam (Kẻ Chiêm), là Dinh trấn của các Thế tử nhà Nguyễn, được coi là “thủ phủ thứ hai” hay “Phó đô” của Đàng Trong. Bài viết cũng nhấn mạnh các di tích và dấu vết khảo cổ từ chuyến khảo sát năm 1958, tác giả đã tìm thấy nhiều dấu tích cụ thể như thành lũy với dấu vết của mặt thành phía Bắc vẫn còn rõ rệt với một dải đất cao, dài khoảng 800 mét và cao khoảng 2 mét cùng nhiều địa danh dân gian khi người dân địa phương vẫn lưu truyền các tên gọi phản ánh chức năng của từng khu vực trong thành xưa. Ở đó nổi bật khu đất Hành cung là nơi ở và làm việc của quan trấn thủ (là các Thế tử), Tàu Tượng là khu vực nuôi voi chiến, Kho Muối là nơi dự trữ nhu yếu phẩm, Nhà Lao và Phường Đúc là các khu vực hậu cần và hành pháp của dinh trấn.

Tác giả Phạm Đình Khiêm đã dùng phương pháp đối chiếu liên ngành rất khoa học để đối chiếu khoảng cách. Ông dựa vào ghi chép của giáo sĩ Alexandre de Rhodes và Antonius Mendez Goan để xác định khoảng cách từ thương cảng Hội An đến dinh trấn là khoảng 2 dặm rưỡi (tương đương 9-10km), khớp hoàn toàn với vị trí Thanh Chiêm. Từ đó ông phản bác thuyết cũ khi cho rằng thành nằm ở Duy Xuyên (do sự nhầm lẫn về địa giới hành chính cũ) và khẳng định Thanh Chiêm mới là trung tâm thực sự. Nơi đây có tầm quan trọng lịch sử, là cửa ngõ ngoại giao (đón tiếp các phái đoàn giáo sĩ và thương nhân phương Tây đầu tiên đến Đàng Trong), cái nôi chữ Quốc ngữ (một trong những địa điểm quan trọng nhất nơi các giáo sĩ như Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes đã sống, làm việc và đặt nền móng cho việc ký âm tiếng Việt bằng chữ Latinh).

Qua đây tác giả cho rằng thành Quảng Nam có thể chiến lược khi chiếm cứ một vị trí lý tưởng bên bờ con sông lớn nối liền miền núi với đại dương (theo trục Tây - Đông) và nằm chính giữa trục đường thiên lý Nam - Bắc. Cấu trúc này không quá thiên về phòng thủ bị động như các thành của người Chăm (thường tựa núi cao), cũng không quá chênh vênh sát biển, giúp thành trở thành

một căn cứ thủy - lục quân hùng mạnh. Về cấu trúc và quy mô thành cổ, ông cho rằng thành được xây đắp bằng đất, với các dấu tích còn lại cho thấy quy mô của một “Phó đô” sầm uất. Trước hết là tường thành, tác giả đã tìm thấy di tích mặt thành phía Bắc còn khá rõ rệt, dài khoảng 800 mét, cao hơn mặt ruộng khoảng 2 mét, bề mặt rộng từ 8 đến 10 mét (có chỗ lên tới 15 mét). Các mặt Đông và Tây đã bị san lấp qua thời gian để làm ruộng vườn nhưng vẫn còn dấu vết mương ao (hào thành cũ). Trong hệ thống phòng thủ, sát chân thành ngày xưa có hào (trì) bao quanh, phía Đông thành có chùa Long Hưng (xây từ năm 1602) làm điểm tựa tinh thần và văn hóa.

Về phân khu chức năng nội và ngoại thành, qua các địa danh dân gian còn lưu truyền, diện mạo một trung tâm hành chính - quân sự - kinh tế hiện lên rõ nét với khu trung tâm (Nội thành) bao gồm đất Hành cung là khu vực cao ráo, đẹp đẽ dành cho quan Trấn thủ (thường là các Thế tử nhà Nguyễn) ở và làm việc; Tàu Tượng là khu vực nuôi voi chiến của dinh trấn, Kho Muối là nơi dự trữ nhu yếu phẩm quan trọng; Nhà Lao là khu vực giam giữ phạm nhân; Mô Súng là vị trí đặt súng đại bác phòng thủ.

Còn với khu phụ trợ và kinh tế (Ngoại thành), có Phường Đúc nằm phía Tây thành (nay thuộc làng Phước Kiều), chuyên đúc súng ống và đồ đồng phục vụ quân đội và dân sinh; Chợ Củi và Bến Chợ Củi là trung tâm thương mại sầm uất ven sông Sài Giang (một nhánh của sông Thu Bồn khi đó chảy sát thành), nơi tiếp tế và giao thương cho toàn dinh trấn; Ruộng Tịch điền là nơi diễn ra lễ nghi nông nghiệp truyền thống.

Tất cả làm nổi bật vai trò “Kinh đô thứ hai” bởi Thanh Chiêm không chỉ là một căn cứ quân sự mà còn là trung tâm ngoại giao bởi đó là nơi quan Trấn thủ tiếp đón các phái đoàn thương mại (Hà Lan, Anh...) và giáo sĩ phương Tây trước khi họ ra diện kiến Chúa Nguyễn tại Thuận Hóa; cái nôi văn hóa khi nơi đây đón nhận những tiến bộ khoa học (thiên văn học) và là nơi hình thành những dấu ấn đầu tiên của chữ Quốc ngữ gắn liền với các cơ sở truyền giáo. Từ đó tác giả kết luận Thanh Chiêm chính là thủ phủ đích thực của Quảng Nam thời chúa Nguyễn, đóng vai trò là bàn đạp quan trọng nhất cho công cuộc Nam tiến mở mang bờ cõi xuống Phú Yên và phương Nam.

2.2. Căn cứ để xuất mô hình hóa

Từ những kết quả nghiên cứu của L.Cadiere, có thể có gợi ý cho sa bàn Dinh trấn Thanh Chiêm. Để phác họa Thanh Chiêm, có thể lấy mô hình Kim Long làm chuẩn về kiến trúc gỗ và mô hình Phước Yên/Ái Tử làm chuẩn về tính chất phòng thủ. Cửa ngõ phải có hệ thống bến thuyền sầm uất để kết nối với Hội An. Vòng ngoài là lũy đất bao quanh, bên trong là các dãy nhà dài cho binh lính

và các kho sủng đồng, kho lương. Ở khu Trung tâm là một tòa nhà rường lớn làm công đường (nơi Thế tử ngồi trị sự), vách ván gỗ, mái ngói âm dương, xung quanh có vườn cây và các nhà phụ trợ.

Tham khảo kết quả nghiên cứu của Phan Thanh Hải, có thể gợi ý phác thảo cho Dinh trấn Thanh Chiêm dựa trên các đặc điểm chung của dinh phủ chúa Nguyễn đã được phân tích, với những điểm nổi bật như:

- Trục chính: Hướng ra sông (tương tự như Kim Long và Bác Vọng, Phước Yên) làm bến thủy.

- Khu trung tâm (Lõi): Là tòa dinh theo lối nhà rường gỗ 3 hoặc 5 gian, lợp ngói, vách ván gỗ chạm trổ.

- Hệ thống bảo vệ: Lũy đất bao quanh kết hợp hàng rào tre gai, bên trong có trại sủng và trại lính.

- Tỷ lệ sa bàn: Nên chú trọng vào độ cao của nền móng (thường được đắp cao để tránh lụt) và mật độ cây xanh bao quanh (mô hình phủ đệ - nhà vườn).

Việc tái lập sơ đồ mặt bằng từ các “nhân chứng đương thời” trở thành điểm chung của các tác giả L.Cadiere, Phạm Đình Khiêm và Phan Thanh Hải khi tất cả đều khai thác tối đa ghi chép của những người phương Tây từng trực tiếp vào dinh phủ chúa Nguyễn, như Christoforo Borri, Alexandre de Rhodes, Bowyear, Thích Đại Sán... Điều này mang lại nhiều giá trị thiết thực trực tiếp cho việc tái hiện vấn đề qua mô hình sa bàn.

Trước hết là về vật liệu, giúp xác định sự chuyển đổi từ tranh tre thời Ái Tử sang gỗ quý, ngói và các chi tiết chạm trổ thời Kim Long, Phú Xuân.

Về cảnh quan, xác lập vai trò của sông nước. Các dinh phủ này luôn gắn liền với bến thủy, hệ thống kênh rạch và thuyền bè - một chi tiết không thể thiếu trên sa bàn Thanh Chiêm (vốn nằm sát sông Thu Bồn - sông Vĩnh Điện).

Tất cả có thể giúp gợi mở cho việc nhận diện Thanh Chiêm trong vai trò là một thủ phủ đặc biệt quan trọng ở phía Nam đèo Hải Vân của chính quyền Đàng Trong. Việc khảo cứu các thủ phủ chính ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có thể giúp lựa chọn cơ sở dữ liệu quan trọng cho việc cung cấp “mã gene” chung để có thể suy luận về Thanh Chiêm. Đặc biệt nổi bật ở đây là tính chất lưỡng hợp khi Thanh Chiêm vừa là dinh trấn của các thế tử (mô hình phủ chúa thu nhỏ như Kim Long) và đồng thời, cũng là trung tâm quân sự trấn giữ phía Nam (mô hình đồn lũy như Phước Yên). Về vấn đề quy hoạch, dựa trên phân tích của Phan Thanh Hải về quy hoạch ô bàn cờ hay đô thị nhà vườn, có thể phác thảo Thanh Chiêm không phải là một tòa thành kín cổng cao tường kiểu Trung Hoa, mà là một không gian mở, gắn kết hài hòa với các khu vườn, cảnh quan vùng đất ven

sông và gắn liền với thương cảng Hội An. Qua đây cũng nhận thấy được giá trị về diện chế và biểu tượng bởi như Phan Thanh Hải phân tích, mỗi sự thay đổi về kiến trúc (như việc xây điện Kim Hoa, gác Quang Hoa) đều gắn liền với một bước ngoặt chính trị (như việc Võ vương xưng vương năm 1744). Điều đó sẽ giúp cho sa bàn có hồn hơn, không chỉ là những mô hình nhà cửa vô tri mà là sự tái hiện một trung tâm quyền lực có thứ bậc, nghi lễ và bản sắc riêng ở xứ Đàng Trong. Bổ sung vào đó là sự kế tục cách nhìn, nếu như L.Cadière cung cấp cái nhìn trực quan về các phế tích thì Phạm Đình Khiêm và Phan Thanh Hải giúp chúng ta rõ hơn về quy luật xây dựng thủ phủ. Đây chính là hai trụ cột quan trọng giúp phác họa nên sơ đồ và dựng lên sa bàn Dinh trấn Thanh Chiêm một cách khoa học và đầy đủ nhất.

3. Phác thảo những nét căn bản

Căn cứ vào những thông tin hiếm hoi, quý giá có được, có thể xây dựng nên được cơ sở dữ liệu để phác thảo sơ đồ và mô hình hóa 3D để chuẩn bị cho việc chế tác Sa bàn, với những bước đi cụ thể:

3.1. Phân tích cấu trúc và không gian (Dữ liệu đầu vào)

Từ các thông tin tư liệu, có thể xác định được 3 mô-đun kiến trúc cơ bản để thiết kế là hệ thống thành lũy, hệ thống cung điện gỗ và hệ thống cảnh quan.

Với hệ thống thành lũy, ta có dữ liệu thành đất Thanh Chiêm cao 2m, hào nước bao quanh, như kết quả khảo sát của Phạm Đình Khiêm. Từ đây ứng dụng vào vẽ sơ đồ mặt bằng với các lớp hào nước - lũy tre - thành đất - nội thành.

Hệ thống cung điện gỗ, dữ liệu nhà rường 3 gian 2 chái, mộng chốt không dùng đinh, cột gỗ lớn, mái tranh dày hoặc ngói âm dương như ghi nhận của Thích Đại Sán. Từ đây, ứng dụng dựng module khung xương gỗ - bộ giàn trờ điển hình.

Với hệ thống cảnh quan thì nổi bật dinh phủ sát sông, có bến thuyền rồng, vườn ngự, hồ sen, như Kim Long, Bác Vọng, để ứng dụng thiết kế trục thần đạo hướng sông.

3.2. Công cụ phần mềm để diễn giải mô hình ảo

Có thể sử dụng các phần mềm theo từng cấp độ chuyên phù hợp trong việc dựng hình khối, như SketchUp để dựng kiến trúc nhà rường vì tính trực quan, dễ quản lý các chi tiết cột, kèo, xuyên, trính; Blender - mô phỏng các chi tiết chạm trổ tinh xảo trên gỗ hoặc mái tranh xù xì như mô tả của Thích Đại Sán.

Ở giai đoạn 2, để phục dựng bối cảnh, Lumion/Twinmotion giúp đặt công trình vào bối cảnh sông Thu Bồn (Thanh Chiêm) hay sông Hương (Kim Long) với hiệu ứng ánh sáng, mặt nước và cây cối thực tế. Unreal Engine có thể thiết

kế một tour tham quan ảo cho phép người dùng đi bộ vào trong dinh yết kiến quan Tổng trấn như mô tả của Alexandre de Rhodes.

3.3. Từ mô hình ảo đến sa bàn vật lý

Để làm sa bàn sau này, mô hình máy tính sẽ giúp xuất file in 3D đối với các chi tiết khó như Tàu Tượng, Mô Súng hay các đầu đao mái nhà... Các hệ thống khung nhà rường và tường thành có thể xuất file để cắt trên gỗ ván ép, mica.

Về tỷ lệ hóa thì máy tính giúp tính toán chính xác tỷ lệ (như 1/50 hoặc 1/100) để khi đặt các cấu phần vào sa bàn sẽ không bị lệch lạc.

Ở đây cũng cần chú ý đến sơ đồ tư duy ứng dụng với việc trích xuất tọa độ dựa vào mô tả “5 dặm từ Faifo” (De Rhodes) để xác định vị trí trên Google Earth; vẽ lược đồ mặt bằng để định vị các khu vực Nội cung, Tàu Tượng, Kho muối, Phường đúc dựa trên khảo sát của Phạm Đình Khiêm; dựng khung kiến trúc khi áp dụng mô tả về nhà rường lợp tranh theo mô tả của Thích Đại Sán. Không chỉ có vậy, chúng ta còn có thể diễn họa ảo với việc tạo phim/ảnh mô phỏng không gian sống và sau cùng là chế tác sa bàn với việc kết hợp vật liệu tự nhiên và công nghệ in/cắt hiện đại cho phù hợp, hiệu quả.

4. Kết luận

Từ việc khảo cứu hệ thống các mô hình Dinh - Phủ - Hành cung của các chúa Nguyễn trong suốt tiến trình mở cõi Đàng Trong, chúng tôi muốn phác thảo nên tính quy luật phát triển kiến trúc - quy hoạch mang tính nhất quán, gắn chặt với sự gia tăng quyền lực chính trị, nhu cầu quân sự và ý thức biểu tượng vương quyền. Sự chuyển biến từ các trại binh sơ khởi ở Ái Tử, Trà Bát, đến phủ chúa - đô thị vườn ở Kim Long, và đỉnh cao là đô thành Phú Xuân, không chỉ phản ánh quá trình định hình một thực thể chính trị độc lập mà còn xác lập một truyền thống kiến trúc riêng của Đàng Trong, vừa kế thừa di sản phương Bắc, vừa thích ứng linh hoạt với điều kiện tự nhiên - văn hóa phương Nam.

Trong dòng chảy đó, Dinh trấn Thanh Chiêm hiện lên như một trường hợp đặc biệt tiêu biểu. Các kết quả đối chiếu sử liệu, khảo sát thực địa và ghi chép của các nhân chứng phương Tây - từ công trình tiên phong của Léopold Cadière, nghiên cứu hệ thống của Phan Thanh Hải, đến khảo cứu định vị địa điểm của Phạm Đình Khiêm - đã cho phép khẳng định Thanh Chiêm chính là thủ phủ đích thực của Quảng Nam thời chúa Nguyễn, giữ vai trò “Kinh đô thứ hai” của Đàng Trong từ thế kỷ XVII. Đây không chỉ là một trung tâm quân sự - hành chính trọng yếu mà còn là đầu mối ngoại giao, thương mại và văn hóa, gắn liền với thương cảng Hội An, với sự hiện diện sớm của các giáo sĩ phương Tây và những dấu ấn ban đầu của chữ Quốc ngữ.

Đó là cơ sở để đề xuất cách tiếp cận mô hình hóa liên ngành nhằm nhận diện diện mạo kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm. Việc kế thừa mô hình kiến trúc gỗ tinh xảo của Kim Long, kết hợp với tính chất phòng thủ của Phước Yên và Ái Tử, cùng sự tham chiếu các ghi chép đương thời của các giáo sĩ như Alexandre de Rhodes hay Christoforo Borri, Jean Koffler cho phép phác thảo một không gian thủ phủ mang tính lưỡng hợp: vừa là phủ chúa thu nhỏ của các Thế tử, vừa là dinh trấn quân sự trấn giữ cửa ngõ phía Nam đèo Hải Vân. Thanh Chiêm vì thế không phải là một thành lũy khép kín mà là một không gian mở, gắn bó mật thiết với sông nước, vườn cảnh và mạng lưới giao thương vùng hạ lưu Thu Bồn.

Với mong muốn góp phần lấp đầy khoảng trống tư liệu về kiến trúc và quy hoạch một trung tâm quyền lực quan trọng của Đàng Trong, tạo cơ sở khoa học cho việc dựng mô hình 3D và chế tác sa bàn Dinh trấn Thanh Chiêm trong tương lai, thiết nghĩ Thanh Chiêm có thể được tái hiện như một không gian lịch sử sống động, phản ánh đầy đủ vai trò chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa của Quảng Nam trong tiến trình Nam tiến và hình thành bản sắc quốc gia Việt Nam thời trung cận đại./.

Tài liệu tham khảo:

1. Barrow John (2011), *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792 - 1793* (bản dịch Nguyễn Thừa Hỷ, tái bản lần 1), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Borri Cristophoro (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621* (Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Cadière L. (1906), "*Le mur de Đồng-Hới: etude sur l'établissement des Nguyễn en Cochinchine*", BEFEO, Tome 6.
4. Cadière L. (1914-1916), "Les Résidences des rois de Cochinchine (Annam) avant Gia-Long", *Bulletin de la Commission archéologique de l'Indochine*, Paris, Imprimerie Nationale, Ernest Leroux, pp. 103 - 185.
5. Cordier, Henri (1887), "*Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine*", *Revue de l'Extrême-Orient*, tập 3, số 1, tr.81-121, 364-510.
6. Koffler Jean (1911), "*Description historique de la Cochinchine [1766].*" Traduit du latin par V. Barbier. *Revue Indochinoise*, t. 15-17.
7. Le Floch de La Carrière (1787), *Plan d'une partie des côtes de la Cochinchine, depuis Chamcollao et la rivière de Fayfo jusqu'à... Song-Hué... (1755 et 1759)*, Bản đồ lưu tại Thư viện Quốc gia Pháp, <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/btv1b53066959n?rk=236052;4>.
8. Lê Đản (2012), *Nam hà tiếp lục* (Trần Đại Vinh dịch), Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế, số 3 - 4, "Chuyên đề sử liệu Việt Nam".

9. Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Phan Đăng dịch, chú giải, giới thiệu), Huế: Nxb. Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây.
10. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học, Hà Nội.
11. Mai Thị (1558 - 1571), *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, trong Lê Hồng Long, Vũ Sông Trà (1996), *Tư liệu thư tịch và di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán (1496-1568)*, Quảng Ngãi: Sở VHTT Quảng Ngãi (Trần Nghĩa hiệu đính).
12. Maybon Ch. (1912), “*Jean Koffler, auteur de Historica Cochinchinae descriptiva (1803)*”, *Revue Indochinoise*, Hà Nội, t. 17, tr. 540 - 541.
13. Nội các quan bản (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, t. 3.
14. Nguyễn Huy Quỳnh (2018), *Quảng Thuận đạo sử tập* (Nguyễn Thanh Tùng, Hoàng Ngọc Cương, Nguyễn Thu Hoài, Lê Hữu Nhiệm dịch, Nguyễn Huy Chất hiệu đính), Vinh: Nxb. Đại học Vinh.
15. Nguyễn Sinh Duy (2001), “*Nhật ký du hành gặp vua xứ Đàng Trong của James Bean*”, *Nghiên cứu Huế*, t.2.
16. Phạm Đình Khiêm (1960), “*Đi tìm địa điểm và di tích hai thành cổ Quảng Nam và Phú Yên đầu thế kỷ XVII*”, *Việt Nam Khảo cổ tập san*, Số 1, tr. 71 - 96.
17. Phạm Nguyễn Du (2017), “*Nam hành ký đắc tập*” (Trần Đại Vinh dịch), *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, số 5 - “Chuyên đề sử liệu Việt Nam”.
18. Phan Thanh Hải (2008), *Các thủ phủ thời chúa Nguyễn (1558-1775) trên đất Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, H.: Viện Sử học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
19. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, t. 1.
20. Rhodes Alexandre de (1994), *Hành trình và truyền giáo* (Hồng Nhuệ dịch), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban đoàn kết công giáo xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự* (bản dịch của Nguyễn Phương, Hải Tiên Nguyễn Duy Bột), Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản.
22. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (2013), *Thư của các giáo sĩ Thừa sai* (Nguyễn Minh Hoàng dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội.
23. Vũ Hữu Minh (1997), “*Tấm bản đồ Huế của Le Floch de la Cadière năm 1787*”, trong UBND Thành phố Huế: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế*, tr. 29-37.

DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ GÓC NHÌN TỪ KHÍA CẠNH KHẢO CỔ HỌC - LỊCH SỬ VÀ ĐỀ XUẤT KHẢ NĂNG TIẾP TỤC KHAİ QUẠT, NGHIÊN CỨU BỔ SUNG¹

ThS. Nguyễn Chí Trung

Nguyên Giám đốc Trung tâm QLBTDSVH Hội An

1. Đặt vấn đề

Năm 1600, sau khi quyết định vĩnh viễn rời đất Bắc, Nguyễn Hoàng có một loạt hành động để xác lập quyền lực ở Thuận Quảng và chuẩn bị cho sự ra đời xứ Đàng Trong. Ông đã chuyển lý sở đầu não từ dinh Trà Bát sang dinh Cát, cho dựng nhiều ngôi chùa trọng yếu, mở đất Phú Yên và đặc biệt là cắt vùng đất Nam Hải Vân (đó là huyện Điện Bàn, của phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa) nhập vào, lập thành dinh Quảng Nam (1604)². Đồng thời cho xây dựng/thiết lập Lý sở của dinh Quảng Nam (dinh Cần Húc/dinh Thanh Chiêm) quy mô bề thế tương xứng với một đơn vị hành chính rộng lớn và quan trọng, trở thành trung tâm chính trị lớn thứ hai sau phủ Phú Xuân. Nơi đây, các chúa đã sai các con đến tập dượt làm chính sự để có thể kế nhiệm mình trị vì đất nước. Sử cũ chép: Năm 1602, Nguyễn Hoàng đặt làm *dinh Quảng Nam* (廣南營) với các chức quan cai trị: trấn thủ, cai bộ, ký lục: “... Sai hoàng tử thứ sáu (Nguyễn Phúc Nguyên) làm trấn thủ Quảng Nam... Liền vượt qua núi (Hải Vân) xem xét hình thế, dựng trấn dinh ở xã Cần Húc (nay thuộc huyện Duy Xuyên), xây kho tàng, chứa lương thực, sai hoàng tử thứ sáu trấn giữ. Lại dựng chùa Long Hưng ở phía đông trấn”³.

Những sự kiện nêu trên đã đánh dấu một thời vận mới, một mốc thời gian quan trọng đối với lịch sử di dân xuống phía Nam của dân tộc Đại Việt, đồng thời mở ra thời kỳ vận hội thăng hoa của cả xứ Quảng - Đàng Trong, của lịch sử Việt Nam nói chung và cả đối với Đô thị thương cảng quốc tế Faifo - Hội An nói riêng.

¹ Xuất phát từ tính chất của Di tích Thanh Chiêm là một di tích lịch sử - văn hóa, do phần kiến trúc (công trình dinh/thự) hầu như không còn, hoặc ở dạng phế tích/dấu vết trong lòng đất, trong truyền tụng dân gian. Chính vì thế từ khoa học khảo cổ, chúng tôi xin được tiếp cận dưới góc độ Khảo cổ học - lịch sử.

² Ở đây, cần hiểu dinh/doanh được dùng phổ biến thời chúa Nguyễn với 3 nghĩa cơ bản: [1] đơn vị hành chính, một khu vực hành chính cấp tỉnh (dưới trung ương); [2] nơi đóng lý sở của chúa ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam; và [3] đơn vị quân đội lớn. Ở nghĩa [1], cơ cấu hành chính của dinh Quảng Nam: dưới viên trấn thủ gồm có hai ty là *Xá sai ty* và *Tướng thân lại ty* với biên chế: “*Xá sai ty* Câu kê 3 người, Cai hợp 7 người, Thủ hợp 10 người, lại viên 40 người, giữ việc từ tụng văn án, do *Ký lục* cầm đầu; lại có ty *Tướng thân lại*, số người cũng thế, giữ việc cấp lính các xã, cấp các vi tử làm ngụ lộc, thu phát tiền sai dư và thóc tô ruộng do một viên *Cai bạ* đứng đầu”. Rõ ràng, dinh Quảng Nam là một dinh lớn chỉ sau Chính dinh Phú Xuân. Nơi đây chỉ thiếu Lệnh sử ty mà ở Chính dinh Phú Xuân mới có.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, t.1, tr.35 - 36.

Từ khía cạnh/góc nhìn khảo cổ học - lịch sử, mặc dù đến nay về giá trị lịch sử - văn hóa của quần thể “Di tích dinh trấn Thanh Chiêm” (đã được cấp bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa, cấp quốc gia năm 2017) nhưng vẫn còn khá nhiều tồn ngại và nhất là do đã sau hơn 200 năm không còn sử dụng, nên di tích trở thành phế tích, nhiều hạng mục bị vùi lấp trong lòng đất...cùng nhiều công trình/hạng mục tín ngưỡng, dân sinh, xã hội chùng lún lên...đặt ra nhiều vấn đề cần trao đổi trên lĩnh vực bảo tồn và phát huy di tích trong thời kỳ đương đại và tương lai lâu dài cho thế hệ mai sau. Trong phạm vi hạn hẹp của hội thảo này chúng tôi xin được trình bày nội dung với tiêu đề: **“Dinh trấn Thanh Chiêm và góc nhìn từ khía cạnh khảo cổ học - lịch sử và đề xuất khả năng tiếp tục khai quật, nghiên cứu bổ sung”**.

2. Quá trình nghiên cứu, bảo tồn góc nhìn từ khía cạnh khảo cổ học - lịch sử

Dựa vào nguồn sử liệu “Quốc sử quán triều Nguyễn”; tư liệu thư tịch của các thương nhân, giáo sĩ đương thời; và xuất phát từ nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí - tầm chiến lược của Xứ Quảng (Dinh Quảng Nam) nói chung, về di tích Dinh Thanh Chiêm - ly sở/dinh trấn thủ của dinh Quang Nam nói riêng trong giai đoạn lịch sử thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong mà cho đến nay có khá nhiều học giả, nhà nghiên cứu quan tâm điều tra, nghiên cứu về địa danh, di tích lịch sử này trong suốt nhiều năm qua. Tiên phong ban đầu có thể phải nhắc đến đó là của học giả Phạm Đình Khiêm (cùng các cộng sự) vào năm 1958 đã điền dã, khảo sát khá kỹ địa điểm di tích Thanh Chiêm. Kết quả được báo cáo đăng trên Việt Nam khảo cổ tập san - số 1, năm 1960, do Bộ quốc gia, giáo dục Sài Gòn ấn hành. Tiếp theo có các công trình nghiên cứu của các học giả: Phan Khoang - Việt sử Xứ Đàng Trong, xuất bản năm 1970; Phan Du - Quảng Nam qua các thời đại, xuất bản năm 1974... Tuy nhiên, do vùng Quảng Nam - Đà Nẵng là nơi cuộc chiến tranh (giai đoạn kháng chiến chống Mỹ) diễn ra rất ác liệt nên hầu như việc nghiên cứu khảo sát thực địa bị gián đoạn, sau năm 1975 thống nhất đất nước, thời kỳ đầu, điều kiện kinh tế còn quá khó khăn nên cũng chưa có hoạt động nghiên cứu nào đáng chú ý ở đây. Đến năm 1989, mới có đoàn khảo sát lịch sử - văn hóa do GS. Trần Quốc Vượng (Trưởng bộ môn Khảo cổ học, giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Việt Nam của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội) dẫn đầu phối hợp cùng với cán bộ Phòng Văn hóa thông tin Điện Bàn đã tổ chức điều tra khảo sát các di tích ở hai xã Điện Phương, Điện Minh (thuộc huyện Điện Bàn cũ). Nhất là sau khi tách lập tỉnh Quảng Nam (năm 1997) đã có khá nhiều cuộc hội thảo về Quảng Nam do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam

chủ trì, xuất bản ấn phẩm kỷ yếu như: “Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng - 3/2001”; “Danxung Quảng Nam - 9/2001” hay “Quảng Nam 550 năm hình thành và phát triển (1471 - 2021). Và đáng ghi nhận với hai cuộc Hội thảo tập trung chủ đề về di tích Thanh Chiêm đã được xuất bản kỷ yếu: Vai trò lịch sử Dinh trấn Quảng Nam - 9/2002 (do Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam ấn hành 2/2002); và Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ - năm 2016 (do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ấn hành năm 2022)⁴. Có thể nói đây là những cuộc hội thảo với những bộ kỷ yếu khoa học khá đồ sộ, tập hợp được rất nhiều nhà khoa học cả ở trong và ngoài nước tham gia, viết bài tham luận. Để góp phần tìm hiểu trấn/dinh Quảng Nam, Dinh Chiêm hay di tích Thanh Chiêm phải kể đến sự đóng góp của các nhà khảo cổ Nhật Bản. Từ năm 1999 đến năm 2000, họ đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Việt Nam tiến hành nghiên cứu và khai quật tại thôn Thanh Chiêm, đồng thời sử dụng thiết bị khảo sát dưới lòng đất để tìm hiểu về các dấu vết khảo cổ học cũng như vị trí của dinh trấn Quảng Nam. Theo báo cáo khoa học của GS.TS. Seiichi Kikuchi: “...để làm rõ lịch sử và đặc điểm của di tích, chúng tôi đã tiến hành khai quật khảo sát nơi này hai lần. Lần thứ nhất vào tháng 8/1999, lần thứ hai vào tháng 8/2000. Sau đó, vào năm 2001, chúng tôi cũng đã tiến hành thăm dò lòng đất di tích này bằng radar”⁵. Ngoài ra cũng phải kể đến các nghiên cứu đơn lẻ/độc lập với các bài chuyên khảo của nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Tương, TS Huỳnh Công Bá, phó GS.TS. Ngô Văn Minh hay công trình nghiên cứu xuất bản (sách) của Đinh Trọng Tuyên và Đinh Bá Truyền với: Dinh trấn Thanh Chiêm Quảng Nam, xuất bản năm 2010...

3. Nhiều tham luận trong các cuộc hội thảo khẳng định vai trò quan trọng của dinh trấn Thanh Chiêm trong việc hình thành và truyền bá chữ Quốc ngữ. Trong số 30 tham luận thuộc chủ đề 2, có 22 tham luận xác quyết Thanh Chiêm là cái nơi khai sinh ra chữ Quốc ngữ; có 4 tham luận ghi nhận “Thanh Chiêm là một trong những cái nôi đầu tiên quan trọng nhất sáng tạo ra chữ Quốc ngữ” và 1 tham luận cho rằng nơi khai sinh ra chữ Quốc ngữ không phải là Thanh Chiêm mà là Càn Húc, vì đó mới là nơi đặt dinh trấn Quảng Nam và “chúng ta chưa tìm ra được một tài liệu nào nói rõ Thanh Chiêm là nơi đặt lỵ sở dinh Quảng Nam, hay là nơi ra đời chữ Quốc ngữ” [Ngô Văn Minh]. Ngoài những ý kiến khá thống nhất về vai trò của dinh trấn Thanh Chiêm đối với sự ra đời chữ Quốc ngữ, thì cũng có ý kiến cho rằng các danh xưng: Kê Chiêm, Kê Châm, Dinh Chiêm, Cacciam Ciam, Dinh Cham, Dinhciam, Digcham, Cacciam, Cachao, Cáchã, Cacham, Cachâm... trong các nguồn sử liệu Việt Nam và sử liệu phương Tây vào các thế kỷ XVII - XIX chỉ khẳng định đó là lỵ sở của dinh trấn Quảng Nam mà không chỉ rõ đó là Thanh Chiêm như cách hiểu của nhiều người. Nghiên cứu về quá trình truyền giáo của các giáo sĩ phương Tây và sự du nhập và phát triển của Thiên Chúa giáo ở Đàng Trong. Trong đó, Quảng Nam nói chung, Thanh Chiêm nói riêng, giữ một vai trò quan trọng. Nhiều tham luận chứng minh rằng chính nhu cầu truyền giáo và giảng đạo bằng tiếng bản xứ là tiền đề thúc đẩy sự ra đời của chữ Quốc ngữ, từ đó khẳng định các giáo sĩ Thiên Chúa giáo phương Tây, đặc biệt là các tu sĩ Dòng Tên, là những người có công khai sinh chữ Quốc ngữ, và Thanh Chiêm là nơi mà các giáo sĩ bắt đầu công việc sáng tạo chữ Quốc ngữ. Khẳng định giáo sĩ Francisco de Pina (người Bồ Đào Nha), Cha bề trên ở cư sở Thanh Chiêm, là người thạo tiếng Việt nhất trong số các giáo sĩ phương Tây có mặt ở Quảng Nam và Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVII, chính là người đã đặt nền tảng cho việc ra đời chữ Quốc ngữ.

⁵ GS. Kikuchi Seiichi: *Nghiên cứu về Dinh Trấn Quảng Nam*, bài tham luận in trên kỷ yếu Hội thảo: Dinh Trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2022, Tr. 559.

Những thành quả, công trình nghiên cứu khoa học nêu trên về cơ bản đã khẳng định được vai trò, vị trí, giá trị lịch sử - văn hóa của Dinh Quảng Nam, di tích Thanh Chiêm trong quá trình lịch sử hành tiến về phương Nam của dân tộc Việt nói chung, đặc biệt trong thời kỳ các Chúa Nguyễn nói riêng. Biểu hiện qua những nội dung được khẳng định đó là:

- Về vai trò và vị trí của Trấn/dinh Quảng Nam, Dinh Chiêm - di tích Thanh Chiêm đối với lịch sử, chính trị, xã hội, quốc phòng và kinh tế của vùng đất xứ Đàng Trong trong các thế kỷ XVI, XVII - XVIII: dinh Quảng Nam xưa là trung tâm chính trị lớn sau Đô thành Huế, là kinh đô thứ hai của Đàng Trong; Một trung tâm kinh tế lớn nhất, một hậu phương vững chắc cho Thuận Hóa phòng ngự ở mặt bắc với chúa Trịnh và trở thành đất trung chuyển cho dân tộc tiến về phương Nam; Trong thời đại hội nhập, cùng với Đô thị thương cảng Faifo - Hội An, Quảng Nam trở thành cửa ngõ trọng yếu trong chính sách kinh tế đối ngoại, mở rộng giao thương với bên ngoài của chúa Nguyễn; Từ cửa ngõ lớn nhất xứ Đàng Trong này, Quảng Nam sớm có sự giao lưu, tiếp xúc với văn hóa phương Tây; Dinh Quảng Nam có tiềm lực quân sự mạnh, sát cánh cùng chính dinh Phú Xuân bảo vệ bờ cõi, cả vùng biển đảo và đẩy mạnh công cuộc Nam tiến...⁶

Có thể nói trong suốt thời chúa Nguyễn, dinh Quảng Nam có vị thế vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa và quân sự của xứ Đàng Trong. Đó là một dinh trọng yếu cùng với Thuận Hóa nhanh chóng phát triển về mọi mặt. Thuận Quảng nhanh chóng trở thành vùng đất căn bản cho chúa Nguyễn xây dựng cơ nghiệp đối chọi với thế lực họ Trịnh và tiếp tục và hoàn chỉnh công cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam.

- Về việc xác định vai trò của dinh Quảng Nam - Dinh Chiêm đối với sự ra đời/hình thành chữ Quốc ngữ của dân tộc Việt.

- Đề xuất được nhiều giải pháp tích cực cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích Thanh Chiêm và di sản chữ Quốc ngữ để tôn vinh, phục vụ phát triển du lịch ở Thanh Chiêm.

- Đây là cơ sở khoa học, khách quan để di tích Thanh Chiêm được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa quốc gia năm 2017.

⁶ Theo GS.TS. Seiichi Kikuchi cho rằng di tích ở Thanh Chiêm thuộc huyện Điện Bàn hiện nay chính là dinh trấn Quảng Nam đã được xây dựng năm 1602 để cai quản vùng Quảng Nam. Khu dinh trấn được xây dựng ở vị trí này đã nằm đúng vị trí trọng yếu của hệ thống giao thông thủy bộ. Nó vừa hội tụ được các đầu mối giao lưu và nguồn cung cấp lâm sản phong phú, nơi tập trung hương liệu từ vùng thượng lưu vừa quản lý được các cảng mậu dịch quốc tế ở hạ lưu. Đồng thời, ở vị trí này, dinh trấn cũng kiểm soát được con đường giao thông quan trọng nối liền Nam - Bắc.

3. Đề xuất khả năng tiếp tục khai quật, nghiên cứu bổ sung

Trải qua hàng trăm năm với biết bao biến động của xã hội và thiên nhiên, hiện nay di tích Thanh Chiêm gần như không còn lại dấu tích gì rõ ràng trên mặt đất. Tuy vậy, tại làng Thanh Chiêm và một số làng thuộc xã Điện Phương, Điện Minh, thị xã Điện Bàn trước đây vẫn còn lưu lại các địa danh có liên quan như: *Hành Cung* (xưa là nơi ở và làm việc của quan trấn thủ, nay chỉ còn lại một khu đất cao khá rộng nằm trong khu dân cư, trong đó có một phần nền đất của trường trung học cơ sở Nguyễn Du); *Tàu Tượng* (là khu đất rộng nằm ở phía bắc Hành Cung. Xưa kia đây là nơi nuôi và huấn luyện voi, ngày nay trở thành thổ cư); *Mô Súng* (phía đông Hành Cung có mô đất cao dùng làm nơi đặt súng thần công để bảo vệ phía đông bắc dinh trấn. Ngày nay vẫn còn vết tích mô đất cao phía trước nhà thờ tộc Đình Công); *Kho Muối* (xưa là nơi chứa muối, lương thực cung cấp cho dinh trấn, nằm cạnh Hành Cung, hiện nay là nhà thờ Tiên hiền và đình làng Thanh Chiêm); *Vườn Chùa* (nằm gần Mô Súng, trên cánh đồng thôn Triêm Đông, nhiều người cho rằng đây là nền chùa Long Hưng - ngôi chùa có liên quan mật thiết với lịch sử dinh trấn Thanh Chiêm); *Văn Miếu* (ngày nay là khu đất trường dạy nghề và trường phổ thông trung học Nguyễn Khuyến); *Thành Vệ* (xưa kia là mặt thành phía tây của dinh trấn, nằm cạnh bờ sông trên đất xã Điện Minh, đã bị xói lở, nay chỉ còn một bãi cát). Đồng thời, còn khá ít về kết quả khảo cổ học trong lòng đất ở khu vực này (theo kết quả nghiên cứu của các chuyên gia khảo cổ Nhật Bản). Hơn nữa, Dinh Chiêm được ghi trong sử sách thì xây dựng từ năm 1602 (thời chúa Nguyễn) và là dinh trấn của Quảng Nam cho đến năm 1775. Sau khi triều đại Tây Sơn kết thúc, vào năm 1804, dinh trấn Quảng Nam được tái dựng ở đây vào đầu thời nhà Nguyễn), tồn tại cho đến năm 1823. Tỉnh thành Quảng Nam sau này được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 4 (1823) nằm cách di tích này khoảng 4 km (hiện nay cũng đã trở thành phế tích). Xét về mặt quy mô, công năng - kết cấu kiến trúc theo tài liệu ghi chép để lại, mặc dù Dinh Chiêm có vai trò, vị trí khá quan trọng, đặc biệt (thứ đô thời các Chúa Nguyễn) nhưng chắc hẳn cũng không được xây dựng kiên cố, bền vững (kết cấu gạch, đá) đến mức như kinh thành (Phủ Xuân) sau này. Và giao tranh năm 1775 đã bị tàn phá, sau đó vào thời Gia Long dù cho xây dựng lại, nhưng khả năng cũng khá đơn giản và sau đó không lâu, vào năm 1823 lại dời nơi khác. Từ đó đến nay, di tích đã trở thành vùng dân cư - làng mạc, bị xâm lấn/chồng lấn bởi công trình xã hội, dân sinh, tôn giáo, tín ngưỡng và đặc biệt trải qua bao nhiêu năm thực dân Pháp đô hộ, chiến tranh...dấu vết quy mô kiến trúc, kết cấu di sản văn hóa vật thể đã

thực sự không còn hoặc quá ít ỏi trong lòng đất⁷. Như vậy, cho đến nay, ngoài những địa danh trong dân gian vẫn còn truyền tụng, các dấu tích và di vật nằm trong lòng đất được các nhà khoa học khảo sát, khai quật và thăm dò được là những cứ liệu vật chất đáng tin cậy để xác định vị trí của Dinh trấn Thanh Chiêm.

Xuất phát từ những yếu tố nêu trên, chúng tôi xin có một số đề xuất sau:

- Do tính chất và thực tiễn hiện tồn của di tích Thanh Chiêm việc đặt vấn đề khảo cổ học ở đây phải được tiếp cận từ khía cạnh khảo cổ học - lịch sử. Nghĩa là việc triển khai tiếp tục về công tác khảo cổ học ở đây phải được, chủ yếu/cơ bản vẫn là sử dụng nguồn cứ liệu, tư liệu/thư tịch lịch sử, hồi cố. Việc triển khai tiếp tục nghiên cứu, điền dã, khai quật khảo cổ học từ trong lòng đất để có thể nhận biết về hình thể, cấu trúc và phục dựng lại quần thể di tích kiến trúc ở đây là không thể. Nghĩa là chúng ta phải dựa vào tư liệu lịch sử (khảo cổ học - lịch sử). Phải từ những cứ liệu, ghi chép, mô tả, tư liệu thư tịch (thông qua bộ Quốc sử quán triều Nguyễn, ghi chép, mô tả, bản đồ/sơ đồ cổ để lại của các thương thân, giáo sĩ ...) lúc đương thời và tư liệu điền dã khảo cổ học thông qua tư liệu hồi cố, dấu vết hiện tồn, truyền tụng dân gian ở khu vực này và xung quanh để tiếp tục nghiên cứu, góp phần làm sáng rõ những vấn đề còn tồn nghi, những yêu cầu được đặt ra phục vụ cho hoạt động bảo tồn, phát huy di tích, giáo dục truyền thống lịch sử cho thế hệ mai sau và đặc biệt cho việc phát triển gắn kết với kinh tế du lịch của địa phương.

Dựa vào các kết quả nghiên cứu khai quật khảo cổ học trước đây của các chuyên gia Nhật Bản (chủ trì), nên việc tiếp tục tổ chức khảo sát để tiến hành tiếp tục khai quật khảo cổ từ trong lòng đất ở đây là không cần thiết.⁸ Chỉ tiến hành

⁷ Toàn bộ khu vực Dinh Chiêm ngày nay đã trở thành khu dân cư, do đó việc khoanh vùng khu vực bảo vệ chỉ có thể xác định từng điểm riêng rẽ trong tổng thể di tích chứ không thể khoanh vùng toàn bộ di tích. Thực ra chỉ còn lại tên/ địa danh thuộc về dinh trấn như: Hành Cung, Kho Muối, Văn Miếu, Tầu Tượng, Mộ Súng, Thành Vệ, Vườn Chùa... và những điểm khai quật khảo cổ học do các nhà khoa học Nhật Bản thực hiện đã xác định được vị trí, rất thuận lợi cho việc khoanh vùng khu vực bảo vệ. Các địa danh không xác định được vị trí cụ thể thì những tên gọi đó chỉ có ý nghĩa tham khảo về mặt lịch sử địa phương chứ không thể khoanh vùng bảo vệ và phát huy giá trị. Qua khảo sát thực tế ở địa phương, những di tích còn lại cho thấy dinh trấn Thanh Chiêm hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX không chỉ nằm trên địa phận của làng Thanh Chiêm mà còn mở rộng sang các làng lân cận xưa như Phước Kiều, An Quán, Đông Khương, An Nhơn, Văn Đông (*Cần Húc*), Phú Chiêm, Điện Bình, Khúc Lũy và Uất Lũy, tức toàn bộ xã Điện Phương và một phần của xã Điện Minh, huyện Điện Bàn trước đây.

⁸ Theo chúng tôi vấn đề: Về liên quan/mối quan hệ trước sau/vị trí... giữa Cần Húc, Văn Đông hay Thanh Chiêm và đối chiếu giữa các nguồn tư liệu thư tịch với kết quả điều tra khảo cổ học tại thôn Thanh Chiêm (của các chuyên gia Nhật Bản bằng phương pháp điều tra khai quật và điều tra bằng thiết bị địa thám để xác định quy mô, độ lớn, niên đại...) tại khu vực với các địa danh liên quan đến di tích ở thôn Thanh Chiêm hiện nay cho biết: ngoài nhiều hiện vật gồm có niên đại thế kỷ XVI, XVII, XVIII, người ta còn phát hiện nhiều di vật, dấu vết kiến trúc, dấu vết hình rãnh có niên đại thuộc thế kỷ XVII, và dấu vết hố chôn cọc của một công trình lớn hồi thế kỷ XVIII, XIX. Do những điều này phù hợp với những ghi chép trong các bộ Quốc sử quán triều Nguyễn và sách, thư tịch của các sử gia, nhân sĩ đương thời nên có thể kết luận: Tại thôn Thanh Chiêm hiện nay, đã tìm thấy dấu tích kiến trúc thủ phủ của dinh Quảng Nam được Chúa Nguyễn xây dựng vào năm 1602, tồn tại cho đến năm 1775 và dấu vết kiến trúc của Dinh Trấn Quảng Nam được xây dựng từ năm 1804 đến năm 1824 vào thời

khai quật khảo cổ trong trường hợp do quá trình thi công các công trình ở đây bắt gặp những dấu hiệu/dấu vết về di tích trong lòng đất. Nên chăng tập trung định vị, xử lý khoa học, số hóa kết quả khảo cổ học trước đây và tiếp tục tổ chức sưu tầm tư liệu/thư tịch, hiện vật trên thực địa, trong dân gian bổ sung vào nguồn kho tư liệu, hiện vật đã có. Trên cơ sở kết quả này tập trung đẩy mạnh vào việc hệ thống hóa, tư liệu hóa, số hóa nguồn tư liệu/thư tịch, hiện vật có được. Sự thành công của công cuộc phục hồi, tái tạo lại di tích, thiết lập bảo tàng và phát huy di tích: Dinh Quảng Nam - Dinh Chiêm - di tích Thanh Chiêm hoàn toàn phụ thuộc vào kết quả này.

- Hiện nay, kết quả nghiên cứu trong nhiều năm qua là khá đồ sộ, nhưng cũng chỉ dừng lại ở các bộ sách/tập tài liệu kỹ yếu hội thảo khoa học, gồm nhiều bài tham luận để tham khảo/tìm hiểu/tham chiếu, phục vụ nghiên cứu. Nghĩa là chưa được tổ chức nghiên cứu, tập hợp có tính chất hệ thống, trở thành bộ tài liệu/sách chính thống, có tính chất giáo khoa. Mặt khác, ở đây vẫn còn nhiều tồn nghi, ý kiến trái ngược, chưa thống nhất, thậm chí còn diễn ra nhiều tranh luận khá gay gắt. Để thống nhất/làm được việc này nên chăng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan chủ trì) nên tham mưu thành lập nhóm tổ chức nghiên cứu, biên soạn xuất bản bộ sách/tài liệu chính thống, trên cơ sở có sự tham gia thẩm định của Hội đồng khoa học.

- Việc bảo tồn khu di tích này phải được triển khai theo quan điểm “Bảo tàng sinh thái - nhân văn”, gắn gũi, gắn bó, hòa quyện với sinh cảnh, văn hóa truyền thống - nhân văn của địa phương, vùng đất Xứ Quảng - nghĩa là quan tâm đến cảnh quan sinh thái tự nhiên; cảnh quan di tích - tính nguyên mẫu/chân xác; hoạt động của con người - tính truyền thống, văn hóa - nhân văn, gắn kết với cộng đồng cư dân địa phương. Các nhân tố này được gắn với việc áp dụng/sử dụng công nghệ số hóa 3D. Bởi lẽ, ở đây trước hết cần nhận thức về không gian cảnh quan, không gian kinh tế, chính trị, văn hóa, cả về lịch sử Xứ Quảng, với dòng sông Thu Bồn - Chợ Cui/Sài Giang và nhất là đối với Đô thị thương cảng quốc tế Faifo - Hội An. Mà trung tâm hành chính - chính trị đó là Dinh Chiêm - Di tích Thanh Chiêm. Hay cũng phải lưu ý mở rộng không gian chi tiết, liên quan đến các di tích Nhà thờ Bà chúa tầm tang - Đoàn Quý phi; nhà thờ Phước Kiều ở khu vực đình trấn Thanh Chiêm...

Nguyễn. Vấn đề còn lại là chúng ta cần làm rõ mối liên hệ, chuyển hóa giữa Cần Húc, Văn Đông và Thanh Chiêm như thế nào (?) bằng tư liệu dân tộc học.

- Thông qua khảo cổ học - lịch sử, nghĩa là kết hợp tư liệu, hiện vật trên thực địa và khảo cứu tư liệu, sử liệu, thư tịch, hình ảnh, sơ đồ, bản đồ cổ...đặc biệt lưu ý dùng ứng dụng công nghệ số nghiên cứu, giải mã hai bức tranh cuộn (Emaki) Nhật Bản, vẽ vào thời kỳ Edo (1603 - 1868), miêu tả cảnh thương thuyền Nhật Bản vượt biển đến buôn bán với xứ Đàng Trong mà người Nhật đương thời gọi là Kochi Koku (Giao chỉ quốc), trong đó có hình ảnh Dinh Chiêm, hiện hai bức tranh gốc được lưu giữ tại Nhật Bản. Từ hai bức tranh này có thể để phục hồi/phục dựng di tích Dinh Chiêm trên không gian thực địa hay tái tạo toàn cảnh khu di tích gắn với Công viên di tích Thanh Chiêm, hay trong bảo tàng...với công nghệ số - công nghệ thực tế ảo, hay công nghệ VR/AR trong lưu trữ, tái tạo cổ vật, di tích dưới dạng mô hình 3D. Hoặc mở rộng ứng dụng hệ thống mã QR...

Quả thực, để tái tạo, phục hồi, bảo tồn và phát huy hệ thống/quần thể di tích quốc gia - Di tích Thanh Chiêm (hay định danh hiện nay là Dinh trấn Thanh Chiêm) là một công cuộc khá khó khăn. Ở đây đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn, (nhất là vai trò của khảo cổ học - lịch sử) và công nghệ, kinh tế du lịch và cũng đòi hỏi với một nguồn kinh phí đầu tư khá lớn, cùng với quan điểm quy hoạch, định hướng phù hợp. Hy vọng di tích sớm được quan tâm đầu tư mọi mặt, phát huy hiệu quả trong giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa của địa phương, phục vụ du khách tham quan du lịch và nhất là phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, thông qua phát triển kinh tế du lịch nơi đây.

MÔ HÌNH QUẢN LÝ TÍCH HỢP TRONG BẢO TỒN DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM

PGS.TS. Đặng Văn Bài

Phó Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

Lời mở đầu

Bản chất của đổi mới tư duy trong bảo tồn di sản văn hóa là thay đổi thái độ đối xử với di tích như một “vật thể chết” sang duy trì, nuôi dưỡng di tích như một “cơ thể sống”. Di sản chỉ thực sự được bảo tồn bền vững khi nó vẫn còn giá trị sử dụng và thực sự nhận được sự trân trọng từ thế hệ trẻ. Chỉ với phương thức đó di sản văn hóa mới có thể đóng vai trò là “nhịp cầu” kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai. Đổi mới tư duy trong bảo tồn di sản văn hóa không phải là thay đổi giá trị cốt lõi của di sản, mà là thay đổi cách chúng ta nhìn nhận, ứng xử và khai thác giá trị đó trong bối cảnh đương đại.

1. Dinh trấn Thanh Chiêm - một trong những biểu tượng nổi bật của văn hóa xứ Quảng

Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là một địa danh hành chính cũ, mà còn là biểu tượng cho tầm nhìn chiến lược của các chúa Nguyễn trong hành trình mở mang bờ cõi về phương Nam với tinh thần “từ thuở mang gươm đi mở nước, ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long”.

Trải qua thăng trầm của thời gian, dù những đền đài, dinh thự xưa không còn nguyên vẹn, nhưng “hồn thiêng” của Thanh Chiêm vẫn sống mãi trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Đó là giá trị của sự khát vọng mở nước, lòng tự hào về một trung tâm văn hóa - chính trị rạng rỡ và sự tri ân đối với nơi đã góp phần hình thành nên bản sắc ngôn ngữ Việt. Giá trị nổi bật của di tích Dinh trấn Thanh Chiêm thể hiện ở 3 mặt cụ thể sau đây:

Thứ nhất, là trung tâm chính trị và quân sự trọng yếu được Chúa tiên Nguyễn Hoàng thành lập vào năm 1602, Thanh Chiêm đóng vai trò là “phên dậu” phía Nam, bảo vệ chính phủ tại Thuận Hóa. Đây là nơi các vị thế tử (con trai chúa Nguyễn) được đưa đến để thử thách và rèn luyện khả năng trị quốc trước khi nối nghiệp. Với vị thế đặc địa bên dòng sông Thu Bồn, Thanh Chiêm trở thành một căn cứ quân sự hùng mạnh, kiểm soát giao thông và đảm bảo an ninh cho toàn bộ vùng đất Quảng Nam xưa. Nhà nghiên cứu Châu Yến Loan đã nhận xét rất chính xác “trong các đợt mang gươm đi mở cõi, Dinh Chiêm là hậu phương vững chắc đã đóng góp lớn lao về nhân lực cũng như vật lực giúp các chúa Nguyễn hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại này”.¹

Cuộc hành trình mở nước được chính thức khởi đầu từ năm 1069, thời Lý Thánh Tông và kết thúc vào năm 1757, thời Nguyễn Phúc Khoát. Hơn 700 năm, các triều đại phong kiến khi thì dùng vũ lực, lúc lại dùng biện pháp hòa bình, từng bước mở rộng biên cương xuống phía Nam. Trong lịch sử dân tộc, chưa có lúc nào mà lãnh thổ nước ta được mở rộng nhanh chóng bằng dưới thời các chúa Nguyễn. Chưa đầy 150 năm, một vùng đất rộng lớn, kéo dài từ Cù Mông đến tận mũi Cà Mau đã được sáp nhập vào bản đồ Đại Việt.

Thứ hai, Dinh trấn Thanh Chiêm đóng vai trò là “cánh tay nối dài” của thương cảng quốc tế Hội An. Có thể nói, giá trị của di tích gắn liền với sự hưng thịnh của đô thị cổ Hội An. Nếu Hội An là cửa ngõ giao thương sầm uất với các thương nhân Nhật Bản, Trung Hoa và phương Tây, thì Thanh Chiêm chính là hậu cứ điều phối nơi kiểm soát thuế khóa và thực thi các chính sách ngoại thương. Sự kết nối giữa “dinh trấn” và “thương cảng” đã tạo nên một hệ thống kinh tế - chính trị năng động, đưa Quảng Nam thành trung tâm phần vịnh bậc nhất Đàng Trong lúc bấy giờ.

Theo Nguyễn Văn Đăng và Mai Văn Đượ, Dinh trấn Thanh Chiêm được giao quản lý thương cảng quốc tế Hội An trong chính sách mở mang kinh tế đối ngoại của chúa Nguyễn. Bộ máy chính quyền ở Dinh trấn Thanh Chiêm đã phối hợp với Tào vụ ty của triều đình đến thương cảng Hội An nhằm quản lý hải quan, thu thuế xuất nhập khẩu thương thuyền tại đây². Sự kết nối giữa Thanh Chiêm và Hội An trong lịch sử cũng là nét độc đáo của di tích.

Thứ ba, Dinh trấn Thanh Chiêm - cái nôi hình thành chữ Quốc ngữ. Các nhà nghiên cứu xác định giá trị nhân văn và lịch sử lớn nhất của Thanh Chiêm là nơi khởi nguồn của chữ Quốc ngữ. Vào thế kỷ XVII, các giáo sĩ phương Tây (Francisco de Pina, Alexandre de Rhodes) đã chọn Thanh Chiêm làm nơi dừng chân để học tiếng Việt và truyền đạo. Chính tại đây, quá trình ký âm tiếng Việt bằng ký tự Latin đã được thực hiện những bước đầu tiên. Dinh trấn Thanh Chiêm được xem là “phòng thí nghiệm ngôn ngữ” đầu tiên, nơi đặt nền móng cho hệ thống chữ viết mà chúng ta đang sử dụng ngày nay. Và đó còn là phương tiện giao lưu văn hóa và hội nhập quốc tế thời đại công nghiệp 4.0.

Theo Hồ Thế Vinh, “hai người có vai trò quan trọng nổi bật nhất trong sự hình thành, phát triển của chữ Quốc ngữ tại Dinh trấn Thanh Chiêm và Hội An thuộc xứ Quảng là Francisco de Pina (mở đầu) và Alexandre de Rhodes (tổng quát). Có thể thấy, so với công trình Latin hóa và nghiên cứu tiếng Việt sau này ở Đàng Trong và cả Đàng Ngoài thì trong giai đoạn 1617 - 1625, các công trình của Francesco de Pina thực hiện ở Dinh trấn Thanh Chiêm và Hội An đã ra đời

sớm nhất. Riêng Thanh Chiêm còn là nơi có trường học đầu tiên, Francesco de Pina đã dạy tiếng Việt cho Alexandre de Rhodes và Antonio de Fonte với tư cách là bề trên và thầy giáo ở chính cơ sở này³.

Có thể khẳng định, ba mặt giá trị nổi bật phân tích ở trên là cơ sở khoa học giúp chúng ta xác định thái độ ứng xử văn hóa và phương thức phát huy giá trị của di tích lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm cho hôm nay và mai sau.

2. Từ quản lý “hành chính” sang tư duy kiến tạo phát triển trong bảo tồn Dinh trấn Thanh Chiêm

2.1. Quan điểm hiện đại về bảo tồn di sản văn hóa

Phải khẳng định, chuyển đổi từ quản lý hành chính sang tư duy phát triển trong bảo tồn di tích là một bước ngoặt về “triết lý vận hành”. Thay vì chỉ đóng vai trò là “người gác cửa” (chỉ lo giữ gìn, ngăn chặn), nhà nước và các cơ quan quản lý chuyển sang vai trò “người mở đường” - kiến tạo hệ sinh thái phù hợp để di sản tự gia tăng giá trị.

Với tư duy quản lý hành chính đặt mục tiêu cao nhất là di tích được bảo tồn nguyên trạng, không bị mất đi, không bị vi phạm, kết quả thường dẫn đến “bảo tồn cục đơan” - di tích bị đóng kín hoặc hoang phế vì không đủ kinh phí tu bổ, bảo quản hoặc không được sử dụng có hiệu quả. Ngược lại, tư duy kiến tạo đặt mục tiêu là tìm mọi cách (trong khuôn khổ luật pháp cho phép), làm sao để di tích không chỉ tồn tại mà còn có ích cho con người, đồng thời còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương và ngày càng trở nên gần gũi, gắn bó với đời sống xã hội và cộng đồng theo phương châm “cộng sinh di sản”.

Đổi mới tư duy quản lý nêu trên, dẫn tới cách tiếp cận hiện đại hơn đối với di sản văn hóa. Theo đó, di sản không còn là những “phế tích im lìm” mà trở thành tài nguyên hay nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất của công nghiệp văn hóa. Việc gắn bảo tồn với công nghiệp văn hóa bản chất là quá trình chuyển hóa giá trị văn hóa thành giá trị kinh tế để từ đó quay lại nuôi dưỡng di sản. Tiến trình chuẩn nhất sẽ là: biến di sản thành tài sản và biến tài sản thành hàng hóa đặc thù có hàm lượng văn hóa cao, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của nhiều nhóm xã hội rộng rãi hơn.

Trước hết, bảo tồn thích nghi, chúng ta không giữ di sản như một “vật trưng bày” trong tủ kính của các bảo tàng, mà phải tạo cho di sản những chức năng mới phù hợp với cuộc sống đương đại. Do đó, ta không bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm như một phế tích, mà còn biến không gian đó thành nơi tổ chức triển lãm, giáo dục ngôn ngữ và trải nghiệm du lịch. Di sản được bảo tồn

bền vững bằng cách phục vụ nhu cầu hiện đại của con người theo hướng mới “từ đóng băng quá khứ” sang “vận động cùng tương lai”.

Thứ hai là bảo tồn dựa vào cộng đồng. Di sản không thuộc hoàn toàn về các nhà nghiên cứu hay các cơ quan quản lý, nó nhất thiết phải thuộc về người dân, đặc biệt là cư dân đang sống liền kề di tích. Theo đó, cộng đồng địa phương là chủ thể chính trong việc giữ gìn và hưởng lợi từ di sản. Nếu người dân không thể cộng sinh, không thể sống được nhờ di sản, họ sẽ không bảo vệ nó. Do đó, việc bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, phải tạo ra sinh kế cho người dân địa phương thông qua các làng nghề thủ công truyền thống, dịch vụ ẩm thực và hướng dẫn viên bản địa. Lúc đó mỗi người dân sẽ là một “tình nguyện viên” bảo vệ di tích.

Thứ ba là biến di sản thành một “hệ sinh thái” để nó không tồn tại tách biệt, mà hòa quyện giữa các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và cảnh quan sinh thái tự nhiên. Vậy, bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là bảo tồn các dấu tích vật chất xưa, mà phải bảo tồn cả “ký ức” lịch sử của cộng đồng, các câu chuyện, nghi lễ và cảnh quan xung quanh các dấu tích đó. Vì thế, chữ Quốc ngữ (di sản văn hóa phi vật thể) phải được đặt trong không gian dinh trấn (vật thể) sau khi được tái hiện và gắn liền với dòng sông Thu Bồn (thiên nhiên) nổi tiếng một thời. Đây chính là mô hình “công viên sinh thái - lịch sử” mà ta cần theo đuổi đến cùng.

Thứ tư, công nghệ giữ vai trò là công cụ/cầu nối mà không phải là “kẻ thay thế”. Khi phần lớn dấu ấn vật chất của Dinh trấn Thanh Chiêm đã bị mất đi theo thời gian hoặc quá mờ nhạt, thì công nghệ số (VR, AR, 3D mapping) cho phép chúng ta “phục dựng di tích” hình ảnh di tích dưới dạng “thực tế ảo” mà không cần xây mới đè lên nền móng dấu tích xưa. Công nghệ số tạo điều kiện để chúng ta ứng xử văn hóa với di sản. Thay vì phục hồi/xây dựng lại toàn bộ di tích bằng gỗ, gạch ngói hay bê tông, chúng ta có thể dùng ánh sáng, âm thanh và thực tế ảo giúp du khách nhìn thấy sự huy hoàng của Dinh trấn Thanh Chiêm trong quá khứ.

Thứ năm, phải coi Dinh trấn Thanh Chiêm là nguồn lực cho sự phát triển bền vững. Không bao giờ được coi di sản là gánh nặng tài chính, ngược lại đó chính là “tài sản kinh tế”. Do đó, bảo tồn di sản cũng cần tạo ra giá trị kinh tế để tái đầu tư cho bảo tồn. Đây là mô hình “lấy di sản nuôi di sản”. Nếu có thể biến di tích Dinh trấn Thanh Chiêm thành một “công viên sinh thái - lịch sử” thì nó sẽ là một điểm đến hấp dẫn. Và việc thu phí từ các trải nghiệm văn hóa đặc sắc có thể tạo ra nguồn thu tài chính phục vụ yêu cầu bảo tồn lâu dài.

2.2. “Công viên sinh thái - lịch sử” là mô hình bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm gắn với phát triển công nghiệp văn hóa của Đà Nẵng

Có thể coi công viên sinh thái - lịch sử Thanh Chiêm là mô hình không gian văn hóa sáng tạo đa chức năng, được thiết kế trên nền tảng tích hợp hữu cơ giữa 3 trụ cột quan trọng:

- Bảo tồn di sản là phục dựng và tôn vinh các giá trị văn hóa vật thể (di tích dinh trấn) và giá trị di sản văn hóa phi vật thể (chữ Quốc ngữ, phong tục tập quán, lối sống của người địa phương) thông qua các giải pháp bảo tàng học hiện đại;

- Cảnh quan sinh thái là cách bảo tồn và khai thác hệ sinh thái bản địa ven sông Thu Bồn làm khung hạ tầng xanh, tạo ra môi trường tương tác hài hòa giữa con người - lịch sử - thiên nhiên;

- Công nghiệp văn hóa là sự chuyển hóa di sản thành các sản phẩm dịch vụ sáng tạo (du lịch, giáo dục, nghệ thuật, kinh tế số), tạo ra nguồn lực kinh tế để tái đầu tư cho bảo tồn.

Ba trụ cột quan trọng phân tích ở trên cho phép chúng ta nhận diện rõ những đặc tính cốt lõi của mô hình công viên sinh thái - lịch sử để phân biệt với công viên giải trí thông thường bảo tàng truyền thống:

(1) Tính tương xứng: Ở đây lịch sử không “chiếm chỗ” hay lấn át sinh thái mà ngược lại, hai yếu tố đó hòa quyện và tương hỗ lẫn nhau. Cây xanh, mặt nước trong công viên chính là những “chỉ dấu” lịch sử và di tích là điểm nhấn thẩm mỹ trong cảnh quan xanh;

(2) Tính đối thoại: Công viên sẽ tạo không gian đối thoại giữa quá khứ (dinh trấn xưa, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ) và tương lai (công nghệ AI, VR, ngôn ngữ số), du khách không chỉ đứng xem mà còn được “nhập vai” vào tiến trình lịch sử;

(3) Tính thích ứng: Yêu cầu thiết kế không đối lập với thiên nhiên (lũ lụt, biến đổi khí hậu) mà thuận theo tự nhiên. Kiến trúc của công viên có khả năng tự điều chỉnh (ví dụ các công trình nổi, vật liệu chống thấm) để tồn tại bền vững tại vùng hạ lưu sông Thu Bồn;

(4) Tính chuyển hóa: Đây là hạt nhân của công nghiệp văn hóa, có khả năng chuyển hóa dữ liệu di sản thành giá trị thương mại (tham quan, workshop, sản phẩm sáng tạo, bản quyền hình ảnh).

Từ những đặc tính nêu trên, có thể tạm phác họa ở đây 5 hợp phần chính của công viên sinh thái - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm:

Một là, bộ phận cốt lõi hay “bộ não” của công viên phải là nơi bảo tồn tại chỗ dưới trạng thái nguyên bản các dấu tích khảo cổ, nền móng kiến trúc dinh trấn và nhà trưng bày theo các chuyên đề: “Ký ức Thanh Chiêm” và “Thánh đường ngôn ngữ”;

Hai là, hợp phần “hạ tầng sinh thái thích ứng”, đóng vai trò là “lá phổi xanh”, “tám lá chắn” cho công viên ven sông Thu Bồn, hành lang đa dạng sinh học (các loại cây bản địa, tái hiện phần nào cảnh quan lịch sử hoặc đại diện cho từng giai đoạn phát triển tiếng Việt), quảng trường “mặt nước và ánh sáng” là vùng có thể ngập nước trong mùa mưa nhưng có thể là không gian tổ chức sự kiện vào mùa khô với những kiến trúc thích ứng cho cả 2 mùa;

Ba là, “trung tâm sáng tạo và công nghiệp văn hóa” tạo ra động cơ kinh tế và chuyển hóa giá trị di sản thành giá trị thương mại (xưởng chế tác “chữ và đất”). Đây là khu vực workshop dành cho du khách trải nghiệm văn hóa qua in ấn mộc bản, làm giấy dó và đúc các chữ cái Latinh hoặc đồng tiền (liên kết với làng Phước Kiều), có thể là một khu sân khấu thực cảnh “Thanh âm diệu kỳ” - không gian biểu diễn ngoài trời kết hợp âm nhạc dân tộc, công nghệ mapping và nghệ thuật ngôn từ, kể chuyện về quá trình hình thành chữ Quốc ngữ, cũng có thể là “vườn ươm khởi nghiệp văn hóa”, nơi dành cho các nghệ sĩ, nhà thiết kế muốn sáng tạo các sản phẩm hiện đại, đồ lưu niệm lấy cảm hứng sáng tạo từ dấu tích lịch sử Thanh Chiêm;

Bốn là, hợp phần “giáo dục và trải nghiệm số” để biến công viên sinh thái - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm thành “lớp học mở” ngoài trời với sự dẫn dắt của công nghệ số, cũng có thể là một “học viện ngôn ngữ Thanh Chiêm” nơi tổ chức các khóa học ngắn hạn về tiếng Việt, thư pháp quốc ngữ và lịch sử vùng đất cho sinh viên quốc tế và giới trẻ.

Cuối cùng là khu “dịch vụ sinh thái kết nối cộng đồng” tạo ra sinh kế bền vững cho người địa phương. “Chợ ẩm thực ven sông”, sử dụng nguyên liệu, thực phẩm bản địa (rau Trà Quế, bê thui cầu Móng ...) với tiêu chuẩn hữu cơ, an toàn thực phẩm và không rác thải nhựa. Cũng có thể là “bến thuyền giao thoa”, kết nối giao thông đường thủy từ Hội An đến Thanh Chiêm.

2.3. Mô hình hợp tác công - tư và khả năng huy động các nguồn lực xã hội để kiến tạo công viên

Để xây dựng một dự án “công viên sinh thái - lịch sử” Thanh Chiêm có quy mô lớn và đa mục tiêu, thì việc vận dụng mô hình hợp tác công - tư là “chìa khóa” tối ưu để xử lý vấn đề huy động nguồn vốn xã hội. Mô hình này giúp

chúng ta giải quyết bài toán ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, đồng thời tận dụng được năng lực quản trị và sự sáng tạo của khu vực tư nhân.

Trong mô hình này, vai trò của các bên được phân định rõ ràng nhằm đảm bảo mục tiêu bảo tồn không bị xung đột với lợi ích kinh tế: nhà nước đóng vai trò là bên cung cấp quỹ đất và phê duyệt quy hoạch chiến lược, đầu tư hạ tầng kết nối (đường xá, bến thuyền, hệ thống đê kè sông Thu Bồn), ban hành các chính sách ưu đãi thuế và cơ chế đặc thù cho các ngành “công nghiệp văn hóa”, giám sát tính chính xác lịch sử thông qua hội đồng khoa học. Doanh nghiệp, nhà đầu tư: bỏ vốn đầu tư toàn bộ các hạng mục công trình kiến trúc, công nghệ, bảo tàng và cảnh quan sinh thái; chịu trách nhiệm vận hành, marketing và khai thác dịch vụ, chi trả phí nhượng quyền hoặc chia sẻ doanh thu lại cho ngân sách địa phương để tái đầu tư cho bảo tồn di tích.

Ngoài các nhà đầu tư chiến lược lớn, dự án hoàn toàn có thể huy động nguồn lực từ nhiều tầng lớp xã hội khác nhau:

- Thành lập quỹ đầu tư “di sản xanh” kêu gọi sự đóng góp từ các tập đoàn lớn theo chương trình “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”. Đổi lại, tên các tập đoàn sẽ được vinh danh tại các khu vực vườn sinh thái hoặc các công trình trọng điểm;

- Mô hình “cổ phần hóa trải nghiệm” dành cho cộng đồng địa phương. Thay vì đền bù giải phóng mặt bằng, nhà nước có thể khuyến khích người dân địa phương góp vốn bằng chính quyền sử dụng đất hoặc tài sản hiện hữu để trở thành cổ đông của các khu vực dịch vụ (khu ẩm thực, homestay sinh thái ...) cách này giúp giảm chi phí giải phóng mặt bằng và biến người dân thành chủ thể bảo vệ công viên;

- Huy động nguồn lực từ kiều bào và các tổ chức quốc tế. Chữ Quốc ngữ là tài sản chung của người Việt toàn cầu. Có thể phát động chiến dịch “gây quỹ cộng đồng để xây dựng “thánh đường chữ quốc ngữ”. Có thể kêu gọi các tổ chức như UNESCO, các quỹ văn hóa của Bồ Đào Nha, Pháp, Ý (các nước có liên quan tới các giáo sĩ xưa - những người đã có công Latin hóa tiếng Việt) để hỗ trợ về mặt chuyên gia và tài chính cho các hạng mục công trình cụ thể của dự án.

Những nội dung trình bày ở trên chỉ nhằm gợi mở và khích lệ UBND các cấp cho phép triển khai dự án: “công viên sinh thái - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm” - di sản đến từ quá khứ và khát vọng vươn mình của người Thanh Chiêm nói riêng và Đà Nẵng nói chung./.

Tài liệu tham khảo

1. Kỷ yếu hội thảo Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ. Châu Yên Loan, Vai trò Dinh trấn Thanh Chiêm trong sự nghiệp mở đất phương Nam của các chúa Nguyễn. Quảng Nam, tháng 8 năm 2016, tr 73.
2. Nguyễn Văn Đăng và Mai Văn Được, Vị thế của Dinh Quảng Nam đối với xứ Đàng Trong; Tài liệu đã dẫn, tr 59.
3. Hồ Thế Vinh, “Vai trò lịch sử của Dinh trấn Thanh Chiêm. Non nước. Số 220.

ĐÔI ĐIỀU VỀ XÂY DỰNG CÔNG VIÊN VĂN HÓA - LỊCH SỬ DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ CHỮ QUỐC NGỮ

NSND. Huỳnh Hùng

Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Dinh trấn Thanh Chiêm (phường Điện Bàn) từng một thời là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa quan trọng của xứ Đàng Trong, cũng là chiếc nôi của chữ Quốc ngữ. Dự án công viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ đang được tái khởi động sau một thời gian dài bị đình trệ bởi các lý do khách quan và chủ quan. Nhân dịp này, tác giả trao đổi một số ý kiến chung quanh việc thực hiện dự án.

Dinh trấn Thanh Chiêm, theo học giả Nguyễn Văn Xuân, là một “Dinh trấn lẫy lừng nhất của nước Việt Nam suốt hai thế kỉ XVII, XVIII”. Đây cũng là chiếc nôi sự ra đời chữ Quốc ngữ - chữ viết mà chúng ta đang chính thức sử dụng trên 100 năm nay (bắt đầu từ năm 1919).

Quá trình hình thành, phát triển, ý nghĩa lịch sử, văn hóa của Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, như sách “Quảng Nam qua các thời đại” của nhà văn Phan Du, các bài viết “400 năm Dinh trấn Thanh Chiêm” và “Chiêm Dinh - hình thành và phát triển” của học giả Nguyễn Văn Xuân (trong sách Nguyễn Văn Xuân - sức sống văn hóa xứ Quảng), bài viết “Trục văn hóa Hội An - La Qua” của GS Hoàng Châu Ký (Đặc san Xuân Điện Bàn 1996), sách “Dinh trấn Thanh Chiêm - kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong” của nhà nghiên cứu Châu Yên Loan, “Dinh trấn Thanh Chiêm - Quảng Nam” của các nhà nghiên cứu Đinh Trọng Tuyên và Đinh Bá Truyền, và nhất là kỷ yếu Hội thảo khoa học “Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ” do UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức năm 2016.

Các công trình nghiên cứu trên đều thống nhất nhận định: Dinh trấn Thanh Chiêm từng là kinh đô thứ hai, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa quan trọng của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Trên 200 năm tồn tại kể từ đầu thế kỉ XVII, đây là nơi quản lý hành chính của thương cảng Hội An nổi tiếng. Xây dựng và phát triển Dinh trấn này thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chúa Nguyễn trong tiến trình mở cõi về phương Nam, giao lưu và hội nhập quốc tế. Những nhà truyền giáo phương Tây sáng tạo ra chữ Quốc ngữ cũng ngay tại Dinh trấn này.

Sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích văn hóa, lịch sử quốc gia vào năm 2017, tỉnh Quảng Nam chủ trương xây dựng Công

viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ ngay trên đất Thanh Chiêm, nay thuộc phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng. Quy mô dự án gần 2 ha với các hạng mục gồm tái hiện kiến trúc Dinh trấn, nhà trưng bày lịch sử Dinh trấn, bảo tàng chữ Quốc ngữ, vườn tượng các Chúa Nguyễn và những nhân vật có công mở cõi, tượng các giáo sĩ có công sáng tạo ra chữ Quốc ngữ...

Do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, dự án tiến triển rất chậm chạp, có lúc đình trệ. Sau gần 10 năm triển khai, địa phương mới chuẩn bị được mặt bằng, chưa xây dựng được hạng mục công trình nào theo kế hoạch. Khi hợp nhất đơn vị hành chính là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, việc rà soát lại dự án để đề xuất phương án triển khai phù hợp với tình hình thực tế là việc rất cần thiết. Xin đề xuất một số ý kiến cụ thể như sau:

Một là, cần thống nhất nhận thức rằng, chữ Quốc ngữ do các giáo sĩ phương Tây, cụ thể là Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes, sáng tạo ra là một sản phẩm văn hóa tuyệt vời, có giá trị nhiều mặt trong việc nâng cao dân trí, giao lưu văn hóa, góp công to lớn vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc ta. Sở dĩ phải nhắc lại điều này, bởi năm 2019, một nhóm các nhà nghiên cứu ở Huế cho rằng: chữ Quốc ngữ được sáng tạo ra nhằm phục vụ cho việc truyền đạo chứ không nhằm phát triển đất nước ta; và các vị sáng tạo ra chữ Quốc ngữ là những người đi tiên trạm, nắm tình hình để chuẩn bị cho sự xâm lược của đế quốc phương Tây. Giáo sư Nguyễn Đăng Hưng, Tiến sĩ Trần Đức Anh Sơn và nhiều nhà khoa học đã phản bác lại những ý kiến nói trên. Các giáo sĩ sáng tạo ra chữ Quốc ngữ đến Quảng Nam đầu thế kỉ XVII, nhưng đến giữa thế kỉ XIX, liên quân Pháp - Tây Ban Nha mới tấn công Đà Nẵng, khoảng cách thời gian ấy lên đến 240 năm thì ý kiến cho rằng các giáo sĩ này liên quan đến thực dân xâm lược là điều không có cơ sở, thiếu tính thuyết phục. Mặt khác, không ai phủ nhận chữ Quốc ngữ được sáng tạo ra là để phục cho việc truyền giáo, nhưng các nhà yêu nước và cách mạng nước ta nhận thấy sự tiện lợi của nó nên đã triệt để sử dụng nhằm phục vụ cho mục đích của mình. Thực tế là phong trào Duy Tân đầu thế kỉ XX do bộ ba Quảng Nam là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp khởi xướng, cuộc vận động yêu nước do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo thời kỳ 1930 - 1945, chủ trương chống giặc dốt do Chính phủ cụ Hồ phát động sau Cách mạng tháng Tám 1945, đều coi chữ Quốc ngữ là một phương tiện hữu hiệu nhất. Do vậy, khẳng định lại: vinh danh chữ Quốc ngữ và những người tiên phong sáng tạo ra nó ngay tại chiếc nôi Thanh Chiêm là việc làm rất cần thiết, thể hiện đạo lý của dân tộc: Ăn quả nhớ người trồng cây.

Hai là, cần xem xét điều chỉnh lại các hạng mục công trình của dự án theo hướng thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa. Như chúng ta đã biết, Dinh trấn Thanh Chiêm một thời lừng lẫy trong cả nước, nhưng từ năm 1832, vua Minh Mạng không sử dụng nữa mà chuyển về xây thành tỉnh La Qua ở Vĩnh Điện. Với thời gian gần 200 năm không sử dụng, Dinh trấn đã trở thành phế tích. Kiến trúc không còn, hình ảnh, hiện vật gốc không có hoặc quá nghèo nàn, nền móng phần lớn các hạng mục chủ yếu của di tích chưa được xác định rõ. Do vậy, hai phương pháp bảo tồn di tích phổ biến hiện nay là *bảo tồn nguyên trạng* và *bảo tồn thích nghi* đều không phù hợp. Còn làm bảo tàng thì lấy gì để trưng bày, giới thiệu? Việc phục dựng một phần Dinh trấn xưa kia cũng không cần thiết, bởi hình ảnh kiến trúc cũ không còn, địa điểm, nền móng chưa rõ thì lấy cơ sở nào để phục dựng?

Mặt khác, do đã xóa bỏ cấp thị xã, hợp nhất cấp tỉnh, nguồn nhân lực làm công tác quản lý di sản văn hóa thiếu hụt trầm trọng như hiện nay, nếu không điều chỉnh các hạng mục dự án thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn về quản lý khi dự án hoàn thành.

Do vậy, chỉ nên sử dụng hiện trạng mặt bằng qui hoạch làm công viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn kết hợp công viên công cộng. Cần cân nhắc kỹ việc giải toả trường THCS Nguyễn Du để xây dựng trường mới, bởi như vậy sẽ rất tốn kém. Trong công viên, nên xây dựng một số hạng mục mang tính biểu tượng về Dinh trấn và chữ Quốc ngữ, nên xây một ngôi nhà lớn theo kiến trúc cổ để khách tham quan dừng chân, xem bản đồ, tranh vẽ, mô hình, sa bàn, xem phim 3D về quá trình hình thành, phát triển của Dinh trấn và chữ Quốc ngữ. Việc dựng tượng các Chúa Nguyễn tiêu biểu như Chúa Tiên, Chúa Sãi, tượng hai giáo sĩ Pina và Rhodes trong công viên là việc nên làm. Khi phát hiện được nền móng các công trình xây dựng của Dinh trấn xưa như Hành cung, tàu tượng, kho muối, kho vũ khí, bến thuyền, và nơi các giáo sĩ sáng tạo ra chữ Quốc ngữ từng cư ngụ, làm việc thì cần cấm bia, gắn biển phục vụ cho việc nghiên cứu và tham quan. Điều chỉnh các hạng mục công viên theo hướng như vậy thì tính khả thi trong thực hiện dự án sẽ cao hơn.

Ba là, việc xây dựng công viên văn hóa lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ nên hướng đến hòa nhập với con đường di sản văn hóa, phục vụ tốt cho lĩnh vực công nghiệp du lịch văn hóa.

Lĩnh vực du lịch văn hóa ở miền Trung nói chung, thành phố Đà Nẵng nói riêng có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển, là một trong những ngành kinh tế chủ lực của địa phương. Dinh trấn Thanh Chiêm từng gắn bó chặt chẽ với đô thị cổ Hội An và đang nằm giữa hai di sản văn hóa thế giới là đô thị cổ Hội An

và khu đền tháp Mỹ Sơn. Đó là con đường di sản riêng của thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, nếu kết nối tốt thì công viên văn hóa lịch sử này có thể trở thành một phần trong hệ sinh thái của con đường di sản miền Trung. Kết nối với các con đường di sản văn hóa này sẽ giúp phát huy hiệu quả của dự án, thu hút được nhiều du khách trong và ngoài nước, có khả năng tạo nguồn thu cho ngân sách.

Sự hình thành và phát triển của Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ có ý nghĩa không chỉ đối với đất Quảng mà còn đối với khu vực và cả nước, không chỉ đối với ngày xưa mà còn cho cả ngày nay. Chủ trương xây dựng công viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ của lãnh đạo tỉnh Quảng Nam và thị xã Điện Bàn trước đây nhằm tri ân tiền nhân có công mở cõi, dựng nước, phát triển văn hóa, đồng thời mong muốn trở thành một địa chỉ đáng đến cho du khách trong và ngoài nước, là một chủ trương đúng đắn. Thành phố Đà Nẵng và phường Điện Bàn hiện nay nên tiếp tục triển khai trên cơ sở rà soát, điều chỉnh lại dự án này cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay./.

TÁI HIỆN HÌNH ẢNH DI SẢN DINH TRẦN THANH CHIÊM DỰA TRÊN Ý TƯỞNG QUY HOẠCH CÔNG VIÊN VĂN HÓA LỊCH SỬ

ThS. KTS. Đặng Khánh Ngọc

TS. Nguyễn Văn Tuyên

Viện trưởng Viện Bảo tồn di tích

Tóm tắt

Dinh trấn Thanh Chiêm từng là trung tâm hành chính - quân sự quan trọng bậc nhất ở Đàng Trong thế kỷ 17 - 18, được xem như “thủ phủ thứ hai” sau dinh trấn Thuận Hóa. Nơi đây không chỉ giữ vai trò đặc biệt trong tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt mà còn là vùng đất được lịch sử ghi nhận là “chiếc nôi” hình thành chữ Quốc ngữ vào đầu thế kỷ 17. Tuy nhiên, do biến động lịch sử, hầu hết các dấu tích vật thể của dinh trấn xưa đều không còn, hiện trường chỉ còn lại phế tích và ký ức địa danh. Trọng tâm bài viết là đề xuất quan điểm tiếp cận “di sản mở” và nhấn mạnh yếu tố diễn giải thông qua cấu trúc không gian công viên văn hóa Thanh Chiêm. Cách tiếp cận này kỳ vọng dung hòa giữa bảo tồn và phát triển, biến di sản Thanh Chiêm thành động lực phát triển kinh tế cho cộng đồng địa phương. Dinh trấn Thanh Chiêm đã được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia, năm 2017.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình Nam tiến của dân tộc Việt, vùng đất Quảng Nam xưa nổi lên như một trọng điểm chiến lược, nơi “dừng chân” của các chúa Nguyễn trước khi mở rộng bờ cõi xa hơn về phương Nam. Dinh trấn Thanh Chiêm được Chúa Tiên Nguyễn Hoàng thành lập năm 1602, khi ông quyết định đặt *Dinh Quảng Nam* và giao cho con trai thứ sáu Nguyễn Phúc Nguyên (Thế tử) vào trấn thủ vùng đất mới. Thanh Chiêm trở thành thủ phủ của Dinh Quảng Nam - đơn vị hành chính bao gồm vùng lãnh thổ rộng lớn từ nam đèo Hải Vân đến biên giới Chiêm Thành, gồm bốn phủ: Điện Bàn, Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn. Với vị trí trọng yếu, dinh trấn tọa lạc bên sông Sài Thị (tức sông Chợ Cui, một nhánh lớn của hệ thống sông Thu Bồn) và nằm trên trục đường thiên lý Bắc - Nam, nối liền miền núi với biển, gần kề thương cảng Hội An sầm uất. Nhờ đó, Thanh Chiêm vừa kiểm soát được giao thông thủy bộ, vừa hưởng lợi từ mạng lưới giao thương quốc tế ở Hội An, trở thành đầu mối kinh tế và quân sự trọng điểm của xứ Đàng Trong. Các nguồn sử liệu ghi nhận Thanh Chiêm có thành lũy đất chu vi hàng trăm trượng ven sông, có bến thuyền và chợ búa sầm uất. Vị trí dinh trấn được đánh giá là “lý tưởng” về mặt chiến lược quân sự, không dựa núi xa xôi như thành lũy Chiêm Thành trước đó, cũng không quá gần biển để

hứng chịu tập kích ngoại bang, mà là trung tâm hội tụ đủ các yếu tố giao thông, kinh tế, phòng thủ cần thiết.

Bên cạnh vai trò là trung tâm chính trị - quân sự, dinh trấn Thanh Chiêm còn ghi dấu ấn sâu đậm về giao lưu văn hóa và hình thành chữ viết. Đầu thế kỷ 17, các giáo sĩ Dòng Tên từ châu Âu đến truyền giáo tại Đàng Trong đã chọn Hội An và Thanh Chiêm làm điểm dừng chân đầu tiên. Năm 1615, giáo đoàn do linh mục Francesco Buzomi dẫn đầu đặt cơ sở tại Hội An, và không lâu sau, Thanh Chiêm trở thành một trung tâm truyền giáo quan trọng. Chính tại Thanh Chiêm, vào khoảng những năm 1618 – 1625, giáo sĩ Francisco de Pina (người Bồ Đào Nha) - vị linh mục được xem là am hiểu tiếng Việt nhất thời bấy giờ - đã bắt đầu sáng tạo cách ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La-tinh. Ông cùng các cộng sự người Việt đã thử nghiệm Latinh hóa tiếng Việt, xây dựng bảng chữ cái, từ vựng và soạn thảo một số tài liệu ngữ pháp Việt - Bồ - Latin đầu tiên. Thành quả này đặt nền móng cho sự ra đời của chữ Quốc ngữ, sau đó được các thế hệ giáo sĩ tiếp nối (như Alexandre de Rhodes với việc xuất bản *Từ điển Việt-Bồ-La* và *Phép giảng tám ngày* năm 1651) để hoàn thiện hệ thống chữ viết mới cho tiếng Việt. Có thể khẳng định Dinh trấn Thanh Chiêm chính là nơi khai sinh sớm nhất ra chữ Quốc ngữ ở Việt Nam - một thành tựu văn hóa lớn lao được sản sinh từ sự giao thoa Đông - Tây. Sự ra đời của chữ Quốc ngữ tại lỵ sở Thanh Chiêm là sự kiện văn hóa tiêu biểu, mở đầu cho thời kỳ tân học của giáo dục Việt Nam về sau.



Hình 1. Dinh trấn Thanh Chiêm và phố Nhật Bản tại Hội An trong bức tranh có từ thế kỷ 17 hiện đang treo tại một ngôi chùa ở thành phố Nagoya, Nhật Bản

Từ đầu thế kỷ 19, sau khi triều Nguyễn thiết lập chính quyền trung ương, vị trí thủ phủ Quảng Nam đã nhiều lần thay đổi. Năm 1803, vua Gia Long cho dời dinh Quảng Nam trở lại Thanh Chiêm và đắp lũy đất trên nền dinh cũ, nhưng đến năm 1833 (Minh Mạng 14) thì dời hẳn cơ quan hành chính về Thành La Qua (Điện Phước), rồi xây thành gạch kiên cố tại đó năm 1835. Từ đó, khu vực Thanh Chiêm mất đi vị thế trung tâm, dần hoang phế. Trải qua chiến tranh và thời gian, các công trình kiến trúc xưa của dinh trấn hầu như đều biến mất hoặc bị xen lẫn trong dân cư hiện có.

Các cấp chính quyền địa phương và giới nghiên cứu đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Dinh trấn Thanh Chiêm. Nhiều nỗ lực đã được thực hiện nhằm tìm hiểu, bảo tồn di sản này: từ các đợt khảo cứu của các học giả (Trần Quốc Vương, Nguyễn Văn Xuân...), đến khai quật khảo cổ của GS Kikuchi Seiichi (1999 - 2000), cho đến việc xây dựng Bảo tàng Điện Bàn (1978) trưng bày hiện vật liên quan dinh trấn, tổ chức hội thảo khoa học 400 năm Dinh trấn (2002) và lễ hội kỷ niệm 405 năm (2007) tái hiện không khí dinh trấn xưa. Đặc biệt, năm 2016, tỉnh Quảng Nam cũ đã tổ chức Hội thảo khoa học “Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ” làm cơ sở đề xuất định hướng bảo tồn. Ngày 24/5/2017, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng Dinh trấn Thanh Chiêm là Di tích lịch sử cấp quốc gia. Tháng 10/2017 chính quyền Thị xã Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam cũ) đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 cho Công viên văn hóa lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm giai đoạn 1, với diện tích khoảng 1,16 ha (bao gồm trường Nguyễn Du và sân vận động Mẫu Bầy phía đối diện). Ngày 6/5/2021, HĐND thị xã Điện Bàn (cũ) phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công viên văn hóa lịch sử dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ giai đoạn 2. Tuy nhiên, thực tế triển khai dự án, việc *tái hiện* di sản còn nhiều khó khăn, do vị trí di tích nằm trong khuôn viên trường THCS Nguyễn Du và rải rác tại các khu vực dân cư đô thị. Vấn đề đặt ra là cần một cách tiếp cận khoa học và sáng tạo để vừa tái hiện di sản Dinh trấn Thanh Chiêm, đồng thời có thể thực hiện một cách khả thi trong thực tiễn bối cảnh đô thị đương đại.



Hình 2. Trường THCS Nguyễn Du

2. Giá trị và hiện trạng di sản Dinh trấn Thanh Chiêm

2.1. Giá trị lịch sử - văn hóa nổi bật của Dinh trấn Thanh Chiêm

Thanh Chiêm giữ vai trò nổi bật trong lịch sử Đàng Trong ở cả phương diện mở mang bờ cõi lẫn giao lưu quốc tế. Thứ nhất, về giá trị lịch sử - chính trị, đây là trung tâm quyền lực đứng thứ hai sau Thuận Hóa thời các chúa Nguyễn, nơi ghi dấu những quyết sách quan trọng cho công cuộc Nam tiến. Suốt hơn hai thế kỷ (1602 - 1832), Dinh trấn Thanh Chiêm là thủ phủ trấn Quảng Nam - vùng đất trù phú được mệnh danh “Ô Châu khai cơ” của Đàng Trong. Dinh trấn đảm trách vai trò tiền đồn mở cõi, căn cứ quân sự và hậu cần trọng yếu về phía nam. Nhiều thế hệ trấn thủ của dinh là các thân vương, thế tử nhà Nguyễn, được rèn luyện tại đây trước khi gánh vác trọng trách lớn. Dưới góc nhìn quân sự, Thanh Chiêm có vị trí đặc địa, có thành lũy bao bọc, thuận tiện liên lạc đường thủy với biển Đông và đường bộ xuyên Việt. Nơi đây từng là đại bản doanh của lực lượng thủy quân Đàng Trong thế kỷ 17 - 18, góp phần bảo vệ vùng duyên hải và hỗ trợ mở rộng lãnh thổ. Thứ hai, về giá trị kinh tế - giao thương, Thanh Chiêm nằm kề thương cảng Hội An nên hưởng lợi từ luồng thương mại quốc tế sầm uất. Dinh trấn là trạm trung chuyển sản vật giữa miền núi Quảng Nam (quế, trầm hương, lâm sản) với cảng thị Hội An để xuất khẩu, đồng thời đón nhận hàng hóa phương Tây và khu vực đưa vào nội địa. Nhờ đó, vùng dinh Thanh Chiêm sớm trở nên phồn thịnh, tạo nền tảng kinh tế - văn hóa phong phú cho Đàng Trong. Thứ ba, về giá trị văn hóa - giáo dục, sự kiện khai sinh chữ Quốc ngữ tại Thanh Chiêm là đóng góp to lớn không chỉ riêng cho vùng Quảng Nam mà cho cả nước. Từ “cái nôi” Thanh Chiêm, chữ Quốc ngữ lan rộng, trở thành công cụ truyền bá Ki-tô giáo và kiến thức Tây phương, mở đầu cho quá trình hiện đại hóa văn hóa Việt Nam. Có thể nói, hiếm nơi nào hội tụ nhiều ý nghĩa lịch sử - văn hóa đặc biệt như Thanh Chiêm: vừa là biểu tượng của sự mở cõi, vừa là chiếc cầu nối văn minh Đông - Tây qua việc hình thành chữ viết mới.

2.2. Hiện trạng di tích và những hạn chế

Trái ngược với bề dày lịch sử, diện mạo vật chất của Dinh trấn Thanh Chiêm ngày nay gần như không còn nguyên vẹn. Toàn bộ khu dinh trấn xưa đã trở thành khu vực dân cư, đồng ruộng xen lẫn các công trình hiện đại. Theo các tư liệu được tổng hợp, dấu vết cụ thể duy nhất của tòa thành xưa chỉ còn lại một đoạn tường thành phía Bắc cùng vết tích một đoạn hào (gắn với thành trì cũ). Khu vực gần đoạn thành này, dân địa phương vẫn gọi là đất “Nhà Lao” do xưa kia có nhà tù của dinh trấn nằm ở đó. Ngoài ra, các công trình từng tồn tại trong dinh trấn theo tư liệu ghi chép như hành cung, kho vũ khí, Văn Miếu, dinh thự quan lại... đều đã mất dấu vết. Trên nền đất cũ, nhiều công trình mới được xây

dựng: chẳng hạn, Văn Miếu Thanh Chiêm xưa (nơi thờ Khổng Tử và ghi bia công trạng vùng Quảng Nam) nay đã bị san phẳng, trên đó hiện là Trường dạy nghề tỉnh Quảng Nam và Trường THPT Nguyễn Khuyến.



Hình 3. Vị trí các khu vực khảo cổ Dinh trấn Thanh Chiêm
(nguồn Báo cáo của UBND phường Điện Bàn)

Trong bối cảnh thiếu vắng dấu tích vật thể, những chứng cứ khoa học về Dinh trấn Thanh Chiêm hiện chủ yếu dựa vào kết quả khảo cổ hạn chế và tư liệu lịch sử. Các đợt khai quật thám sát năm 1999 - 2000 của đoàn khảo cổ Nhật Bản (GS. Kikuchi Seiichi) đã tìm thấy một số dấu vết kiến trúc nền móng dưới lòng đất. Cụ thể, ở vị trí phía sau Trường Tiểu học Nguyễn Du (nghĩ là trung tâm dinh), các nhà khảo cổ phát hiện một hố đất hình vuông 1,8 m x 1,8 m, sâu 1,3 m với nhiều lớp cát, gạch vỡ nén chặt - được nhận định là hố chân cột của một công trình kiến trúc lớn. Từ hố móng này thu được một số mảnh bát đĩa sứ Trung Quốc (Quảng Đông, Phúc Kiến) thế kỷ 18, cùng các lọ gốm Việt thế kỷ 18 - 19, bên dưới nữa có gốm sành Việt và sứ men lam Trung Quốc niên đại cuối thế kỷ XVI - đầu XVII. Những phát hiện đó cho phép suy đoán tầng văn hóa phân bố: lớp trên (18 - 19) và lớp dưới (17) tương ứng với các giai đoạn tồn tại của dinh trấn. Tiếp đó, khảo sát radar năm 2001 trong phạm vi 25m đã xác định thêm một số hố chân cột lớn khác, khẳng định sự hiện diện của một công trình kiến trúc quy mô đáng kể trong lòng đất. Ngoài ra, tại vị trí khác (phần ruộng bà Náng, cách đó 20m), nhóm khảo cổ phát hiện 5 đường rãnh chạy theo trục Bắc - Nam và Đông - Tây. Mặc dù các dấu tích tìm được còn ít ỏi và phân tán, chúng là cơ sở bước đầu giúp định vị cấu trúc tổng thể của dinh trấn xưa. Để

làm rõ hơn nữa, hiện các cơ quan chức năng đang lên kế hoạch tiến hành thêm khảo sát địa vật lý nhằm xác định rõ hơn dấu vết kiến trúc nền móng, phục vụ cho việc tái tạo không gian dinh trấn một cách khoa học.

Nhìn chung, giá trị của Dinh trấn Thanh Chiêm nằm ở tầng lịch sử - văn hóa sâu dày, nhưng hiện trạng vật chất lại rất khiêm tốn, “chỉ còn lớp trầm tích ký ức” về các địa danh xưa như thành Vệ, chợ Cui, Văn Miếu, vọng gác.... Sự thiếu vắng hình hài cụ thể khiến bài toán phục dựng di tích này trở nên khó khăn, đòi hỏi cách tiếp cận hết sức thận trọng, dựa trên nền tảng khoa học lịch sử và văn hóa. Mặt khác, đây cũng là thách thức chung đối với nhiều di sản đô thị bị xóa sạch dấu vết.

3. Một số quan điểm về bảo tồn di sản đô thị với dấu tích hạn chế: tiếp cận “di sản mở” và diễn giải

Đối với một di sản hầu như chỉ còn ký ức như Dinh trấn Thanh Chiêm, việc bảo tồn không thể theo cách thức thông thường (vốn dựa trên việc tu bổ bảo tồn các cấu trúc vật thể hiện hữu). Thay vào đó, cần một cách tiếp cận mở rộng và sáng tạo hơn, trong đó toàn bộ không gian lịch sử - bao gồm cả yếu tố phi vật thể - được coi là đối tượng cần bảo tồn và phát huy. Quan điểm bảo tồn hiện đại (như Khuyến nghị 2011 của UNESCO về Cảnh quan đô thị lịch sử) nhấn mạnh rằng di sản đô thị, gồm cả thành phần vật thể và phi vật thể, là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững; do đó công tác bảo tồn cần tích hợp hài hòa trong chiến lược phát triển đô thị, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và gìn giữ di sản. Áp dụng tinh thần đó vào trường hợp Thanh Chiêm, có nghĩa là chúng ta phải nhìn di sản này không chỉ ở vài vết tích còn lại, mà ở tổng thể không gian và giá trị lịch sử văn hóa mà nó đại diện. Nói cách khác, bảo tồn Thanh Chiêm không dừng ở việc khoanh vùng bảo vệ một phế tích, mà cần tái hiện và kể lại “câu chuyện di sản” của cả vùng đất Quảng Nam xưa thông qua những phương tiện mới.

Một số định hướng quan trọng trong bảo tồn di sản có dấu tích hạn chế có thể kể đến: tiếp cận theo hướng “di sản mở” và nhấn mạnh yếu tố diễn giải (interpretation). Di sản mở hiểu đơn giản là tái tạo lại một phần không gian và hoạt động của quá khứ trong lòng đô thị đương đại, cho phép công chúng tương tác, trải nghiệm, thay vì chỉ bảo tồn tĩnh tại những gì còn sót lại. Đối với Thanh Chiêm, điều này có nghĩa là tạo dựng lại một phần hình ảnh dinh trấn xưa ngay trên nền không gian hiện nay (dù chỉ là tượng trưng), qua đó giúp người xem hình dung và cảm nhận được quy mô, cảnh quan và nhịp sống lịch sử. Tất nhiên, việc “phục dựng” nguyên trạng toàn bộ kiến trúc cổ là gần như bất khả thi do thiếu tư liệu có tính xác thực, và nếu làm một cách gượng ép sẽ dễ trở thành “đô thị giả cổ” vô hồn, phản cảm. Ngược lại, nếu chỉ giữ lại vài phế tích rời rạc mà

thiếu câu chuyện kết nối tổng thể, di sản sẽ khó hấp dẫn và không phát huy được tầm vóc giá trị vốn có. Bởi vậy, giải pháp dung hòa là tái hiện chọn lọc: tức là phỏng dựng một phần các yếu tố chính của không gian kiến trúc xưa dựa trên bằng chứng khoa học, kết hợp với trình diễn, trưng bày để kể lại câu chuyện lịch sử. Trong đó, “phục dựng” được hiểu là xây mới mô phỏng đúng nguyên gốc kiến trúc cổ (chỉ thực hiện khi có đủ bằng chứng đáng tin cậy), còn “phỏng dựng” là xây dựng dựa trên cảm hứng lịch sử, có thể giản lược hoặc sáng tạo linh hoạt nằm trong không gian khu vực di sản, nhưng không phải là di tích, không đóng giả di tích, không biến khu vực thành khu “di sản giả”. Thuật ngữ “tái hiện” (reproduce/reenact) được sử dụng ở đây với hàm ý rộng, bao gồm cả phục dựng vật chất lẫn tái hiện phi vật chất (ví dụ: dùng ánh sáng, hình ảnh, công nghệ AR/VR, hoặc tổ chức lễ hội, hoạt động văn hóa) nhằm diễn giải chân thực nhất về quá khứ. Mục đích cốt lõi là truyền tải được “hồn cốt” di sản tới người xem một cách sinh động nhưng vẫn tôn trọng tính xác thực tối đa trong điều kiện cho phép.

Một quan điểm mấu chốt khác là phải tích hợp bảo tồn với phát triển, biến di sản thành nguồn lực chứ không phải rào cản cho cộng đồng đương đại. Định hướng bảo tồn di tích Dinh trấn Thanh Chiêm nên theo mô hình “bảo tồn tích hợp”: vừa bảo vệ tối đa những di tích gốc còn lại (dù rất ít ỏi), vừa chủ động phục hồi để tôn vinh và tạo điều kiện, cơ sở cho phát huy những giá trị văn hóa đã mất bằng phương pháp khoa học, qua đó gắn di sản với phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Cách tiếp cận này không chỉ lưu giữ ký ức đô thị cho hậu thế mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại - cụ thể ở đây là hình thành một công viên văn hóa đa chức năng như một phần của hạ tầng đô thị, nơi quá khứ và hiện tại cùng song hành. Mô hình công viên di sản sẽ là khung không gian tích hợp giúp kết nối các yếu tố rời rạc (phế tích, tư liệu, ký ức) thành một câu chuyện mạch lạc, đồng thời cung cấp tiện ích công cộng và điểm nhấn cảnh quan cho đô thị hôm nay. Đây là hướng đi phù hợp cho những đô thị di sản “mất hình hài”, đã được nhiều chuyên gia gợi ý và cũng từng áp dụng ở một số nơi (ví dụ: mô hình công viên lịch sử Ayutthaya ở Thái Lan, công viên di sản ở Phố Hiến - Hưng Yên...).

4. Đề xuất ý tưởng quy hoạch công viên văn hóa Thanh Chiêm

Công viên văn hóa Dinh trấn Thanh Chiêm được định hướng là một không gian công cộng đa chức năng: vừa lưu giữ các dấu tích quý báu, vừa tái hiện cảnh quan lịch sử, kết hợp giáo dục - trưng bày, đồng thời là điểm du lịch văn hóa và vui chơi giải trí đặc sắc của địa phương. Công viên này khi hoàn thành sẽ là điểm nhấn văn hóa và khu vực vui chơi giải trí đặc biệt hấp dẫn của đô thị

Điện Bàn, và là một điểm dừng chân ý nghĩa trên tuyến du lịch di sản miền Trung. Công viên sẽ giúp kết nối quá khứ với hiện tại, biến vùng đất Thanh Chiêm từ chỗ bị lãng quên thành tài sản văn hóa sống đóng góp vào phát triển bền vững của địa phương.

Về quy mô: công viên dự kiến triển khai trên khu đất khoảng 10 ha nằm trong khu đô thị sinh thái văn hóa lịch sử bao gồm vùng lõi và vùng mở rộng. Cụ thể như sau:

- Vùng lõi: Được xác định dựa trên vị trí, dấu vết, cấu trúc khảo cổ xác thực về Dinh trấn Thanh Chiêm (Dự kiến quy mô khoảng 1,5ha).

- Vùng mở rộng (khu vực đệm): Được xác định dựa trên sự kết nối vùng lõi với các dấu tích, không gian cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật xung quanh. Bao gồm Nhà thờ Thánh Adre Phước Kiêu, Nhà thờ bà Đoàn Quý Phi, bến sông Chợ Cũi, Gò Đình, chùa Hội Phước, di chỉ chùa Long Hưng, Vệ Súng, Kho Muối, Bàu Sen... và đô thị kề cận và tuyến đường giao thông kết nối. Dự kiến khoảng 8,5 ha.



Hình 4. Đề xuất ranh giới khu vực quy hoạch công viên văn hóa lịch sử

Về cấu trúc không gian, công viên văn hóa Thanh Chiêm có thể phân thành ba khu vực chức năng chính (xác định theo tính chất bảo tồn và khai thác) như sau:

- **Khu vực di tích gốc:** Chức năng này tập trung các hoạt động tham quan, nghiên cứu và tưởng niệm. Nguyên tắc là bảo tồn theo điểm di tích gốc, theo dấu tích khảo cổ đã tìm được. Ví dụ, đoạn tường thành cũ phía Bắc sẽ được gia cố và giữ nguyên như một “chứng nhân” vật thể. Các hố móng, rãnh cổ nếu phát lộ rõ có thể được bảo tồn dưới dạng trưng bày tại chỗ (có mái che và bảng chú giải). Khu lõi có thể tiến hành phỏng dựng chọn lọc một vài cấu phần kiến trúc tiêu biểu của dinh trấn nhằm tái hiện cảnh quan: chẳng hạn, dựng lại một cổng thành hoặc một đoạn tường thành và vọng gác ở vị trí phù hợp (dựa theo tư liệu và dấu vết nền móng). Trong khu vực này sẽ bố trí các biển chỉ dẫn, điểm quét mã QR

để khách dùng ứng dụng AR xem mô phỏng toàn cảnh thành trì nguyên gốc ngay trên vị trí đó. Đây sẽ là bảo tàng mở ngoài trời, nơi lịch sử hiện ra ở chính không gian thật của nó.

- **Khu vực đệm:** Khu vực đệm và phát huy giá trị, khu vực này bao gồm hai phân khu chính sau:

+ *Phân khu trưng bày và tưởng niệm:* Chức năng này dành trưng bày tư liệu, hiện vật lịch sử - khảo cổ học. Thành phần trọng tâm là một Nhà trưng bày lịch sử Dinh trấn. Tại đây sẽ trưng bày các hiện vật khảo cổ tìm được ở Thanh Chiêm (như gốm sứ, vật liệu kiến trúc, di vật liên quan đến các chúa Nguyễn...), các bản đồ, hình vẽ phục dựng dinh trấn qua các thời kỳ, cùng những tư liệu về quá trình hình thành chữ Quốc ngữ. Công trình tưởng niệm dạng tượng đài hoặc nhà bia tưởng niệm ghi dấu sự ra đời chữ Quốc ngữ tại Thanh Chiêm... Bên ngoài là vườn tượng tôn vinh công lao của các giáo sĩ phương Tây và người Việt trong việc sáng tạo chữ Quốc ngữ.

+ *Phân khu tổ chức hoạt động dịch vụ du lịch văn hóa:* Nằm đan xen với di tích và không gian đô thị, khu vực này được mở rộng để tích hợp các hoạt động du lịch văn hóa. Trước hết là không gian lễ hội văn hóa và hoạt động vui chơi giải trí gắn với tái hiện giá trị di tích Thanh Chiêm. Những hoạt động này vừa thu hút du khách, vừa khơi dậy niềm tự hào văn hóa cho cộng đồng địa phương. Các công trình dịch vụ du lịch gồm nhà đón tiếp và trung tâm thông tin, bãi đỗ xe, quầy lưu niệm, khu ẩm thực nhẹ... được bố trí phù hợp để không ảnh hưởng đến cảnh quan di sản. Kiến trúc công trình dịch vụ sẽ thiết kế hài hòa, thấp tầng với phong cách gợi nhớ nhà cổ Quảng Nam (mái ngói, hàng hiên) để không phá vỡ không gian tổng thể di sản.

- **Khu vực hạ tầng kết nối.** Các tuyến giao thông xanh liên kết các khu vực theo lộ trình tham quan hấp dẫn. Khuyến khích giao thông đi bộ và xe đạp, ứng dụng công nghệ mới, sử dụng vật liệu và năng lượng tự nhiên.

Trong ý tưởng công viên văn hóa Thanh Chiêm, công nghệ số và các phương pháp diễn giải hiện đại sẽ được tích hợp ở nhiều cấp độ. Trước hết, công nghệ AR/VR sẽ được ứng dụng mạnh mẽ để tái hiện kiến trúc dinh trấn: khách tham quan có thể sử dụng smartphone hoặc thiết bị chuyên dụng tại các điểm xác định (như cổng thành phục dựng, nền hành cung) để kích hoạt mô hình 3D nhìn thấy qua màn hình, tái tạo toàn cảnh dinh trấn xưa trên nền thực địa hiện nay. Hệ thống thuyết minh tự động qua tai nghe hoặc app điện thoại (audio guide) sẽ cung cấp thông tin chi tiết bằng nhiều thứ tiếng, thuận tiện cho khách quốc tế. Tại bảo tàng, màn hình cảm ứng và trình chiếu đa phương tiện cho phép tương tác tìm hiểu sâu về chữ Quốc ngữ và lịch sử Thanh Chiêm.

5. Kết luận

Dinh trấn Thanh Chiêm với tư cách là “phế đô” của xứ Quảng và cái nôi khai sinh chữ Quốc ngữ là một di sản đặc biệt trong dòng chảy lịch sử Việt Nam. Giá trị của nó không nằm ở những công trình vật chất, mà ở tầng sâu văn hóa lịch sử: đó là biểu tượng của tiến trình mở cõi về phương Nam, là minh chứng cho sự giao thoa Đông - Tây sớm nhất trên đất Đàng Trong, và là cái nôi của chữ viết hiện đại tiếng Việt. Việc bảo tồn và phát huy di sản này, tuy đối mặt nhiều thách thức do thiếu vắng dấu tích hữu hình, nhưng lại rất cần thiết và cấp bách bởi nếu không hành động, chúng ta có nguy cơ để lớp “trầm tích ký ức” còn lại cũng mất mát theo thời gian. Ý tưởng quy hoạch Công viên văn hóa Thanh Chiêm chính là một nỗ lực kết nối quá khứ với hiện tại, dùng không gian công cộng ngày nay để tái hiện phần nào diện mạo và linh hồn của dinh trấn xưa. Mô hình công viên văn hóa cho phép kết hợp bảo tồn với phát triển: vừa lưu giữ được những giá trị tinh thần của cha ông, vừa tạo dựng được một không gian du lịch văn hóa mới phục vụ cộng đồng và khách du lịch.

Tất nhiên, công cuộc tái hiện di sản Thanh Chiêm đòi hỏi trong mô hình công viên văn hóa cần thận trọng, khoa học và hợp tác đa ngành. Mọi giải pháp tái hiện cần dựa trên nghiên cứu kỹ lưỡng, tôn trọng sự thật lịch sử, tránh chạy theo ý tưởng chủ quan hoặc thương mại hóa quá mức. Việc xác định “phạm vi tái hiện đến đâu” phải có cơ sở tư liệu vững chắc. Điều này nghĩa là chỉ những yếu tố nào đủ chứng cứ khoa học mới nên phục dựng hữu hình, phần còn lại nên dùng phương án mềm (trung bày, công nghệ) để truyền tải, tránh tạo ra những “hư cấu” không có thật.

Nếu được thực hiện tốt, Công viên văn hóa Dinh trấn Thanh Chiêm hứa hẹn sẽ mang lại nhiều ý nghĩa to lớn. Trước hết, nó gìn giữ ký ức lịch sử văn hóa của vùng đất Quảng Nam nói riêng và giai đoạn Đàng Trong nói chung, giúp người dân và du khách hiểu sâu hơn về cội nguồn Nam tiến và quá trình hình thành chữ Quốc ngữ. Công viên cũng sẽ trở thành một điểm đến du lịch giáo dục hấp dẫn, bổ sung vào chuỗi di sản miền Trung (bên cạnh Hội An, Mỹ Sơn). Về kinh tế - xã hội, dự án sẽ góp phần khơi dậy tiềm năng phát triển bền vững cho vùng đất Điện Bàn gắn với các hoạt động tham quan, lễ hội, nghiên cứu... sẽ tạo động lực cho dịch vụ địa phương, tạo việc làm và thu nhập, đồng thời nâng cao vị thế văn hóa của địa phương trên bản đồ du lịch tỉnh và vùng.

Tài liệu tham khảo

1. Lý lịch khoa học “Địa điểm Dinh trấn Thanh Chiêm”.
2. Hội thảo khoa học “Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ”.

BƯỚC ĐẦU PHỤC DỰNG KIẾN TRÚC DINH TRẦN THANH CHIÊM

(Thông tin từ các tài liệu cổ, các nghiên cứu và kết quả khảo cổ)

Họa sĩ Nguyễn Thượng Hỷ

Nguyên Trưởng phòng nghiệp vụ bảo tồn –

Trung tâm BTDSĐT Quảng Nam

- Sách Đại Nam nhất thống chí chép: “Năm Nhâm Dần đời Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế triều ta (1602), đặt làm dinh Quảng Nam, đặt các chức trấn thủ, cai bạ và kí lục. Ba phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn thuộc dinh đó. Ba năm sau, lại nâng huyện Điện Bàn phủ Triệu Phong ở Thuận Hóa lên thành phủ, đổi thuộc về Quảng Nam”. Tiếp đó, ở mục viết về thành trì, mặc dù không nói là năm bao nhiêu xây dựng nhưng đã khẳng định rằng dinh trấn xây dựng ở xã Thanh Chiêm: “Thành tỉnh Quảng Nam: ở xã La Qua huyện Diên Phước. Chu vi 89 trượng, cao một trượng một thước. Hồi đầu triều ta, dựng dinh trấn ở xã Thanh Chiêm huyện Diên Phước, sau nhân biến loạn phải bỏ đi. Khi mới Trung hưng, thu phục Quảng Nam, tạm đặt ở Hội An. Năm Gia Long thứ hai (1803), dời đến trị sở cũ ở xã Thanh Chiêm, đắp thành đất. Năm Minh Mạng thứ 14 (1833), dời đến chỗ hiện nay. Năm thứ 16 (1835), mới xây gạch”.

- Nơi đây có thành đất chu vi ngoài 300 dặm sát bờ sông. Sông cũ nay chỉ còn những đám ruộng thấp tên là sông Chợ Củi. Sông Chợ Củi mặc nhiên đổi thành sông Thu Bồn - sông lớn nhất và quan trọng nhất của Quảng Nam”. Nối liền miền núi với biển Đông theo hướng Tây - Đông và nằm trên trục giao thông quan trọng nhất là đường thiên lý Bắc - Nam, rất thuận lợi về giao thông, vận tải đường thủy cũng như đường bộ. Phía nam và phía đông của Dinh trấn Thanh Chiêm có sông Chợ Củi bao bọc, nối liền với cảng thị Hội An, thông ra biển Đông.

- Theo kết quả khảo cổ của Giáo sư Kikuchi Seiichi - Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa Nhật Bản: “Để làm rõ lịch sử và đặc điểm của di tích, chúng tôi đã tiến hành khai quật khảo sát nơi này hai lần. Lần thứ nhất vào tháng 8/1999, lần thứ hai vào tháng 8/2000. Sau đó, vào năm 2001 dấu tích của một công trình kiến trúc đã được xây dựng trong khoảng thời gian từ thế kỷ XVIII - XIX. Với dấu tích được cho là cột nhà xây dựng, từ kích thước và cấu tạo của chúng, chúng tôi suy đoán rằng đây là công trình xây dựng lớn. Trong số các di vật này thì có nhiều bình, lọ cao, bát và sản phẩm đất nung hình con sư tử của khu vực miền Trung Việt Nam vào thế kỷ XVII; Riêng sản phẩm đất nung hình con sư tử, thì đây là lần đầu tiên di vật kiểu này được phát hiện tại khu vực miền Trung,

và có thể thấy rằng chúng (loại hiện vật này) không được sử dụng trong các nhà ở, làng mạc bình thường, mà chỉ được sử dụng ở một công trình xây dựng đặc biệt nào đó lúc bấy giờ. Trong tài liệu điều tra khảo sát di tích có viết về sản phẩm đất nung hình sư tử. Và một khi suy nghĩ đến đặc điểm của di tích thì chúng ta sẽ tìm ra được nhiều di vật có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là sản phẩm đất nung hình con sư tử và di vật xuất xứ từ Bắc Bộ vào thế kỷ XVI, là những thứ chưa tìm thấy tại phố cổ Hội An. Di vật này được cho rằng không được sử dụng tại các nhà ở, làng mạc bình thường mà nó được sử dụng ở một công trình xây dựng đặc biệt nào đó lúc bấy giờ (công trình xây dựng theo tiêu chuẩn hoàng cung, hoặc lăng tẩm). Dựa vào những ghi chép trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, có thể suy đoán rằng: những dấu vết có dạng rãnh là vết tích của Dinh trấn Quảng Nam đầu tiên và những dấu vết là hố chân cột là vết tích của công trình được xây dựng vào năm Gia Long thứ 2 (1803). Do đó, có thể xác định được niên đại của di tích công trình xây dựng lớn ở đây nằm trong khoảng thời gian từ năm 1804 đến năm 1824.

Hiện nay khu di tích Dinh trấn Thanh Chiêm đã bị phá hủy, không còn di tích nào nguyên vẹn và trở thành phế tích. Theo khảo sát, những vết tích còn lại tại đây gồm: “thành” và “trì” xưa (còn lại một đoạn thành Bắc). Gần bờ thành Bắc có một khu đất gọi là đất “Nhà lao”, rộng trên 700 thước vuông, xưa kia là nhà tù. Cách Nhà lao vài trăm thước, có một khu thổ cư, địa thế đẹp và cao ráo, gọi là đất “Hành cung”. Ngoài ra, còn có chỗ gọi là “Kho Muối”, chỗ gọi là “Tàu Tượng” (chuồng nuôi voi), có chỗ gọi là “Mô Súng”. Ở phía đông, có chỗ gọi là “Tịch Điền” dùng để kính Thần Nông, có chỗ gọi là “Vọng Khuyết” là để các quan tỉnh châu vọng về kinh những ngày kỵ húy của nhà vua. Phía tây Thành có một xóm gọi là “Phường đúc”, dân ở đó làm nghề đúc đồng. Phía tây nam, là “Chợ Củi”, trên bờ sông Sài Giang (sông Củi), nhánh nhỏ của sông Thu Bồn. Đằng sau chỗ chợ Củi, ở phía tây quốc lộ, có một miếu âm hồn rất cổ, gần đó là chỗ pháp trường để xử tội nhân gọi là “Gò sư” (người ta nói vốn tên gọi lúc đầu là “Gò Xử”. Xa hơn độ 1.000 thước còn có dấu tích “Thành vệ” là chỗ quân lính đóng để giữ thành, như một tiền đồn.

Sau ngày giải phóng miền Nam (5/1975) trên phần đất cao của Kho Muối cũ, nhân dân và chính quyền làng Thanh Chiêm đã xây dựng nhà thờ tiền hiền Thanh Chiêm và trường THCS Nguyễn Du, ngoài ra phía sau ngôi trường này còn có một khu đất cao là vườn cây, cũng thuộc Kho Muối cũ.

- Nhà lao: Là một khu đất rộng khoảng 700m², đây là nơi giam giữ tù nhân. Trong một thời gian dài, nơi đây bỏ hoang, hiện nay cũng trở thành khu dân cư.
- Nhà thờ công giáo Phước Kiều

1. Vai trò Dinh trấn Thanh Chiêm ở Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn

Vào thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn đã khai thác và mở rộng một vùng đất rộng lớn ở đạo Thừa tuyên Quảng Nam (từ nam Thuận Hóa đến Thạch Bi ở Phú Yên) tức Dinh Quảng Nam và Dinh Phú Yên, trong đó vai trò của Quảng Nam dinh (Dinh trấn Thanh Chiêm) là hết sức quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao và văn hóa ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn.

- Về chính trị: Đến năm 1611, trong vai trò là cứ điểm tiên tiêu nhằm bảo vệ an ninh chốn biên thùy phía nam, thì bây giờ Quảng Nam giữ địa vị là kinh đô thứ hai của chúa Nguyễn. Kinh đô chính, đương thời gọi là Chánh dinh, đóng tại Thuận Hóa, từ Ái Tử, qua Trà Bát, rồi đến Phước Yên, xuống Kim Long, sau cùng là Phú Xuân (tức Huế ngày nay). Còn Dinh Quảng Nam, đóng tại Thanh Chiêm giao cho các thế tử kế nghiệp của các chúa, là nơi tập sự cho các chúa về sau.

- Về quân sự: Dưới thời chúa Nguyễn vào các thế kỷ XVII - XVIII, Quảng Nam dinh đã đóng góp nguồn nhân lực quan trọng cho quân đội Đàng Trong dưới sự chỉ huy trực tiếp của các thế tử - trấn thủ đại diện cho chúa Nguyễn ở vùng đất Đàng Trong.

Quân đội Dinh Chiêm đã hỗ trợ đắc lực cho chính dinh trong cuộc chiến chống lại họ Trịnh, Mạc ở Đàng Ngoài và mở rộng bờ cõi về phía Nam. Trong khoảng thời gian 200 năm tồn tại, Dinh trấn Thanh Chiêm đã từng bước theo đoàn quân Nam tiến, mở rộng bờ cõi, khai chiếm toàn bộ vùng đất Nam bộ giàu có gồm cả đất liền và các hải đảo thuộc biên giới phía đông và phía tây.

Dinh trấn thiết lập trên bờ sông nối với biển Đông theo chiều Tây - Đông, lại nằm chính giữa trục giao thông quan trọng nhất là đường quan lộ Nam - Bắc. Lý sở này giữ thế thủ, bằng cách tựa lưng vào núi và không chênh vênh ở ngoài biển để hứng lấy những cuộc tấn công của bọn hải khấu quốc tế. Trong thực tế dinh trấn Thanh Chiêm đã là một căn cứ Thủy - Lục quân hùng mạnh vào bậc nhất của chúa Nguyễn.

- Về ngoại giao: Ngoài các phương diện chính trị và quân sự, lý sở Thanh Chiêm còn giữ một vai trò quan trọng khác mà không địa phương nào có thể thay thế được, kể cả Thuận Hóa. Đó là việc trực tiếp giao thiệp với người ngoại quốc kiểm soát xuất nhập khẩu và ngoại thương. Phàm tàu bè, thương gia, du khách hay giáo sĩ ngoại quốc vào xứ Nam, đều do hai cửa Đà Nẵng, Hội An, và qua sự kiểm soát của quan Trấn thủ Dinh Thanh Chiêm.

- Dinh trấn Thanh Chiêm: Nơi ra đời sớm nhất của chữ Quốc ngữ.

(Tổng hợp từ nguồn hồ sơ lý lịch di tích Dinh Trấn Thanh Chiêm của Sở Văn hoá và Du lịch tỉnh Quảng Nam)

2. Lý do chọn mẫu kiến trúc và quy mô

Từ các thông tin về lịch sử kiến trúc và vai trò của di tích kiến trúc này, tôi xin mạnh dạn đưa ra bản vẽ kiến trúc phục dựng và đây chỉ là bước đầu (cần sự góp ý của thành viên là kiến trúc sư, nhà lịch sử nhà bảo tồn...trong Hội Thảo chuyên đề về kiến trúc này). Dẫu biết kiến trúc có sớm từ đầu thế kỷ XVII nhưng là kiến trúc bằng tranh tre...sẽ khó khăn cho việc bảo quản, tu bổ. Vậy tôi chọn kiến trúc gỗ cổ truyền thống của người Việt ở xứ Quảng mà phong cách dựng nhà của phường thợ mộc Kim Bồng trong giai đoạn thế kỷ thứ XIX, cụ thể là vào thời các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Bước đầu là bản vẽ kiến trúc của ngôi nhà chính, xem như công trình như đại bản doanh của dinh trấn. Thêm bức bình phong để tạo tính hợp lý trong kiến trúc truyền thống của miền Trung. Về quy mô và việc quy hoạch các công trình kiến trúc phụ khác như kho tàng, trại lính, đồn canh... cả tường thành và cổng ngõ sẽ là bước phục dựng sau (khi tìm đủ các bằng chứng về kiến trúc). Để được sử dụng lâu dài thì kiến trúc phục dựng này xem như là một nhà Bảo tàng về kí ức của di tích Dinh trấn Thanh Chiêm ngày xưa - trưng bày hình ảnh tư liệu về di tích này.

3. Khảo tả kiến trúc phục dựng

Từ những nguồn thông tin trên, bước đầu xin giới thiệu với hội thảo về 2 công trình kiến trúc như sau:

1. Tiếp xúc với nhà chính phải qua bức bình phong có kích thước dài 3,6m, cao 2,27m. Hình dáng cuốn thư, chân quỳ, đặt trên một đế cao 0.50m rộng 0,69m. Bình phong có mặt chính hình Long Mã, cuỡi mây được thể hiện đắp nổi bằng kỹ thuật gắn mảnh sành sứ. Về mặt sau bình phong xin ý kiến trong hội thảo về việc chọn đề tài trang trí.

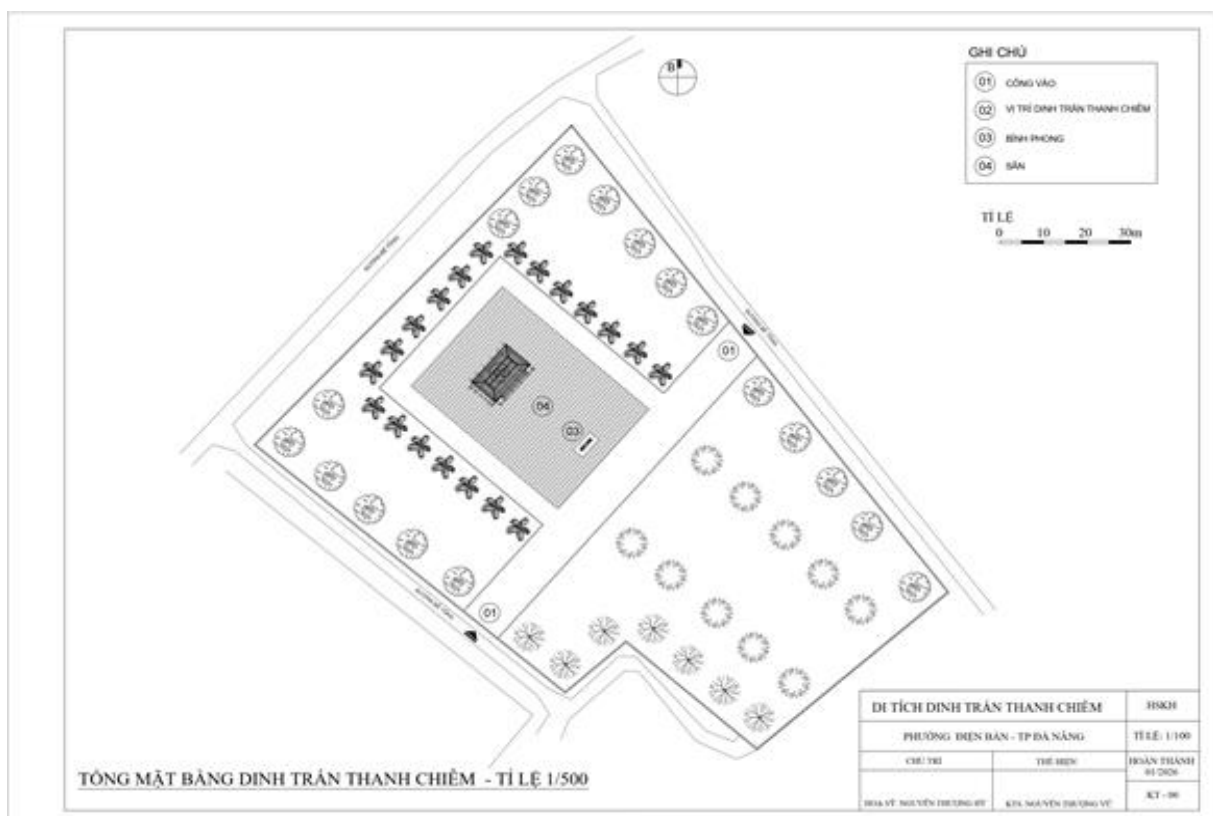
Qua một sân rộng lát gạch vuông có kích thước (theo mẫu các sân gạch đang lát tại các kiến trúc cộng đồng ở phố cổ Hội An) khoảng 15m là kiến trúc của ngôi nhà chính.

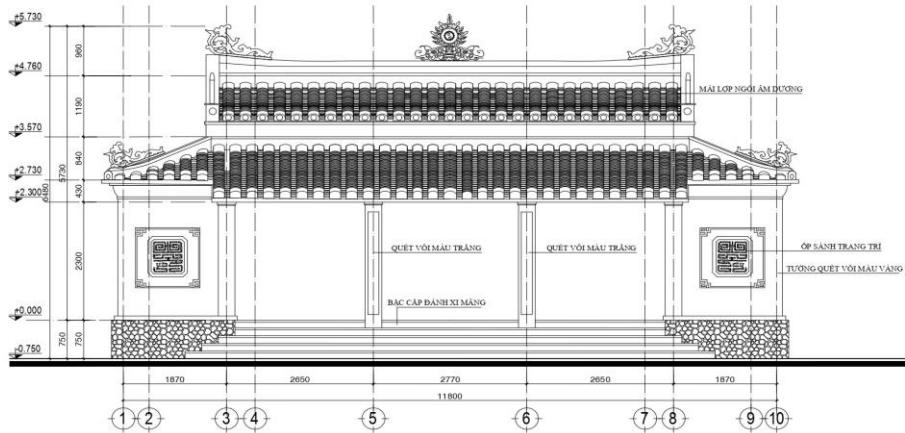
2. Là kiến trúc chính như một tiền sảnh của Đại bản doanh của dinh trấn có khung đỡ bằng gỗ. Kiểu nhà rường miền Trung có cột kê trên đá tảng chiều dài 11,8m, chiều rộng 6,95m. Là ngôi nhà 3 gian, hai chái, hàng ngang 4 cột, hàng dọc 6 cột. Bước cột gian giữa 2,77m, gian 2 bên 2,60m chái là 1,87m. Các cột tròn bằng gỗ, cột vuông (hiên và chịu lực bằng bê tông, gạch tô xi măng). Mặt cắt ngang (A-A) với lòng trính lớn, qua tim cột hàng nhất tiền và nhất hậu là 2,80m nên có giải pháp thiết kế với kỹ thuật đỡ nóc mái theo kiểu “chồng trính con đội” (giải thích trong hội thảo) hay chồng giường con đội khá phổ biến của các ngôi đình cổ nổi tiếng ở phía Bắc tỉnh Quảng Nam ngày trước như đình Túy

Loan, đình Hải Châu, nhà Tiên hiền chư phái tộc Quá Giáng, đình Phong Nam...và càng phổ biến ở các ngôi nhà trong phố cổ Hội An. Với kết cấu chồng 3 lần để nâng phần mái cao hơn cùng thêm cổ lâu để kiến trúc phù hợp với công trình cộng đồng tăng vẻ uy nghi. Nên chiều cao đến nóc là 5,73m, cổ lâu bắt đầu ở 3,80m trở lên. Phần hiên mái trước được đỡ bằng cột bê tông và gạch hình vuông, đưa ra tránh mưa hơn 1,0m nhưng hiên mái sau ngắn hơn gần 0,80m (dự định sẽ có thêm kiến trúc song song với kiến trúc tiền sảnh ở phía sau và mái nhà này sẽ trùng độ cao với mái trước, để dành có một mái xối thoát nước gọi là kỹ thuật “trùng thiềm”. Do là vùng có lụt với nước dâng cao nên nền nhà được tăng lên với 5 bậc cấp. Và điều này kiến trúc tiền sảnh sẽ cao và rộng thêm nếu ta tăng thêm các gian (dự kiến). Kiến trúc cũng được trang trí bờ nóc hình quả cầu Lửa (mặt trời, nhật). Hai bên bờ nóc bờ chái là dây cúc cách điệu. Cửa sổ lấy sáng của mặt chính là ô vuông chữ thọ. Cửa thông hai đầu hồi/đầu xông có trần vòm uốn cong. Phần cổ lâu với tường bao che bên ngoài được chia ô hộc và trang trí đề tài bát bửu.

Để hình dung về kiến trúc này được đặt ở vị trí là có mặt chính quay về hướng Nam hoặc Đông Nam của sơ đồ bản vẽ khoanh vùng bảo vệ di tích.

Cuối cùng, kiến trúc phục dựng này sẽ cần những góp ý, trong đó cần một qui hoạch cùng quy mô to nhỏ nhưng thành phần kiến trúc sẽ phục dựng. Đồng thời đề ra giải pháp công trình thực hiện trước./.





MẶT ĐỨNG TRỤC 1-10 - TỈ LỆ 1/100



DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM		HSKH
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN - TP ĐÀ NẴNG		TỈ LỆ: 1/100
CHỦ TRÌ	THỂ HIỆN	HOÀN THÀNH 01/2026
HÒA SỸ NGUYỄN THƯỜNG HỶ	KTS NGUYỄN THƯỜNG VŨ	KT - 03



MẶT ĐỨNG BÌNH PHONG - TỈ LỆ 1/50



MẶT BÊN BÌNH PHONG - TỈ LỆ 1/50



MẶT BẢNG BÌNH PHONG - TỈ LỆ 1/50



DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM		HSKH
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN - TP ĐÀ NẴNG		TỈ LỆ: 1/100
CHỦ TRÌ	THỂ HIỆN	HOÀN THÀNH 01/2026
HÒA SỸ NGUYỄN THƯỜNG HỶ	KTS NGUYỄN THƯỜNG VŨ	KT - 07

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHÔNG GIAN DI SẢN KẾP CÔNG VIÊN VĂN HÓA THANH CHIÊM GẮN VỚI TÔN VINH CHỮ QUỐC NGŨ

KTS. Dương Văn Việt

Công ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến Trúc - Xây dựng Sông Hoài

1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở khoa học

Theo sử liệu, vào năm Nhâm Dần (1602), chúa Tiên Nguyễn Hoàng thành lập Dinh trấn Quảng Nam (còn gọi là Dinh trấn Thanh Chiêm), ban đầu đặt tại xã Cầu Múc (Nam Phước - Duy Xuyên), sau dời về xã Thanh Chiêm, huyện Điện Bàn (xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cũ). Dinh trấn Thanh Chiêm được coi là thủ phủ thứ 2 của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Nơi đây từng là căn cứ thủy quân hùng mạnh, chiến thắng cả hạm đội Hà Lan và đánh bại 7 cuộc tấn công quy mô của quân Trịnh. Tại Thanh Chiêm, từ năm 1617 đến năm 1625, linh mục Francisco De Pina đã học tiếng Việt, truyền đạo bằng tiếng Việt và dạy tiếng Việt cho 2 giáo sĩ là Alexandre de Rhodes, người Pháp và Antonio Fonte, người Bồ Đào Nha. Linh mục Francisco De Pina đồng thời viết tài liệu giảng dạy “Phương pháp Latinh hóa tiếng Việt” và “Ngữ pháp tiếng Việt”. Nhiều nhà khoa học Việt Nam khẳng định Dinh trấn Thanh Chiêm là cái nôi các nhà truyền giáo phương Tây đến nghiên cứu, sáng tạo và hình thành chữ Quốc ngữ sớm nhất ở Việt Nam (Theo VOV5 số ra ngày 19/09/2017).

Trong nhiều thập niên qua, Dinh trấn Thanh Chiêm đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu của các nhà sử học, khảo cổ học, văn hóa học và địa lý lịch sử. Các nghiên cứu này đã góp phần làm rõ vai trò của Thanh Chiêm trong hệ thống hành chính Đàng Trong, trong tổ chức phòng thủ quân sự, cũng như trong việc điều phối hoạt động kinh tế - thương mại của vùng Quảng Nam. Trong số này, phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc mô tả sự kiện, niên đại và chức năng lịch sử, chưa tiếp cận Thanh Chiêm như một không gian văn hóa - lịch sử tổng thể cần được bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị trong bối cảnh phát triển đương đại.

Ở phương diện ngôn ngữ học và lịch sử văn hóa, nhiều học giả trong và ngoài nước đã khẳng định vùng đất Quảng Nam cũ - Hội An - Thanh Chiêm là một trong những không gian khởi nguồn quan trọng của quá trình hình thành chữ Quốc ngữ. Sự hiện diện lâu dài của các giáo sĩ Dòng Tên, tiêu biểu như Francisco de Pina, Alexandre de Rhodes, cùng với môi trường giao lưu văn hóa cởi mở và nhu cầu giao tiếp hành chính, truyền giáo đã tạo điều kiện cho việc

ghi chép, học tập và hệ thống hóa tiếng Việt bằng mẫu tự Latin. Thanh Chiêm, với tư cách là trung tâm hành chính của trấn Quảng Nam, đã trở thành môi trường giao tiếp tiếng Việt quan trọng, nơi tiếng nói bản địa được tiếp xúc, nghiên cứu và chuẩn hóa.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn thiếu một công trình mang tính tổng hợp, liên ngành, của một **hệ sinh thái di sản** đặt Dinh trấn Thanh Chiêm trong mối quan hệ hữu cơ giữa lịch sử mở cõi và sự hình thành chữ Quốc ngữ. Việc nghiên cứu và quy hoạch Thanh Chiêm thường bị tách rời giữa bảo tồn di tích, phát triển đô thị và tôn vinh giá trị chữ Quốc ngữ, dẫn đến nguy cơ làm mờ nhạt ý nghĩa lịch sử - văn hóa vốn có của khu vực. Đây chính là khoảng trống khoa học và thực tiễn mà đề án này hướng tới bổ sung và hoàn thiện.

Cơ sở khoa học của đề án được xây dựng trên quan điểm tiếp cận liên ngành, kết hợp lịch sử học, ngôn ngữ học, kiến trúc học, quy hoạch không gian và khoa học bảo tồn di sản. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện đầy đủ các tầng giá trị của Dinh trấn Thanh Chiêm, từ di tích vật thể, không gian cảnh quan đến di sản phi vật thể, đặc biệt là giá trị của chữ Quốc ngữ như một di sản sống của dân tộc phát triển và trường tồn đến hôm nay và mai sau.



Ảnh: Sơ đồ Dinh trấn Thanh Chiêm xưa

2. Giá trị lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ của Dinh trấn Thanh Chiêm

2.1. Giá trị lịch sử

Vị thế: Kinh đô thứ 2 đóng vai trò là “phên dậu” phía Nam của chính quyền Đàng Trong. Nếu Thuận Hóa (Huế) là trung tâm chính trị thì Quảng Nam

(Thanh Chiêm) là trung tâm kinh tế và quân sự. Việc đặt các thế tử (như Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Lan...) vào vị trí trấn thủ Thanh Chiêm cho thấy đây là trường đào tạo tương lai của vận mệnh quốc gia.

Không gian chiến lược: Nằm bên dòng sông Chợ Cùi (một nhánh sông Thu Bồn) Thanh Chiêm có vị trí “tiền khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ”. Từ đây các Chúa Nguyễn kiểm soát toàn bộ vùng đất mới khai phá, đồng thời điều phối hoạt động thương mại từ cảng thị Hội An cách đó 10km. Đây là cấu trúc “tiền cảng, hậu dinh”, điển hình đô thị sông nước độc đáo của Việt Nam đầu thế kỷ XVII.

Trung tâm ngoại giao và giao thương quốc tế: Thanh Chiêm từng là một thực thể “mở” và “động” bậc nhất trong khu vực Đông Nam Á lúc bấy giờ, nối tiếp thông qua cảng thị Đại Chiêm và Cù Lao Chàm của Champa.

Nơi bang giao, đón tiếp các phái đoàn trên thế giới: Các giáo sĩ Dòng Tên, thương nhân Bồ Đào Nha, Ý, Nhật Bản, Hoa Kiều... khi cập cảng Hội An đều phải đến Thanh Chiêm bái kiến Trấn thủ trước khi vào buôn bán hay truyền đạo. Chính tư tưởng ngoại giao cởi mở này đã tạo điều kiện cho sự giao thoa tư tưởng giữa Đông và Tây.

Đối trọng song hành với kinh tế Hội An: Hội An là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch hàng hóa thì Thanh Chiêm là nơi ban hành các quyết sách về kinh tế, thuế khóa và kiểm soát nguồn di cư. Sự tồn tại của Thanh Chiêm khẳng định vai trò không thể thiếu cho sự bình định khu vực, thể hiện chủ quyền và nội lực quản lý của người Việt đối với các luồng thương mại hay các hoạt động ngoại bang khác (Châu ẩn thuyền).

2.2. Giá trị văn hóa

Về giá trị văn hóa, Thanh Chiêm là không gian giao thoa đa chiều giữa các dòng chảy văn hóa Việt, Chăm và phương Tây. Thông qua thương cảng Hội An, các yếu tố văn hóa phương Tây đã thâm nhập vào đời sống xã hội địa phương, tạo nên quá trình tiếp biến văn hóa phong phú nhưng không làm mất đi bản sắc truyền thống. Những dấu ấn này được thể hiện qua kiến trúc, tín ngưỡng, phong tục tập quán và sinh hoạt cộng đồng của cư dân vùng Quảng Nam. Thanh Chiêm, với vị thế trung tâm hành chính, đóng vai trò hạt nhân trong việc tiếp nhận, điều tiết và lan tỏa các giá trị văn hóa đó.

2.3. Dinh trấn Thanh Chiêm - một trong những nơi khai sinh chữ Quốc ngữ

Đây là giá trị mang tính đột phá của Thanh Chiêm trong cùng thời gian và không gian bổ túc nhau hình thành nên hệ sinh thái văn hóa vật thể và phi vật thể. Tại sao lại là Thanh Chiêm mà không phải nơi khác? Bởi vì tại đây, giáo sĩ

Francisco de Pina đã tìm thấy một môi trường tiếng Việt thuần khiết và phong phú nhất và ông đã học tiếng Việt từ chính những người bản địa, giới trí thức tại Dinh trấn. Hiện nay, nhà thờ Phước Kiêu là nhân chứng sống cho hiện tượng văn hóa đặc biệt này, tại nơi đây ông đã đặt nền móng đầu tiên cho bảng chữ cái tiếng Việt sau đó một thời gian Alexandre de Rhodes đã hoàn thiện bảng chữ cái tiếng Việt, soạn ra cuốn từ điển Việt - Bồ - La.

Chữ Quốc ngữ không phải là sản phẩm riêng lẻ của các giáo sĩ phương Tây, mà là kết quả của sự tương tác mãnh liệt của cư dân địa phương. Thanh Chiêm chính là “phòng thí nghiệm ngôn ngữ” đầu tiên, nơi những âm tiết trao đổi hằng ngày được mã hóa thành ký tự, đặt nền móng cho sự bùng nổ văn hóa, giáo dục của Việt Nam ở các thế kỷ sau.

Đặc biệt, giá trị nổi bật và có ý nghĩa lâu dài nhất của Dinh trấn Thanh Chiêm chính là vai trò gắn liền với quá trình hình thành và phát triển chữ Quốc ngữ. Từ môi trường giao tiếp hành chính, giáo dục và truyền giáo tại Thanh Chiêm, tiếng Việt đã được ghi nhận, phân tích và từng bước hệ thống hóa bằng chữ viết Latin. Sự ra đời của chữ Quốc ngữ không chỉ là một sự kiện ngôn ngữ học, mà còn là bước ngoặt lớn trong lịch sử văn hóa dân tộc, tạo tiền đề cho việc phổ cập giáo dục, hình thành nền báo chí, văn học hiện đại và thúc đẩy quá trình hiện đại hóa xã hội Việt Nam.



Nhà thờ Phước Kiêu - Một trong những nơi khai sinh chữ Quốc ngữ



Đình làng Thanh Chiêm



Bia di tích Đình trấn Thanh Chiêm

3. Đề xuất quy hoạch tổng thể các hạng mục và định hướng không gian kiến trúc - cảnh quan công viên đình trấn thanh chiêm gắn với tôn vinh chữ quốc ngữ

Quy hoạch không gian lịch sử đình trấn Thanh Chiêm không thuần túy là phép cộng các hạng mục công trình, mà tái hiện **hệ sinh thái di sản kép** thích ứng. Ở đó các thực thể vật thể (kiến trúc, địa tầng) và phi vật thể (chữ Quốc ngữ, con người, văn hóa địa phương) được đặt trong một thực thể cộng sinh, lấy tri thức làm trục trung tâm và dòng chảy sông Thu Bồn làm mạch nguồn cảm hứng thông qua ngôn ngữ của ánh sáng, âm thanh và vật liệu kể lại câu chuyện này.

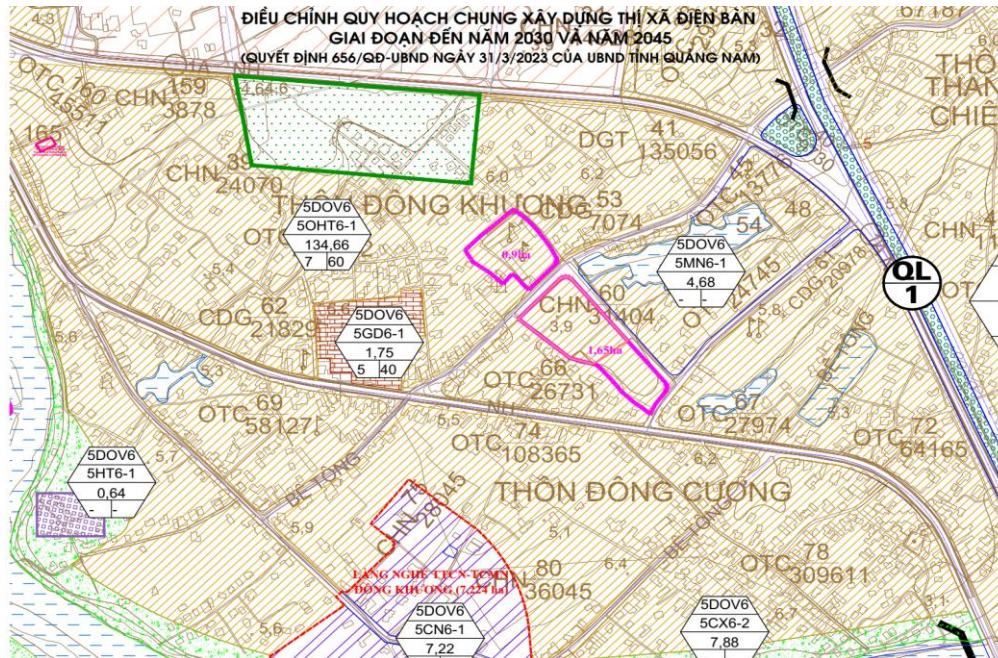
Mặt khác, Công viên văn hóa Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ được quy hoạch tổng thể định hướng tổ chức theo ngôn ngữ cảnh quan văn hóa kết hợp trực không gian biểu tượng, nhằm tái hiện một cách cô đọng nhưng giàu cảm xúc đúng với vai trò lịch sử của Thanh Chiêm như trung tâm hành chính - văn hóa - học thuật của Đàng Trong, đồng thời tôn vinh chữ Quốc ngữ như một di sản sống trong đời sống đương đại.

3.1. Vị trí, quy mô và ranh giới khu vực quy hoạch

Công trình có tổng diện tích khuôn viên 19.925m² thuộc khối phố Thanh Chiêm, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng. Phía Bắc tiếp giáp đường Nguyễn Du và trường THCS Nguyễn Du (hướng Vĩnh Điện), phía Nam tiếp giáp đường bê tông (hướng cầu Câu Lâu), phía Đông tiếp giáp đường bê tông (hướng Hội An), phía Tây tiếp giáp một phần đường bê tông và nhà dân (hướng quốc lộ 1A cũ). Trên khuôn viên: 19.925 m².



Khuôn viên khu di tích Dinh trấn và công viên chữ Quốc ngữ giai đoạn 1



Bản đồ tổng thể và các vùng phụ cận xung quanh khuôn viên khu di tích Dinh trấn và công viên chữ Quốc ngữ

3.2. Trường phái kiến trúc và ý tưởng quy hoạch

Để xây dựng một ngôn ngữ kiến trúc cho “công trình kép” mang tính hệ sinh thái Văn hóa - Lịch sử - Ngôn ngữ tại Thanh Chiêm, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở việc sao chép các mô-típ cổ. Ngôn ngữ này cần sự kết nối giữa “Đất” (Di sản gốc) và “Ký tự” (Sự lan tỏa tri thức).

Lấy hình tượng “Dòng chảy” làm trục kiến trúc chính là ngôn ngữ chủ đạo, dòng chảy dòng sông Thu Bồn, dòng chảy lịch sử của Dinh trấn và dòng chảy phát triển của chữ Quốc ngữ. Từ đây đề án được phát triển bám sát chủ đề và phân chia ra các hạng mục như sau.

Sử dụng bút pháp **kiến trúc đương đại gắn kết di sản**, công trình sẽ không làm lu mờ vùng lõi di sản mà đóng vai trò như một “phông nền” hoặc một “thấu kính” để người xem nhìn về quá khứ qua lăng kính hiện đại.



Mặt bằng tổng thể công viên khu di tích Dinh trấn và công viên chữ Quốc ngữ

3.3. Không gian công viên khu Dinh trấn

Việc đặt cổng Dinh trấn và trục Dinh trấn tại hướng đông nam, hướng thẳng ra dòng sông Thu Bồn, không chỉ là một lựa chọn về địa hình mà còn chứa đựng tầng sâu phong thủy. Đây là cung đường của gió và sự sinh sôi, sự phục dựng của “hướng định mệnh” nơi tiên nhân chọn làm bàn đạp thực hiện mở cõi vĩ đại về phương nam xa xôi.

- Hạ mục cổng vào phía công viên Dinh trấn (phía đông nam về hướng cầu Cầu Lâu):

Thay vì xây dựng một cổng tam quan bằng vật liệu mới theo lối giả cổ, cổng Dinh trấn sẽ được thiết kế theo ngôn ngữ khung xương di sản.

Kiến trúc: Sử dụng cột bê tông cốt liệu đá đỏ (màu gạch nung), đá tổ ong kết hợp với các nẹp thép đen mờ. Cổng không có cửa đóng kín, mà chỉ có bộ khung vững chãi, tượng trưng cho một di tích đã đi qua thăng trầm nhưng khung cốt vẫn kiêu hãnh.

Vật liệu: Kết hợp gạch gốm đỏ nung thô, đá tổ ong của vùng đất Thanh Chiêm đại diện cho truyền thống và kính cường lực màu khói đại diện cho lăng kính thời gian.

Tương tác với mô đất: Cổng được đặt trên gò đất cao phía nam bao quanh bởi hào nước hẹp (mô phỏng thành hào xưa). Du khách muốn vào công viên phải đi qua chiếc cầu ngắn bằng đá sa thạch.

Hiệu ứng “Cổng bóng”: Sử dụng các đèn chiếu hắt, công suất lớn đặt từ xa, khi đêm xuống, ánh sáng này sẽ chiếu xuyên qua bộ khung cột thép, đổ bóng lên các mô đất xung quanh, in hình cổng thành khổng lồ. Du khách sẽ thấy “linh hồn” của Dinh trấn qua những bóng đổ.

Ánh sáng “Lửa thành”: Bên trong các hốc tường gạch của cổng, bố trí đèn led hiệu ứng lập lòe giả lập ánh sáng ngọn đuốc canh thành. Sắc vàng kim đậm tạo cảm giác âm cúng, uy nghi và đầy tính bảo vệ.

Chi tiết biểu tượng: Tại vị trí biển tên cổng, thay vì bảng gỗ, chúng ta sử dụng tấm kính khắc chìm chữ Hán Nôm “Thanh Chiêm Dinh” tạo hiệu ứng ánh sáng ban đêm.

Âm thanh vùng: Khi du khách bước chân qua vòm cổng, hệ thống âm thanh định hướng sẽ phát ra tiếng trống tầm vọng xa, hoặc tiếng xích sắt nhẹ nhàng như đang bước vào một khu vực quân sự nghiêm cẩn của thế kỷ 17.

- Hạng mục quảng trường Dinh trấn 1.344m²: Uy nghi hiển lộ

Cấu trúc không gian: Trục thần đạo, tuyến đi bộ lót đá sa thạch kết nối từ cổng Dinh trấn vào tâm quảng trường, thiết kế theo tỷ lệ vàng, tạo sự uy nghi nhưng không xa cách.

Quảng trường trung tâm: Mặt sàn phẳng, bản đồ cổ thời mở cõi đúc đồng chìm in xuống mặt sàn. Bốn trụ thép Corten ở bốn góc, ban đêm chiếu luồng sáng thẳng lên trời tạo thành “Thành trì ánh sáng” ảo.

Hào nước: Hệ thống phun nước âm sàn bao quanh tâm quảng trường, tượng trưng cho thành bảo vệ xưa.

Cảnh quan mô phỏng: Cây di sản dọc hai bên trục đường, trồng cây Sưa (hoa vàng), cây Ngô Đồng ở Cù Lao Chàm (hoa đỏ), trên các mô đất cao tạo nhịp hành Lễ rực rỡ và kiêu hãnh. Mô đất trồng cỏ xen đá.

Trải nghiệm đặc trưng: Ánh sáng đèn led âm sàn hắt dọc lối đi, dẫn dắt thị giác về phía trung tâm. Âm thanh tiếng trống trận và tiếng vọng thời đại vang lên nhẹ nhàng khi du khách bước vào tâm quảng trường.

- Hạng mục công viên Dinh trấn 5.300m²: Chủ đề Dòng chảy mở cõi và tiếng vọng tiền nhân

Trái tim của dự án, nơi ngôn ngữ dòng chảy, lịch sử mở cõi và trải nghiệm giác quan đạt đến mức độ hòa quyện cao nhất. Nơi đây đóng vai trò như bảo tàng ngoài trời biết kể chuyện.

Cấu trúc không gian và trục dẫn dắt: Được tổ chức theo cấu trúc “Sông ôm lấy đất”. Trục chính là dòng sông Thu Bồn mô phỏng, một dòng nước uốn lượn chảy xuyên suốt và hòa mình vào mặt nước lớn được ví như đại dương bao quanh bảo tàng. Đây không chỉ là cảnh quan mà là trục kim chỉ nam dẫn dắt du khách hướng về khối bảo tàng.

Hệ thống lối đi uốn lượn: Được lát bằng đá sa thạch thô ráp, các con đường này không thẳng tắp mà chạy zigzag men theo bờ sông và các mô đất trâm tích nhấp nhô từ 1,5m - 2,0m, buộc du khách phải đi chậm để chiêm ngưỡng tiêu cảnh.

Điểm nhấn biểu tượng: Bảy chiếc ghe bầu vượt biển. Trên sông Thu Bồn, bảy chiếc ghe bầu được sắp đặt và tượng trưng cho các đời Chúa Nguyễn có công mở cõi về phương Nam. Ghe bầu được thiết kế bằng gỗ sao mộc và thép corten gỉ sét (đương đại). Mỗi chiếc ghe có kích thước nhất định nhưng độ nghiêng khác nhau như đang lướt sóng, bên trong lòng ghe khắc các chiến tích, chiếu chỉ mở cõi hoặc bản đồ cương vực của vị Chúa đó.

Đồi đặt tượng Bác: Tượng đặt tại khu vực đồi danh nhân cao 1,5m - 2,0m, hướng nhìn về đông nam ra dòng sông Thu Bồn và biển lớn. Tượng đúc bằng hợp kim màu đất để hòa hợp với hệ sinh thái di sản, cảnh quan bao quanh cây Gió Bầu, Sưa vàng. Khi du khách tiếp cận tượng có hệ loa cảm biến định hướng, từ trong khóm cây phát ra âm thanh những bài thơ của Bác đan xen các làn điệu dân ca xứ Quảng. Ánh sáng vàng kim lấp lánh tôn vinh vị trí của Người trong dòng chảy lịch sử mở cõi và giữ nước. Hạng mục này đóng vai trò “điểm chạm” quan trọng nhất trong vành đai di sản, khẳng định sự tiếp nối không đứt đoạn của lịch sử dân tộc kết nối dòng chảy từ thời kỳ mở cõi của các Chúa Nguyễn đến thời đại Hồ Chí Minh.

Đồi danh nhân và địa danh dọc hành trình: Dọc theo các lối đi uốn lượn là nơi lịch sử sẽ trở nên sống động. Tượng danh nhân theo tỷ lệ 1:1, các nhân vật lịch sử được đúc bằng hợp kim màu đất, đặt đứng trực tiếp trên thảm cỏ (không có bệ thờ), danh nhân hiện ra như những người lữ hành đang đối thoại cùng du khách. Các đảo địa danh tại các khúc quanh, mô phỏng một bức tường thành bằng đất sét đỏ khung tre khắc tên các địa danh gắn tên chiến công với bước chân mở cõi. Đây là những trạm thông tin giúp du khách hiểu rõ quá trình mở cõi.

Khu bia ghi danh: Vị trí đặt tại điểm kết nối của công viên Dinh trấn, nơi dòng nước hội tụ trước khi vào bảo tàng. Kiến trúc những khối đá sa thạch nguyên khối hình dáng thô mộc, ghi tên tuổi những người có công tạo lập dự án

được khắc chìm và đồ đồng tạo vẻ vĩnh cửu và trang nghiêm. Tôn vinh như những người “mở cõi văn hóa” thời hiện đại, nối tiếp dòng chảy của tiền nhân.

Ánh sáng: Đêm hoa đăng, ánh sáng lòng sông sử dụng led âm dưới nước tạo hiệu ứng ánh sáng lấp lánh, làm dòng sông như một dải lụa phát sáng vào bảo tàng. Ánh sáng ghe bầu, đèn vàng kim hắt ra từ khe gỗ, tạo ra khối sáng lấp lánh, linh thiêng trên mặt nước. Mặt khác sử dụng ánh sáng đèn chiếu tập trung từ trên cao xuyên qua các tán cây tạo cảm giác huyền ảo vào ban đêm.

Âm thanh: Sử dụng âm thanh đa lớp và cảm biến chuyển động. Âm thanh nền, tiếng nước chảy róc rách tiếng gió lùa qua rặng cây và tiếng chim hót bản địa. Âm thanh kể chuyện để khi du khách lại gần mỗi chiếc ghe bầu hoặc tượng danh nhân, loa định hướng sẽ phát ra tiếng hò khoan, tiếng trống quân lệnh hoặc tiếng đọc thơ bằng giọng Quảng cổ đặc trưng. Không gian nghỉ chân, tại các trạm dừng chân âm thanh chuyển sang tiếng sáo trúc du dương để giải tỏa cảm xúc.

Khu nghỉ chân và cây xanh: Trạm dừng chân, các mái che được thiết kế hình dáng mái chèo hoặc nón lá cách điệu nép mình dưới bóng cây Sưa, gió Bầu, Bò Môn, khóm tre. Cây xanh ưu tiên sử dụng cây bản địa (Sưa đỏ, Sưa vàng, Ngô đồng, Muồng đen, gió Bầu, Bò Môn) tạo bóng mát, cây tầm trung (tre, trúc) tạo vách ngăn thị giác, cây tầng thấp (cỏ lác, dương xỉ) bao phủ các mô đất.

3.4. Khối Bảo tàng trung tâm (1000m² - 3 tầng)

- **Hình khối kiến trúc: “Giao lộ Đất - Trời”**, khối đế ốp gạch nung đúc thủ công theo kích thước 40cm x 20cm x 5cm, mô phỏng viên gạch cổ được người dân địa phương sử dụng cho các đền thờ như Đình An Quán, nhà thờ bà mẹ vua Gia Long... vào khoảng sau năm 1803. Khối lăng kính đối thoại tầng trên là khối hiện đại, tượng trưng cho sự mở cửa và minh triết. Tháp trung tâm biểu tượng gươm mở cõi hóa bút tri thức mọc trên nền những trang sách cách điệu vươn thẳng lên.



Phân tầng chức năng (3 tầng):

- **Tầng 1:** Không gian “giao thoa di sản”, nơi “dòng chảy lịch sử” và “dòng chảy ngôn ngữ” gặp nhau. Thiết kế không gian mở, bao quanh mặt nước tràn. Giếng trời trung tâm đón ánh sáng từ đỉnh tháp rơi xuống tầng nền gạch nung. Du khách bước vào từ khối nhà đi xuyên mặt nước, cảm nhận sự giao hòa truyền

thông (gạch) và hiện đại (kính). Đây cũng là khu vực đón tiếp định hướng toàn bộ hành trình.

- **Tầng 2:** Khí phách Dinh trấn đây là không gian di sản trái tim của đề án. Nội dung trưng bày các hiện vật trong nhà, cổ vật khai quật từ Dinh trấn xưa, có thể trưng bày thêm các hiện vật làng nghề, nghệ thuật của vùng đất Thanh Chiêm (văn hóa tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh, đúc đồng, mộc). Khu chức năng phòng chiếu phim 360 độ, tái hiện quá trình mở cõi, kho lưu trữ số. Ánh sáng trầm mặc, tập trung vào hiện vật, tạo cảm giác trang nghiêm. Âm thanh chủ đạo, sử dụng dải tần số thấp (pass) tạo cảm giác uy nghi. Tiếng trống trận xa xăm, tiếng vó ngựa và bước chân hành quân, tiếng sóng biển Đông rì rào đan xen. Phòng chiếu phim 360 độ âm thanh vòm, cực kỳ chân thực, tái hiện những ngày tháng hào hùng quân dân xứ Quảng.

- **Tầng 3: “Hồn chữ Việt” - Không gian chữ Quốc ngữ**

Trưng bày các bản thảo của Francisco de Pina, Alexandre de Rhodes và quá trình hình thành chữ Latin tại Việt Nam, kiến trúc sử dụng vật liệu kính và thép trắng nhẹ nhàng. Các con chữ được treo lơ lửng trong không gian giăng trời. Trải nghiệm du khách tìm hiểu sự chuyển mình của ngôn ngữ trong một không gian tràn ngập ánh sáng tự nhiên. Trái ngược với tầng 2, âm thanh ở đây chuyển sang sắc thái cao - thanh - nhẹ nhàng, tượng trưng cho trí tuệ và sự hình thành ngôn ngữ, sử dụng âm thanh chủ đạo tiếng gió lùa qua kẽ lá, tiếng nước chảy róc rách từ giếng trời rơi xuống. Âm thanh mang tính thiền giúp du khách tập trung vào các bản thảo. Âm thanh tượng trưng, tiếng ngòi bút lông trên bản thảo, bút sắt trên mặt giấy cũ. Đây là âm thanh cho sự thai nghén chữ Quốc ngữ, ở một không gian khác đoạn âm thanh ngắn, trong treo, mô phỏng việc đọc các nguyên âm, phụ âm tiếng Việt đầu tiên (A, Ă, Â...)

- **Tầng mái: “Lăng kính chiêm nghiệm” (Vọng cảnh).** Thiết kế nằm trên đỉnh khối kính, đây là không gian quan sát 360 độ, du khách trải nghiệm từ trên cao nhìn xuống toàn bộ khuôn viên và bao cảnh khu vực xung quanh vươn tầm mắt về hướng đông nơi con sông Thu Bồn quanh co uốn lượn, là chứng nhân lịch sử cho ta thấy tâm hồn đã chạm vào quá khứ. Tại đây âm thanh được vang vọng, tạo cảm giác thiêng liêng như những lời giảng giải của các bậc tiền nhân đang lơ lửng trong không trung.

3.5. Công viên chữ Quốc ngữ: Cổng công viên chữ Quốc ngữ (phía tây bắc hướng đường Nguyễn Du)

Tiếp nối mạch tự sự từ khu Dinh trấn. Hướng tây bắc (tiếp giáp đường Nguyễn Du) là hành trình chuyển tiếp từ thế giới hiện đại vào không gian của trí

tuệ vào sự giao thoa văn hóa. Nếu hướng đông nam là khí phách quân sự thì hướng tây bắc đại diện cho cánh cửa tri thức. Đây là hướng nhìn về kinh đô Thuận Hóa, tâm điểm quyền lực và văn hóa của Đàng Trong xưa. Nơi trí tuệ hội tụ qua những nếp gấp ký tự, hoàn thiện bức tranh văn võ song toàn trước khi bước vào trái tim bảo tàng.

Kiến trúc: Cuốn Thư đương đại cho công chữ Quốc ngữ được cô đọng qua 3 chi tiết. Trang sách mở - dải lụa đá, công là các vách đá sa thạch mỏng xếp lớp, uốn lượn như một cuộn giấy không lồ đang mở ra từ lòng đất. Các vách này không khép kín mà xẻ khe theo hình dáng nét bút lông thanh đậm, tượng trưng cho sự mềm mại của tiếng Việt giao thoa với ký tự latin sắc sảo. Bên trong lối vào mặt thép đục rỗng các ký tự chữ latin đầu tiên hòa quyện cùng chữ Nôm, khi ánh nắng xuyên qua, những con chữ này được in xuống mặt sàn, tạo nên một ma trận ngôn ngữ thay đổi theo góc độ mặt trời.

Ánh sáng: Ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên làm chất liệu chính. Những bóng đổ của ký tự từ cánh công tạo nên một không gian triển lãm ánh sáng sống động trên mặt đất. Ban đêm sử dụng ánh sáng trắng trung tính, tỏa ra từ khe hở giữa 2 “trang sách” thép, tạo hiệu ứng như một luồng tri thức phát quang. Đèn led sàn hắt từ dưới chân công lên cao, làm nổi bật chất liệu rỉ sắt và các chi tiết đục lỗ, biến cánh công điều khắc rục rờ.

Âm thanh: Tiếng vọng trí tuệ, âm thanh nền nhẹ nhàng, hiệu ứng ký tự cảm biến âm thanh sẽ kích hoạt những đoạn đọc ngắn các nguyên âm (A, Ă, Â...) hoặc câu thoại bằng tiếng Việt cổ của các giáo sĩ và trí thức xưa.

Chi tiết “Thuận Hóa”: Tại đỉnh cao nhất của công, dải lụa đá hướng vút về phía tây bắc. Tại điểm đó, đá được mài phẳng như một chiếc gương, phản chiếu bầu trời phương Bắc, tượng trưng cho sự kết nối không đứt đoạn với kinh đô.

- **Hạng mục quảng trường chữ Quốc ngữ 3.700m²:**

Quảng trường chữ Quốc ngữ đóng vai trò là một “phòng khách” của công trình, nơi di sản hòa nhập với nhịp sống cộng đồng. Đây là không gian mở lớn nhất tiếp giáp đường Nguyễn Du, được thiết kế để phục vụ Lễ hội địa phương nhưng vẫn giữ được sợi dây liên kết với chủ đề.

Quy hoạch mặt bằng: Trang giấy mở, được thiết kế mặt sàn phẳng, ít vật cản để tối ưu hóa không gian cho các Lễ hội, hội chợ sách hoặc trình diễn nghệ thuật dân gian.

Họa tiết sàn: Mặt sàn lát đá xám sáng được kẻ các đường chi đồng dải mô phỏng dòng kẻ trên giấy cổ. Nhìn từ trên cao, quảng trường như một trang giấy không lồ.

Hệ thống sân khấu chìm: Khu vực trung tâm khoảng 500m² có cao độ thấp hơn 30cm, vừa là nơi tụ họp hằng ngày, vừa biến thành sân khấu tự nhiên cho sự kiện địa phương.

Ánh sáng: Hệ thống cột đèn biểu tượng, thay cột đèn thông thường, quảng trường sử dụng các cột đèn bọc thép laser các ký tự chữ Quốc ngữ. Khi đêm xuống, các cột đèn này như những ngọn nến tri thức khổng lồ tỏa sáng. Ánh sáng mặt sàn các dãy đèn led chạy dọc các chỉ đồng, tạo ra mảng lưới ánh sáng động, có thể thay đổi màu sắc theo chủ đề ngày hội.

Âm thanh: Đa thanh cộng đồng, sử dụng loa đá cảnh quan, hệ thống loa ẩn trong khối đá rải rác quanh quảng trường. Ngày thường phát nhạc không lời nhẹ nhàng, ngày Lễ hội kết nối công suất lớn đồng bộ phục vụ diễn xướng, đọc diễn văn...

Kết nối và tiện ích: Dải đệm cây xanh giữa đường Nguyễn Du và quảng trường là hàng rào xanh bằng cây Sưa vàng, gió Bầu và cây Ngô Đồng hoa đỏ vừa cách âm vừa tạo bóng mát nhưng không che khuất tầm nhìn bên trong. Các khối ghế đá được thiết kế uốn lượn như những trang sách đang lật, đặt dọc rìa quảng trường để người dân nghỉ chân.

- Công viên chữ Quốc ngữ 5.000m²:

Với diện tích 5000m², công viên chữ Quốc ngữ là một không gian đối trọng hoàn hảo với công viên Dinh trấn. Nếu khu dinh trấn mang đậm tính sử thi, hào hùng thì khu vực này mang màu sắc trí tuệ, sự giao thoa và lòng biết ơn.

Cầu chữ Quốc ngữ: Nhịp cầu khám sành, đây là điểm chạm cảm xúc mạnh nhất khi rời quảng trường. Kiến trúc cầu uốn cong nhẹ nhàng bắc qua dòng nước, biểu tượng nhịp cầu văn hóa Đông - Tây. Vật liệu toàn bộ thành cầu mặt cầu được ốp gốm vỡ từ chén bát cũ. Đây là ngôn ngữ tạo hình sâu sắc, những mảnh vỡ của đời sống thường nhật được gắn kết tạo nên một hình hài mới, giống như các giáo sĩ dùng ký tự Latinh ghép lại để ký âm tiếng Việt. Hiệu ứng dưới ánh nắng, các mảnh gốm tạo ra độ lấp lánh đa sắc, gợi nhớ đến kỹ thuật khám sành sứ đặc trưng trong kiến trúc cung đình Huế.

Dòng nước uốn lượn: Là mạch nguồn Minh triết cho tiếng Việt, nhưng thay vì dòng chảy của sông Thu Bồn, dòng nước đây tĩnh lặng hơn, uốn lượn mềm mại qua các triền cỏ để cuối cùng hòa chung vào mặt hồ bao quanh khối bảo tàng. Đây là một phần di sản kép của một vùng đất thiêng.

Vườn Danh nhân: Những người gieo hạt. Dọc theo dòng nước và các lối đi khám gồm là nơi đặt tượng các vị có công lớn. Nhóm giáo sĩ phương Tây (tượng Francisco de Piana, Alexandre de Rhodes...). Tượng tạc phong cách thanh

thoát, tay cầm bản thảo hướng về phía bảo tàng. Nhóm chí sĩ và nhà yêu nước, những người đấu tranh và phát triển chữ Quốc ngữ (Phan Châu Trinh, hay các nhà thơ mới...). Cách sắp đặt các tượng không đặt trên bệ cao mà đặt ngay sát lối đi, ẩn hiện dưới những cây Sưa tạo cảm giác gần gũi như họ đang đàm đạo và dạo bước cùng hậu thế.

Âm thanh và ánh sáng: Tiếng lật sách, tiếng ngòi bút, tiếng thì thầm đọc thơ, tiếng ru con hò khoan, giai điệu Bài Chòi được phát ra từ các loa giấu bên trong những khóm cây. Ánh sáng tông màu trắng ấm, tập trung soi rọi vào các bức tượng và làm nổi bật các mảnh gốm trên cầu.

- **Tượng đài chữ Quốc ngữ:** Biểu tượng chữ Quốc ngữ, nằm ngay tại hồ nước trước khi dẫn vào bảo tàng, đây là thị điểm của công viên 5000m². Một khối thủy tinh đúc nguyên khối cao 4m đứng sừng sững giữa hồ nước. Khối thủy tinh này không khắc chữ, mà được thiết kế như một “lăng kính thời gian” trong suốt, tượng trưng cho sự minh triết, trung thực và sự khởi đầu tinh khôi của một hệ thống ký âm mới. Hình tượng Nhân văn (giao thoa tri thức) sát chân khối thủy tinh là nhóm tượng bằng hợp kim màu đồng thau. Hình ảnh một giáo sĩ phương Tây trong trang phục đặc trưng tay cầm cuốn sách cổ, người hơi cúi xuống với thái độ tôn trọng và lắng nghe. Đối diện là hình ảnh người dân Việt và một đứa trẻ đang ngược nhìn, tay chỉ vào trang sách hoặc đang cùng nâng niu bản thảo. Bố cục không phân chia cao thấp, mà tạo thành vòng tròn kết nối, thể hiện sự đồng sáng tạo. Người Tây mang đến chữ Latinh, người Việt thổi vào đó linh hồn, âm sắc và tiếng nói của dân tộc. Hiệu ứng thủy tinh cao 4m đóng vai trò thu phát ánh sáng. Ban ngày, nó tán sắc ánh nắng thành bảy sắc cầu vồng chiếu lên nhóm tượng. Ban đêm, hệ thống đèn từ đáy hồ chiếu xuyên qua khối thủy tinh, biến toàn bộ khu vực thành một ngọn hải đăng trí tuệ rực rỡ, phản chiếu hình ảnh các nhân vật xuống mặt nước tĩnh lặng. Ở đây sự vắng mặt các chữ cái sẽ giúp tác phẩm mang tính ước lệ hơn và nhấn mạnh rằng chữ Quốc ngữ không chỉ là những ký tự, mà là thành quả của sự thấu hiểu và giao thoa giữa hai nền văn hóa.

3.6. “Vành đai di sản” và tổ chức cảnh quan

- Hệ tường biên, kể chuyện qua phù điêu:

Thay vì tường rào ngăn cách, dự án sử dụng tường ốp gạch nung và bê tông phủ lớp màu đất sét, cao độ thay đổi từ 2m - 5m. Mặt trong tường chia làm các phân đoạn điêu khắc phù điêu và khảm sành sứ.

Phía Dinh trấn: Tái hiện các trận đánh oai hùng của Chúa Nguyễn dọc 2 bên tường khu Dinh trấn. Đặc biệt, trận đánh giữa thế tử Nguyễn Phúc Tần và

người Hà Lan, một chiến thắng đi vào lịch sử đầu tiên của dân tộc Việt Nam cũng như Á châu thời đó đã đánh tan một hạm đội thủy quân có truyền thống chinh chiến bất bại trên thế giới, bức phù điêu này cao 5m dài 7m được đặt ngay bên trái Quảng trường. Bức còn lại bản hải đồ cổ (Khắc định chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa) đặt phía bên phải quảng trường.

Phía chữ Quốc ngữ: Tái hiện các làng nghề truyền thống (Gốm Thanh Hà, đúc đồng Phước Kiều, Mộc ...) và các cảnh giáo sĩ ký âm tiếng Việt, cảnh thầy đồ dạy học.

Hệ thống hốc tường: Đặt các hiện vật phục dựng (mô hình pháo thần công, bàn xoay gốm, khung cửi) làm điểm chạm xúc giác.

- Hành lang xanh và trạm nghỉ chân:

Cây xanh trồng các cây bản địa như tre, Sưa, Gáo, Ngô Đồng, gió Bầu, Muồng đen, cây tầng thấp Dương xỉ và hoa theo bụi, trầu cau. Điểm nghỉ chân, thiết kế dạng các hẻm phố cổ thu nhỏ cho cảm giác riêng tư. Ghế ngồi bằng đá mài nguyên khối gắn với bồn hoa hoặc gỗ lũa được đặt trong mái tường có mái che bằng ngói âm dương, tích hợp trạm sạc thông minh và nước sạch.

- Các hạng mục phụ trợ:

Để không phá vỡ cảnh quan di sản, các công trình phụ được thiết kế theo phong cách kiến trúc ẩn mình.

Khu điều hành - Wc: Thiết kế bán ngầm dưới các mô đất cửa vào được che bởi giàn hoa giấy hoặc tre trúc.

Khu trải nghiệm làng nghề: Các chòi thấp bằng sử dụng vật liệu hữu cơ tre, nứa dọc lối tường, nơi du khách trực tiếp làm thử gốm hoặc viết thư pháp chữ Quốc ngữ.

Hệ thống kỹ thuật nhà chứa rác: Trạm điện, nhà chứa rác được giấu kín trong khối đá cảnh quan.

3.7. Đề xuất mở rộng khuôn viên dự án và đường vành đai

Để khắc phục nhược điểm khu đất hiện đang bị thắt nút ở khối trung tâm, đề án điều chỉnh mở rộng 2050m² khu đất tiếp giáp hướng tây, thông qua việc thực hiện thu hồi phần đất tiếp giáp nhà dân để bổ sung vào diện tích dự án. Việc này giúp vuông vức hóa khuôn viên, giải tỏa áp lực không gian cho khối bảo tàng trung tâm và tạo sự thông thoáng cho kiến trúc tổng thể.

Hệ thống vành đai an toàn, mở rộng đồng bộ đường vành đai hướng đông và hướng tây lên 6m. Đảm bảo khả năng tiếp cận của xe PCCC, cứu hộ cứu nạn và du lịch. Cảnh quan tạo hành lang xanh cách ly, tránh sự lấn chiếm của khu dân cư và hoàn thiện hệ thống vỉa hè, cây xanh bóng mát.



Bản đồ điều chỉnh mở rộng quy hoạch

3.8. Hạ tầng kỹ thuật và môi trường

Hệ thống thoát nước: Nước mưa từ công trình được thu gom qua rãnh ngàm lọc sỏi, dẫn toàn bộ về hố ga chính, sau đó thoát ra hồ điều tiết nước. Nước thải sinh hoạt dẫn về hồ xử lý nước thải, sau đó ra hồ điều tiết.

Hồ điều tiết: Cải tạo từ ruộng rau muống thành hồ sinh thái cảnh quan (trồng sen, súng) để điều tiết nước cục bộ, tạo lá phổi xanh cho di tích.

Kết nối thủy văn: Xây dựng hệ thống kênh dẫn thoát nước từ hồ điều tiết ra sông, đảm bảo lưu thông dòng chảy và chống ngập úng bền vững.



Tổng mặt bằng hệ thống thoát nước công trình ra hồ điều tiết

4. Đánh giá tác động môi trường trong quy hoạch không gian văn hóa - lịch sử công viên dinh trấn thanh chiêm

4.1. Quan điểm tiếp cận đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường trong đề án quy hoạch không gian văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm được tiếp cận theo hướng tổng hợp, coi môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa và môi trường xã hội là một chỉnh thể thống nhất. Việc tổ chức không gian không nhằm tạo ra sự thay đổi mạnh về địa hình hay cảnh quan, mà hướng tới thích ứng, tôn trọng và phục hồi các giá trị môi trường vốn có.

Đề án xác định nguyên tắc xuyên suốt là can thiệp tối thiểu vào tự nhiên, ưu tiên các giải pháp mềm về không gian, vật liệu và tổ chức cảnh quan, đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn di sản, phát triển không gian công cộng và bảo vệ môi trường bền vững.

4.2. Hiện trạng môi trường và khu vực nghiên cứu

Khu vực Dinh trấn Thanh Chiêm nằm ven vùng cảnh quan sông nước Thu Bồn, có địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ thấp và chịu ảnh hưởng rõ rệt của chế độ thủy văn theo mùa. Hệ sinh thái tự nhiên đã có sự biến đổi nhất định do quá trình đô thị hóa, và bồi lấp phù sa của dòng sông, song vẫn còn duy trì các yếu tố cảnh quan đặc trưng như mặt nước, thảm cây bản địa và hành lang gió - nước.

Về môi trường xã hội: Khu vực có cộng đồng cư dân sinh sống lâu đời, gắn bó với không gian di tích, có ý thức bảo tồn nhưng còn hạn chế về điều kiện hạ tầng và sinh kế gắn với di sản.

Về giao thông: Trục đường Nguyễn Du đóng vai trò trục chính nối liền với Hội An tạo nên vành đai con đường di sản Hội An - Thanh Chiêm - Mỹ Sơn. Tuy nhiên hiện nay trục đường này bị hạn chế chiều cao hai hầm chui, xe chữa cháy và xe du lịch trên 45 chỗ không qua được. Cần có phương án làm đường song hành đảm bảo tuyến lưu thông ổn định.

Về thiên tai: Đây là vùng rốn lũ của Điện Bàn mỗi khi mùa mưa về, đỉnh lũ ghi nhận năm gần đây 10/2025 cao hơn năm Thìn 2cm. Mỗi năm khu vực này phải gánh chịu 10-15 trận bão lớn nhỏ.

4.3. Dự báo tác động môi trường chính

Trong giai đoạn xây dựng, các tác động có thể phát sinh gồm bụi, tiếng ồn, ảnh hưởng cục bộ đến thoát nước bề mặt và nguy cơ tác động đến địa tầng khảo cổ. Tuy nhiên, do đề án nằm trên vùng đất trũng nên việc san lấp không ảnh

hưởng nhiều, ưu tiên công trình thấp tầng, phân tán và sử dụng vật liệu địa phương, các tác động này được đánh giá ở mức có thể kiểm soát.

Trong giai đoạn vận hành, việc gia tăng lượng khách tham quan có thể tạo áp lực lên hạ tầng và môi trường nếu không có biện pháp quản lý phù hợp. Ngược lại, dự án mang lại nhiều tác động tích cực như phục hồi cảnh quan, nâng cao ý thức bảo vệ di sản, tạo sinh kế cho cộng đồng và cải thiện chất lượng không gian sống.

4.4. Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

Đề án đề xuất các nhóm giải pháp gồm: hạn chế bê tông hóa bề mặt, tăng cường vật liệu thấm nước; bảo tồn và bổ sung cây xanh bản địa; tổ chức hệ thống mặt nước kết hợp điều tiết thoát nước; tận dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên; kiểm soát lưu lượng khách và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quản lý và vận hành không gian di sản. Kiến trúc nghiên cứu chống bão và ngập lụt.

4.5. Đánh giá tổng hợp

Tổng hợp các yếu tố cho thấy, đề án quy hoạch không gian văn hóa - lịch sử công viên Dinh trấn Thanh Chiêm không gây tác động tiêu cực lớn đến môi trường nếu được triển khai đúng định hướng. Ngược lại, dự án có vai trò tích cực trong phục hồi sinh thái, cải thiện cảnh quan và nâng cao giá trị môi trường sống gắn với bảo tồn di sản, giáo dục và du lịch.

KẾT LUẬN

Công viên Dinh trấn Thanh Chiêm là không gian lịch sử - văn hóa có giá trị đặc biệt trong tiến trình mở cõi về phương Nam và trong quá trình hình thành chữ Quốc ngữ. Việc quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị khu vực này cần được tiếp cận như một chỉnh thể di sản, trong đó lịch sử, cảnh quan, kiến trúc và con người cùng tồn tại và bổ trợ lẫn nhau.

Đề án định hướng quy hoạch không gian văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm gắn với tôn vinh chữ Quốc ngữ, đồng thời chú trọng yếu tố bền vững môi trường và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển lâu dài của khu vực.

KIẾN NGHỊ

Đề án kiến nghị các cấp quản lý sớm xem xét triển khai theo lộ trình phù hợp, gắn công tác bảo tồn di sản với phát triển không gian công cộng và giáo dục văn hóa. Đồng thời, cần tăng cường nghiên cứu khoa học, hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất và phát huy vai trò của cộng đồng địa phương nhằm đảm bảo giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm được bảo tồn và phát huy bền vững.

CÔNG VIÊN VĂN HOÁ - LỊCH SỬ DINH TRẦN THANH CHIÊM VÀ CHỮ QUỐC NGŨ: CÔNG VIÊN KÝ ỨC - “NƠI VINH DANH CON NGƯỜI XỨ QUẢNG”

ThS.KTS Ngô Hải Tân

Ban chấp hành Hội KTS thành phố Huế

“Công viên Ký ỨC không hướng tới việc tạo ra một công trình mang tính phô diễn, mà là một không gian ký ỨC sống, nơi kiến trúc, cảnh quan và chữ viết cùng tồn tại trong trạng thái cân bằng. Công trình khẳng định vai trò của kiến trúc như một phương tiện lưu giữ và truyền tải giá trị văn hóa một cách bền vững, nhân văn và sâu sắc. Nhân dịp này, tác giả xin trao đổi một số ý tưởng cho dự án này”.

1. Đặt vấn đề

1.1. Về lịch sử

Dinh trần Thanh Chiêm là một địa danh lịch sử vô cùng quan trọng tại Quảng Nam, được mệnh danh là “kinh đô thứ hai” của xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn và đã tồn tại trên 200 năm kể từ đầu thế kỉ XVII. Xây dựng và phát triển Dinh trần này nhằm quản lý hành chính của thương cảng Hội An nổi tiếng và thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chúa Nguyễn trong tiến trình mở cõi về phương Nam, giao lưu và hội nhập quốc tế.

Dinh trần Thanh Chiêm đã tồn tại các doanh quân tiền thân như Dinh Trần Nam ở phủ Tư Nghĩa và Dinh Trần Biên ở phủ Hoài Nhơn. Các sắc phong năm 1593, 1822, 1843 cho các võ tướng như Mai Đình Dõng và Trần Ngọc Phân cho thấy một cấu trúc quân sự phân tán nhưng đã định hình, tạo tiền đề trực tiếp cho việc thiết lập một trung tâm chỉ huy thống nhất là Dinh Quảng Nam về sau. Xác định xứ Quảng là “vị trí giữ vai trò then chốt, yết hầu của vùng Thuận - Quảng”, sau khi vượt núi đến khảo sát địa thế, chúa Nguyễn Hoàng quyết định dựng dinh trần tại xã Cồn Húc, cho xây dựng kho tàng, tích trữ lương thực và cử hoàng tử thứ sáu (Nguyễn Phúc Nguyên) vào trần giữ (*Theo Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), Đại Nam thực lục*). Nơi này giữ vai trò lỵ sở trọng yếu, theo tinh thần “Chúa ở Phú Xuân, Thế tử ở Quảng Nam”.

1.2. Về văn hóa

Vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng (Xứ Quảng) xưa nay vẫn nổi danh là vùng đất "Địa linh nhân kiệt", nơi sản sinh ra những bậc trí thức, nhà văn hóa và những "ông đồ" lừng danh như Phan Châu Trinh (1872 - 1926): Người con của Tam Kỳ, là nhà cải cách văn hóa lớn nhất của Việt Nam đầu thế kỷ XX. Ông đề

xướng phong trào Duy Tân với tư tưởng "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", thay đổi hoàn toàn tư duy văn hóa - giáo dục của người dân thời bấy giờ. Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947): Một sĩ phu yêu nước, nhà văn hóa, nhà báo tài ba. Ông là người sáng lập báo Tiếng Dân - tờ báo có tầm ảnh hưởng lớn trong việc truyền bá tư tưởng tiến bộ. Hoàng Diệu (1829 - 1882): Không chỉ là một vị tướng trung kiên, ông còn là một nhà nho học uyên bác, đại diện cho tinh thần tiết tháo và nền học vấn chuẩn mực của xứ Quảng.

Ngoài ra, Thanh Chiêm được các nhà nghiên cứu xác định là nơi quan trọng trong việc hình thành chữ Quốc ngữ. Vào đầu thế kỷ XVII (khoảng năm 1615), các giáo sĩ phương Tây như Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes đã đến đây truyền đạo, nghiên cứu tiếng Việt và dùng ký tự Latinh để ký âm, đặt nền móng cho chữ viết chúng ta đang dùng ngày nay.

1.3. Về Văn học - Nghệ thuật

Về thơ ca của vùng đất này có các nhân vật như Nguyễn Duy Hiệu và Nhóm Ngũ Phụng Tề Phi: Những người đã làm nên danh hiệu "Ngũ Phụng Tề Phi" (5 con chim phụng cùng bay) cho Quảng Nam, minh chứng cho sự thịnh trị của nền khoa bảng và văn hóa học thuật tại đây. Nhà thơ Phan Khôi - một nhân vật cực kỳ đặc biệt, người được coi là "phát súng hiệu" cho cả một cuộc cách mạng văn chương - Phong trào Thơ Mới. Nhà thơ Chế Lan Viên (gốc Quảng Nam): Một trong những tên tuổi lớn nhất của phong trào Thơ Mới và thi ca hiện đại Việt Nam.

Ngoài ra, có nhiều nhà thơ - nhà văn nổi tiếng liên quan đến vùng đất này như: Nhà thơ Xuân Diệu, nhà thơ Huy Cận, nhà văn Nguyên Ngọc...

1.4. Về kiến trúc và di sản

Những "bậc thầy" lưu giữ hồn cốt địa phương xứ Quảng như: Kiến trúc sư Kazik (Kazimierz Kwiatkowski): Dù là người Ba Lan, nhưng ông được coi là một "người con văn hóa" của Quảng Nam. Ông có công lao vĩ đại trong việc phục hồi và đưa Hội An, Mỹ Sơn ra thế giới. NSND Nguyễn Vĩnh Huế: Một trong những người có công lớn trong việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật Bài Chòi và Hát Bội - hai di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc của vùng đất này.

2. Ý tưởng hình thành Công viên Ký ức

2.1. Thực trạng

Dinh trấn Thanh Chiêm một thời lừng lẫy trong cả nước cách đây gần 400 năm, nhưng từ năm 1832, vua Minh Mạng không sử dụng nữa mà chuyển về xây thành tỉnh La Qua ở Vĩnh Điện. Với thời gian gần 200 năm không sử dụng, Dinh trấn đã trở thành phế tích. Kiến trúc không còn, hình ảnh, hiện vật gốc

không có hoặc quá nghèo nàn, nền móng phần lớn các hạng mục chủ yếu của di tích chưa được xác định rõ. Do vậy, hai phương pháp bảo tồn di tích phổ biến hiện nay là *bảo tồn nguyên trạng* và *bảo tồn thích nghi* đều không phù hợp.

Thanh Chiêm được xem là một trong những không gian khởi nguồn quan trọng của chữ Quốc ngữ, gắn liền với quá trình giao thoa văn hóa Đông - Tây, sự truyền bá Kitô giáo, cũng như tiến trình hình thành hệ chữ viết Latinh hóa tiếng Việt và sản phẩm đầu tiên là Từ điển Việt - Bồ - La. Chữ Quốc ngữ không chỉ là công cụ ngôn ngữ mà còn là nền tảng của tư duy hiện đại, giáo dục đại chúng và bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, các giá trị này hiện nay chủ yếu tồn tại dưới dạng tư liệu lịch sử, di tích phân tán, thiếu một không gian kiến trúc - cảnh quan đủ sức chuyển tải chiều sâu văn hóa đến cộng đồng đương đại. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về một không gian công cộng mang tính diễn giải, giáo dục và tưởng niệm.

Bên cạnh giá trị lịch sử, khu vực này còn thiếu các không gian công cộng văn hóa chất lượng cao, phục vụ cho giáo dục ngoài trời, sinh hoạt cộng đồng và du lịch học thuật.

Nơi đây cần hình thành nên các không gian học tập trải nghiệm mở, điếm đến văn hóa có chiều sâu và là nơi kết nối cộng đồng địa phương với lịch sử và tri thức.

2.2. Ý tưởng tổng thể và hình ảnh chủ đạo

Với ý tưởng sẽ hình thành một **Công viên Ký ức**, nơi lưu giữ các sự kiện lịch sử xứ Quảng đi kèm với những tên tuổi gắn liền với lịch sử hình thành nơi này và nơi sẽ ghi dấu và vinh danh các bậc tiền nhân, nhân sỹ trí thức về văn hóa, thơ ca, nhạc họa... Nơi này sẽ trưng bày các hình ảnh tư liệu về việc hình thành phát triển Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ bằng phương pháp hiện đại kỹ thuật số (Các công nghệ số như hologram, holographic, 3D mapping...). “Bức tường lịch sử” sẽ là nơi khắc tên các bậc tiền nhân trong lịch sử có liên quan đến vùng đất này.

Ngoài ra, sẽ là nơi tổ chức các sự kiện vinh danh về văn hóa, giáo dục, chính trị, nghệ thuật (bao gồm 7 loại hình nghệ thuật). Các sự kiện sẽ được tổ chức tương tự như ở Quốc Tử Giám (Hà Nội), những con người xứ Quảng đạt được các thành tích cao sẽ được tổ chức sự kiện vinh danh và khắc tên mình vào “Bức tường lịch sử” nằm trải dài trên “Con đường Ký ức”.

Sẽ là một công viên mang tính cộng đồng cao, tất cả mọi người dân có thể tới đây sinh hoạt về các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, thể dục thể thao dưỡng sinh, vui chơi ca múa hát có tổ chức hoặc cắm trại, picnic...

Con người tới đây sẽ cảm nhận được luồng ký ức về lịch sử, văn hóa nơi này đang chảy qua trong tâm trí của mình khi đi trên “Con đường Ký ức” để vào trung tâm khu công viên. Tại trung tâm công viên là một nơi tạo khoảng lặng để con người và cảnh quan hòa nhịp bằng một hồ nước mà tác giả đặt tên là “Hồ Thiên” (Hồ chỉ sâu 0,3m, mặt nước phẳng, nước sẽ được cung cấp từ mạch nguồn nơi này khi có số liệu khảo sát cụ thể). Nhìn ra hồ là không gian trưng bày và tổ chức sự kiện, tại đây sẽ trưng bày các hình ảnh tư liệu về việc hình thành phát triển Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ bằng phương pháp hiện đại kỹ thuật số và tổ chức các sự kiện vinh danh, Talk-show hoặc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật.

3. Quan điểm và triết lý thiết kế

3.1. Quan điểm thiết kế

Công viên không phải là nơi “trưng bày chữ”, mà là không gian để **đọc chữ bằng bước chân và cảm xúc**.

Kiến trúc không giữ vai trò trung tâm phô diễn, mà là **phương tiện tổ chức trải nghiệm**.

Giá trị cốt lõi nằm ở **khoảng trống, nhịp điệu và sự dẫn dắt không gian**.

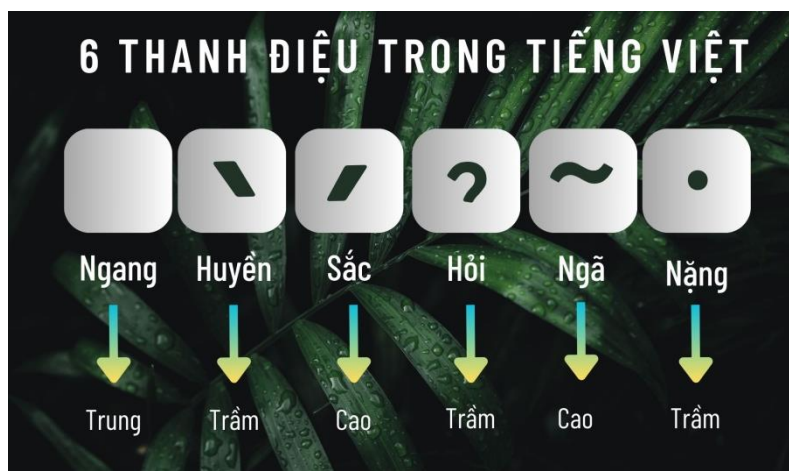


Hình ảnh minh họa không gian
(Nguồn: Internet)

3.2. Triết lý thiết kế

Triết lý thiết kế được xây dựng dựa trên tiến trình tư duy: **Lịch sử → Ngôn ngữ → Chữ viết → Tư duy → Văn hóa → Con người**.

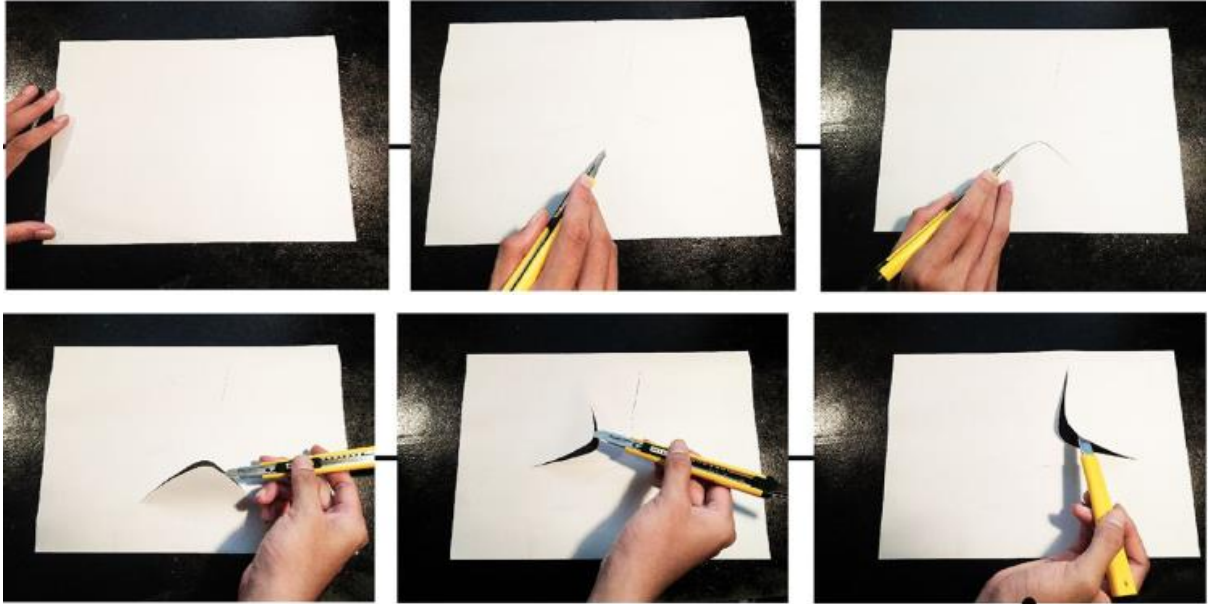
Không gian công viên được tổ chức như một hành trình nhận thức, trong đó người sử dụng sẽ được “Bắt đầu” - khởi nguồn lịch sử, tiếp đến “Trải qua” - các lớp diễn giải và cuối cùng là “Kết thúc” - chiêm nghiệm và suy ngẫm.



Hình ảnh về thanh điệu trong Tiếng Việt (Nguồn: Internet)

3.3. Ý tưởng hình thái

Các yếu tố này không được sao chép trực tiếp thành hình khối kiến trúc, mà được trừu tượng hóa thành nhịp điệu không gian, bao gồm: *Đặc - Rỗng, Cao - Thấp, Mở - Khép*.



Hình ảnh phát triển tư duy ý tưởng (Nguồn tác giả)

4. Đề xuất giải pháp thiết kế

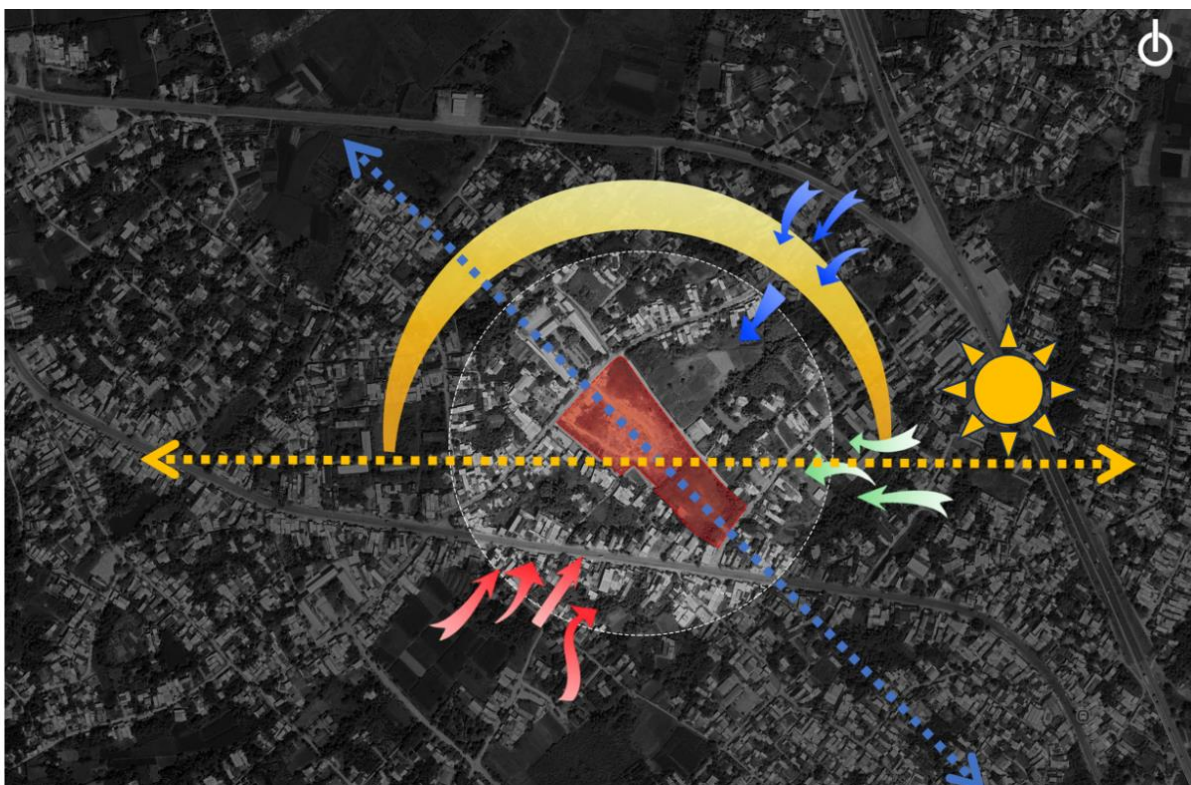
Khu vực Thanh Chiêm mang đặc trưng cảnh quan sông nước, làng quê, địa hình tương đối bằng phẳng, giàu tính mở và chiều sâu thị giác. Đây không phải là không gian đô thị đặc nén mà là không gian cảnh quan mềm, phù hợp với các hình thức can thiệp kiến trúc nhẹ, phân tán và hòa nhập với tự nhiên.



Hình ảnh tổng thể hiện trạng khu đất (Nguồn: Internet)

Do đó, ý tưởng thiết kế không đặt mục tiêu tạo ra một công trình mang tính biểu tượng hình khối mạnh, mà hướng tới tổ chức cảnh quan và không gian trải nghiệm, trong đó kiến trúc đóng vai trò nền, dẫn dắt và hỗ trợ. Hình ảnh tổng thể của công viên mang tính: Khiêm nhường - Trầm tĩnh - Giàu chiều sâu ký ức. Tránh xu hướng biểu tượng hóa hình thức một cách trực diện, nhằm bảo đảm tính bền vững về mặt thẩm mỹ và văn hóa.

Khu đất có hướng trục chính theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và hướng mặt trời mọc gần như chệch 45 độ so với trục chính. Đây là cơ sở để có thể phát triển ý tưởng.

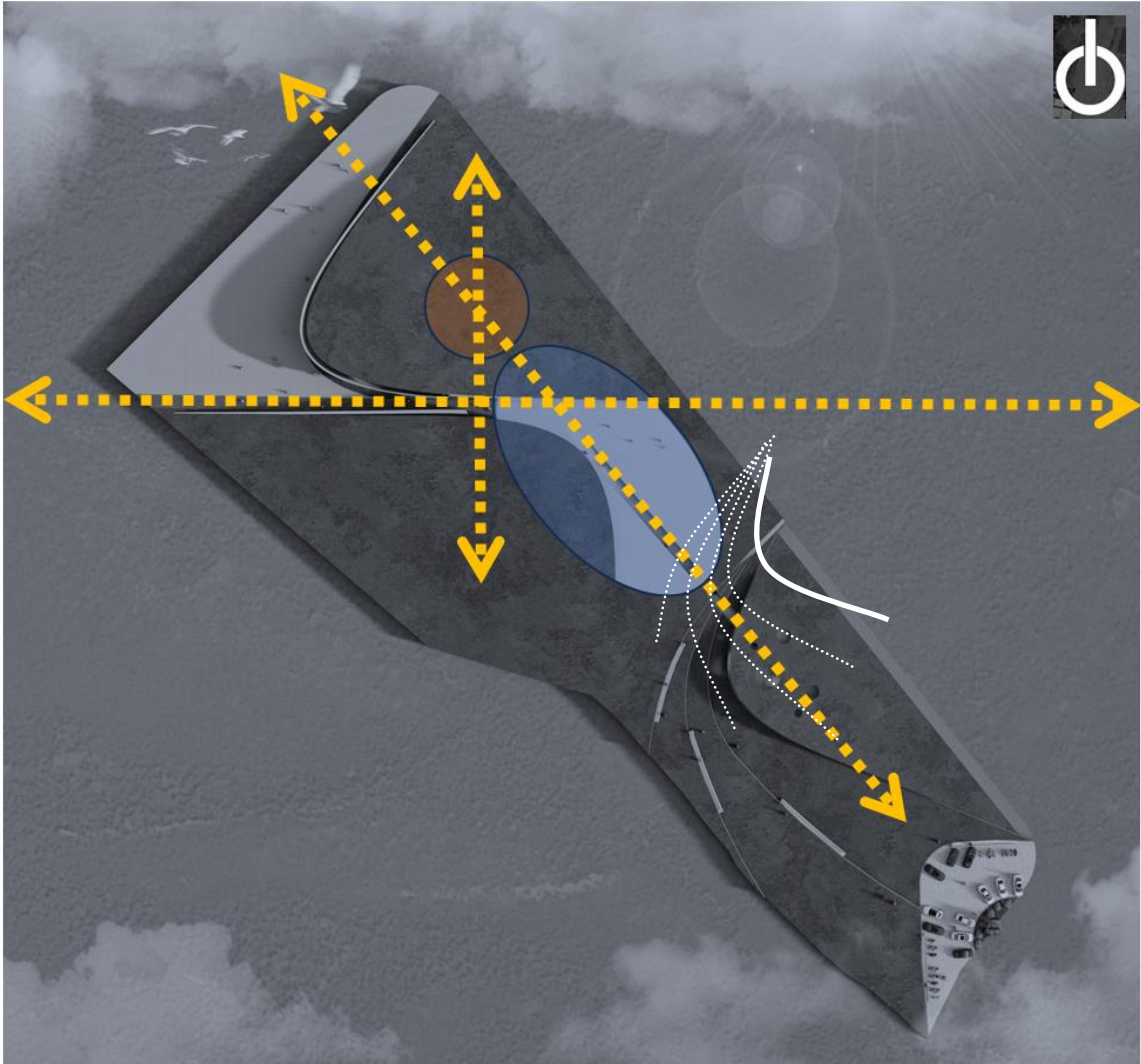


Hình ảnh phát triển tư duy ý tưởng (Nguồn tác giả)

Lối vào không gian Công viên Ký ức được tổ chức theo hướng chính Đông - hướng của mặt trời mọc trong tư duy biểu tượng phương Đông - gợi hình ảnh trang sách đang mở, hàm ý sự khởi đầu, khai sáng và lan tỏa tri thức. Cách định hướng này không chỉ mang giá trị biểu trưng mà còn thể hiện quan điểm thiết kế gắn kết không gian kiến trúc với yếu tố văn hóa, nhận thức và trải nghiệm của con người, qua đó nhấn mạnh vai trò của chữ Quốc ngữ như một nền tảng tri thức mở trong tiến trình phát triển xã hội.

Lối vào được thiết kế với ý đồ chúng ta đi vào một cuốn sách về chữ Quốc ngữ mà ở đây cụ thể hơn là cuốn Từ điển Việt - Bồ - La. Mọi người tới đây sẽ đi trên “Con đường Ký ức” hành trình từ hướng Tây về hướng Đông và chuyển hướng đi qua “Hồ Thiêng” đi theo hướng Đông Nam đến điểm cuối công viên là

mở ra một cuốn sách mới với nhiều sự mới mẻ. Điểm nhấn của khu vực này là một bức tường cong bằng đá sẽ được khắc tên vinh danh những con người xứ Quảng trong thời đại mới, tác giả đặt tên là “Tường đá vinh danh”.



Mặt bằng phát triển ý tưởng

Không gian công viên được tổ chức theo một trục trải nghiệm liên tục, tương tự cấu trúc của một văn bản, trong đó mỗi phân khu là một “đoạn”, một “chương”.

Các phân khu không tách rời mà liên kết mềm mại, liên tục, nhằm tạo cảm giác đọc một văn bản không bị ngắt đoạn đột ngột. Các không gian chính như sau:

1. Lối vào chính “Con đường Ký ức”.
2. Hồ Thiên.
3. Không gian trưng bày kỹ thuật số và tổ chức sự kiện.
4. Không gian văn hóa.
5. Khu vườn tượng và không gian tưởng niệm.
6. Bãi đỗ xe (2 bãi đỗ xe).



Mặt bằng phân khu chức năng

Công viên có các công trình quy mô vừa và nhỏ, phân tán hình thức tối giản, hạn chế chiều cao ưu tiên không gian bán mở tạo nên *Sự kết nối và dung hòa giữa không gian bên trong và ngoài trời...*

Sử dụng thảm thực vật bản địa, mặt nước như yếu tố dẫn dắt thị giác.



Phối cảnh minh họa

Ứng dụng công nghệ hiện đại như: hologram, holographic, 3D Mapping...



Phối cảnh minh họa

Sử dụng cây xanh bản địa, đường dạo uốn lượn theo “dòng chữ”



Mặt bằng cảnh quan minh họa

Sử dụng vật liệu tự nhiên, bền vững như gỗ, đá, bê tông trần, kim loại xử lý thô, màu sắc trung tính, trầm lắng.



Hình ảnh minh họa (Nguồn: Internet)

Ý tưởng đạt được:

- Trải nghiệm đa giác quan: nhìn, đọc, chạm, nghe.
- Tương tác thông qua sắp đặt chữ, ánh sáng, bóng đổ.
- Giáo dục thông qua không gian mở, hoạt động ngoài trời.

5. Kết luận

Công viên chữ Ký ức không hướng tới việc tạo ra một công trình mang tính phô diễn, mà là một không gian ký ức sống, nơi kiến trúc, cảnh quan và chữ viết cùng tồn tại trong trạng thái cân bằng. Công trình khẳng định vai trò của kiến trúc như một phương tiện lưu giữ và truyền tải giá trị văn hóa một cách bền vững, nhân văn và sâu sắc.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
2. GS. Kikuchi Seiichi: *Nghiên cứu về Dinh Trần Quang Nam*, bài tham luận in trên kỷ yếu Hội thảo: Dinh Trần Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2022.
3. Bách Khoa toàn thư mở, trang <https://vi.wikipedia.org/>
4. Một số tài liệu khác do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng cung cấp.

DINH TRẦN THANH CHIÊM: TỪ “KINH ĐÔ THỨ HAI” ĐẾN BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TRONG LÒNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đại tá. TS. Phạm Gặp¹; ThS. Sử Duy Bin²

¹ Chủ tịch Hội đồng hương phường Điện Bàn tại Tp.HCM.

²ThS. Sử Duy Bin - Người con phường Điện Bàn

Tóm tắt

Bài tham luận khái lược vị thế lịch sử của Dinh trần Thanh Chiêm - “Kinh đô thứ hai” của xứ Đàng Trong, cái nôi khởi sinh Chữ Quốc ngữ và trung tâm giao thương quốc tế thế kỷ XVII. Đứng trước những thách thức từ quá trình đô thị hóa sau năm 2025, báo cáo đề xuất mô hình “Bảo tồn thích ứng” dựa trên nền tảng sức mạnh cộng đồng và công nghệ số. Với tâm thế của Chủ tịch Người Quảng và Thương hiệu, tôi kiến nghị giải pháp định vị Thanh Chiêm không chỉ là di tích quốc gia thuần túy, mà phải trở thành biểu tượng văn hóa sống động và động lực phát triển kinh tế tri thức cho phường Điện Bàn nói riêng và thành phố Đà Nẵng nói chung trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

Dẫn nhập

Sự kiện sáp nhập phường Điện Bàn vào thành phố Đà Nẵng từ năm 2025 không chỉ là một thay đổi về địa giới hành chính mà còn là bước chuyển mình mang tính kiến tạo. Bên cạnh đó, phường Điện Bàn cũng đối mặt với “con lốc” đô thị hóa đầy thách thức, đòi hỏi chúng ta phải có một cái nhìn thấu suốt về giá trị di sản để bảo tồn và phát triển bền vững.

Dinh trần Thanh Chiêm không đơn thuần là một đơn vị hành chính cũ, mà là nơi hội tụ những giá trị lịch sử, định hình nên bản sắc của vùng đất Quảng Nam xưa và nay:

- *Mắt xích chiến lược*: Được định vị là “đất yết hầu” trong công cuộc Nam tiến, Thanh Chiêm từng là căn cứ thủy quân hùng mạnh với chiến công oanh liệt đánh bại hạm đội phương Tây năm 1644, khẳng định năng lực tự cường của dân tộc.

- *Thánh địa văn hóa*: Là cái nôi khởi sinh chữ Quốc ngữ - nơi giao thoa rực rỡ giữa trí tuệ Việt và văn minh nhân loại, tạo nên một cuộc cách mạng về văn tự cho cả quốc gia.

- *Trung tâm giao thương quốc tế*: Một mắt xích quan trọng trong mạng lưới thương mại toàn cầu thế kỷ XVII, nơi dòng chảy kinh tế kết nối từ vùng nguyên liệu phía Tây đến các thương cảng sầm uất, minh chứng qua dấu tích gốm sứ Hizen quý giá.

Bài tham luận sẽ khái lược lại vai trò lịch sử của Dinh trấn Thanh Chiêm và nhận diện những thách thức sống còn của di sản trước ngưỡng cửa đô thị hóa. Chúng tôi đề xuất mô hình “**Bảo tồn thích ứng**” - một sự kết hợp giữa sức mạnh cộng đồng và công nghệ số để định vị Thanh Chiêm không chỉ là một di tích tĩnh lặng, mà là một biểu tượng văn hóa sống động, một động lực phát triển kinh tế tri thức mạnh mẽ cho phường Điện Bàn trong kỷ nguyên mới.

1. Dinh Trấn Thanh Chiêm: Tái khám phá vị thế “Kinh đô thứ hai”

1.1. Tầm nhìn địa chính trị của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1602)

Năm 1602, nhận định “Chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận - Quảng¹, Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã thiết lập Dinh trấn Thanh Chiêm. Đây là mắt xích cốt lõi trong chiến lược Nam tiến với những lợi thế địa chính trị đặc địa:

Phòng thủ: Nằm bên bờ Sài Thị (sông Chợ Cui)², một nhánh lớn của sông Thu Bồn, có thể kiểm soát đường thủy, nhưng lại lùi sâu vào đất liền đủ để tránh các cuộc tấn công từ biển, đồng thời làm hậu cứ vững chắc cho cửa biển Đà Nẵng (Tourane) và Cửa Đại.

Kinh tế: Nằm trên trục giao thương huyết mạch, kết nối nguồn lâm thổ sản từ miền núi (qua sông Thu Bồn) với thương cảng quốc tế Hội An. Thanh Chiêm đóng vai trò là trung tâm quản lý hành chính, thuế quan và quân sự bảo vệ cho sự phồn thịnh của Hội An. Trong suốt hơn hai thế kỷ (1602 - 1832), Thanh Chiêm đóng vai trò là “thủ phủ thứ hai” sau Phú Xuân³. Đây là nơi các Thế tử (người kế vị) như Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Lan được cử đến trấn thủ để thực tập việc quản lý đất nước. Cơ chế “tập dượt” này biến Thanh Chiêm thành trường đào tạo lãnh đạo cấp cao của Đàng Trong, nơi thử nghiệm các chính sách cải cách táo bạo nhất về mở cửa thương mại và đối ngoại.

1.2. Trung tâm quân sự và Chiến thắng 1644

Dinh trấn Thanh Chiêm từng là căn cứ thủy quân chiến lược, nơi đóng tàu và huấn luyện binh sĩ tinh nhuệ của Chúa Nguyễn. Đỉnh cao là chiến thắng năm 1644, khi Thế tử Nguyễn Phúc Tần chỉ huy hạm đội từ Dinh trấn đánh bại lực lượng hải quân Hà Lan (VOC) - cường quốc hàng hải số một thế giới lúc bấy giờ - tại Cửa Eo.

Chiến công này không chỉ bảo vệ chủ quyền lãnh hải mà còn buộc các cường quốc phương Tây phải nể trọng, thừa nhận “Quảng Nam Quốc” là một thế lực quân sự hùng mạnh tại Đông Á. Di sản này là minh chứng đanh thép cho

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục tiền biên, (Hà Nội: Sử học, 1962), 60.

² Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* thì: “nhánh sông này khi trước là nơi hợp lưu của cả ba nguồn: sông Thu Bồn, Chiên Đàn và Ô Du, chảy gần bên dinh trấn, vì thế dinh trấn có bến đậu tàu và có chợ buôn bán tập nập, đông đúc...”.

³ Năm 1832, vua Minh Mạng tiến hành cải tổ hành chính quy mô lớn trên cả nước. Đến năm 1833, lỵ sở tỉnh Quảng Nam chính thức được dời về làng La Qua (Điện Bàn), cách Thanh Chiêm khoảng 3 km về phía Tây Bắc. Sự kiện này đã khép lại sứ mệnh lịch sử của Dinh trấn Thanh Chiêm sau hơn 200 năm tồn tại và phát triển rực rỡ với vai trò trung tâm chính trị - văn hóa của xứ Đàng Trong.

năng lực tự cường của cha ông - một giá trị cốt lõi cần được trao truyền cho thế hệ trẻ Điện Bàn hôm nay.

1.3. Cái nôi của chữ Quốc ngữ - Cuộc cách mạng văn hóa

Nếu Phú Xuân là biểu tượng của quyền lực chính trị, thì Thanh Chiêm chính là trung tâm của sự giao thoa và đổi mới sáng tạo. Năm 1615, các giáo sĩ Dòng Tên bắt đầu đặt chân đến đây, khởi đầu cho một hành trình văn hóa mang tính bước ngoặt, gắn liền với tên tuổi linh mục Francisco de Pina giai đoạn 1617 - 1625.

Lý do Francisco de Pina chọn dừng chân tại đây đã được ông khẳng định: “*Đối với tôi, việc nghiên cứu tiếng nói Kẻ Chiêm (tức Thanh Chiêm) vẫn là nơi tốt nhất với tư cách là trung tâm của triều đình: ở đây người ta nói rất hay, có sự đồ dòn những người trẻ tuổi đến mà họ là những công sinh và bên cạnh họ, những ai bắt đầu học tiếng có thể tìm thấy sự giúp đỡ*”⁴. Nhận định này minh chứng Thanh Chiêm không chỉ là thủ phủ hành chính mà còn là “chuẩn mực ngôn ngữ” của Đàng Trong bấy giờ. Tại mảnh đất này, Pina đã đặt những viên gạch đầu tiên cho công cuộc Latinh hóa tiếng Việt qua các bước đi tiên phong:

- Phân tích hệ thống thanh điệu (tones) phức tạp của tiếng Việt.

- Soạn thảo các tài liệu giảng dạy đầu tiên: “Phương pháp Latinh hóa tiếng Việt” và “Ngữ pháp tiếng Việt”.

- Thành lập trường dạy tiếng Việt đầu tiên cho các giáo sĩ khác, trong đó có Alexandre de Rhodes (người Pháp) và Antonio Fonte (người Bồ Đào Nha).

Alexandre de Rhodes sau này đã hệ thống hóa và xuất bản từ điển, nhưng “phôi thai” của Chữ Quốc ngữ chính là ở Thanh Chiêm, và người thầy đầu tiên là Pina cùng với cộng đồng người dân Thanh Chiêm - những người cộng sự vô danh đã giúp các giáo sĩ nghe và ghi âm tiếng mẹ đẻ. Do đó, Dinh trấn Thanh Chiêm xứng đáng được tôn vinh là “Thánh địa của chữ Quốc ngữ”, nơi khởi nguồn của công cụ văn tự đã đưa văn hóa Việt Nam hội nhập với văn minh nhân loại.

1.4. Mạng lưới thương mại toàn cầu và Gốm sứ Hizen

Thanh Chiêm đóng vai trò quản lý toàn bộ hoạt động thương mại sầm uất tại thương cảng quốc tế Hội An. Chính sự phồn thịnh vượt trội này đã khiến nhiều nhà buôn phương Tây khi đến giao thương đã định danh vùng đất này là “Quảng Nam Quốc” - một cách thừa nhận tầm vóc của một quốc gia độc lập và thịnh vượng tại phương Đông.

Đặc biệt, các đợt khai quật khảo cổ tại Thanh Chiêm đã phát hiện nhiều hiện vật minh chứng cho sự phồn thịnh về kinh tế. Đáng chú ý nhất là sự xuất hiện của gốm sứ Hizen (Nhật Bản) thế kỷ XVII. Loại gốm hoa lam cao cấp này,

⁴ Nguyễn Phước Tương, “Hội An - Thanh Chiêm và sự ra đời chữ Quốc ngữ”. Kỷ yếu Hội thảo Danh xưng Quảng Nam, 2001, 112.

sản xuất tại vùng Arita (tỉnh Hizen cũ), thường chỉ được dùng trong các gia đình quý tộc hoặc xuất khẩu sang các thị trường quan trọng.

Sự hiện diện của gốm Hizen, cùng với gốm sứ Minh - Thanh và các đồng tiền cổ, khẳng định Thanh Chiêm không chỉ là nơi tiêu thụ mà là một mắt xích trong mạng lưới thương mại “Con đường tơ lụa trên biển”. Dòng sông Sài Thị Giang xưa kia tập nập thuyền buôn của Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Hà Lan ra vào Dinh trấn. Đây là cơ sở để chúng ta tái hiện lại bức tranh kinh tế sôi động của Điện Bàn trong quá khứ, làm tiền đề cho các sản phẩm du lịch ngày nay.

2. Thực trạng và thách thức bảo tồn trong bối cảnh đô thị hóa

Sự chuyển mình của Điện Bàn diễn ra trong không gian kinh tế - xã hội và cần giải pháp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa con người và thiên nhiên khắc nghiệt.

2.1. Áp lực từ địa giới mới: Di sản trước ngưỡng cửa “đô thị hóa”

- *Quy hoạch hạ tầng*: Mật độ xây dựng tăng vọt và các dự án giao thông đô thị có nguy cơ xâm lấn trực tiếp vào vùng lõi hoặc vùng đệm của di tích.

- *Bài toán kinh tế*: Chi phí đền bù để giải phóng mặt bằng cho các công viên di sản hay khu khảo cổ trở thành rào cản tài chính khổng lồ.

- *Xung đột dân sinh*: Nhu cầu cải tạo nhà ở của người dân và các quy định nghiêm ngặt của Luật Di sản cần một giải pháp hài hòa lợi ích.

2.2. Hiện trạng di tích: Những mảnh ghép mảnh manh trước thiên tai

Dù mang tầm vóc di tích quốc gia, Thanh Chiêm hiện nay vẫn chỉ là những “mảnh ghép” rời rạc, chịu tác động kép từ thời gian và khí hậu:

- *Sự hủy hoại của thiên tai*: Nằm trong vùng rốn lũ miền Trung, các dấu tích kiến trúc vốn đã bị chiến tranh bào mòn nay tiếp tục đối mặt với tình trạng ngập lụt định kỳ, khiến công tác bảo tồn hiện vật gốc cực kỳ khó khăn.

- *Tính hữu hình thấp*: Phần lớn nền móng vẫn nằm sâu dưới lòng đất hoặc trong vườn nhà dân, khiến di tích thiếu đi sức hút trực quan.

- *Thiếu tính kết nối*: Các di tích vệ tinh (lăng mộ Chúa Nguyễn, nhà thờ dòng họ) vẫn ở dạng đơn lẻ, chưa xâu chuỗi thành một hệ sinh thái du lịch văn hóa bền vững.

2.3. Quy hoạch và Thực thi: Từ ý tưởng đến thực tế

Cuộc thi ý tưởng quy hoạch Dinh trấn Thanh Chiêm (tái hiện kiến trúc, xây dựng Bia chữ Quốc ngữ) là một tín hiệu lạc quan, thể hiện tầm nhìn chiến lược của chính quyền. Tuy nhiên, để hiện thực hóa, phường Điện Bàn cần:

- *Nguồn vốn đột phá*: Không chỉ từ ngân sách mà còn từ xã hội hóa.

- *Công nghệ hóa bảo tồn*: Sử dụng thực tế ảo (VR/AR) để “phục dựng số”

di tích, giúp bảo vệ giá trị lịch sử mà không cần can thiệp thô bạo vào hiện trạng đất đai.

- *Sự đồng thuận*: Biến người dân địa phương từ “đối tượng bị quản lý” thành “chủ thể bảo tồn” có lợi ích trực tiếp từ du lịch.

3. Giải pháp chiến lược: Từ khát vọng đến hành động

Tôi xin đề xuất giải pháp theo mô hình “Hệ sinh thái di sản bền vững” - nơi tri thức chuyên gia, sự quản lý của Nhà nước và nguồn lực cộng đồng hòa làm một.

3.1. Mô hình “Công viên Di sản Khảo cổ học” (Archaeological Park)

Chúng ta cần tránh việc phục dựng “giả cổ” khiến cưỡng làm sai lệch giá trị gốc. Thay vào đó, nên áp dụng các mô hình thành công từ Nara (Nhật Bản) hay Rome (Ý) để di sản tồn tại như một thực thể sống, song hành cùng nhịp đập đời sống đương đại.

- *Bảo tồn tại chỗ*: Thiết kế các hồ khai quật lộ thiên với mái che kính cường lực và hệ thống cảm biến môi trường. Điều này cho phép du khách “chạm” vào lịch sử qua các tầng gạch ngói, nền móng 400 năm tuổi một cách trực quan nhất.

- *Hạ tầng đa năng*: Phát triển khu vực di tích thành công viên di sản xanh - “lá phổi” điều hòa cho phường Điện Bàn. Tại đây, di sản không còn là khu vực “đóng khung” cấm kỵ mà trở thành một phần của hơi thở đương đại, nơi lịch sử hòa quyện cùng không gian sinh hoạt của người dân.

3.2. Số hóa di sản: “Dinh trấn ảo”

Trong bối cảnh đô thị hóa, công nghệ là con đường ngắn nhất để phục hồi diện mạo lịch sử mà không cần quỹ đất khổng lồ:

- *Thực tế ảo tăng cường (AR/VR)*: Chỉ cần một chiếc smartphone hoặc kính chuyên dụng, du khách có thể thấy lại cảnh tượng sầm uất thế kỷ XVII: từ chiến thuyền tập trận trên sông đến cảnh các giáo sĩ Pina, Borri đang miệt mài bên những con chữ Quốc ngữ đầu tiên.

- *Metaverse văn hóa*: Xây dựng Dinh trấn trên không gian số để thế hệ trẻ và kiều bào toàn cầu có thể tương tác, tìm hiểu cội nguồn mọi lúc, mọi nơi.

3.3. Trục du lịch “Hành trình di sản”

Thanh Chiêm phải được đặt trong một chỉnh thể kết nối vùng để tạo giá trị kinh tế:

- *Đường thủy (Thu Bồn)*: Khôi phục tuyến du lịch từ Cửa Đại (Hội An) ngược dòng Thu Bồn về Thanh Chiêm và lên Mỹ Sơn, tái hiện “con đường gốm sứ” xưa.

- *Đường bộ (Hành trình chữ Quốc ngữ)*: Thiết lập tour kết nối từ Cửa Hàn (Đà Nẵng) - nơi các giáo sĩ cập bến, đến Thanh Chiêm - nơi nghiên cứu, và Hội An - nơi truyền đạo.

4. Vai trò Người Quảng và Thương hiệu

Sự sáp nhập về hành chính vào thành phố Đà Nẵng có thể thay đổi tên gọi địa giới, nhưng sợi dây liên kết của những người con xa xứ với quê cha đất tổ Thanh Chiêm - Điện Bàn - Quảng Nam là không thể tách rời. Người Quảng và Thương hiệu không chỉ là nơi sinh hoạt tình cảm, mà còn là một thực thể hành động:

- *Huy động trí tuệ*: Hội là nơi quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học, kiến trúc sư là người Điện Bàn khắp mọi miền. Chúng tôi sẵn sàng đóng góp “chất xám” trong việc phân biện các quy hoạch đô thị để bảo vệ di tích.

- *Xã hội hóa đầu tư*: Kết nối các doanh nhân tâm huyết đầu tư vào các hạng mục văn hóa, tạo ra những sản phẩm du lịch đặc thù, mang lại sinh kế bền vững cho người dân tại chỗ.

- *Lan tỏa bản sắc*: Mỗi hội viên là một sứ giả văn hóa, mang câu chuyện về Dinh trấn và chữ Quốc ngữ giới thiệu đến bạn bè quốc tế, làm giàu thêm niềm tự hào của biểu tượng văn hóa trong lòng thành phố Đà Nẵng.

5. Kết luận và kiến nghị

Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là tài sản của quá khứ, mà là nguồn vốn của tương lai. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của nó không phải là việc hoài cổ, mà là việc kiến tạo một nền tảng văn hóa vững chắc cho sự phát triển bền vững của phường Điện Bàn trong lòng thành phố Đà Nẵng hiện đại.

Chúng ta đang đứng trước một vận hội mới. Sự sáp nhập vào Đà Nẵng mang lại cho chúng ta thế và lực mới. Trách nhiệm của chúng ta - những người con của quê hương, từ lãnh đạo chính quyền đến mỗi người dân, mỗi kiều bào xa xứ - là phải nắm bắt cơ hội này. Chúng ta không muốn Điện Bàn chỉ là một phường đô thị bê tông hóa vô hồn. Chúng ta muốn xây dựng một Điện Bàn hiện đại nhưng đậm đà bản sắc, nơi mỗi viên gạch, mỗi con đường đều kể câu chuyện về hào khí cha ông, về trí tuệ mở cõi và tinh thần hiếu học.

Người Quảng và Thương hiệu cam kết sẽ luôn đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Chúng tôi sẽ là cánh tay nối dài, là cầu nối nguồn lực, là tiếng nói tâm huyết để hiện thực hóa khát vọng đưa Dinh trấn Thanh Chiêm trở thành biểu tượng văn hóa xứng tầm quốc gia.

Kiến nghị:

- Chính quyền thành phố Đà Nẵng: Sớm phê duyệt quy hoạch đặc thù cho khu vực Dinh trấn Thanh Chiêm, coi đây là “Công viên văn hóa lịch sử” trọng điểm của thành phố.

- Ngành Văn hóa: Tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt với Bồ Đào Nha và Nhật Bản, để nghiên cứu và quảng bá giá trị toàn cầu của di tích.

- Cộng đồng: Mỗi người dân hãy là một giám sát viên bảo vệ di sản, mỗi người con xa quê hãy hướng về cội nguồn bằng những hành động thiết thực nhất.

CÔNG TÁC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM - THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng

Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là một di tích, mà là dấu ấn lịch sử đặc biệt quan trọng trong tiến trình hình thành và phát triển Đàng Trong. Không chỉ giữ vai trò là trung tâm hành chính - quân sự của trấn Quảng Nam dưới thời các chúa Nguyễn, Thanh Chiêm còn là không gian văn hóa tiêu biểu, nơi diễn ra sự giao lưu Đông - Tây sâu sắc, đặc biệt gắn với quá trình hình thành chữ Quốc ngữ - một thành tựu văn hóa có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao, công tác quy hoạch, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm đặt ra nhiều vấn đề mới, đòi hỏi phải có cách tiếp cận tổng thể, thận trọng, khoa học và có tầm nhìn dài hạn. Xuất phát từ trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi di tích tọa lạc, tham luận này tập trung làm rõ thực tiễn về *Công tác quy hoạch, quản lý và định hướng phát huy giá trị di tích Dinh trấn Thanh Chiêm trong mối liên kết với hệ thống làng nghề truyền thống của địa phương.*

Qua nghiên cứu các nguồn sử liệu, tư liệu khoa học và kết quả khảo cổ học, có thể khẳng định Dinh trấn Thanh Chiêm giữ vị trí đặc biệt trong tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam. Việc chúa Tiên Nguyễn Hoàng chọn Thanh Chiêm làm nơi đặt dinh trấn vào năm 1602 không chỉ mang ý nghĩa quản lý hành chính đơn thuần, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược về quân sự, kinh tế và giao thương.

Với vị trí nằm bên hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia, gần thương cảng Hội An, Thanh Chiêm vừa là trung tâm quyền lực nội địa, vừa là điểm kiểm soát các tuyến giao thông thủy - bộ quan trọng, đóng vai trò điều phối kinh tế và bảo đảm an ninh cho toàn vùng xứ Quảng. Trong suốt một thời gian dài, nơi đây được xem là “*kinh đô thứ hai*” của Đàng Trong, bên cạnh Phú Xuân.

Đặc biệt, Thanh Chiêm còn được biết đến như một trong những không gian quan trọng gắn với quá trình hình thành chữ Quốc ngữ. Tại đây, các giáo sĩ Phương Tây, tiêu biểu là Francisco de Pina, đã nghiên cứu tiếng Việt, đặt nền móng cho việc Latinh hóa tiếng Việt, mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử văn hóa - giáo dục nước ta. Chính giá trị ấy đã nâng tầm khiến Dinh trấn Thanh

Chiêm không chỉ mang ý nghĩa lịch sử địa phương mà còn có tầm vóc quốc gia, thậm chí vượt ra ngoài biên giới.

Từ nhận thức đó, địa phương xác định việc bảo tồn và phát huy Dinh trấn Thanh Chiêm không thể tiếp cận theo tư duy bảo tồn đơn lẻ một di tích, mà cần đặt trong tổng thể không gian văn hóa - lịch sử rộng lớn, gắn với đời sống cộng đồng và các giá trị văn hóa bản địa đã hình thành, phát triển song hành với Dinh trấn qua nhiều thế kỷ.

1. Thực tiễn công tác quy hoạch, quản lý di tích Dinh trấn Thanh Chiêm

Trong những năm qua, công tác quản lý di tích Dinh trấn Thanh Chiêm được địa phương triển khai trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Trải qua hơn bốn thế kỷ với nhiều biến động lịch sử, chiến tranh và quá trình đô thị hóa, hầu hết các công trình kiến trúc nguyên gốc của Dinh trấn không còn hiện hữu trên mặt đất. Các dấu tích chủ yếu nằm trong lòng đất, phân bố trên phạm vi rộng, đan xen với khu dân cư và đất sản xuất.

Bên cạnh đó, áp lực phát triển đô thị, nhu cầu sử dụng đất phục vụ đời sống Nhân dân khiến việc khoanh vùng bảo vệ, xác định ranh giới và kiểm soát không gian di tích gặp không ít thách thức. Trong bối cảnh đó, địa phương luôn xác định công tác quản lý di tích phải được thực hiện một cách thận trọng, tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Di sản văn hóa, đồng thời linh hoạt trong tổ chức thực hiện để bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Tỉnh Quảng Nam và thị xã Điện Bàn (cũ) đã quan tâm triển khai nhiều nội dung quan trọng nhằm cụ thể hóa định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Địa phương đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, sưu tầm tư liệu lịch sử; tiến hành khai quật, điều tra thám sát khảo cổ học; đưa nội dung phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm vào các đề án phát triển văn hóa của địa phương. Đặc biệt, năm 2016, các bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh Quảng Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học về Dinh trấn Thanh Chiêm, tạo diễn đàn khoa học quan trọng để làm rõ vị trí, vai trò và giá trị của di tích. Đây là cơ sở khoa học quan trọng cho việc hoạch định các định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong giai đoạn tiếp theo. Việc Dinh trấn Thanh Chiêm được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia là cơ sở pháp lý quan trọng, tạo tiền đề để các cấp, các ngành quan tâm đầu tư nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị. Trên cơ sở các định hướng lớn, địa phương đã từng bước cụ thể hóa việc phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm thông qua các dự án đầu tư và chương trình phát triển văn hóa - du lịch. Dự án Công viên văn hóa - lịch sử Dinh trấn Thanh Chiêm giai đoạn 1 đã được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí 8,8 tỷ đồng, quy mô diện tích 1,06 ha. Giai đoạn 2 của dự án với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 100 tỷ đồng đã được đưa vào

danh mục đầu tư công trung hạn, thể hiện quyết tâm của các cấp chính quyền trong việc đầu tư bài bản, lâu dài cho di tích có giá trị đặc biệt này. Để triển khai dự án bảo đảm tính khoa học, tính biểu trưng và giá trị nhận diện đô thị cho khu vực Dinh trấn Thanh Chiêm, năm 2024, UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) đã thống nhất chủ trương tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch khu vực Dinh trấn Thanh Chiêm kết nối phát triển du lịch, tái hiện kiến trúc Dinh trấn và xây dựng bia chữ Quốc ngữ - ghi dấu sự ra đời của chữ Quốc ngữ tại Thanh Chiêm. Đây là cách tiếp cận phù hợp với đặc thù di tích, tránh việc phục dựng cảm tính, thiếu cơ sở khoa học. Tuy nhiên, do sáp nhập các đơn vị hành chính nên việc tổ chức thi tuyển đã dừng lại.

Sau khi sáp nhập, UBND phường Điện Bàn đã tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc rà soát tư liệu lịch sử, bảo vệ các điểm có dấu tích khảo cổ, quản lý quỹ đất liên quan đến di tích, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và Nhân dân về giá trị lịch sử - văn hóa của Dinh trấn Thanh Chiêm.

2. Những vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích

Thực tiễn cho thấy, nếu tiếp cận Dinh trấn Thanh Chiêm theo hướng phục dựng nguyên trạng các công trình kiến trúc đã mất sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, do thiếu tư liệu đầy đủ, dễ dẫn đến cách làm cảm tính, thiếu cơ sở khoa học. Bên cạnh đó, nếu chỉ chú trọng đến yếu tố vật thể mà chưa quan tâm đúng mức đến các giá trị phi vật thể, đặc biệt là vai trò của Thanh Chiêm trong lịch sử chữ Quốc ngữ và giao lưu văn hóa, thì di tích sẽ khó phát huy hết chiều sâu giá trị. Vấn đề đặt ra cho địa phương không chỉ là bảo tồn “hình hài” của một di tích, mà quan trọng hơn là kể lại câu chuyện lịch sử của Thanh Chiêm một cách thuyết phục, sinh động, để di sản thực sự sống trong đời sống đương đại, có khả năng giáo dục truyền thống, bồi đắp bản sắc văn hóa và tạo động lực phát triển bền vững.

Địa phương thống nhất định hướng tiếp cận Dinh trấn Thanh Chiêm theo hướng xây dựng một công viên lịch sử - văn hóa, trong đó giá trị cốt lõi là không gian lịch sử, ký ức di sản và trải nghiệm văn hóa, thay vì phục dựng hình thái kiến trúc một cách cứng nhắc. Không gian công viên lịch sử - văn hóa Dinh trấn Thanh Chiêm được định hướng là không gian mở, kết hợp hài hòa giữa cảnh quan, các công trình gợi nhắc, hệ thống bảng dẫn giải, nhà trưng bày, không gian sinh hoạt cộng đồng và các hoạt động giáo dục - trải nghiệm. Đặc biệt, việc tôn vinh chữ Quốc ngữ được xác định là một trục nội dung quan trọng, tạo nên bản sắc riêng, giúp Dinh trấn Thanh Chiêm có vị thế độc đáo trong hệ thống di sản văn hóa cả nước.

Một trong những định hướng quan trọng của địa phương là gắn kết việc phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm với hệ thống làng nghề truyền thống - những không gian văn hóa sống động đã hình thành và phát triển cùng chiều dài lịch sử của vùng đất Điện Bàn. Điện Bàn nổi tiếng với các làng nghề truyền thống tiêu biểu như đúc đồng Phước Kiều, chiếu chẻ Triêm Tây, gỗ mỹ nghệ Đông Khương, gốm nung Lê Đức Hạ... Đây không chỉ là các đơn vị sản xuất, mà còn là những “bảo tàng sống” lưu giữ tri thức dân gian, kỹ năng thủ công, phong tục tập quán và tinh thần sáng tạo của cộng đồng cư dân xứ Quảng. Việc gắn kết Dinh trấn Thanh Chiêm với các làng nghề truyền thống cho phép hình thành một chuỗi không gian văn hóa - lịch sử - nghề thủ công, trong đó Dinh trấn giữ vai trò trung tâm diễn giải lịch sử, còn các làng nghề là nơi tiếp nối mạch sống văn hóa trong đời sống đương đại. Hình thành các tuyến tham quan, trải nghiệm kết nối Dinh trấn Thanh Chiêm với làng đúc đồng Phước Kiều, làng chiếu chẻ Triêm Tây, làng bánh tráng Phú Chiêm..., qua đó tái hiện mối quan hệ giữa trung tâm quyền lực xưa với đời sống kinh tế - văn hóa của cư dân xung quanh. Gắn công tác bảo tồn di tích với phát triển du lịch văn hóa - du lịch trải nghiệm, hướng đến đối tượng học sinh, sinh viên, du khách nghiên cứu, qua đó nâng cao hiệu quả giáo dục truyền thống và quảng bá hình ảnh địa phương.

Dinh trấn Thanh Chiêm không chỉ là dấu tích của một trung tâm quyền lực trong lịch sử, mà còn là không gian văn hóa giàu ý nghĩa, gắn với quá trình hình thành chữ Quốc ngữ và sự phát triển của các làng nghề truyền thống xứ Quảng. Việc quy hoạch, quản lý và phát huy giá trị di tích này cần được đặt trong một tầm nhìn dài hạn, khoa học và gắn chặt với đời sống cộng đồng.

Với trách nhiệm của mình, chính quyền địa phương phường Điện Bàn cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, giới nghiên cứu và Nhân dân để từng bước bảo tồn và phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm theo hướng bền vững, để di tích không chỉ là ký ức của quá khứ, mà trở thành không gian di sản sống, góp phần giáo dục truyền thống, bồi đắp bản sắc văn hóa và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn mới./.

ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

ThS. Bùi Văn Tiếng

Chủ tịch Hội Khoa học - Lịch sử thành phố Đà Nẵng

Di tích Dinh trấn Thanh Chiêm (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp tỉnh theo Quyết định số 113/QĐ-UB ngày 10 tháng 01 năm 2008) đồng hành với lịch sử đất Quảng và đất nước từ đầu thập niên 1600, khởi nguồn từ nhân quan địa - chính trị của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng - người từng giữ chức Trấn thủ Thuận Hóa kiêm chức Trấn thủ Quảng Nam - khi đứng trên đỉnh núi Hải Vân hồi năm Nhâm Dần 1602: “Chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng”. Và sản phẩm của chuyến Nam du lịch sử cùng tầm nhìn chiến lược ấy là bốn sự kiện liên hoàn được khẩn trương triển khai trong vòng hai năm - từ năm Nhâm Dần 1602 đến năm Giáp Thìn 1604: Thứ nhất là đổi Quảng Nam xứ thành Quảng Nam dinh; thứ hai là thành lập Dinh trấn Thanh Chiêm với vai trò trung tâm quyền lực thứ hai ở Đàng Trong; thứ ba là “luân chuyển cán bộ để đào tạo” - nói theo ngôn ngữ chính trường ngày nay để chỉ việc Nguyễn Hoàng chọn Nguyễn Phước Nguyên - người được “quy hoạch” kế vị ngôi Chúa vào giữ chức Trấn thủ dinh Quảng Nam; và thứ tư là kéo dài địa phận dinh Quảng Nam từ bờ Nam sông Thu Bồn ra tận phía nam núi Hải Vân bằng cách nâng cấp hành chính huyện Điện Bàn đang trực thuộc phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa thành phủ Điện Bàn trực thuộc dinh Quảng Nam, tạo nên một Quảng Nam dinh mới với bốn phủ Điện Bàn, Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn, dinh lỵ đóng trên địa bàn phủ Điện Bàn.

Nói vậy để thấy trong quá trình bảo tồn và phát huy di tích Dinh trấn Thanh Chiêm, cần xác định đây là một di tích quốc gia đa giá trị, trong đó giá trị nổi bật nhất là vai trò trung tâm quyền lực thứ hai ở Đàng Trong - trên một địa bàn kéo dài từ phủ Điện Bàn (năm Giáp Thìn 1604) đến phủ Phú Yên (năm Tân Hợi 1611), đến dinh Thái Khang tận bờ bắc sông Phan Rang (năm Quý Tỵ 1653), và nữa và nữa; còn trên Biển Đông thì mở rộng tới quần đảo Hoàng Sa (từ nửa đầu thế kỷ XVII, Chúa Nguyễn đã tổ chức hải đội Hoàng Sa)... Không có trung tâm quyền lực thứ hai này, nói khác đi, nếu chỉ tập trung quyền lực ngoài Dinh Cát/Phú Xuân, chính quyền Đàng Trong của các chúa Nguyễn sẽ không đủ tự tin và thực lực để mạnh tay gây dựng cảng thị Hội An chỉ cách dinh trấn chưa đầy 10 cây số thành một “đặc khu kinh tế Hội mà vẫn An” với quyền tự trị rất lớn

của Phố Nhật và Phố Tàu/Đường nhơn phố; sẽ không có nơi để đào tạo thế tử¹ với những đòi hỏi rất cao về năng lực quản lý hành chính và ngoại giao - cao đến mức theo Giáo sư Nhật Bản Seiichi Kikuchi, nhân vật người Việt được vẽ trong bức tranh Chaya Shinroku Kochi toko zukan/Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ độ hàng đồ quyền rất có khả năng là Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phước Nguyên - người nắm giữ quyền lực ở Đàng Trong chỉ sau Nguyễn Hoàng...² [Chaya Shinroku/ Trà Ốc Tân Lục là tên doanh nhân Nhật Bản; Kochi/Giao Chỉ - một cách người Nhật gọi xứ Đàng Trong - BVT).

Lâu nay, khi nghiên cứu Dinh trấn Thanh Chiêm, giới học thuật thường tập trung vào đề tài Dinh trấn Thanh Chiêm với chữ Quốc Ngữ. Tập trung như vậy là đúng hướng vì rõ ràng có thể khẳng định Thanh Chiêm không phải là chiếc nôi duy nhất nhưng là chiếc nôi sớm nhất và quan trọng nhất đã sản sinh ra chữ Quốc Ngữ - tại Hội thảo khoa học “Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc Ngữ” do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức vào hạ tuần tháng 8 năm 2016, tôi đã viết tham luận *Các yếu tố địa chính trị tạo điều kiện để dinh trấn Thanh Chiêm trở thành một trong những chiếc nôi của chữ Quốc Ngữ* (in trong Kỷ yếu Hội thảo từ trang 231 đến trang 240). Từ đó hoàn toàn có thể khai thác nguồn tài nguyên du lịch văn hóa từ những hiện vật liên quan tới quá trình hình thành chữ Quốc Ngữ tại chiếc nôi Dinh trấn Thanh Chiêm (ngay cả những hiện vật liên quan tới quá trình hình thành chữ Quốc Ngữ tại hai chiếc nôi Nước Mặn và Làng Sông cũng thuộc địa phận phủ Hoài Nhơn dinh Quảng Nam đương thời).

Tuy nhiên, giá trị nổi bật cần được khẳng định trong quá trình bảo tồn và phát huy di tích Dinh trấn Thanh Chiêm là vai trò trung tâm quyền lực gắn liền với các đời Trấn thủ Quảng Nam đầy tài năng như Nguyễn Phước Nguyên giữ chức Trấn thủ Quảng Nam từ năm Nhâm Dần 1602 đến năm Quý Sửu 1613 thì lên ngôi Chúa thay Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phước Kỳ thay Nguyễn Phước

¹ Thực ra chủ trương này đã dừng lại vào năm Ất Hợi 1635 khi Trấn thủ Quảng Nam đương nhiệm là Nguyễn Phước Anh tạo phản chống lại anh trai là Nguyễn Phước Lan vừa lên kế vị ngôi Chúa của Nguyễn Phước Nguyên; và sau đó Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan đã cử một người ngoại tộc là Bùi Hùng Lương vào Dinh trấn Thanh Chiêm giữ chức Trấn thủ Quảng Nam thay Nguyễn Phước Anh. Cũng giống trường hợp Nguyễn Phước Lan, con trai Nguyễn Phước Lan và Đoàn Thị Ngọc là Thế tử Nguyễn Phước Tần lên thẳng ngôi chúa mà không phải kinh qua chức vụ Trấn thủ Quảng Nam.

² “Sau khi thực hiện khai quật và nghiên cứu các tư liệu lịch sử của Việt Nam, chúng tôi cho rằng tòa nhà trong bức tranh có thể là Dinh trấn Quảng Nam được xây ở phía tây Hội An. Vì vậy, nhân vật người Việt được vẽ trong tranh rất có khả năng là hình ảnh của chúa Nguyễn Phước Nguyên, người thứ hai nắm giữ quyền lực ở Đàng Trong” (Nguồn: Seiichi Kikuchi, hoianheritage.net, ngày 23 tháng 6 năm 2016). Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng đây chỉ là Nhà khách - nơi mà các Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phước Nguyên, Nguyễn Phước Kỳ, Nguyễn Phước Anh tiếp cận các thương nhân ngoại quốc: “Lối kiến trúc của mái nhà và sàn nhà cho biết nó là một ngôi nhà Nhật Bản, được các thương nhân Nhật Bản dựng lên và hiến tặng cho Chúa Nguyễn. Đây là lối trang bị của một căn nhà nông thôn nōka với một mái nhà rom theo kiểu *irimoya* ở đầu thế kỷ 17 dưới chế độ Mạc Phủ *Tokugawa*” (Nguồn: Nguyễn Đình Nam, Lịch sử Việt Nam, ngày 22 tháng 11 năm 2023).

Nguyên giữ chức Trấn thủ Quảng Nam từ năm Giáp Dần 1614 và mất vào năm Tân Mùi 1631 khi đang tại chức... Đáng chú ý là trong thời gian Nguyễn Phước Kỳ đảm đương chức vụ Trấn thủ Quảng Nam, mẹ ông là bà Mạc Thị Giai cũng chuyển vào Dinh trấn Thanh Chiêm sống cùng con trai... Chính vì thế khi bàn đến quá trình khởi nghiệp của một số Chúa Nguyễn ở Thanh Chiêm, cần quan tâm đến người thân của họ đã từng sống và qua đời ở xứ Quảng, như Mạc Thị Giai - là vợ của Nguyễn Phước Nguyên và là mẹ của Nguyễn Phước Kỳ, như Đoàn Thị Ngọc/Đoàn Quý Phi là con dâu của Nguyễn Phước Nguyên và Mạc Thị Giai và là vợ của Nguyễn Phước Lan...

Trong dự thảo Báo cáo Đề xuất Dự án tái hiện kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm và xây dựng bia chữ Quốc Ngữ (đúng hơn phải gọi là Bia về sự ra đời của chữ Quốc ngữ - BVT) nhằm phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, phát triển du lịch ven sông Thu Bồn của Ủy ban nhân dân phường Điện Bàn cũng đã có nhắc tới Nhà thờ bà Đoàn Quý Phi (được xây dựng từ năm Ất Ty 1905 niên hiệu Thành Thái thứ 17), nhưng nên mở rộng sang địa bàn xã Duy Xuyên với khu lăng mộ của Mạc Thị Giai (mộ Hiếu Văn hoàng hậu Mạc Thị Giai đã được xếp hạng di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 436/QĐ-UBND/2005 ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam), của Đoàn Quý Phi (mộ Hiếu Chiêu hoàng hậu Đoàn Thị Ngọc/Đoàn Quý Phi đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 2368/QĐ/BVHTTDL ngày 02 tháng 8 năm 2011 xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia), của Nguyễn Phước Kỳ (mộ Nguyễn Phước Kỳ cũng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh vào năm 2022)... nhằm tăng thêm độ phong phú về tài nguyên du lịch.



Trong Dự án tái hiện kiến trúc Dinh trấn Thanh Chiêm do Ủy ban nhân dân phường Điện Bàn đề xuất, có lẽ hạng mục khó tái hiện nhất là dinh đường/tỉnh đường - tức Hành cung là nơi ở và làm việc của quan Trấn thủ Quảng Nam và là trung tâm hành chính của dinh Quảng Nam. Tòa nhà được cho là nơi doanh nhân

Nhật Bản yết kiến Trần thủ Quảng Nam Nguyễn Phước Nguyên được vẽ trong bức tranh Chaya Shinroku Kochi toko zukan/Trà Ốc Tân Lục Giao Chỉ độ hàng đồ quyền nhiều khả năng chỉ là một ngôi nhà Nhật Bản được các Trần thủ Quảng Nam dùng làm nơi tiếp doanh nhân ngoại quốc (xem cước chú số 3). Cũng cần quan tâm đến việc xác minh một trong hai ngôi mộ phía sau nhà thờ André Phú Yên có đúng là mộ của giáo sĩ Francisco de Pina - người có công đầu trong việc gây dựng chữ Quốc Ngữ - để có thể tạo nên một điểm nhấn/điểm đến mới sau-trùng-tu. Ngoài ra dự án dựng Bia về sự ra đời của chữ Quốc Ngữ cũng là một gợi ý về phương thức tái hiện không phục dựng đối với những hạng mục không đủ thông tin để phục dựng - từ xác định vị trí đến phác thảo hình dạng... như ý kiến của nhà nghiên cứu Hồ Xuân Tịnh tại Hội thảo khoa học “*Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc Ngữ*” năm 2016: “*để bảo tồn và phát huy các vị trí đã xác định được, chúng ta chỉ có thể dựng bia ghi dấu từng địa điểm, những nhà bia này nên nhất quán một kiểu dáng và mang nét cổ kính của kiến trúc Việt giai đoạn thế kỷ XVII-XIX, kích thước của các bia nên bằng nhau, chỉ riêng bia ghi dấu vị trí Hành cung có kích thước lớn hơn*” (in trong Kỷ yếu Hội thảo, trang 1027).

Cuối cùng là vấn đề quản lý di tích quốc gia Dinh trấn Thanh Chiêm trong bối cảnh đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Mặc dù chỉ mới được xếp hạng di tích quốc gia nhưng với tính chất đa giá trị, trong đó giá trị nổi bật nhất là vai trò trung tâm quyền lực thứ hai ở Đàng Trong như đã phân tích trên, di tích Dinh trấn Thanh Chiêm rất cần được quản lý một cách chuyên nghiệp bởi một đơn vị quản lý ít nhất trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, chứ không nên chỉ phó thác cho Ủy ban nhân dân phường Điện Bàn đang rất khó khăn về nguồn lực - quyền lực, nhân lực, tài lực... so với Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn trước tháng 7 năm 2025. Theo tôi có thể kết nối việc quản lý di tích quốc gia Dinh trấn Thanh Chiêm với việc quản lý di sản văn hoá thế giới Đô thị cổ Hội An - bởi về phương diện kinh tế, không có Cửa Hàn, Hàn giang và Lộ Cảnh giang, sẽ không có đô thị cổ Hội An trên bến dưới thuyền tấp nập; còn về phương diện chính trị, không có Dinh trấn Thanh Chiêm và tư duy “Lai Viễn kiều” của các chúa Nguyễn - nhất là người từng kinh qua chức vụ Trần thủ Quảng Nam như Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên - cũng sẽ không có đô thị cổ Hội An với Phố Nhật và Phố Tàu tự trị./.

Tài liệu tham khảo

Nhiều tác giả (2016), Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*”, tháng 8 năm 2016.

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG PHÒNG DỰNG KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN DINH TRẦN THANH CHIÊM: TỪ GIẢ THUYẾT KHẢO CỔ ĐẾN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ ẢO

TS.KTS. Đinh Nam Đức

Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng

TÓM TẮT

Dinh trấn Thanh Chiêm, thành lập năm 1602, giữ vai trò chiến lược trong lịch sử Đàng Trong và sự hình thành chữ Quốc ngữ, song hiện trạng di tích đã trở thành phế tích khảo cổ học, mất hoàn toàn các dấu vết kiến trúc trên mặt đất. Trước thách thức về sự thiếu hụt tư liệu gốc cho công tác trùng tu vật lý, bài tham luận đề xuất quy trình Phục dựng đồ họa dựa trên phương pháp tam giác đặc dữ liệu đa nguồn. Nghiên cứu tích hợp các tham số kỹ thuật từ kết quả khai quật khảo cổ năm 2017 với cơ sở dữ liệu đối sánh loại hình kiến trúc nhà rường xứ Quảng và phương pháp phân tích hình thái đô thị. Kết quả nghiên cứu bước đầu đề xuất một mô hình giả định trực quan về cấu trúc Hành cung và Hệ thống phòng thủ, đóng vai trò là khung sườn tham chiếu cho các nghiên cứu chuyên sâu. Qua đó, bài viết khẳng định tính khả thi của việc ứng dụng công nghệ số để “tái sinh” di sản, hướng tới xây dựng sản phẩm du lịch thực tế ảo tại địa phương.

Từ khóa: Dinh trấn Thanh Chiêm (Thanh Chiem Citadel); Phục dựng đồ họa (Graphic Reconstruction); Di sản số (Digital Heritage); Mô hình hóa thông tin di sản (HeBIM); Khảo cổ học kiến trúc (Architectural Archaeology)

1. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh lịch sử và thực trạng di tích

Dinh trấn Thanh Chiêm, được Chúa Tiên Nguyễn Hoàng thành lập năm Nhâm Dần (1602), giữ vai trò chiến lược là thủ phủ thứ hai của Đàng Trong và là cái nôi khai sinh chữ Quốc ngữ trong lịch sử Việt Nam [1]. Với những giá trị đặc biệt đó, di tích đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là Di tích Quốc gia vào năm 2017. Tuy nhiên, trải qua hơn 400 năm biến động, diện mạo kiến trúc của Dinh trấn hiện nay đã bị xóa sổ hoàn toàn. Các kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ học năm 2017 xác nhận tình trạng “phế tích hóa” của di tích: các dấu tích kiến trúc như tường thành, hành cung chỉ còn lại ở dạng nền móng gia cố nằm sâu dưới lòng đất [2]. Thực trạng này tạo ra một khoảng trống lớn trong việc nhận diện và phát huy giá trị di sản.

1.2. Thách thức trong bảo tồn và định hướng quy hoạch

Việc áp dụng phương pháp trùng tu vật lý (Physical Reconstruction) gặp nhiều rào cản do thiếu hụt tư liệu hình ảnh gốc để đảm bảo tính chân xác (Authenticity). Hơn nữa, khu vực di tích hiện nay nằm đan xen trong không gian cư trú của làng xã, đòi hỏi các giải pháp bảo tồn phải hài hòa với định hướng phát triển đô thị bền vững. Theo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu năm 2025 của thị xã Điện Bàn, khu vực này được định hướng phát triển không gian văn hóa gắn liền với bảo tồn, nhưng hạn chế các can thiệp xây dựng mới quy mô lớn làm thay đổi cấu trúc cảnh quan [3].

1.3. Cơ sở lý luận về phục dựng di sản số

Trong bối cảnh đó, sự chuyển dịch từ bảo tồn vật chất sang “Bảo tồn Di sản số” (Digital Heritage) là xu hướng tất yếu, phù hợp với *Hiến chương về Bảo tồn Di sản Số* của UNESCO (2003), nhằm đảm bảo quyền tiếp cận tri thức lịch sử cho các thế hệ tương lai [4]. Nghiên cứu này tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương London (The London Charter, 2009) về việc trực quan hóa di sản văn hóa, trong đó quy định: “*Việc phục dựng bằng máy tính phải dựa trên sự minh bạch về nguồn dữ liệu và các giả thuyết khoa học*” [5]. Đồng thời, các Nguyên tắc Seville (The Seville Principles, 2011) cũng được áp dụng để phân định ranh giới giữa yếu tố “chân xác khảo cổ” (Authenticity) và “diễn giải ảo” (Alternative Virtual Interpretations) [6]. Trên thế giới, phương pháp HBIM (Heritage Building Information Modeling) đã được ứng dụng thành công để tái hiện các phế tích kiến trúc thế kỷ 17, tiêu biểu như các nghiên cứu tại Châu Âu và Nhật Bản [7], tạo tiền đề vững chắc cho việc áp dụng quy trình này tại Việt Nam.

1.4. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

Cần khẳng định rằng, trong giới hạn của một tham luận khoa học, nghiên cứu này không tham vọng công bố một ấn phẩm phục dựng 3D hoàn chỉnh ngay lập tức. Thay vào đó, mục tiêu cốt lõi của bài viết là:

- **Xác lập khung phương pháp luận (Methodological Framework):** Chứng minh tính khả thi của việc ứng dụng quy trình số hóa (từ dữ liệu khảo cổ đến mô hình ảo) đối với trường hợp đặc thù của Thanh Chiêm.

- **Xây dựng kịch bản mô phỏng (Simulation Scenario):** Đề xuất một “Mô hình giả định sơ bộ” (Preliminary Hypothesis Model) nhằm trực quan hóa các lập luận khoa học, coi đây là bước đệm tiền khả thi cho một dự án tái thiết di sản quy mô lớn hơn trong tương lai.

2. Dữ liệu đầu vào và phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính khách quan và độ chính xác cho mô hình phỏng dựng, nghiên cứu áp dụng phương pháp “Tam giác đạc dữ liệu” (Data Triangulation),

tổng hợp từ ba nguồn dữ liệu cốt lõi kết hợp với quy trình dựng hình 3D dựa trên Module hóa (Modular-Based 3D Modeling Workflow).

2.1. Thu thập và xử lý dữ liệu đa nguồn (Data Acquisition)

Quá trình “giải mã” hình hài Dinh trấn Thanh Chiêm được thực hiện dựa trên việc đối chiếu chéo giữa ba lớp dữ liệu:

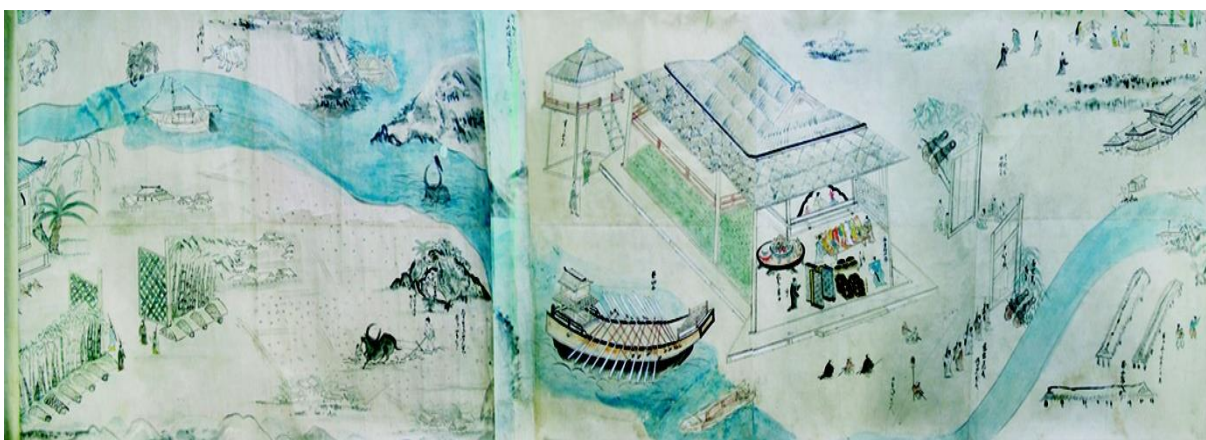
- **Dữ liệu khảo cổ học (Archaeological Data):** Dựa trên kết quả nghiên cứu được công bố trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học [2], đặc biệt là báo cáo của GS. Kikuchi Seiichi (Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản) về các đợt khai quật năm 1999-2001 [8], nghiên cứu trích xuất các thông số quan trọng:

+ *Cấu trúc phòng thủ:* Xác định các vị trí nghi ngờ là tường thành và hào nước thông qua thăm dò radar và địa tầng học.

+ *Vật liệu kiến trúc:* Phát hiện số lượng lớn gạch ngói và đặc biệt là các mảnh gốm sứ Hizen (Nhật Bản), gốm Hoa lam (Trung Quốc) có niên đại thế kỷ XVII. Sự hiện diện của gốm sứ thương mại cao cấp là bằng chứng vật chất khẳng định tính chất “đô thị cảng” và đẳng cấp của các công trình kiến trúc tại Dinh trấn.

- **Dữ liệu thư tịch và bản đồ cổ (Archival & Cartographic Data):** Nghiên cứu sử dụng phương pháp chồng lớp bản đồ (Map Overlay) - kỹ thuật đã được kiểm chứng hiệu quả trong nghiên cứu hình thái đô thị Tourane [9]. Nghiên cứu trước hết dựa vào các mô phỏng từ các dữ liệu này để tái lập mạng lưới thủy hệ sông Thu Bồn (Sài Thị Giang) và xác định vị trí chiến lược của Dinh trấn trong mối quan hệ “Tiền cảng (Hội An) - Hậu chằm (Thanh Chiêm)”.

- **Dữ liệu đối sánh loại hình (Typological Comparative Data):** Do kiến trúc gỗ có tuổi thọ giới hạn, nghiên cứu sử dụng phương pháp đối sánh loại hình (Typological Analysis) từ “Ngân hàng dữ liệu kiến trúc nhà rường” tại làng cổ Phong Nam [10] để bù đắp các thông tin bị khuyết thiếu về chi tiết cấu tạo.



Hình 1. Phần sau bức tranh Chaya Shinroku Kochi toko zukan có vẽ cảnh Dinh trấn Quảng Nam (Nguồn: Lưu trữ tại chùa Jomyo-ji)

2.2. Quy trình dựng hình 3D dựa trên Module hóa (Modular-Based 3D Modeling Workflow)

Thay vì dựng hình tự do, nghiên cứu áp dụng quy trình “Module hóa” các cấu kiện kiến trúc. Phương pháp này mô phỏng lại chính quy trình tác nghiệp của người thợ mộc xưa: chuẩn bị từng cấu kiện riêng lẻ rồi tiến hành lắp dựng (Assembly) theo niêm luật. Quy trình gồm ba bước:

- **Bước 1: Xây dựng thư viện cấu kiện chuẩn (Standardized Component Library):** Dựa trên kết quả đo vẽ giải phẫu nhà rường tại làng cổ Phong Nam [10], nghiên cứu xây dựng một bộ thư viện 3D gồm các cấu kiện cơ bản: cột (Cái, Quân, Hiên), hệ khung (Trính, Xuyên, Trác) và hệ mái (Kèo, Đòn tay, Rui, Mè). Các cấu kiện này được chuẩn hóa về hình dáng và tỷ lệ, đóng gói thành các “Module” sẵn sàng cho việc lắp ghép.

- **Bước 2: Tổ hợp không gian theo niêm luật (Assembly Based on Traditional Rules):** Quá trình dựng hình khối (Massing) được thực hiện bằng cách sắp xếp các Module cấu kiện trên mặt bằng định vị khảo cổ học.

+ *Định vị mạng lưới cột:* Sử dụng kích thước móng trụ 1,8m x 1,8m phát lộ tại hố khai quật [8] làm cơ sở để xác định bước gian (bước cột).

+ *Xác lập chiều cao:* Từ mặt bằng lưới cột, áp dụng nguyên lý “Thước tầm” và tỷ lệ dốc mái truyền thống (đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu về kiến trúc Cung đình [11], [12]) để xác định chiều cao cột và độ dốc mái tương ứng, đảm bảo tính cân đối và khả năng thoát nước.

- **Bước 3: Tích hợp vật liệu (Material Integration):** Mô hình 3D thô (White Model) sau khi hoàn thiện khung sườn sẽ được ốp vật liệu. Dữ liệu vật liệu (Texture) được xử lý từ ảnh chụp thực tế các mẫu ngói âm dương, gạch bìa và gốm sứ tìm thấy tại hiện trường, giúp công trình phỏng dựng mang màu sắc thời gian (Patina) chân thực.

3. Cơ sở thực tiễn: bài học từ các dự án

Để khẳng định tính khả thi của quy trình nghiên cứu, chúng tôi dẫn chứng kết quả từ 04 dự án điển hình đã được thực hiện trong giai đoạn 2017 - 2025. Các dự án này bao quát 04 cấp độ quy mô khác nhau, từ đô thị đến công trình, từ cổ đại đến hiện đại, cung cấp những bài học kinh nghiệm then chốt cho việc giải mã Dinh trấn Thanh Chiêm.

3.1. Quy mô đô thị (Urban Scale): Phục dựng không gian kiến trúc đô thị Tourane (1888 - 1950)

Nghiên cứu thuộc khuôn khổ Luận án Tiến sĩ thực hiện tại Pháp (2017 - 2021) [13].

- **Vấn đề:** Sự đứt gãy về cấu trúc đô thị giữa Đà Nẵng hiện đại và Tourane thời kỳ thuộc địa.

- **Phương pháp:** Sử dụng kỹ thuật chồng lớp bản đồ (Map Overlay) đa thời kỳ để tái hiện mạng lưới đường phố bản cở và hệ thống thủy hệ sông Hàn.

- **Bài học cho Thanh Chiêm:** Đối với một “đô thị sông nước” như Thanh Chiêm, bài học từ Tourane cho thấy tầm quan trọng của việc tái lập lớp dữ liệu địa hình - thủy văn (Hydro-topography) [14]. Việc xác định chính xác dòng chảy cũ của sông Chợ Củi và Bàu Sen thông qua bản đồ cổ là chìa khóa để định vị hệ thống hào nước và các bến thuyền thương mại vệ tinh.



Hình 2. Hình ảnh phục dựng đồ họa khu trung tâm thành phố Tourane tại mốc thời gian 1930 (Nguồn: Tác giả)

3.2. Quy mô địa phương (Local Scale): Số hóa hình thái kiến trúc và cảnh quan làng cổ Phong Nam (2002 - 2012 - 2022)

Dự án thực hiện theo đặt hàng của địa phương, đúc kết quá trình nghiên cứu về hình thái kiến trúc và cảnh quan làng quê trong một giai đoạn 20 năm [15].

- **Vấn đề:** Nguy cơ mai một của kiến trúc dân gian trước áp lực đô thị hóa.

- **Phương pháp:** Xây dựng “Ngân hàng dữ liệu số” (Digital Library) chuẩn hóa các cấu kiện nhà rường xứ Quảng dưới dạng các module 3D.

- **Bài học cho Thanh Chiêm:** Đây là nguồn dữ liệu “đối sánh loại hình” (Typological Reference) quan trọng nhất. Do Thanh Chiêm đã mất hoàn toàn

kiến trúc gỗ, việc phỏng dựng Hành cung sẽ sử dụng trực tiếp bộ thư viện cấu kiện từ Phong Nam để đảm bảo tính “chân xác vùng miền” (Regional Authenticity) và kỹ thuật mộng gỗ đặc trưng của thợ mộc Kim Bồng.



Hình 3. Hình ảnh phục dựng đồ họa không gian kiến trúc của làng quê Phong Nam qua các mốc thời gian 2002 và 2022 (Nguồn: Tác giả)

3.3. Quy mô quần thể di tích cổ (Ancient Complex Scale): Văn Miếu - Quốc Tử Giám (1900 - 1924 - 1954 - 2023)

Nghiên cứu được tài trợ bởi Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội [16].

- **Vấn đề:** Tái hiện diện mạo di tích qua các đợt trùng tu trong lịch sử dựa trên tư liệu ảnh đen trắng.

- **Phương pháp:** Phân tích ảnh tư liệu (Archival Analysis) kết hợp với niêm luật kiến trúc phong kiến để dựng lại các hạng mục đã thay đổi hoặc biến mất (như hệ thống cổng, tường rào cũ).

- **Bài học cho Thanh Chiêm:** Kinh nghiệm xử lý tư liệu từ EFEO giúp chúng tôi có phương pháp luận để “đọc” các mô tả trong thư tịch cổ của giáo sĩ phương Tây (Francisco de Pina, Cristoforo Borri) về Thanh Chiêm. Đồng thời, dự án này khẳng định năng lực phục dựng các quần thể kiến trúc cổ điển tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc về đẳng cấp và nghi lễ phong kiến (điều bắt buộc đối với một Dinh trẫm thủ phủ).



Hình 4. Hình ảnh phục dựng đồ họa quần thể di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) tại các mốc thời gian 1900 và 2023 (Nguồn: Tác giả)

3.4. Quy mô quần thể hiện đại (Modern Complex Scale): Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (1962 - 1975 - 1994 - 2025)

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường (Mã số T2023-06-26) [17].

- **Vấn đề:** Ghi chép lại lịch sử phát triển (Evolution) của một quần thể kiến trúc qua các giai đoạn: Trường Kỹ thuật Đà Nẵng (1962), Trường Kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi (1976) đến nay.

- **Phương pháp:** Mô hình hóa 4D (3D + Thời gian), thể hiện sự thay đổi, cây ghép, mở rộng của công trình theo dòng thời gian.

- **Bài học cho Thanh Chiêm:** Dinh trấn Thanh Chiêm không đứng yên mà biến đổi suốt 230 năm tồn tại (1602 - 1832). Kinh nghiệm từ dự án này giúp chúng tôi xây dựng các kịch bản phục dựng động (Dynamic Scenarios), thể hiện sự mở rộng quy mô của Dinh trấn từ thời Chúa Tiên đến thời Chúa Sãi, thay vì chỉ dựng lại một “lát cắt” tĩnh tại.



Hình 5. Hình ảnh phục dựng đồ họa quần thể Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật tại các mốc thời gian 1962-1975-1994-2025 (Nguồn: Tác giả)

4. Kết quả nghiên cứu: phỏng dựng Dinh trấn Thanh Chiêm

Trên cơ sở tích hợp dữ liệu đa nguồn và áp dụng quy trình kỹ thuật đã đề xuất, nghiên cứu trình bày kết quả phỏng dựng Dinh trấn Thanh Chiêm ở hai cấp độ: Cấu trúc quy hoạch tổng thể và Không gian kiến trúc lõi.

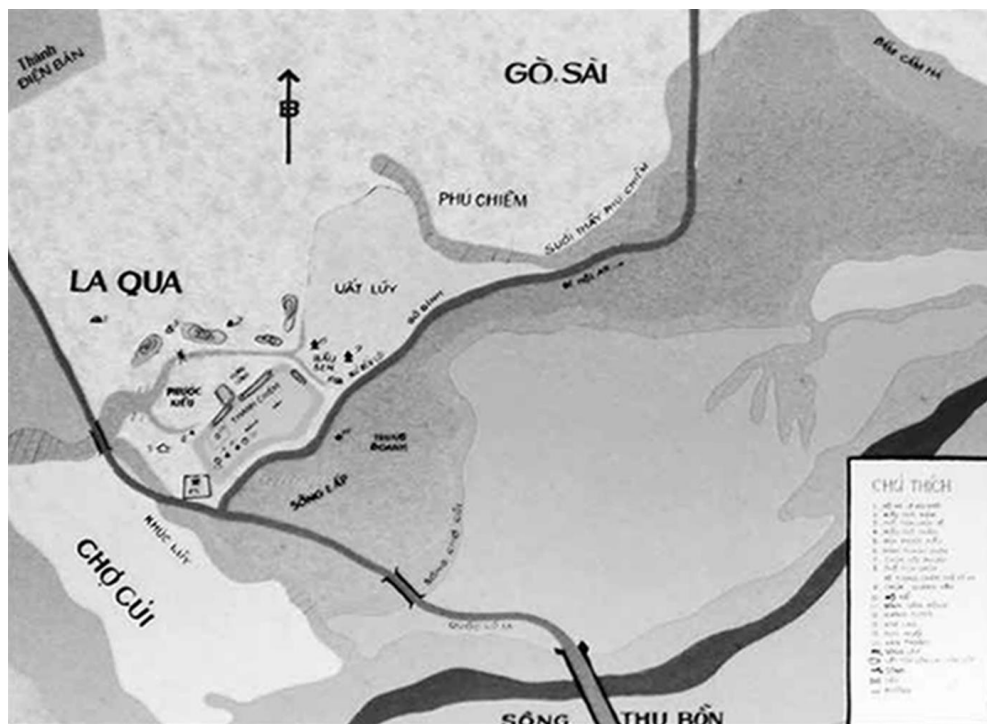
4.1. Tái lập cấu trúc quy hoạch và cảnh quan phòng thủ (Reconstructing Urban Structure & Defense Landscape)

Dựa trên kết quả chồng lớp bản đồ lịch sử (Map Overlay) [9] và dữ liệu thám sát địa tầng [8], nghiên cứu xác lập mô hình 3D địa hình và quy hoạch Dinh trấn với 03 thành tố chính:

- **Vị trí và hình thái tường thành (The Ramparts):** Dựa trên kết quả thám sát địa tầng và sự phân bố đậm đặc của các hiện vật cư trú tại khu vực Gò Lũy trong các đợt khai quật [8], nghiên cứu xác định đây là tọa độ của vùng lõi Dinh trấn. Về mặt hình thái, thông qua việc đối chiếu với kỹ thuật quân sự điển hình thời Chúa Nguyễn (tương đồng với hệ thống Lũy Thầy), mô hình đề xuất cấu trúc tường thành được đắp bằng đất nện với quy mô chân móng mở rộng và độ dốc mái taluy lớn để chống sạt lở. Tường thành này được giả định bao bọc khu vực trung tâm theo hình chữ nhật, nương theo thế đất tự nhiên của dòng sông Chợ Cui.

- **Hệ thống thủy đạo và bến thuyền (Hydrological Network):** Phục dựng lại dòng chảy sông Chợ Củi và Bàu Sen (vốn đã bị bồi lấp một phần) để tái hiện vai trò “Hậu chằm” trong phong thủy và chức năng giao thương. Các bến thuyền (thương cảng vệ tinh) được bố trí tại các điểm tiếp cận trực tiếp với trục thân đạo của Dinh trấn, phản ánh mô tả trong thư tịch cổ về sự tấp nập của tàu thuyền buôn bán ngoại quốc [2], [14].

- **Phân khu chức năng (Functional Zoning):** Dựa trên nguyên tắc quy hoạch kinh điển “Tiền triều - Hậu tẩm” và “Tả văn - Hữu võ” của kiến trúc phong kiến, mô hình đề xuất phương án định vị các khu vực chức năng đã được xác định trong hồ sơ di tích [1]: khu vực Hành cung tại trung tâm, hai bên là các khu trại lính (Vệ súng), kho lương (Kho muối) và khu cư trú giáo sĩ [1].



Hình 6. Sơ đồ Dinh trấn (Nguồn: Trưng bày tại Bảo tàng Điện Bàn)

4.2. Phông dựng kiến trúc lõi: Hành cung và Công sở (Reconstructing Core Architecture)

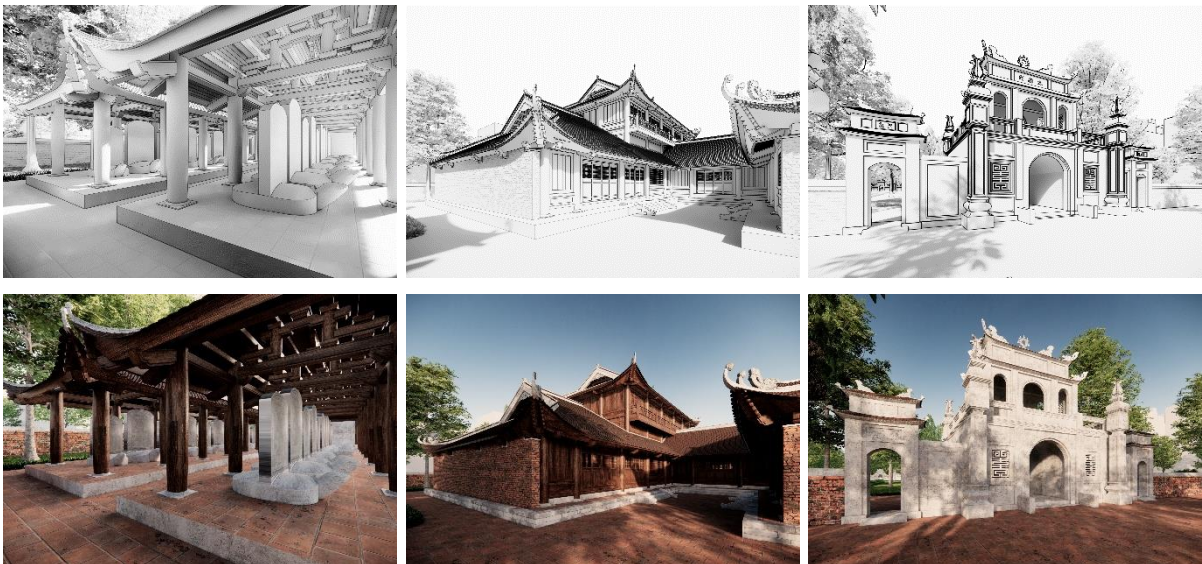
Đây là kết quả của việc áp dụng phương pháp “Chuyển giao hình thái” từ dữ liệu kiến trúc Phong Nam [10], [15] vào các tham số khảo cổ học Thanh Chiêm [8]:

- **Quy mô và kết cấu chịu lực:** Từ dấu tích móng trụ kích thước 1,8m x 1,8m gia cố bằng gạch ngói vỡ tại hố khai quật số 3 [8], nghiên cứu xác định công trình Hành cung thuộc loại hình kiến trúc gỗ quy mô lớn (Đại khoa). Hệ khung kết cấu được phông dựng theo hình thức nhà rường 3 gian 2 chái (quy mô Đại khoa) với hệ cột cái có đường kính ước tính Ø350 - 400mm. Kích thước

bước gian (bước cột) được thiết lập rộng khoảng 3,0m - 3,3m, đảm bảo tỷ lệ chịu lực an toàn cho hệ vì kèo chồng rường giả thủ – một đặc trưng của kiến trúc đình cơ quyền quý thời Chúa Nguyễn.

- **Hình thức mái và vật liệu:** Dựa trên số lượng lớn ngói âm dương và ngói ống tìm thấy tại hiện trường [2], mô hình 3D loại bỏ phương án lợp tranh tre (thường thấy ở nhà dân) để áp dụng hệ mái ngói âm dương màu đất nung sẫm cho toàn bộ khu vực Hành cung. Độ dốc mái và kỹ thuật bờ nóc, bờ quyết được tham chiếu từ các ngôi đình làng cổ tại Quảng Nam trong cơ sở dữ liệu số hóa [10], [15].

- **Trang trí và nội thất:** Để tái hiện sự phồn thịnh và tính chất quốc tế của Đình trấn, không gian nội thất và sân vườn được bài trí các hiện vật gốm sứ Hizen (Nhật Bản) và gốm Hoa lam (Trung Quốc) dựa trên các mảnh vỡ khảo cổ thực tế [8]. Kỹ thuật *Photogrammetry* được sử dụng để map vật liệu lên các đối tượng 3D này, tạo cảm giác chân thực về chất cảm vật liệu.



Hình 7. Minh họa chất lượng hiển thị (*Visual Quality*) và mức độ chi tiết dự kiến của dự án Thanh Chiêm, tham chiếu từ các dự án đã thực hiện của nhóm tác giả

4.3. Kịch bản diễn biến theo thời gian (*Chronological Evolution Scenarios*)

Kế thừa bài học từ dự án Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật [17], mô hình Đình trấn Thanh Chiêm không phải là một sản phẩm tĩnh (*Static Model*) mà là một mô hình động (*Dynamic Model*) thể hiện sự biến đổi qua các giai đoạn lịch sử:

- **Giai đoạn 1 (1602 - 1648):** Đình trấn sơ khai thời Chúa Tiên, tập trung vào chức năng quân sự và định hình chữ Quốc ngữ.

- **Giai đoạn 2 (1648 - 1774):** Thời kỳ cực thịnh dưới thời các Chúa Nguyễn tiếp theo, mở rộng quy mô thương mại và kiến trúc kiên cố.

- **Giai đoạn 3 (Sau 1832):** Giai đoạn suy thoái và hoang phế sau khi vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính.

5. Thảo luận và định hướng ứng dụng

5.1. Từ “Ý tưởng phác thảo” đến “Dự án khả thi”

Một lộ trình đề xuất Kết quả mô hình hóa được trình bày ở trên thực chất mới chỉ là những nét phác thảo đầu tiên (Proof of Concept). Nó đóng vai trò như một “phép thử” để trả lời câu hỏi: *Liệu có thể hồi sinh một phế tích đã mất hoàn toàn dấu vết hay không?* Câu trả lời là có, nhưng cần một lộ trình bài bản. Những hình ảnh 3D trong bài viết này là minh chứng cho thấy: Nếu chúng ta có sự đầu tư nghiêm túc để kết nối dữ liệu từ các nhà khảo cổ học, các nhà sử học và các chuyên gia công nghệ, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một “Dinh trấn số” hoàn chỉnh. Đây không chỉ là công việc của một cá nhân, mà là một gợi mở cho một Dự án cấp Thành phố trong tương lai gần, nơi công nghệ số trở thành cầu nối đánh thức di sản ngủ quên.

Kết quả của quá trình phỏng dựng không dừng lại ở các tệp tin 3D lưu trữ trên máy tính. Nghiên cứu đề xuất chuyển hóa khối dữ liệu này thành các sản phẩm ứng dụng cụ thể, giải quyết hài hòa bài toán giữa Bảo tồn và Phát triển theo đúng định hướng quy hoạch của địa phương.

5.2. Từ mô hình số đến trải nghiệm “Du lịch thông minh” (From Digital Model to Smart Tourism)

Trong bối cảnh Dinh trấn Thanh Chiêm được xác định là điểm đến văn hóa gắn liền với lịch sử chữ Quốc ngữ [1], việc ứng dụng công nghệ số sẽ tạo ra các sản phẩm du lịch mới mẻ, khắc phục điểm yếu về sự “nghèo nàn” hiện vật tại thực địa:

- **Bảo tàng ảo tương tác (Interactive Virtual Museum):** Xây dựng hệ thống tham quan trực tuyến trên nền tảng WebGL. Du khách có thể truy cập từ xa để chiêm ngưỡng toàn cảnh Dinh trấn thời cực thịnh. Các lớp thông tin được tích hợp theo dạng “kịch bản dẫn chuyện” (Storytelling): người xem có thể click vào từng cấu kiện kiến trúc để xem thông tin kỹ thuật (từ dữ liệu Phong Nam) hoặc click vào các mảnh gốm để xem nguồn gốc giao thương (từ dữ liệu khảo cổ).

- **Thực tế tăng cường tại điểm di tích (On-site Augmented Reality - AR):** Đây là giải pháp đột phá cho du lịch tại chỗ. Tại các vị trí quan trọng như Bia di tích hoặc Gò Lũy, du khách sử dụng thiết bị di động quét mã QR để kích hoạt lớp phủ 3D (AR Layer). Hình ảnh Tường thành và Hành cung sẽ “mọc lên” ngay trên nền cảnh quan thực tế (ruộng đồng, nhà dân hiện hữu). Giải pháp này giúp người xem hình dung quy mô hoành tráng của quá khứ mà không cần bất kỳ sự can thiệp xây dựng vật lý nào vào hiện trạng.

5.3. Sự tương thích với quy hoạch phân khu và pháp lý (Alignment with Zoning & Regulations)

Mô hình phục dựng đồ họa hoàn toàn phù hợp với các định hướng pháp lý mới nhất tại *Quyết định số 5160/QĐ-UBND* (năm 2025) của UBND Thị xã Điện Bàn [3]:

- **Giải quyết xung đột không gian:** Quy hoạch phân khu Khu đô thị Nam Phương định hướng phát triển không gian văn hóa nhưng hạn chế xây dựng mới trong vùng lõi di tích để tránh xâm hại các tầng văn hóa khảo cổ [3]. Phục dựng số hóa (Digital Reconstruction) là giải pháp duy nhất cho phép “xây dựng” một tòa thành đồ sộ về mặt thị giác nhưng “rỗng” về mặt vật chất, do đó không vi phạm các quy định về chỉ giới xây dựng hay chiếm dụng đất đai của cư dân hiện hữu.

- **Hỗ trợ công tác quản lý:** Cơ sở dữ liệu số hóa (Digital Database) sẽ cung cấp cho nhà quản lý một công cụ trực quan để giám sát ranh giới các khu vực khảo cổ ngầm (Gò Lũy, Gò Sứ) được chồng lớp chính xác trên bản đồ số, từ đó đưa ra các quyết định cấp phép xây dựng dân dụng hợp lý, tránh xâm phạm di tích gốc.

6. Kết luận

6.1. Kết luận

Nghiên cứu đã bước đầu thiết lập được quy trình khoa học để phục dựng hình ảnh Dinh trấn Thanh Chiêm - một di tích có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng nhưng đã mất hoàn toàn dấu vết kiến trúc trên thực địa. Thông qua phương pháp “tam giác đạc dữ liệu”, nghiên cứu đã tổng hợp các tham số từ hồ khai quật khảo cổ (vị trí móng trụ, vật liệu gốm sứ), đối chiếu với các ghi chép thư tịch cổ và hệ thống niêm luật kiến trúc nhà rường truyền thống để đề xuất một phương án mô hình hóa 3D khả thi. Kết quả này bước đầu giúp trực quan hóa diện mạo và quy mô của Dinh trấn dưới thời chúa Nguyễn, chuyển hóa các dữ liệu khô khan thành hình ảnh thị giác sống động.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng thẳng thắn thừa nhận sự tồn tại của độ trễ về niên đại và sự khác biệt về đẳng cấp giữa dữ liệu tham chiếu (kiến trúc dân gian Phong Nam thế kỷ 19) và đối tượng phục dựng (kiến trúc Dinh trấn thế kỷ 17). Do đó, mô hình đề xuất hiện tại nên được xem là một “Giả thuyết khoa học trực quan” (Visual Hypothesis) hơn là một khẳng định phục dựng chính xác tuyệt đối. Nó đóng vai trò là khung sườn tham chiếu (Baseline Model) để tiếp tục cập nhật và tinh chỉnh khi có thêm dữ liệu khai quật mở rộng trong tương lai.

Theo chiến thuật “vòng tròn đồng tâm”, trong giai đoạn 1 hiện tại, nghiên cứu tập trung ưu tiên tái lập hình thái kiến trúc cốt lõi. Các yếu tố phức tạp hơn như cảnh quan thương cảng, hoạt động giao thương và sinh hoạt con người sẽ

được tích hợp trong các kịch bản mô phỏng 3D/4D ở giai đoạn tiếp theo, nhằm hoàn thiện bức tranh sống động về một đô thị cảng sầm uất.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu bước đầu này là một thông điệp khoa học gửi tới các nhà quản lý: Dinh trấn Thanh Chiêm tuy không còn hiện hữu về mặt vật lý, nhưng hoàn toàn có thể được “tái sinh” trong không gian số. Phương pháp luận đã có, dữ liệu nền đã sẵn sàng, đây chính là cơ sở tiên khả thi quan trọng để hướng tới việc xây dựng một Đề án số hóa di sản cấp Tỉnh, biến các giả thuyết khoa học thành các sản phẩm du lịch thực tế ảo hấp dẫn.

6.2. Kiến nghị

Để hiện thực hóa các đề xuất trên, tác giả kính đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng (đơn vị tổ chức hội thảo) xem xét các nội dung sau:

- **Đặt hàng xây dựng Đề án:** Cho phép triển khai đề tài nghiên cứu cấp Thành phố: “*Xây dựng Cơ sở dữ liệu số hóa và Phục dựng ảo Dinh trấn Thanh Chiêm*” nhằm tạo lập bộ hồ sơ khoa học chuẩn hóa (Digital Archive) cho di tích.

- **Cơ chế phối hợp:** Tạo điều kiện để nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng được tiếp cận sâu hơn với các dữ liệu và các hiện vật khảo cổ đang lưu trữ để thực hiện công tác số hóa 3D chi tiết (Scan 3D/Photogrammetry).

- **Thí điểm ứng dụng:** Triển khai thí điểm một điểm trải nghiệm thực tế ảo (VR/AR) quy mô nhỏ tại khu vực Nhà trưng bày hoặc Bia di tích Dinh trấn để phục vụ khách tham quan và học sinh địa phương, coi đây là bước khởi đầu cho chiến lược chuyển đổi số trong bảo tồn di sản của tỉnh nhà.

Tài liệu tham khảo

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, “*Lý lịch di tích Dinh trấn Thanh Chiêm*”, Hồ sơ di tích Quốc gia, 2017.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND Tỉnh Quảng Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*, Quảng Nam, 2016.
3. UBND Thị xã Điện Bàn, “*Quyết định số 5160/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) Khu đô thị Nam Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và Ban hành quy định quản lý kèm theo đề án quy hoạch*”, 2025.
4. UNESCO, *Charter on the Preservation of Digital Heritage*, Paris: UNESCO General Conference, 2003.

5. H. Denard, “The London Charter for the Computer-based Visualisation of Cultural Heritage” in *Paradata and Transparency in Virtual Heritage*, Ashgate Publishing, 2009, pp. 57-71.
6. International Forum of Virtual Archaeology, *The Seville Principles: International Principles of Virtual Archaeology*, 2011.
7. M. Murphy, E. McGovern, and S. Pavia, “Historic building information modelling (HBIM)”, *Structural Survey*, vol. 27, no. 4, pp. 311-327, 2009.
8. K. Seiichi, “Nghiên cứu về Dinh trấn Quảng Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*, Quảng Nam, tr. 1089-1106, 2016.
9. L. T. Hương và Đ. N. Đức, “Restoring the image of French concession Tourane (Danang) using the method of graphical reconstruction of urban architectural space”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, tập 21, số 11.2, tr. 88-94, 2023.
10. N. A. Tuấn, “Xây dựng bộ dữ liệu kiến trúc một số công trình kiến trúc cổ tiêu biểu của làng quê Phong Nam (TP. Đà Nẵng)”, Dự án nghiên cứu được tài trợ bởi Ủy ban nhân dân xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, 2023.
11. L. V. An, “Nghiên cứu tái thiết Điện Càn Chánh, Hoàng Thành Huế - Di sản Văn hoá Thế giới,” *Tạp chí Kiến trúc*, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, 2018. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/nghien-cuu-tai-thiet-dien-can-chanh-hoang-thanh-hue.html>
12. L. V. An, P. T. Hải, và N. P. Thiện, “Ứng dụng công nghệ 3D Real-time rendering trong việc phục hồi di tích Thiệu Phương Viên – Hoàng thành Huế,” *Tạp chí Kiến trúc*, số 08, 2014. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/ung-dung-cong-nghe-3d-real-time-rendering-trong-viec-phuc-hoi-di-tich-thieu-phuong-vien-hoang-thanh-hue.html>
13. Đ. N. Đức, *L'urbanisme français en Indochine: le cas de la ville de Tourane (1888-1950)*, Luận án Tiến sĩ, Toulouse: ENSA Toulouse, 2021.
14. Đ. N. Đức và L. T. Hương, “Hình ảnh của vùng đất Đà Nẵng cho đến những năm đầu thế kỷ 20 thông qua các tư liệu lịch sử”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, tập 22, số 1, tr. 23-29, 2024.
15. Đ. N. Đức, “Nghiên cứu và phục dựng đồ họa không gian kiến trúc làng quê Phong Nam (thôn Phong Nam, TP. Đà Nẵng)”, Dự án nghiên cứu được tài trợ bởi Ủy ban nhân dân xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, 2023.
16. Đ. N. Đức, “Phục dựng đồ họa Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) qua các giai đoạn lịch sử”, Dự án nghiên cứu được tài trợ bởi Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO) tại Hà Nội, 2022.
17. Đ. N. Đức và L. T. Hương, “Phân tích lịch sử phát triển của không gian kiến trúc trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng (1962-2024) bằng phương pháp phục dựng đồ họa”, Đề tài KH&CN cấp Trường mã số T2023-06-26, 2025.

ĐỊNH HƯỚNG LIÊN KẾT TUYẾN ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC THÙ GẮN VỚI DINH TRẦN THANH CHIÊM

TS. Ngô Thị Hương

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Bài tham luận đề xuất định hướng liên kết tuyến điểm và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với Dinh trần Thanh Chiêm, xuất phát từ thực trạng khai thác còn phân tán, thiếu điểm nhấn và cơ chế điều phối. Trên cơ sở đó, bài xác lập hai trục: (1) liên kết tuyến điểm theo “mạch kể di sản” để tạo trải nghiệm liền mạch và phân bổ dòng khách; (2) phát triển sản phẩm theo hướng trải nghiệm, tương tác, giáo dục di sản, cộng đồng nhằm kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng chi tiêu. Nghiên cứu còn gợi ý các gói tuyến theo thời lượng (2 - 3 giờ, nửa ngày, 1 ngày) kết hợp đường bộ và đường thủy, kết nối Thanh Chiêm với không gian di sản, làng nghề và hệ sinh thái sông Thu Bồn lân cận. Về sản phẩm, tham luận đề xuất tour kể chuyện theo kịch bản, điểm diễn giải/QR, hoạt động học tập, workshop thủ công, trải nghiệm ẩm thực, nông nghiệp và quà tặng ký ức. Phần kiến nghị nhấn mạnh triển khai theo chuỗi giá trị: đầu mối điều phối, chuẩn hóa dịch vụ, an toàn, đào tạo nhân lực địa phương, chuyển đổi số và thiết lập chỉ báo đo lường hiệu quả.

1. Mở đầu

Dinh trần Thanh Chiêm không chỉ là một không gian lịch sử - văn hóa có ý nghĩa trọng yếu đối với tiến trình mở cõi phương Nam, mà còn gắn với dấu ấn đặc biệt về sự hình thành và lan tỏa chữ Quốc ngữ ở xứ Quảng. Nơi đây hội tụ những lớp trầm tích văn hóa sâu sắc, có khả năng đáp ứng nhu cầu của dòng khách muốn tìm về cội nguồn tri thức và bản sắc văn hóa [7;9]. Tuy nhiên, tiềm năng đó hiện chưa được chuyển hóa tương xứng thành sức hút du lịch: hoạt động khai thác còn phân tán, sản phẩm thiếu điểm nhấn, trải nghiệm chưa đa dạng và nhận diện điểm đến vẫn mờ nhạt so với các điểm mạnh khác của Đà Nẵng.

Trong khi đó, Đà Nẵng sở hữu hệ thống tài nguyên du lịch phong phú, bên cạnh các điểm đến nổi tiếng còn có mạng lưới làng nghề - sinh thái - văn hóa dày đặc. Nếu Thanh Chiêm được tích hợp vào cấu trúc tuyến điểm, hành trình du lịch sẽ góp thêm tính liền mạch về “câu chuyện điểm đến”, giúp du khách không chỉ tham quan mà còn hiểu bối cảnh về lịch sử - văn hóa của vùng. Điều này cho thấy sự cần thiết của một định hướng liên kết tuyến điểm hợp lý, vừa gia tăng khả năng tiếp cận, vừa tạo ra chuỗi trải nghiệm logic và hấp dẫn.

Bên cạnh đó, xu hướng du lịch hiện nay đang dịch chuyển theo hướng trải nghiệm “*chậm*”, du lịch giáo dục, du lịch di sản có chiều sâu và du lịch cộng đồng. Đây là cơ hội để Thanh Chiêm được tái định vị như một điểm đến có bản sắc: không chỉ tham quan, mà còn “chạm” vào di sản qua kể chuyện lịch sử, hoạt động trải nghiệm, tương tác với không gian làng quê, ẩm thực và đời sống bản địa.

Trên cơ sở đó, tham luận tập trung gợi mở định hướng liên kết tuyến điểm và phát triển các nhóm sản phẩm du lịch đặc thù gắn với Dinh trấn Thanh Chiêm theo hướng tăng trải nghiệm, gia tăng giá trị và bảo đảm tính bền vững. Nội dung tham luận triển khai theo ba mạch chính: (1) nhận diện giá trị và tiềm năng của Thanh Chiêm trong không gian du lịch địa phương; (2) định hướng liên kết tuyến điểm theo chủ đề; (3) đề xuất hệ sản phẩm đặc thù và một số kiến nghị triển khai.

2. Cơ sở tiếp cận và khung gợi mở

Xuất phát từ thực trạng và tiềm năng đã nêu, tham luận tiếp cận Dinh trấn Thanh Chiêm như một điểm du lịch di sản có khả năng tạo chiều sâu và tăng cường kết nối cho mạng lưới tuyến điểm trong không gian du lịch địa phương. Theo cách tiếp cận này, giá trị của Thanh Chiêm không được xem xét biệt lập, mà được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các điểm đến vệ tinh (không gian làng quê, làng nghề, sông nước, các di tích và không gian văn hóa lân cận) nhằm kiến tạo những hành trình có cấu trúc chặt chẽ và mang một câu chuyện xuyên suốt.

Về mặt khái niệm, tham luận dựa trên hai phạm trù cốt lõi:

- *Liên kết tuyến điểm* được hiểu là quá trình tổ chức các điểm đến thành tuyến tham quan dựa trên tính gần kề về không gian, sự thuận tiện trong di chuyển, và quan trọng nhất là tính liên tục, logic của nội dung trải nghiệm [4].

- *Sản phẩm du lịch đặc thù* được xác định là nhóm trải nghiệm có khả năng tạo khác biệt, phản ánh rõ nét bản sắc địa phương, đồng thời có thể được đóng gói thành các chương trình dịch vụ tương đối ổn định, phù hợp với đặc điểm của các phân khúc khách mục tiêu [8].

Từ cách tiếp cận và quan niệm trên, khung gợi mở cho các đề xuất của tham luận được triển khai theo hai trục chính có quan hệ hỗ trợ:

Thứ nhất, tổ chức liên kết tuyến điểm theo hướng chuyên đề và “mạch kể di sản”, trong đó Thanh Chiêm giữ vai trò là điểm neo nội dung, còn các điểm hỗ trợ có chức năng mở rộng và làm phong phú các lớp trải nghiệm (văn hóa - làng nghề - ẩm thực - sông nước - cảnh quan làng quê).

Thứ hai, phát triển sản phẩm theo định hướng trải nghiệm, tương tác và gia tăng giá trị, chú trọng thiết kế hoạt động, xây dựng kịch bản kể chuyện (storytelling), cùng các điểm dừng và dịch vụ hỗ trợ phù hợp. Mục tiêu là kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng mức chi tiêu và nâng cao mức độ hài lòng của du khách, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc phát triển bền vững.

Các nhận định và đề xuất cụ thể trong phần tiếp theo được hình thành trên cơ sở tổng hợp tư liệu liên quan, khảo sát và đối chiếu với bối cảnh thực tiễn tại địa phương.

3. Nhận diện giá trị và tiềm năng của Dinh trấn Thanh Chiêm trong không gian du lịch địa phương

3.1. Giá trị cốt lõi và bản sắc điểm đến

3.1.1. Giá trị lịch sử - văn hóa

Dinh trấn Thanh Chiêm hội tụ các lớp trầm tích lịch sử - văn hóa đủ sức hình thành một “mạch kể” di sản cho du khách. Giá trị cốt lõi của điểm đến không chỉ nằm ở yếu tố “cổ xưa”, mà ở khả năng kể được câu chuyện có cấu trúc về tiến trình hình thành vùng đất, dấu ấn thiết chế và đời sống cộng đồng qua thời gian. Khi được tổ chức tốt, mạch kể này có thể chuyển hóa thành trải nghiệm theo chủ đề, tạo cảm giác “đi để hiểu” thay vì “đi để đủ điểm”.

3.1.2. Giá trị giáo dục di sản

Một lợi thế nổi bật của Thanh Chiêm là tiềm năng phát triển theo hướng giáo dục di sản. Điểm đến có thể trở thành “lớp học ngoài trời”, nơi tri thức lịch sử - văn hóa được truyền tải bằng trải nghiệm trực tiếp. Các hoạt động phù hợp gồm: kể chuyện theo chủ đề, nhiệm vụ khám phá theo nhóm, phiếu học tập, mô phỏng, nhập vai. Giá trị giáo dục giúp tăng tính bền vững của du lịch di sản vì tạo ra lợi ích xã hội rõ rệt bên cạnh lợi ích kinh tế.

3.1.3. Giá trị không gian (làng quê, sông nước, cảnh quan)

Bên cạnh giá trị lịch sử - văn hóa, Thanh Chiêm còn có lợi thế về bối cảnh không gian: cảnh quan làng quê, sinh hoạt cộng đồng và yếu tố sông nước vùng phụ cận. Đây là nền quan trọng để phát triển trải nghiệm “chậm”, kết hợp nội dung di sản (câu chuyện) với chất liệu trải nghiệm (cảnh quan, đời sống, tương tác), qua đó tăng khả năng giữ chân du khách và gia tăng giá trị chi tiêu tại điểm đến.

3.2. Lợi thế liên kết và thị trường mục tiêu

3.2.1. Vai trò “điểm trung chuyển chiến lược” trong mạng lưới du lịch địa phương

Trong cấu trúc tuyến điểm của không gian đô thị mở rộng (TP Đà Nẵng mới), Dinh trấn Thanh Chiêm cần được định vị như một điểm trung chuyển

chiến lược trên hành lang du lịch Đà Nẵng - Hội An, thay vì chỉ là một điểm ghé thăm. Vai trò này thể hiện qua hai phương diện bổ trợ cốt lõi:

Về mặt nội dung: Thanh Chiêm bổ sung “lớp nghĩa nền” giúp hoàn thiện câu chuyện điểm đến. Nếu Đà Nẵng đại diện cho sự hiện đại, Hội An đại diện cho thương cảng quốc tế, thì Thanh Chiêm là mảnh ghép về tư duy mở cõi và quản lý nhà nước của người Việt. Khi được tổ chức theo mạch kể di sản, Thanh Chiêm giúp du khách hiểu sâu hơn các điều kiện lịch sử hình thành nên sự thịnh vượng của cả vùng, nâng chất lượng trải nghiệm toàn tuyến.

Về mặt vận hành: Thanh Chiêm có khả năng tham gia cơ chế phân luồng - giãn tải. Việc thiết lập Thanh Chiêm như một điểm dừng có cấu trúc (kể chuyện theo kịch bản, tương tác ngắn, ẩm thực địa phương) giúp giảm áp lực tập trung vào phố cổ Hội An ở các khung giờ cao điểm. Đồng thời, đây là “khoảng nghỉ” trong hệ sinh thái du lịch đô thị, góp phần gia tăng tổng thời lượng lưu trú và mức chi tiêu trên hành lang tuyến.

Bên cạnh trục dọc Đà Nẵng - Hội An, Thanh Chiêm còn có lợi thế trở thành giao điểm văn hóa cho tuyến kết nối về phía Tây (Mỹ Sơn). Trong cấu trúc này, hành trình sẽ đi từ trung tâm hành chính Đại Việt (Thanh Chiêm) đến thánh địa tâm linh Champa (Mỹ Sơn), tạo nên sự đối sánh văn hóa đặc sắc, bảo đảm hành trình vừa liền mạch về nội dung vừa hợp lý về lộ trình di chuyển.

3.2.2. Nhóm khách mục tiêu

Trên cơ sở vai trò “trung chuyển chiến lược”, các phân khúc ưu tiên được xác định như sau:

Khách học đường: Đây là nhóm khách có nhu cầu ổn định nhất, phù hợp mô hình “giáo dục di sản”. Cần thiết kế chương trình ngoại khóa định kỳ theo cấp học với mục tiêu học tập cụ thể, học liệu chuẩn hóa và quy trình an toàn để có thể tổ chức lặp lại quy mô lớn (thời lượng 2-3 giờ).

Khách gia đình và cư dân đô thị: Nhóm di chuyển cự ly ngắn, ưu tiên trải nghiệm nhẹ nhàng vào cuối tuần, kết hợp không gian giáo dục cho trẻ và ẩm thực truyền thống. Phù hợp với gói 60-90 phút hoặc nửa ngày, chú trọng các “điểm check-in tri thức” để tăng động lực quay lại.

Khách quốc tế và văn hóa chuyên sâu: Nhóm khách theo tour chuyên đề “Con đường di sản” hoặc du lịch đường sông. Lộ trình gợi ý: Hội An → Thanh Chiêm (nghe câu chuyện mở cõi/chữ Quốc ngữ) → Mỹ Sơn (văn hóa Champa). Nhóm này yêu cầu storytelling tinh gọn, chuẩn xác và dịch vụ vệ sinh, bến bãi đạt chuẩn.

Việc xác định phân khúc theo thứ tự ưu tiên này giúp tránh cách làm dàn trải, tập trung nguồn lực vào thị trường nội đô bền vững trước khi mở rộng sang các thị trường xa hơn.

4. Định hướng liên kết tuyến điểm theo chủ đề và “mạch kẻ” di sản

4.1. Quan điểm và nguyên tắc liên kết tuyến điểm

Liên kết tuyến điểm du lịch được hiểu là quá trình tổ chức, phối hợp, kết nối các điểm đến lân cận hoặc tương đồng dựa trên tài nguyên và điều kiện tiếp cận (đường bộ, đường thủy...), nhằm hình thành một chuỗi trải nghiệm hoàn chỉnh. Mục tiêu của liên kết không chỉ là tăng tính hấp dẫn, mà còn kéo dài thời gian lưu trú, nâng giá trị chi tiêu và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan theo hướng bền vững [2;3].

Với Thanh Chiêm, liên kết cần chuyển từ trạng thái “điểm rời rạc” sang “hành trình có cấu trúc”, trong đó mỗi điểm đến được xác định vai trò rõ ràng và đóng góp vào một mạch trải nghiệm thống nhất.

Trên nền quan điểm đó, thiết kế tuyến cần bám một số nguyên tắc cốt lõi.

Trước hết là nguyên tắc mạch kẻ: tuyến phải có chủ đề xuyên suốt và cấu trúc nội dung rõ ràng; Thanh Chiêm giữ vai trò điểm neo di sản để đặt bối cảnh, còn các điểm liên kết không lặp lại “lỗi câu chuyện” mà bổ sung lớp trải nghiệm (nghề, ẩm thực, sông nước, làng quê...), tạo cảm giác “đi để hiểu” thay vì “đi để đủ điểm”.

Thứ hai là nguyên tắc tối ưu theo thời lượng và nhịp vận hành: tuyến cần đóng gói theo các gói thời gian phù hợp phân khúc (60-90 phút; nửa ngày; một ngày...), và vận hành theo nhịp trải nghiệm điển hình: đón - gọi mở - kẻ/diễn giải - tương tác/thực hành - nghỉ/ẩm thực - kết/ghi nhớ, đồng thời tính đến các điều kiện tối thiểu để tổ chức ổn định (điểm dừng, vệ sinh, thuyết minh, ăn uống...).

Thứ ba là nguyên tắc gần - thuận - đa phương thức, ưu tiên điểm kế cận và khuyến khích kết hợp đường bộ, đường thủy hoặc đi bộ, xe đạp đoạn ngắn để tăng trải nghiệm “chậm” và giảm “thời gian chết”.

Thứ tư là nguyên tắc hỗ trợ - không cạnh tranh: liên kết phải làm tăng giá trị toàn tuyến, tránh trùng lặp câu chuyện hoặc “giành thời lượng” giữa các điểm; mỗi điểm nên được thiết kế như một “chương” khác nhau (đặt bối cảnh - làm dày trải nghiệm - tạo điểm nhấn - kết cảm xúc).

Cuối cùng là nguyên tắc bền vững và chia sẻ lợi ích, gắn thiết kế tuyến với năng lực tiếp nhận, bảo vệ di sản, cảnh quan và ưu tiên tích hợp dịch vụ địa phương để tạo sinh kế và động lực bảo tồn.

Các nguyên tắc này chỉ thực sự hiệu quả khi được chuyển hóa thành một cấu trúc không gian và cơ chế vận hành cụ thể. Vì vậy, phần tiếp theo đề xuất một cấu trúc liên kết để đưa Thanh Chiêm tham gia vào chuỗi giá trị du lịch của thành phố.

4.2. Đề xuất cấu trúc liên kết và hai trục kết nối chiến lược

Để bảo đảm tính linh hoạt, dễ đóng gói theo thời lượng và có thể mở rộng theo giai đoạn, có thể tổ chức mạng lưới điểm đến theo cấu trúc “Thanh Chiêm như nút diễn giải - cụm trải nghiệm gần - các cực hút khách”. Trong cấu trúc này, Thanh Chiêm cùng các điểm văn hóa khác không được đặt như trung tâm hút khách mà như điểm trung chuyển chiến lược/nút điều tiết cùng với các điểm di tích lân cận, tạo thành: nơi kích hoạt câu chuyện nền và định hướng cách “đọc” toàn tuyến. Các điểm ở cự ly gần (Phước Kiều, không gian làng quê, sông nước, ẩm thực bản địa...) đảm nhiệm việc chuyển hóa tri thức thành trải nghiệm cụ thể. Còn các cực hút khách của thành phố như khu vực Đà Nẵng trung tâm, Hội An, và nhánh mở rộng về phía Tây (Mỹ Sơn) đóng vai trò tạo lực kéo thị trường và hỗ trợ phân luồng.

Trên nền cấu trúc đó, hai trục liên kết có thể triển khai và tạo hiệu ứng rõ là trục đường bộ và trục đường thủy. Với trục đường bộ, tuyến Đà Nẵng - Thanh Chiêm/Phước Kiều - Hội An phù hợp để kể “dòng chảy mở cõi”: từ không gian đô thị biển đến điểm đặt bối cảnh (Thanh Chiêm), rồi kết ở không gian di sản thương cảng (Hội An). Nhịp vận hành được tổ chức theo hướng: mở chủ đề và đặt bối cảnh tại Thanh Chiêm, chuyển sang “chạm nghề” ở Phước Kiều, sau đó kết bằng một điểm nghỉ/ẩm thực và “điểm ghi nhớ” trước khi tiếp tục sang Hội An. Với trục đường thủy, tuyến Thu Bồn - Phú Triêm tạo khác biệt bằng trải nghiệm “chạm”: du ngoạn sông như một phần của câu chuyện. Cập bến Thanh Chiêm để nghe kể, đối chiếu tư liệu, tương tác, rồi mở rộng sang làng ven sông (như Triêm Tây) để làm dày lớp đời sống. Tuyến này chỉ khả thi khi đáp ứng điều kiện tối thiểu về bến cập an toàn, phương tiện và quy trình an toàn, lịch chạy ổn định và kịch bản diễn giải tại điểm cập bến.

4.3. Gợi ý các tuyến mẫu theo thời lượng và nhóm khách mục tiêu

Trên cơ sở cấu trúc và hai trục kết nối trên, các tuyến có thể thiết kế như những kịch bản hành trình gọn, rõ nhịp và dễ bán theo thời lượng.

Tuyến ngắn hai đến ba giờ, định vị Thanh Chiêm như “trạm neo câu chuyện”: đón và gợi mở chủ đề, tham quan, kể chuyện theo các điểm dừng chính, tiếp đến là một tương tác ngắn (QR/sa bàn/nhiệm vụ khám phá) để tạo cảm giác tham gia, và kết thúc bằng một “điểm ghi nhớ” (postcard/bur

thiếp/tem dấu hoặc ảnh concept tôi giản). Tuyến này phù hợp khách văn hóa thời gian hạn chế, đoàn nhỏ và học sinh, sinh viên.

Tuyến nửa ngày đường bộ theo logic “di sản - nghề - vị bản địa”: giúp trải nghiệm có chuyên động tự nhiên: bắt đầu bằng câu chuyện nền tại Thanh Chiêm, sau đó chuyển đến Phước Kiều để quan sát và tham gia một công đoạn phù hợp theo dạng micro-workshop (45-60 phút), rồi kết lại bằng ẩm thực bản địa; nếu điều kiện cho phép, có thể thêm một điểm mua sắm sản phẩm thủ công nhỏ gọn gắn với câu chuyện vừa trải nghiệm. Tuyến này phù hợp khách gia đình, nhóm bạn và khách lưu trú dài ngày.

Tuyến nửa ngày/hoàng hôn đường thủy phát huy lợi thế sông nước và “nhịp chầm”: du ngoạn trên sông, cập bến Thanh Chiêm để nghe kể chuyện và tương tác, tiếp tục đến một làng ven sông để trải nghiệm đời sống thường nhật, và kết bằng bữa nhẹ trong khung cảnh hoàng hôn. Đây là tuyến phù hợp khách quốc tế và nhóm khách ưa trải nghiệm xanh, với yêu cầu vận hành an toàn và lịch trình ổn định.

Tuyến một ngày kết nối Đà Nẵng - Thanh Chiêm - Hội An (mở rộng nhánh Mỹ Sơn khi phù hợp) giúp kể câu chuyện tương đối trọn vẹn về hình thành và phát triển của vùng: các điểm hút khách tạo lực kéo, Thanh Chiêm là điểm dừng chiều sâu để “hiểu nền”, còn sản phẩm nghề/ẩm thực tạo nhịp chuyên hóa trước khi sang cực di sản tiếp theo. Thách thức của tuyến là phân bổ thời lượng để Thanh Chiêm không bị biến thành “điểm ghé”; vì vậy, kịch bản thuyết minh xuyên suốt và lựa chọn sản phẩm vừa đủ là yếu tố quyết định.

Cuối cùng, tuyến giáo dục di sản được thiết kế như một buổi học thực địa: học sinh, sinh viên học theo phiếu nhiệm vụ qua 2 - 3 điểm dừng trọng tâm, mỗi điểm có hoạt động tương tác hoặc nhập vai ngắn và kết thúc bằng phần tổng kết/thuyết trình để chuyển trải nghiệm thành tri thức. Để triển khai ổn định, tuyến này cần bộ học liệu theo cấp học, quy trình quản lý đoàn an toàn và phương án dự phòng thời tiết.

5. Đề xuất hệ sản phẩm du lịch đặc thù gắn với Dinh trấn Thanh Chiêm

5.1. Định vị và nguyên tắc thiết kế hệ sản phẩm:

Trong bối cảnh cạnh tranh điểm đến ngày càng gay gắt, sản phẩm du lịch đặc thù có thể hiểu là những trải nghiệm độc đáo, nguyên bản, mang đậm dấu ấn văn hóa hoặc thiên nhiên riêng của một địa phương, vùng miền và không dễ bị sao chép. Chính tính nguyên bản này tạo nên sức hấp dẫn và lợi thế cạnh tranh, đồng thời đóng vai trò như một “thương hiệu chiến lược” giúp điểm đến được định vị rõ ràng so với các địa bàn khác [5-6].

Về bản chất, sản phẩm du lịch đặc thù thường hội tụ bốn điểm cốt lõi. Thứ nhất là tính độc đáo và bản sắc, hình thành từ tài nguyên nguyên bản (lịch sử, văn hóa, thiên nhiên) có tính đại diện cao cho vùng. Thứ hai là trải nghiệm có chiều sâu, được thiết kế để tạo ấn tượng khó quên, đồng thời mang ý nghĩa giáo dục và hướng đến bền vững. Thứ ba là giá trị thương hiệu và cạnh tranh, tức sản phẩm đủ khác biệt để trở thành “hình ảnh nhận diện” của điểm đến. Thứ tư là tác động, thể hiện ở khả năng thu hút nhóm khách mục tiêu phù hợp, tạo hiệu quả kinh tế và đóng góp vào phát triển chung của địa phương.

Từ khung quan niệm này, hệ sản phẩm gắn với Dinh trấn Thanh Chiêm cần được thiết kế như các sản phẩm trải nghiệm có thể lắp ghép linh hoạt vào các tuyến đường bộ/đường thủy đã gợi mở ở mục 4. Theo đó, tính đặc thù của Thanh Chiêm cần được thể hiện thông qua: cốt truyện rõ ràng (đến để hiểu điều gì), hành động tham gia (đến để làm gì, không chỉ để nghe), và dấu ấn ghi nhớ (đến để nhớ và kể lại). Đây là nền tảng để đề xuất các nhóm sản phẩm cụ thể trong các tiểu mục tiếp theo.

5.2. Nhóm sản phẩm “signature” tại lõi Thanh Chiêm: đến để hiểu - tham gia - ghi nhớ

Trọng tâm trước hết là sản phẩm kể chuyện di sản theo kịch bản thay cho hình thức thuyết minh liệt kê, đây là phần tạo bản sắc và quyết định Thanh Chiêm có trở thành “điểm dừng chiều sâu” hay không. Kịch bản được tổ chức theo cấu trúc có mở - thắt - kết, trong đó mỗi điểm dừng là một lớp nội dung phục vụ mạch kể xuyên suốt. Điểm khác biệt của sản phẩm không nằm ở việc nói nhiều tư liệu, mà ở cách dẫn dắt để du khách “đọc được” không gian và tự hình thành liên kết ý nghĩa giữa các lớp di sản.

Song song với kể chuyện, cần thiết kế một lớp tương tác ngắn để biến tri thức thành hành động: nhiệm vụ khám phá theo nhóm, đối chiếu tư liệu minh họa/sa bàn, hoặc quét QR để nghe đoạn dẫn chuyện súc tích. Ngoài ra, có thể tổ chức thêm các workshop trải nghiệm: “Khắc mộc bản chữ Quốc ngữ cổ”, hoặc “Lớp học vỡ lòng: Viết thư pháp chữ Việt trên nền giấy dó”. Những tương tác này phải “nhỏ nhưng chắc”: dễ tổ chức, an toàn, có thể lặp lại, và đủ tạo cảm giác tham gia thực sự thay vì chỉ đứng nghe. Cuối cùng, trải nghiệm cần khép lại bằng một “điểm ghi nhớ” có chủ đích (postcard/bưu thiếp câu chuyện, dấu lưu niệm, ảnh concept tối giản), nhằm tạo dư âm và khuyến khích du khách chia sẻ câu chuyện Thanh Chiêm sau chuyến đi.

5.3. Nhóm sản phẩm chuyển hóa từ vệ tinh: chậm nghề - chậm vị - chậm đời sống

Nếu nhóm sản phẩm lõi tạo “cốt truyện”, thì nhóm sản phẩm vệ tinh có nhiệm vụ chuyên hóa cốt truyện thành trải nghiệm đa giác quan và lợi ích kinh tế lan tỏa cho cộng đồng. Trước hết là sản phẩm trải nghiệm nghề Phước Kiều theo dạng micro-workshop. Workshop không cần dài, nhưng phải được tổ chức bài bản (45-60 phút), an toàn, có phần tham gia phù hợp và có sản phẩm mang về. Quan trọng hơn, workshop phải nằm trong mạch kể: nghề truyền thống được diễn giải như “ký ức sống” của vùng, góp phần làm dày bản sắc và tạo sinh kế gắn với di sản.

Cùng với nghề là sản phẩm ẩm thực có câu chuyện. Thay vì dừng ở ăn uống thông thường, mỗi món ăn nên được gắn với một bản sắc văn hóa (nguồn gốc, tập quán, lối sống), trình bày gọn nhưng đủ gợi để du khách thấy mình đang thưởng thức một phần bản sắc địa phương. Bên cạnh đó, sản phẩm trải nghiệm làng quê - bến nước theo hướng “slow micro-walk” (đi bộ ngắn 15-20 phút với vài điểm dừng quan sát cảnh quan, đời sống) là lựa chọn phù hợp để tăng “chất địa phương” mà không gây áp lực lên di tích.

5.4. Nhóm sản phẩm theo trục sông nước: tạo khác biệt bằng trải nghiệm “chậm”

Trên trục đường thủy, lợi thế cạnh tranh không nằm ở việc “đi thuyền ngắm cảnh” vốn đã phổ biến, mà nằm ở khả năng biến hành trình đường sông thành một phần của câu chuyện. Trên hành trình có thể lồng ghép các hoạt động văn nghệ dân gian, ẩm thực để tăng tính trải nghiệm cho du khách. Thêm vào đó, sản phẩm “cập bến Thanh Chiêm” có thể được thiết kế như một trải nghiệm: trước khi lên bờ, du khách nghe đoạn dẫn chuyện ngắn về dòng sông như hành lang ký ức, nhận một dấu mốc hành trình (thẻ/tem/dấu), rồi bước vào tour lõi với tâm thế đang “đi vào bối cảnh”. Trên nền sản phẩm này, có thể phát triển gói trải nghiệm hoàng hôn nửa ngày theo hướng xanh và chậm, phù hợp khách quốc tế và nhóm khách ưa trải nghiệm khác biệt.

5.5. Nhóm sản phẩm ký ức và nhận diện: để Thanh Chiêm “được nhớ - được kể”

Một thách thức của du lịch di sản là cảm giác “đi rồi quên” nếu thiếu vật chứng và biểu tượng nhận diện. Do đó, cần phát triển nhóm sản phẩm ký ức nhỏ gọn nhưng có câu chuyện (postcard, stamp, bookmark, mini-map “mạch kể”, sản phẩm thủ công kích thước nhỏ...), đồng thời thống nhất nhận diện về biểu tượng và thông điệp ngắn. Nhóm sản phẩm này vừa gia tăng nguồn thu bổ trợ, vừa tạo

lan tỏa truyền thông tự nhiên, giúp Thanh Chiêm xây dựng vị thế trong tâm trí du khách.

5.6. Đóng gói sản phẩm thành gói dịch vụ: dễ để bán, dễ vận hành

Từ các sản phẩm trên, hệ sản phẩm cần được đóng gói thành các gói thời lượng rõ ràng để doanh nghiệp dễ dàng đưa vào chương trình và địa phương dễ chuẩn hóa vận hành. Theo đó có thể hình thành: gói 2 đến 3h tại lõi (kể chuyện + tương tác + ghi nhớ); gói nửa ngày đường bộ (kể chuyện + workshop nghề + ẩm thực); gói nửa ngày/hoàng hôn đường thủy (du ngoạn + trải nghiệm cập bến + tour lõi rút gọn + trải nghiệm ven sông); và gói một ngày liên hoàn kết nối hành lang tour lớn, trong đó Thanh Chiêm đóng vai điểm dừng chiều sâu và lựa chọn một đến hai sản phẩm vệ tinh để tăng tính đa dạng.

6. Kiến nghị triển khai: tiếp cận theo logic chuỗi giá trị

Các định hướng liên kết tuyến điểm (mục 4) và hệ sản phẩm đặc thù (mục 5) chỉ trở thành kết quả thực tiễn khi được đặt trong một cơ chế triển khai có cấu trúc, có sự tham gia của các bên liên quan và có thể đo lường được hiệu quả. Với Thanh Chiêm, tham luận đề xuất hướng triển khai theo mô hình chuỗi giá trị du lịch cộng đồng vì bản chất sản phẩm không nằm riêng ở di tích, mà nằm ở trải nghiệm do cộng đồng đồng kiến tạo (kể chuyện, nghề, ẩm thực, đời sống, dịch vụ). Các trọng tâm của chuỗi giá trị gồm: chuẩn bị, vận hành và đo lường đầu ra (xem phụ lục).

6.1. Chuẩn hóa “đầu vào” ở giai đoạn chuẩn bị

Trước hết cần đánh giá tài nguyên một cách có tiêu chí, tránh tình trạng “có gì làm nấy” dẫn đến sản phẩm đơn điệu và trùng lặp. Việc đánh giá không dừng ở liệt kê di tích hay sự kiện mà phải trả lời: tài nguyên nào đủ độc đáo để làm điểm nhấn, tài nguyên nào phù hợp trải nghiệm tham gia, mức độ tiếp cận ra sao, năng lực khai thác đến đâu và giá trị bảo tồn thế nào. Đầu ra quan trọng của bước này là bản đồ tài nguyên và bản đồ nội dung phục vụ diễn giải: tuyến chuyện chính, lớp chuyện hỗ trợ, các điểm dừng then chốt và những “điểm tương tác” có thể lặp lại ổn định.

Song hành với tài nguyên là thiết kế cấu trúc chủ thể ngay từ khâu lập kế hoạch. Cần xác định rõ vai trò của các bên tham gia: chính quyền hỗ trợ thể chế, đảm bảo an ninh an toàn và cơ sở hạ tầng du lịch; cộng đồng là chủ thể cung ứng trải nghiệm; doanh nghiệp lữ hành là đơn vị kết nối các dòng khách; cơ sở giáo dục tạo dòng khách ổn định cho mảng học đường và có các chuyên gia, nhà khoa học tham gia hỗ trợ thực hiện các nội dung của chuỗi. Các bên liên quan

cần có sự hợp tác chặt chẽ và có sự đồng thuận trong triển khai để tạo được tính đồng bộ cho sản phẩm du lịch [1].

Cuối cùng, “đầu vào” của mô hình không thể thiếu nhận thức và năng lực cộng đồng. Trọng tâm không chỉ là đào tạo kỹ năng, mà là giúp cộng đồng làm được sản phẩm và hiểu rõ trách nhiệm với di sản, môi trường, xã hội. Các chương trình nâng năng lực có lộ trình (đón tiếp, vệ sinh, an toàn, thuyết minh tại điểm, tổ chức hoạt động trải nghiệm, vận hành dịch vụ và truyền thông cơ bản) là cơ sở để vận hành các tuyến du lịch.

6.2. Tổ chức vận hành du lịch theo một khung điều phối chung

Ở bước này, hoạt động du lịch cần được vận hành như một chuỗi giá trị thống nhất, trong đó các cấu phần phải liên kết và chạy theo cùng một khung điều phối.

Trước hết là khách du lịch: cần xác định rõ cách đón khách theo khung giờ, điểm vào, điểm ra, nhịp trải nghiệm và cách thu nhận phản hồi ngay tại chỗ, nhằm bảo đảm trải nghiệm diễn ra thuận lợi, không quá tải.

Tiếp theo là doanh nghiệp lữ hành và các tổ chức trung gian, đây là mắt xích bảo đảm truyền thông và phân phối sản phẩm. Địa phương cần làm việc theo cơ chế “cùng thiết kế, cùng thử nghiệm, cùng chuẩn hóa”: chạy tour mẫu, thống nhất gói dịch vụ để bán, chuẩn hóa thông tin bán hàng (đối tượng phù hợp, thời lượng, điều kiện vận hành, điểm khác biệt) và thống nhất quy trình đặt dịch vụ. Khi kênh phân phối vận hành ổn định, dòng khách mới đều và sản phẩm mới có đời sống dài hạn.

Cùng lúc, phải bảo đảm phương tiện di chuyển và hạ tầng để kết nối giữa các điểm trong cụm. Ở mức tối thiểu cần rõ điểm đón, trả khách, chỉ dẫn, vệ sinh, điểm nghỉ chân và không gian điểm đến. Nếu có tuyến sông thì bắt buộc có bến cập an toàn, quy trình an toàn và lịch vận hành ổn định. Đây là điều kiện nền để doanh nghiệp tin tưởng và để hoạt động có thể tổ chức lặp lại.

Đầu mối giữ mạch của toàn bộ hệ thống là Ban quản lý (BQL), Điều phối cộng đồng hoặc một mô hình tương đương (Hợp tác xã du lịch). BQL chịu trách nhiệm điều phối lịch đón khách, phân công nhân sự, kiểm soát chất lượng, xử lý tình huống, tiếp nhận phản hồi và đặc biệt là phân phối lợi ích minh bạch trong cộng đồng. Nếu không có BQL, hoạt động dễ rơi vào phân tán, chất lượng thiếu đồng đều và lợi ích khó công bằng, đây là điểm nghẽn phổ biến của du lịch có cộng đồng tham gia.

Trên nền các mắt xích trên, hệ thống cần vận hành một chuỗi hoạt động và trải nghiệm được thiết kế theo hướng hấp dẫn, có tính giáo dục và có sáng tạo,

đồng thời phù hợp sức chịu tải và năng lực tổ chức của cộng đồng. Quan trọng là sản phẩm phải có “chuẩn tối thiểu” để ai thực hiện cũng đạt chất lượng, nhưng vẫn có không gian linh hoạt để cá nhân hóa theo nhóm khách.

Toàn bộ các câu phân (khách - doanh nghiệp trung gian - hạ tầng/di chuyên - BQL - hoạt động trải nghiệm) phải được đặt trong một khung điều phối chung, có giám sát định kỳ, thu nhận phản hồi khách thường xuyên và cơ chế cập nhật sản phẩm theo xu hướng thị trường.

6.3. Đầu ra bền vững và cơ chế đo lường, phản hồi

Đầu ra của du lịch cần được nhìn trong ba trục bền vững. Về kinh tế, mục tiêu là tạo sinh kế tại chỗ và tăng chi tiêu nội vùng nhờ chuỗi dịch vụ. Về xã hội, mục tiêu là nâng năng lực nội sinh, tăng niềm tự hào và tạo được sản phẩm học đường. Về môi trường, mục tiêu là kiểm soát sức chứa, giảm tác động lên di tích, cảnh quan và duy trì chất lượng không gian điếm đến.

Để bảo đảm tính bền vững thực chất, cần một bộ chỉ báo tối thiểu và cơ chế phản hồi định kỳ, tập trung vào: mức hài lòng của khách; thời lượng trải nghiệm, chi tiêu; số hộ tham gia và mức độ hưởng lợi; tỷ lệ khách quay lại hoặc giới thiệu; tuân thủ an toàn (đặc biệt tuyến sông); và dấu hiệu tác động lên di tích, cảnh quan. Trên cơ sở dữ liệu đó, đầu mối điều phối điều chỉnh kịch bản, thời lượng, nhịp vận hành theo mùa và phương án phân luồng, đồng thời thiết lập cơ chế tái đầu tư một phần nguồn thu cho duy tu, bảo tồn, nâng chất dịch vụ để hệ thống vận hành bền vững.

7. Kết luận

Dinh trấn Thanh Chiêm có tiềm năng trở thành một “điểm dừng chiều sâu” của du lịch thành phố Đà Nẵng nếu được đặt đúng vai trò trong cấu trúc tuyến điểm và được phát triển bằng các trải nghiệm có bản sắc. Tham luận gợi mở định hướng liên kết theo “mạch kẻ” di sản, trong đó cụm di tích Thanh Chiêm được định vị như nút diễn giải trên hành lang Đà Nẵng - Hội An (mở nhánh về phía Tây khi phù hợp), kết nối với cụm trải nghiệm cự ly gần (nghề Phước Kiều, ẩm thực bản địa, làng quê - sông nước) và hai trục triển khai có tính khả thi là đường bộ và đường thủy, nhằm bổ trợ nội dung, phân luồng và làm giàu chuỗi trải nghiệm vùng.

Trên nền đó, hệ sản phẩm được đề xuất theo hướng “sản phẩm hóa trải nghiệm”: Thanh Chiêm đảm nhiệm lớp kể chuyện, tương tác để đặt bối cảnh mở cõi và dấu ấn tri thức (chữ Quốc ngữ), còn các điểm lân cận đảm nhiệm phần chuyển hóa thành trải nghiệm đa giác quan qua nghề, vị, đời sống và sản phẩm ký ức. Để triển khai hiệu quả và bền vững, cần tổ chức theo logic chuỗi giá trị,

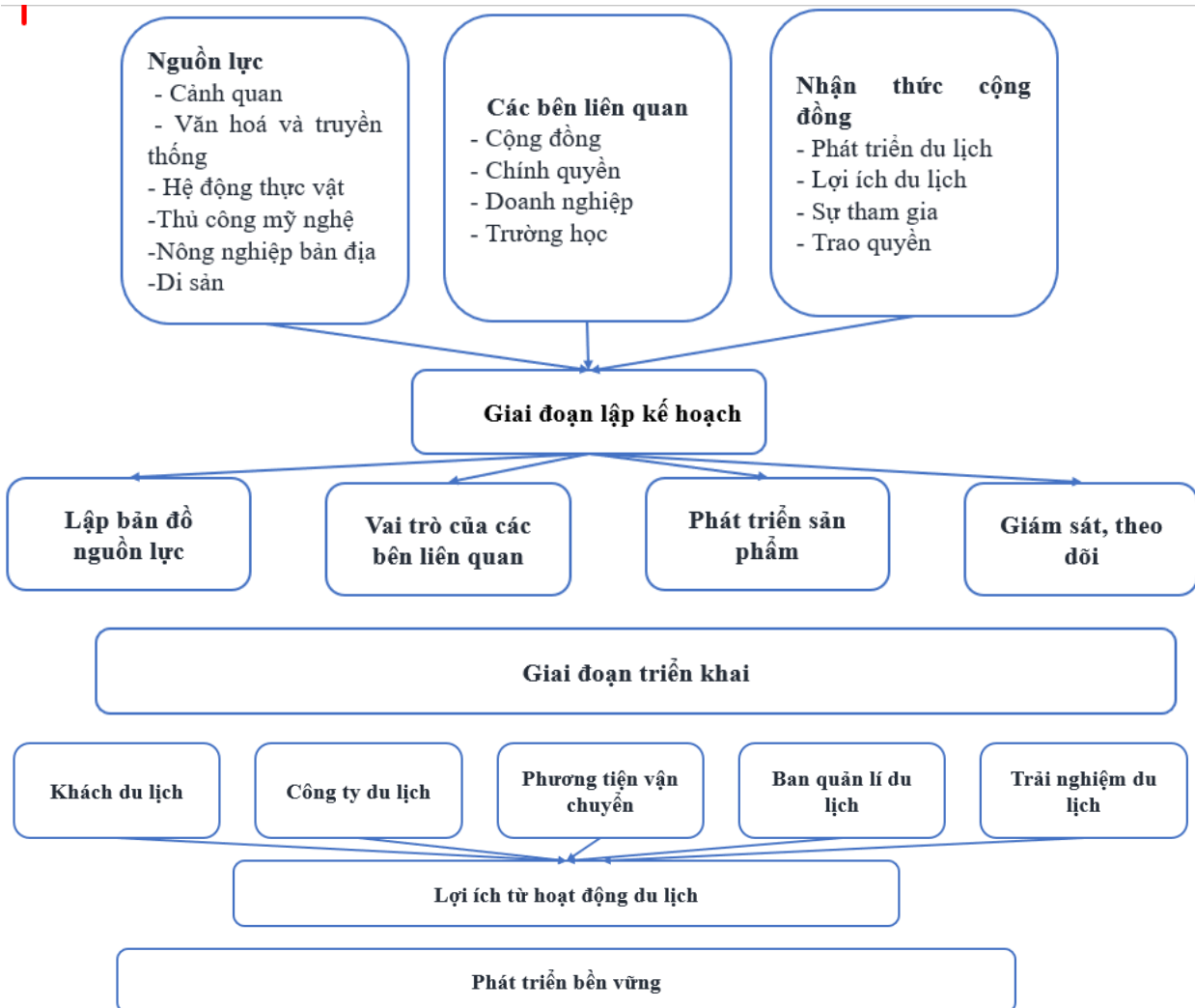
ưu tiên một đầu mỗi điều phối cộng đồng, chuẩn hóa điều kiện vận hành tối thiểu và thiết lập kênh kết nối với doanh nghiệp lữ hành. Cách tiếp cận này giúp Thanh Chiêm không cạnh tranh với các cực hút khách, mà trở thành “lớp nghĩa nền” làm tăng chất lượng trải nghiệm toàn tuyến, đồng thời tạo sinh kế cộng đồng và góp phần bảo tồn di sản.

Tài liệu tham khảo

1. Bichler, B. F., & Lösch, M. (2019). Collaborative governance in tourism: Empirical insights into a destination in South Tyrol, Italy. *Sustainability*, 11(23), 6673. <https://doi.org/10.3390/su11236673>
2. Giang Nam (2025), Liên kết du lịch vì phát triển bền vững, *Nhân Dân*, Truy cập 20/1, 2026, from <https://nhandan.vn/lien-ket-du-lich-vi-phat-trien-ben-vung-post884905.html>.
3. Nguyễn, T. Q. H. (2020), Sự khác biệt cơ bản giữa du lịch liên kết điểm đến và điểm đến du lịch liên kết, *Tap chí Công Thương*, Truy cập 20/1, 2026, from <https://tapchicongthuong.vn/su-khac-biet-co-ban-giua-du-lich-lien-ket-diem-den--va-diem-den-du-lich-lien-ket-72835.htm>.
<https://doi.org/10.1108/JCHMSD-10-2020-0148>.
4. Quốc hội (2017), *Luật Du lịch* (Số 09/2017/QH14), Hà Nội, Việt Nam.
5. Reinhold, S., Beritelli, P., Fyall, A., Choi, H.-S. C., Laesser, C., & Joppe, M. (2023), State-of-the-art review on destination marketing and destination management, *Tourism and Hospitality*, 4(4), 584–603. <https://doi.org/10.3390/tourhosp4040036>.
6. Snis, U. L., Olsson, A. K., & Bernhard, I (2021), Becoming a smart old town - How to manage stakeholder collaboration and cultural heritage, *Journal of Cultural Heritage Management and Sustainable Development*, 11(4), 627–641.
7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam (2017), *Lý lịch di tích Dinh trấn Thanh Chiêm* [Hồ sơ di tích quốc gia]. Quảng Nam, Việt Nam.
8. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*, Hà Nội, Vietnam.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2016), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ*, Quảng Nam, Việt Nam.

PHỤ LỤC

Mô hình chuỗi giá trị gắn với du lịch ở Dinh trấn Thanh Chiêm



KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
THAM VẤN GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ
DI TÍCH DINH TRẦN THANH CHIÊM, PHƯỜNG ĐIỆN BÀN,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Ông Hà Vỹ -

Phó Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Bà Hoàng Thị Bích Hạnh

Giám đốc Ban Quản lý Di tích và Danh thắng thành phố Đà Nẵng

In 150 cuốn, khổ 21 x 29,7 cm tại Công ty TNHH In Trùng Khoa

Giấy phép xuất bản số 135/GP-SVHTTDL do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2026

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2026.